NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

MƯỜI TẬP

IX

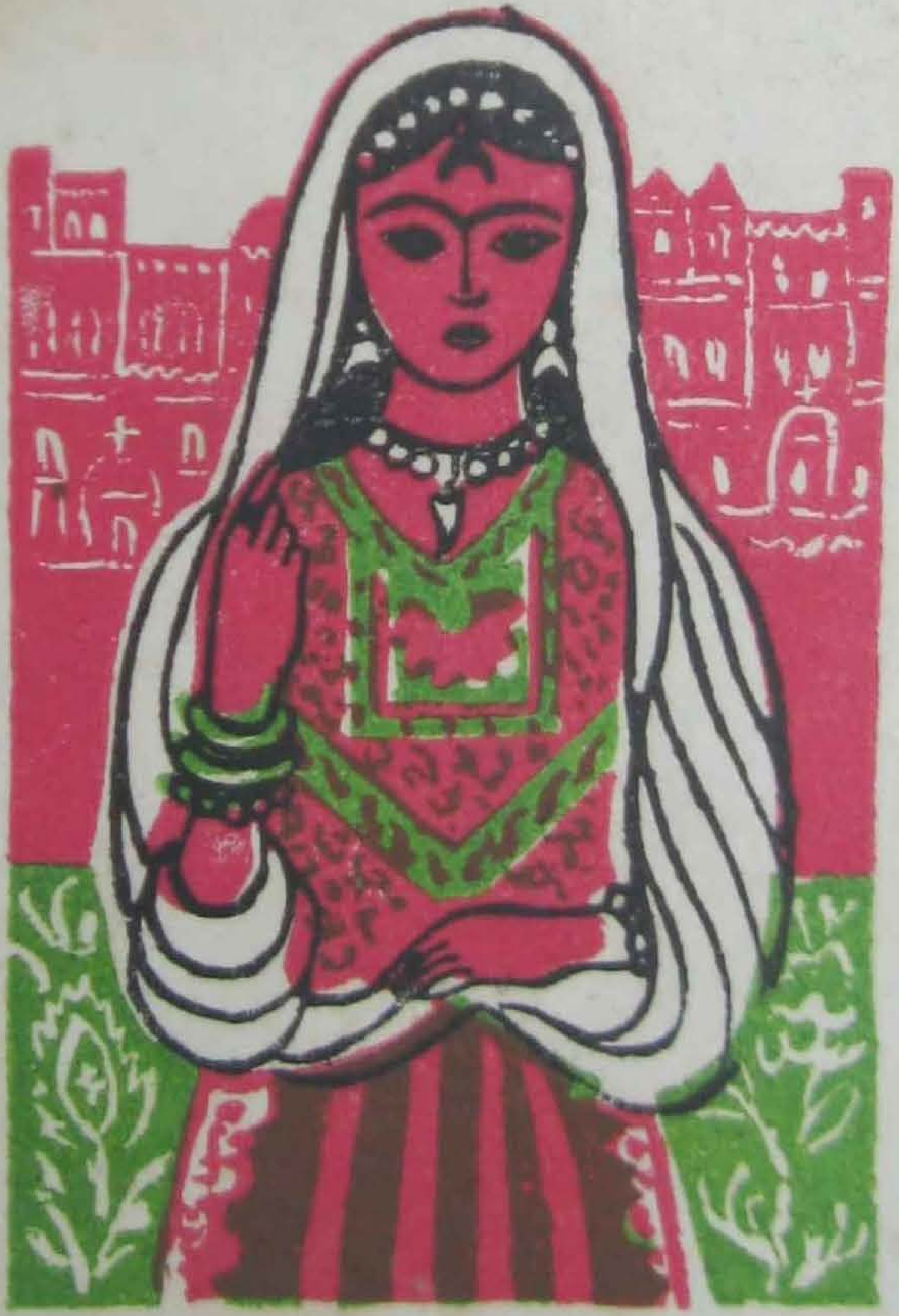

vh

VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI

● VĂN HỌC ẢRẬP

Nghìn lẻ một đêm

TRUYỆN KỂ

(Mười tập)

IX

NGUYỄN TRÁC dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà Nội – 1988

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp
MILLE NUITS ET UNE NUIT
của Dr.J.C. MARDRUS
Nhà xuất bản Charpentier et Fasquelle
Paris 1925.

Truyện chàng Kama và nàng Halima thông thạo

I

Ngày xửa ngày xưa có một thương gia tên là Apđen Ramân. Nhờ đức Ala rộng lượng, ông có được hai con, một trai, một gái. Ông gọi con gái là Sao Mai vì cô đẹp hoàn hảo, gọi con trai là Kama, tức «mặt trăng rằm». Hai trẻ càng lớn càng xinh, ông sợ kẻ ghét ghen, sợ bọn hư đốn nên giữ chịt hai con trong nhà. Chỉ trừ mụ nô lệ già trông nom nuôi nấng, còn không ai được thấy mặt đôi trẻ, cho đến khi Kama lên mười bốn tuổi.

Một hôm, ông có vẻ dễ tính, trái với lệ thường, thì bà vợ lên tiếng :

— Này ông! Thằng Kama nhà ta đến tuổi lấy vợ rồi đấy, có thể coi nó như một người lớn! Không hiểu ông nghĩ sao, mà cư xử với nó như vậy. Nó là gái hay trai nào, ông nói tôi nghe.

Ông hết sức ngạc nhiên :

— Là trai!

Thế thì tại sao ông cứ nhốt kín nó trong nhà như một đứa con gái, không cho ai nhìn thấy vậy? Tại sao ông không cho nó ra khu chợ, ngồi trong cửa hiệu cạnh ông, cho nó biết thiên hạ và cho thiên hạ biết

nó mà hiểu rằng ông cũng có một đứa con trai khả dĩ nối được nghiệp mà buôn mà bán. Ông nhiều tuổi rồi (cầu đức Ala cho ông sống mãi) mà không ai biết ông cũng có đứa con thừa kế. Sau này nó có nói «Tôi là con của thương gia Apđen Ramân đây», người ta cũng không tin. Người ta sẽ phẫn nộ, ngây ngô, nhưng có lý:

«Nào chúng tao có thấy mày bao giờ! Và chúng tao cũng chưa từng nghe nói thương gia Apđen Ramân có để lại một đứa con trai con triếc nào đâu» và thế là, ôi tai họa! Triều đình sẽ lấy hết tài sản của con ông.

Bà nói hăng lắm.

— Còn con Sao Mai nữa, bà tiếp, tôi cũng muốn cho người quen thuộc biết, mong có một bà mẹ nào môn đăng hộ đối hỏi cho, cho con trai bà ta để chúng mình có niềm vui dự tiệc cưới của con. Đời là thế, ông ạ, sống rồi phải chết, ai biết ngày nào.

Nghe vợ nói, ông Ramân suy nghĩ hồi lâu, rồi ngẩng đầu đáp:

— Đúng thế, bà nó ạ. Không ai thoát khỏi số phận đã buộc vào cổ mình. Nhưng tôi phải giữ chúng vì sợ con mắt chẳng lành. Thế là khôn ngoan và cẩn trọng, sao bà lại trách?

— Ma quỉ tránh ra! Hãy cầu đức Sứ giả, ông ạ!

— Mong đức Ala phù hộ Ngài cùng gia quyến. Còn bây giờ ông hãy tin ở đức Ala. Người sẽ chở che cho con cái chúng mình khỏi ảnh hưởng xấu xa của con mắt dữ. Đây là chiếc khăn bằng lụa môtxun trắng tôi may cho thằng Kama. Trong nếp khăn, tôi đã khâu

cái ống bạc đựng cuộn kinh thánh chống được mọi bùa ngải. Bây giờ ông có thể bình tâm dẫn Kama đến thăm khu chợ mà chỉ cho nó thấy ngôi hàng của bố.

Rồi không cần biết ông có thuận hay không, bà chạy đi gọi con. Bà đã mặc cho nó những áo quần đẹp nhất. Bà dẫn nó đến. Nhìn thấy con, ông thấy ộng như mở cờ trong bụng:

– Lạy chúa! ông nói ya Kama! cầu đức Ala phù hộ cho con!

Ông đứng dậy, cầm tay dắt con đi ra. Được mấy bước, hai bố con bị người qua lại quây lấy. Họ thấy chú bé đẹp quá, mê hồn, dừng chân cả lại. Đến cổng chợ quang cảnh lại tưng bừng hơn. Người đến chợ. thôi không đi đi lại lại nữa. Kẻ thì chào ông bố để hôn tay Kama, người thì reo lên: «ya Ala! Sáng nay, mặt trời lại mọc lần nữa, Vành trăng tươi non hôm nay hiện nơi khu chợ, sáng trên đầu chúng sinh của Chúa! «Say sưa, họ kêu lên như thế khắp nơi. chen nhau quanh chú bé mà chúc tụng. Ông bố vừa cảm động vừa bực mình: ông xẵng giọng, kêu gọi họ giải đáp. Nào họ có nghe! Họ mải chiêm ngưỡng làm nhan sắc kỳ diệu vào khu chợ ngày may mắn hôm nay! Thật đúng như ý trong những vần thơ sau:

Lạy chúa! Người đã tạo nên Nhan sắc để làm mất trí chúng con, Người bảo chúng con: « Liệu, không ta phạt đấy! »

Chúa hỡi, Người là nguồn của mọi vẻ đẹp, và cái gì đẹp thì Người yêu! Làm sao chúng sinh của Người có thể không yêu cái đẹp hoặc dửng dưng trước vẻ mỹ miều?

Ông Ramân như thế là bị nam, nữ ngang dọc vây kín, đứng đực ra mà ngắm nghía đứa con. Ông thấy

khó xử quá, buộc cho vợ phải chịu trách nhiệm về những nỗi bực dọc của ông, thầm rủa bà bằng những lời tục tằn mà ông muốn dùng ném vào mặt bọn quấy cẩy kia. Cuối cùng ông xô họ ra, lách đưa Kama vào cửa hiệu, cho ngồi sâu vào phía trong, để kẻ qua đường ít quấy rầy được. Nhưng cả chợ đã tụ tập tại đây. Người chiêm ngưỡng ngày một đông thêm. Kẻ đã thấy muốn nhìn lâu nữa. Kẻ chưa thấy, muốn nhìn thấy một chút gì.

Bỗng một giáo sĩ đi tới. Ông thấy chàng Kama xinh đẹp ngồi cạnh cha, thì mắt sáng lên, ngơ ngẩn. Ông thở dài, và bằng một giọng hết sức xúc động, đọc đoạn thơ :

Ta thấy cành bàn đung đưa trên thân cây safrân, long lanh ánh trăng tháng Ramadân.

Ta hỏi : Tên cô là gì ? Cô đáp : – « Là Ngọc ». Ta kêu : « Ngọc của ta ! của ta ! ! » Cô nói : « Ô ! Không! Không ! »

Xong rồi, người giáo sĩ già vừa vê vê chùm râu dài trắng vừa tiến lại gần cửa hiệu. Người đứng xem, tỏ lòng kính nể, đứng dãn ra để ông đi.

Giáo sĩ mắt thấm lệ nhìn chú bé, tặng chú một cành húng quế mềm, rồi ngồi xuống chiếc ghế dài kê ở đấy, chỗ gần chú bé nhất. Nhìn ông khi đó, người ta có thể nghĩ tới mấy câu sau của nhà thơ :

Chú bé mặt đẹp ngồi tại chỗ, đẹp như trăng hiện đến với những kẻ ăn chay tháng Ramađân,

Thì, thấy không, một vị lão trượng vẻ khổ hạnh, đáng kính tiến lên.

Ông suy ngẫm kỹ càng về tình ái, một đêm ngày, và đã có được một sự hiểu biết đặc biệt về những điều hợp pháp cùng bất hợp pháp.

Ông chăm trông bọn trẻ cả trai lẫn gái. Bọn họ đã làm ông gầy tọp hơn cả que tăm, chỉ còn là nắm xương già dưới làn da khô mỏng.

Ông già kẻ gian như một gã Magrepbanh lúc nào cũng có một chàng trai xinh đẹp theo sau :

Bọn người chen chúc trước cửa hiệu thấy ông già ngẩn ngơ say đắm thì xì xào với nhau : « U-a-ala » ! Bọn giáo sĩ giống nhau tuốt ! Họ như con dao của gã buôn liên vu, không muốn phân biệt đực cái ». Có kẻ kêu lên : « Đồ quỉ ! Giáo sĩ đắm say chú bé. Cầu Chúa làm cho bọn như lão phải hổ thẹn ! »

Ông Ramân thấy cảnh ấy, tự nhủ : « Tốt nhất là về sớm đi thôi ». Ông lần lưng lấy mấy đồng cho lão để lão đi cho rồi !

— Hãy cầm lấy phần may hôm nay, hỡi giáo sĩ !

Ông quay về phía Kama :

— Hôm nay mẹ con gây cho chúng ta bao nỗi phiền hà, cầu đức Ala phạt cho đích đáng.

Giáo sĩ cứ ngồi yên, không buồn giơ tay nhận tiền.

— Đứng dạy thôi, cụ ơi. Ramân nói với giáo sĩ Chúng tôi phải đóng cửa hiệu đi về.

Nói rồi ông đóng hai cánh cửa lại. Giáo sĩ buộc phải rời chiếc ghế - lão ngồi như đóng đinh, đi vào trong phố nhưng mắt không rời Kama. Đóng cửa xong hai bố con rẽ đám đông tìm lối ra. Giáo sĩ lẽo đẽo theo sau gậy nhịp bước, tới tận nhà vị thương gia. Thấy giáo sĩ bám riết, Ramân vẫn không gắt mắng, vì kính trọng tôn giáo cũng có, vì người ta nhìn vào cũng có.

— Hỡi vị giáo sĩ cụ muốn gì nào ? Ông Ramân hỏi.

— Hỡi ông chủ của tôi! Tôi muốn được ngài mời tối nay và ngài biết người được mời cũng là khách của đức Ala (hãy xưng tụng Người).

— Vậy xin mừng người khách của Chúa! Mời giáo sĩ vào!

Ông nghĩ bụng: « Lạy Chúa! Ta biết rồi! Nếu tên giáo sĩ này có ý chẳng tốt đối với con ta, nếu số phận hẩm hiu của lão xui lão giở trò gì bằng lời nói hay hành động, nhất định ta sẽ giết lão, đem chôn trong vườn mà nhổ lên mộ. Dù sao, ta hãy cho lão ăn. Mọi người khách trên đường của đức Ala đều có cái may mắn ấy. « Ông đưa giáo sĩ vào nhà, gọi người hầu gái da đen đem bình nước và chậu đến và dọn các thức ăn ra. Giáo sĩ vừa rửa tay, vừa khấn nguyện đức Ala, rồi quì xuống làm lễ, đọc hết cả chương « con Bò cái » đến chương « Cái Bàn » lại chương « Miễn Trừ », xong rồi mới đụng đến các thức ăn trong mâm, ăn nhỏ nhẹ, từ tốn. Và cảm ơn ân đức của đấng Ala.

Ông Ramân được người hầu báo cho biết giáo sĩ đã ăn xong. « Đã đến lúc làm rõ mọi việc », ông nghĩ và bảo con:

— Đến hỏi xem ông ta có cần gì nữa không; Hãy bắt chuyện với ông lão. Lời nói của một giáo sĩ vốn bay dọc ngang trên trái đất họ thường thích thơ phú và câu chuyện của họ bổ ích cho người nghe. Con hãy ngồi gần lão, nếu lão cầm tay con cứ để mặc. vì kẻ giáo dục người khác ưa được trực tiếp với học trò để dễ truyền lời dạy. Phải lễ độ và ngoan ngoãn vì lão vừa là khách của nhà mình, vừa tuổi tác già nua.

Dặn xong, ông để Kama đến với giáo sĩ và lên gác ngồi vào một chỗ kín đáo có thể nhìn và nghe được giáo sĩ ở phòng dưới.

Thấy cậu bé đẹp, vào đến bậc cửa, giáo sĩ xúc động quá; nước mắt tuôn trào, như một người mẹ mất con vừa tìm thấy lại. Kama lại gần cất giọng ngọt ngào đến nỗi làm cho bồ hòn hóa mật ong. Cậu hỏi ông có thiếu gì không, có được hưởng phần đấng Ala ban phát cho chúng sinh không. Và cậu đến ngồi cạnh ông, duyên dáng, lịch sự. Cậu vô tình để hở bắp đùi trắng mịn như bột hạnh nhân. Nhà thơ viết thế này, ai mà cãi được :

Hỡi tín đồ! Một bắp đùi bằng trai ngọc và hạnh nhân! Gọi hôm nay là ngày Phục sinh bạn cũng đừng ngạc nhiên vì người ta không thể biểu hiện rõ hơn khi hở hang đôi bắp!

Giáo sĩ chỉ thấy có mình chú thiếu niên. Ông không những không đỏ bất cứ một trò nhảm nhí nào mà còn lùi lại, ngồi xa ra trên một chiếc chiếu, thái độ đứng đắn, tự trọng rõ ràng. Ông tiếp tục nhìn chú, không nói một lời, mắt đẫm lệ, xúc động y như vừa rồi, khi ngồi lặng trên chiếc ghế dài trước cửa hiệu. Kama lấy làm ngạc nhiên, hỏi tại sao ông có ý tránh. Cậu có điều gì đáng chê trách, hoặc gia đình cậu có điều gì khiếm khuyết với khách chăng? Giáo sĩ trả lời bằng những lời đẹp này của nhà thơ :

Lòng ta đắm say nhan sắc, vì chỉ có thế người ta mới tới được đỉnh cao của sự vẹn toàn.

Nhưng, tình ta không ham muốn những thủ tục tần. Ta ghét đắng ghét cay những kẻ không biết yêu như thế.

Thế đấy! Và ông bố Kama nghe và thấy rõ hết. Ông bối rối quá chừng! « Ta nghi ngờ vị giáo sĩ đức độ này, thật là bậy bạ! Ta đã xúc phạm đến đức Ala! Xin Người hãy làm cho kẻ Ac-ma phải xấu hổ vì đã khêu gợi cho con người nghĩ sai về đồng loại! » Nghĩ vậy, ông vội chạy xuống gác, vào phòng, chào hỏi và chúc mừng khách.

– Cầu đức Ala phù hộ cho ngài – ông nói. Xin ngài hãy cho tôi biết vì sao Ngài xúc động đến phát khóc, vì sao thấy thằng con tôi ngài lại thở dài não nuột? Hẳn phải có duyên cớ gì:

– Hỡi vị mến khách! ông nói phải đấy.

– Vậy xin cho được biết ngay.

– Ôi! Vị chủ nhân của tôi! Sao lại buộc tôi phải làm tấy lại một vết thương đã lành, chọ thọc lại một lưỡi dao vào da thịt?

– Lấy quyền của người đón khách, tôi xin ngài hãy thỏa nguyện cho tính hiếu kỳ này của tôi.

Giáo sĩ nói:

– Vậy thì, hỡi vị chủ nhân của tôi...

Kể đến đây, thấy trời hửng sáng, Saradát kín đáo ngừng lại.

Nhưng đến đêm thứ 782,

Nàng tiếp:

– Vậy thì, hỡi vị chủ nhân của tôi, tôi là một giáo sĩ khốn khổ, lang thang đêm ngày trên mọi miền đất của đức Ala mà chiêm ngưỡng sự nghiệp của đấng Hóa Công.

Một buổi sáng thứ sáu, số phận đã dẫn tôi đến Baxra. Vào trong thành phố, tôi nhận thấy các chợ, các cửa hàng, cửa hiệu đều mở, các ngăn hàng đầy hàng hóa hoặc thức ăn đồ uống nói chung là tất cả những thứ mua, bán, ăn, uống được. Nhưng tôi cũng nhận thấy trong chợ, trong cửa hiệu không có lấy bóng một kẻ mua người bán, một bà già hay một cô gái qua lại. Tất cả đều hoang vắng. Không có một phố xá nào có lấy một con chó, một con mèo, một trò chơi con trẻ. Đâu cũng im ắng, lạnh lùng. Chỉ có đức Ala là hiện diện. Tôi ngạc nhiên quá, nghĩ: Không biết dân chúng thành phố này đi đâu, đem đi cả chó, cả mèo mà để lại trên ngăn tủ tất cả các thứ hàng hóa này! Nhưng vì đói bụng, tôi không nghĩ ngợi lâu. Trông thấy một ngăn bánh ngọt, tôi ăn chán chê, xong đến một cửa hiệu quay, chén ba bốn cặp chả cừu, một, hai con gà giò rán mới lấy ở lò ra, còn nóng và vài chiếc bánh kẹp. Trong suốt cuộc đời giáo sĩ hành hương của tôi, lưỡi chưa từng được nếm, mũi chưa từng được ngửi những thức ăn ngon thơm như thế này. Tôi thầm cảm tạ đức Ala đã ban ân huệ cho kẻ đói nghèo. Tôi đến một nơi bán kem nước đá, làm mấy cốc kem thơm cho mát ruột mà đã từ lâu không quen nữa với các thức uống của người thành thị lắm tiền. Tôi cảm tạ đấng Ban ơn đã không quên tín đồ mà cho họ nếm trước mùi vị nước của cái giếng Tiên trên vườn Thượng uyển.

Bụng dạ tạm yên, tôi lại nghĩ đến điều kỳ lạ của thành phố chắc là vừa mới bị dân chúng xa lìa! Càng nghĩ càng bối rối. Tôi bắt đầu thấy sợ tiếng chân của mình đập trong thanh vắng. Bỗng có tiếng nhạc, lắng nghe, thấy nó đang tiến về phía tôi. Trí óc có phần bối rối về những điều kỳ lạ mà chỉ có độc một mình

chứng kiến, tôi ngỡ mình đang ở trong một thành phố bị phù phép và tiếng nhạc vừa nghe là của bọn yêu ma — Cầu đức Ala trừng phạt chúng! — Sợ quá, tôi chạy vào phía trong một hiệu bán ngũ cốc, nấp sau một bì đậu. Nhưng, hỡi ông chủ của tôi, tôi vốn hiếu kỳ — xin đức Ala tha thứ — tôi vẫn lén nhìn ra ngoài phố, mà giữ không cho ai thấy được mình. Đang cố gắng thu xếp ngồi sao cho ít mệt nhất, thì thấy ngoài phố một đoàn lộng lẫy không phải yêu ma mà là những tiên nữ Nhà Trời. Họ gồm bốn chục thanh nữ, mặt sáng như trăng, không che mạng, đi hàng đôi, nhịp nhàng bước theo nhạc. Phía trước là mấy cô đàn sáo và theo nhịp, mấy cô khác nhảy múa, nhẹ nhàng như chim. Mà họ là chim thật, trắng hơn bồ câu và nhất định nhanh nhẹn hơn. Con gái của loài người thì sao mà nhịp nhàng và thanh thoát đến thế? Có thể là họ từ tiên giới giáng xuống cho sáng cõi trần trong ít lâu.

Thưa vị chủ nhân của tôi! dù sao thì khi cặp cuối cùng vừa qua cửa hiệu, tôi thấy một phu nhân trẻ, đẹp quá chừng, cưỡi một con ngựa cái trán có một ngôi sao, dây cương do hai cô da đen cầm. Trông thấy thiếu phụ, tôi như mê mẩn, nín thở xuýt ngã quay ra sau cái bì hạt đậu. Quần áo nàng đính toàn ngọc. Tóc, cổ, cổ tay, mắt cá chìm dưới những chuỗi kim cương, ngọc trai, đá quý, nào xuyến, nào vòng, trông nàng càng lộng lẫy. Bên phải nàng, một nữ nô cầm kiếm tuốt trần, cán là một viên ngọc bích to tướng. Con ngựa cái nàng cưỡi có dáng một bà hoàng, kiêu hãnh với vành đai trên đầu. Cái đoàn người huy hoàng ấy cứ nhịp nhàng xa dần, xa mãi, để lại trong tôi một trái tim say đắm bị trọng thương, một tâm hồn vĩnh viễn nô lệ cho ái tình và những con mắt

không thể nào quên được hình ảnh nàng mà nói với mọi tấm nhan sắc: so sánh với nàng, ngươi có ra gì!

Khi đoàn người khuất hẳn và tiếng nhạc chỉ còn thoáng nhẹ bên tai, từ sau cái bao đậu, tôi bước khỏi cửa hiệu, ra phố. Ngạc nhiên thay, cùng lúc đó, cả khu chợ nhộn nhịp hẳn lên. Các ông chủ hiệu, như từ dưới đất chui lên đến ngồi tại các quầy của mình. Ông chủ cửa hiệu mà tôi trốn, một nhà buôn ngũ cốc cũng không biết xuất hiện từ đâu, đang bán thóc gạo cho mấy người nuôi gà vịt và những khách hàng khác. Tôi mỗi lúc một dao động, tìm gặp một khách qua đường để hỏi cho ra nhẽ vì sao có cái cảnh vừa rồi, cùng tên người đàn bà kỳ diệu cưỡi con ngựa cái có ngôi sao trên trán. Nhưng ngạc nhiên xiết bao! Người ấy nhìn tôi, sợ hãi, mặt vàng như nghệ, và vén áo lên, anh ta quay lưng lại, vắt chân lên cổ mà chạy như bị giờ chót của số phận đuổi theo. Tôi hỏi một người thứ hai. Anh ta lờ đi như không trông thấy, không nghe thấy tôi hỏi, nhìn ngang mà bước tiếp. Tôi còn hỏi nhiều người nữa, nhưng không một ai buồn trả lời. Người ta tránh tôi, làm như tôi mới ra khỏi một hố phân hay đang vung một thanh kiếm chặng đầu. Hỡi giáo sĩ *Mỗ*, tôi tự bảo, muốn rõ chuyện, chỉ còn cách vào một hiệu cắt tóc mà cạo đầu rồi hỏi anh thợ cạo. Người biết đấy, kẻ làm cái nghề này, lưỡi hay ngứa ngáy mà lời nói thì luôn luôn ở đầu lưỡi. Có lẽ anh ta sẽ cho ngươi biết cái điều ngươi muốn biết. Nghĩ vậy, tôi vào một hiệu cắt tóc, cắt xong tôi trả rất hậu hĩnh, có bao nhiêu tiền dốc hết, rồi mới nói điều tôi tha thiết muốn biết, hỏi anh ta người đàn bà đẹp siêu phàm ấy là ai. Anh thợ cạo, sợ hãi, tròn xoe đôi mắt:

— Lạy chúa! hỡi vị giáo sĩ của tôi, anh nói, nếu ngài còn muốn giữ cái đầu trên cổ, muốn giữ cái cổ cho yên lành, thì xin đừng có hở cho ai rõ cái điều ngài đã bất hạnh trông thấy. Muốn an toàn hơn, ngài nên rời ngay thành phố chúng tôi để khỏi mất mạng. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói với ngài. Điều bí mật này đã làm đau khổ tất cả Baxra Người ta chết như ngả ra, nếu rủi ro không kịp tránh đoàn người ào ào đến. Tên nô lệ lăm lăm thanh kiếm trần chém đầu những kẻ tò mò dám nhìn họ hoặc không tránh kịp. Đấy, tôi chỉ có thể nói với ngài như thế.

Tôi bèn rời cửa hiệu, vội ra khỏi thành phố, qua đường thành mới thấy yên tâm. Tôi đi cùng trời cuối đất, lòng vẫn canh cánh hình ảnh người đẹp thoáng trông thấy, đêm ngày khôn nguôi, cho đến khi tới trước cửa hiệu của ngài. Tôi được thấy Kama. Sao mà cậu con trai của ngài giống cô thiếu nữ phi thường ở Baxra như lột! Vì vậy, tôi xúc động quá, không cầm được nước mắt, quả thật là điên dại! Hỡi vị chủ nhân của tôi, tôi than thở, tôi cảm thương là do thế đấy.

Kể xong, giáo sĩ lại nhìn Kama mà nức nở.

— Hỡi vị chủ nhân của tôi, ông vừa khóc vừa nói thêm, cầu đức Ala phù hộ cho ngài. Tôi đã kể hầu ngài câu chuyện cần kể. Tôi không muốn lạm dụng lòng hiếu khách ngài dành cho một kẻ tôi tớ của Chúa. Xin ngài hãy mở cửa cho tôi đi tiếp con đường của tôi. Nếu tôi được chúc tụng ân nhân của tôi, thì tôi cầu mong đức Ala đã tạo nên hai con người hoàn mỹ như cậu con trai của ngài và cô gái trẻ của Baxra, hãy hoàn thành Sự nghiệp của Người mà cho họ được sum họp với nhau.

Nói xong, giáo sĩ đứng dậy, xin đi. Ông bố cố giữ không được. Giáo sĩ chúc tụng một lần nữa, từ biệt, thở dài như lúc đến. Về phần ông, thì như thế.

Còn về Kama thì suốt đêm ấy, chàng không tài nào nhắm được mắt vì mải nghĩ đến câu chuyện của giáo sĩ và tấm nhan sắc được miêu tả của người đàn bà. Mờ sáng hôm sau, chàng vào buồng đánh thức mẹ.

– Mẹ ơi! chàng nói, mẹ sói hành lý cho con. Con phải đi ngay đến Baxra. Số phận con đang chờ con ở đấy!

Nghe con nói vậy bà mẹ kêu la, khóc lóc thảm thiết. Bà gọi ông, cho biết cái tin bất ngờ lạ lùng ấy. Bố Kama khuyên can đủ điều nhưng chàng không muốn để vào tai lời khuyên nào, mà chỉ nói, để kết thúc:

– Con không đi Baxra ngay thì con chết mất! Bố mẹ Kama nghe lời nói quả quyết và ý định dứt khoát ấy, chỉ còn biết thở dài mà nhận lấy cái điều số phận đã định. Bố Kama thì đổ lên đầu bà vợ tất cả những việc trái ý từ khi ông nghe lời bà dẫn Kama đến khu chợ. Đó Apđen Ramân, ông nghĩ, cẩn thận và khôn ngoan cho lắm vào, kết quả như thế đấy! Chỉ có đức Ala toàn năng mới có quyền lực và có thể cứu vớt được ta. Cái gì đã được ghi thì cứ thế mà chạy, không ai cưỡng nổi lời tuyên án của số phận mình. Mẹ Kama, hai lần buồn khổ (bị chồng mắng lại bị con bỏ đi) cũng buộc lòng phải chuẩn bị cho con lên đường. Bà trao cho Kama một chiếc túi nhỏ đựng bốn chục viên đá quý to như hồng ngọc, kim cương, bích ngọc.

– Con giữ cho cẩn thận cái túi này, bà dặn. Có thể cần đến khi con thiếu tiền.

Còn ông bố thì cho chín mươi ngàn đina vàng làm lộ phí và tiêu pha ở nước ngoài. Hai ông bà ôm hôn con từ biệt mà khóc. Ông bố gửi gắm con cho người cầm đầu đoàn đi Trắc. Kama hôn tay bố, tay mẹ, đi về phía Baxra, kèm theo lời nguyền ước của bố, mẹ.

Đức Ala che chở, chàng đến được Baxra, bình yên vô sự.

Hôm chàng đến nơi là đúng buổi sáng thứ sáu. Kama có dịp nhận biết rằng tất cả những gì vị giáo sĩ nọ đã kể đều đúng sự thật. Quả vậy chàng có thấy chợ thì trống không, phố xá vắng người, các cửa hiệu không người mua, bán. Chàng đói bụng cứ việc ăn uống theo sở thích cho đến no say. Vừa ăn xong, nghe có tiếng nhạc, chàng vội trốn đi như trước kia giáo sĩ đã làm. Rồi chàng thấy hiện đến người thiếu phụ với đám bốn chục tùy tùng. Nhan sắc nàng đã khiến Kama quá xúc động mà ngất đi.

Tỉnh lại, chàng thấy khu chợ nhộn nhịp, kẻ qua người lại, đông đúc như cuộc sống làm ăn không hề bị ngắt quãng. Nhận định tỉ mỉ về sức hấp dẫn lạ lùng của cô gái, chàng bèn đến các cửa hiệu lớn, mua lấy những quần áo sang trọng, đẹp đẽ nhất cho mình. Xong, đến nhà tắm công cộng, tắm rửa, chải chuốt kỹ càng. Ra khỏi nhà tắm, trông chàng như một vị thiếu quân. Rồi chàng tìm đến cửa hiệu anh thợ cạo trước kia đã cạo cho giáo sĩ. Chủ khách chào hỏi nhau xong, chàng nói:

– Ôi, con người có bàn tay nhanh nhẹn, khéo léo, tôi có chuyện riêng muốn nói với bác. Xin bác đóng cửa, đừng tiếp những ai hay lui tới nơi này. Và xin đền bù cho bác đây.

Chàng trao một cái túi đựng đầy đina vàng. Anh thợ cạo đỡ lấy, ước thử số vàng, rồi vội giắt vào lưng. Khi còn lại có hai người, chàng năn nỉ:

– Con người có đôi tay nhanh nhẹn! Tôi ở xa đến, xin hỏi bác vì sao buổi sáng thứ sáu này, không ai đến chợ?

Anh thợ cạo thích thú về tính tình rộng rãi, về cái vẻ vương mạo của chàng trai bèn đáp:

– Thưa chủ nhân, đấy là điều bí ẩn tôi chưa hề tìm hiểu, mặc dù, cũng như mọi người, cứ mỗi buổi sáng thứ sáu thì lẩn trốn đi. Nhưng nếu chàng thiết tha muốn biết, tôi sẽ làm cho chàng cái điều mà cả đến anh tôi, tôi cũng không làm. Tôi để chàng làm quen với vợ tôi. Mụ ta biết mọi việc xảy ra ở đô thành. Chả là mụ bán nước hoa cho tất cả các khuê phòng ở Baxra, các dinh thự và cho cả cung cấm nhà vua. Cứ nhìn vẻ chàng, tôi biết chàng đang sốt ruột và chàng cũng ưng lời bàn của tôi. Vậy ngay bây giờ tôi chạy đi tìm mụ ấy về, và nói cho mụ biết. Xin chàng cứ bình tâm ngồi chờ ở đây, cho đến khi tôi quay về.

Anh thợ cạo để Kama trong hiệu, vội đi tìm mụ vợ, cho biết duyên do, đồng thời đưa mụ túi tiền. Mụ vợ vốn thông minh nhanh nhẹn, nói:

– Mong chàng ta là khách quí của đô thành. Tôi sẵn sàng tận tình giúp đỡ. Bảo chàng đến đây, tôi nói cho hay.

Anh thợ cạo trở lại nhà, thấy Kama vẫn ngồi đợi.

— Chú mày ơi! Đi với tôi đến chỗ mụ nhà tôi. Mụ ấy đã bảo công việc được đấy

Anh ta dẫn Kama đến nhà mụ vợ. Mụ niềm nở mời ngồi trên ghế tựa:

— Hỡi vị khách xinh tươi, mụ nói, xin chàng cứ tự nhiên như ở nhà mình, coi chủ nhà như nô lệ của chàng. Chàng cứ ra lệnh.

Mụ dùng chiếc khay đồng, mời uống các thức giải khát và ăn bánh kẹo, ép chàng ăn uống mỗi thứ một chút, mỗi lần mời lại kèm theo lời chúc; Mong quý khách được khoan khoái ăn uống ngon lành

Kama lấy một nắm đina vàng đặt lên đầu gối mụ mà rằng:

— Của ít lòng nhiều! Nhưng lạy chúa! tôi sẽ hậu tạ lòng tốt của bác. Giờ thì bác biết gì xin kể cho nghe.

— Hỡi chàng trai trẻ, mụ đáp, ánh sáng của mắt ta, vành hoa trên đầu ta, xin chàng biết cho rằng một hôm vì vua của đô thành Baxra được vua Ấn Độ tặng một hòn ngọc làm quà. Hòn ngọc đẹp quá, như sinh ra từ một tia sáng mặt trời đọng lại ở một quả trứng thần kỳ của biển cả. Ngọc khi trắng, khi vàng và như chuyển trong lòng một ngọn lửa cháy trong nước sữa. Nhà vua ngắm nghía suốt một ngày, và vì không muốn bao giờ phải rời nó, định dùng một giải lụa đeo vào cổ. Viên ngọc còn nguyên vẹn chưa có lỗ. Nhà vua cho vời tất cả thợ kim hoàn của Baxra đến mà bảo:

— Ta muốn các ngươi đục cho viên ngọc đế vương này một cái lỗ, đục thật khéo. Ai làm được mà không

sứt sẹo mảy may, có thể xin ta gì, ta cũng sẽ cho nấy, mà còn hơn nữa. Nhưng nếu không thành mỹ mãn, hoặc nếu vì số phận hẩm hiu mà làm hư hỏng ít nhiều thì sẽ bị tử hình thảm hại nhất. Do sự vụng về ấy, ta sẽ bắt phải chịu mọi hình phạt trước khi cho đem chặt đầu. Bọn các ngươi nghĩ sao?

Nghe lời phán hỏi, thấy rõ nguy cơ cho linh hồn, bọn thợ kim hoàn quá sợ hãi:

– Tâu đức vua muôn thuở, hòn ngọc này tinh tế lắm; Đục lỗ qua ngọc thường còn phải thật khéo tay, ít có thợ lành nghề làm mà không tránh khỏi một vài thiếu sót. Chúng thần xin bệ hạ miễn cho. Bàn tay chúng thần không sao có được sự khéo léo cần phải có. Tuy nhiên chúng thần cũng có thể tiến cử một người khả dĩ thực hiện được cái công việc nghệ thuật kỳ lạ này. Đó chính là vị tù trưởng của chúng thần.

– Là người thế nào vậy? Vua hỏi.

– Là vị tổ sư nghề kim hoàn, tên là Ôbét. Ông ta kéo tay hơn chúng thần vô vàn. Đầu mỗi ngón tay của ông như có một con mắt, trong mỗi con mắt có chứa một sự khéo léo dị thường.

– Vậy thì các ngươi hãy đi gọi hắn đến ngay đây!

Bọn thợ đi ngay và trở lại với trùm phường Ôbét. Lão trùm cúi lạy xong, đứng chờ lệnh. Nhà vua cho lão biết công việc phải làm cùng phần thưởng hoặc hình phạt kèm theo. Nhà vua đưa viên ngọc ra. Ôbét xem xét một lúc và tâu:

– Thần không đục được lỗ xuyên qua thì quả đáng chết!

Rồi xin phép nhà vua, ông ngồi xổm xuống, lấy ở thắt lưng vài dụng cụ nhỏ. Ông kẹp viên ngọc giữa hai ngón chân của hai bàn chân đặt giáp nhau, rồi với một sự khéo léo và nhẹ nhàng khó tưởng tượng, lão làm việc như con trẻ chơi quay và không đầy thời gian để đục một quả trứng, lão đã có hai lỗ bằng nhau, cân đối thông nhau mà viên ngọc không mảy may sứt mẻ. Ông lấy ống tay áo lau qua rồi đưa lên trình nhà vua. Vua khoái chá, hết sức hài lòng. Ngài lấy một sợi dây lụa bé xâu qua mà đeo vào cổ và lên ngồi trên ngai vàng. Ngài nhìn quanh, mắt vui sướng, long lanh viên ngọc như một mặt trời đeo ở cổ, vua phán:

Ôbé này! Giờ thì ngươi hãy cho biết điều ngươi mong ước.

Ôbét nghĩ một lúc:

– Cầu chúa Ala cho đức vua trường thọ! Kẻ tôi tớ này mà đôi tay vụng về đã có vinh dự được mó vào để rồi dâng lại cho chủ, viên ngọc kỳ lạ kèm theo một lỗ đục theo ý của Người, kẻ tôi tớ ấy có một cô vợ còn trẻ lắm mà hắn phải chiều chuộng. Hắn đã già mà những kẻ suy yếu, muốn không bị vợ ghét bỏ thì phải kính trọng vợ đủ điều và không được làm gì mà không hỏi ý kiến của cô ta. Tên nô lệ của đức vua muôn thuở là như thế đấy. Hắn muốn được biết ý kiến của vợ về điều ân huệ mà vị chủ tôi thượng của hắn ban cho để xem cô vợ có điều ước nguyện gì thích thú hơn điều thần tưởng tượng. Vì đức chúa không chỉ cho cô ta tuổi trẻ và một tấm nhan sắc mê hồn mà còn cho cô ta một bộ óc phong phú, nhạy bén và một năng khiếu suy đoán tài tình trong mọi trường hợp.

— Vậy, Ôbêt, ngươi hãy đi hỏi ý kiến vợ nhanh lên mà trả lời ta, vì chỉ khi nào thực hiện xong lời hứa, đầu óc ta mới thanh thản được.

Lão thợ ra khỏi hoàng cung, chạy tìm vợ và cho biết sự tình.

Cô vợ trẻ reo lên:

— Thật đáng xưng tụng đức Ala. Người đã cho ta được sớm thỏa nguyện. Quả là tôi có một điều ước một ý định muốn thực hiện dù là điều ít ai ngờ tới. Nhờ ơn Chúa, nhờ công việc của chàng phát đạt, chúng mình đã giàu có, hết đời cũng chẳng thiếu thốn gì. Về mặt này, chẳng còn gì phải mong ước. Và điều tôi muốn thực hiện cũng chẳng làm tốn một xu cho quỹ nhà vua. Nó là thế này: ông chỉ xin nhà vua cứ thứ sáu cho phép tôi được dạo qua các chợ, các phố với một đoàn tùy tùng như của các công chúa. Khi tôi qua, không ai được ra phố, ai mạo hiểm sẽ mất đầu. Tôi mong nhà vua y cho để thưởng cho chàng công đã đục được lỗ xuyên qua viên ngọc.

Nghe cô vợ trẻ nói, lão thợ rất đỗi ngạc nhiên. Lạy Chúa, lão nghĩ, phải tinh quái lắm mới tự cho mình hiểu được người đàn bà suy nghĩ gì. Nhưng vì lão yêu vợ, lại già và quá xấu xí nữa, nên không muốn trái ý vợ, chỉ đáp:

— Tôi nhận tâu lên nhà vua điều cô muốn. Nhưng nếu đoàn người đi qua mà các chủ hiệu bỏ trốn đi thì chó, mèo sẽ tàn phá bộ mặt của các cửa hàng và như thế, lương tâm chúng mình sẽ chỉ càng thêm cắn rứt.

— Không sao! sẽ ra lệnh cho mọi người hôm ấy nhốt hết chó, hết mèo lại. Tôi muốn các cửa hàng vẫn

cứ mở cửa khi đoàn đi qua. Mọi người lớn, bé sẽ trốn vào giáo đường, đóng cửa lại để không một ai ló đầu ra mà nhìn.

Lão thợ kim hoàn Ôbêt đến trước nhà vua, hết sức bối rối tâu bày ý nguyện của vợ. Không ngờ vua phán:

– Được thôi!

Thế rồi ngài cho mõ reo khắp đô thành, cứ mỗi thứ sáu, hai giờ trước khi cầu kinh, các nhà buộc phải để ngỏ cửa hiệu, vào trốn trong các giáo đường không được giơ đầu ra phố mà đầu sẽ rụng khỏi vai. Lệnh cũng bắt phải nhốt hết chó, mèo, lừa, lạc đà cùng mọi súc vật dùng để kéo có thể chạy qua các khu chợ.

Từ đó, mỗi thứ sáu, hai giờ trước khi cầu kinh buổi trưa, chị vợ lão thợ kim hoàn lại dạo chơi. Người, chó, mèo không dám lộ mặt ngoài đường phố. Kama ạ, chính là nàng đấy, đẹp khác thường, cái người chàng thấy sáng nay, giữa đám thanh nữ có một nữ nô đi trước lăm lăm thanh kiếm trần sẵn sàng chặt đầu những kẻ dám nhìn nàng qua.

Sau khi kể xong cho Kama điều chàng muốn biết. Vợ anh thợ cạo, im lặng một lát, quan sát chàng rồi mỉm cười:

– Hỡi chàng trai có khuôn mặt xinh xắn, vị chủ đáng quí của tôi, tôi thấy rằng chỉ kể chuyện suông chưa đủ, chàng muốn hơn nữa kia, chẳng hạn muốn tôi chỉ cách tái kiến người thiếu phụ huyền diệu, vợ lão thợ kim hoàn già kia.

Kama thú nhận:

— Bác ơi, mẹ của tôi ơi, đúng đấy là điều mong ước thầm kín của lòng tôi. Tôi xa gia đình ở đó có một ông bố, một bà mẹ yêu tôi, vắng tôi thì khóc. Tôi từ đất nước xa xôi đến đây chỉ cốt được trông thấy cô ta.

— Thế thì con hãy cho mẹ biết con có những gì là quí giá nào!

— Mẹ ơi! con có nhiều thứ đẹp lắm, trong số đó có bốn loại đá quí, loại thứ nhất giá mỗi viên ít ra cũng năm trăm đina vàng, loại thứ hai bảy trăm, loại thứ ba tám trăm rưỡi, và loại thứ tư một nghìn.

— Thế con có sẵn lòng cho đi bốn viên của bốn loại ấy không?

— Con sẵn sàng hiến tất cả những gì con có.

— Con thật là một vành hoa trên đầu những kẻ hào phóng nhất. Con hãy đến khu kim hoàn tìm lão thợ kim hoàn Ôbét, rồi ta bảo làm gì thì con làm nấy.

Và mụ bảo cho chàng làm mọi thứ để đạt tới đích rồi thêm:

— Trong mọi việc phải khôn ngoan, phải nhẫn lại. Làm xong những điều tôi dặn, đến báo cho tôi biết. Đừng quên đem theo một trăm đina cho ông chồng thợ cạo khốn khổ của tôi.

Kama nhất nhất xin theo. Chàng ra khỏi nhà bác thợ cạo. Vừa đi vừa nhẩm lại cho thật nhớ những điều căn dặn của mụ bán nước hoa, chàng xưng tụng đức Ala đã đặt trên đường chàng người đàn bà chỉ đường tốt bụng.

Chàng đến khu kim hoàn. Người ta chỉ cho ngay cửa hiệu ông Ôbét chàng vào, thấy ông giữa đám người học việc thì chào hết sức kính cẩn, tay đặt lên ngực, lên môi, lên đầu, mà nói :

– Cầu chúc ông bình an.

Ông Ôbét đáp lễ, niềm nở mời ngồi. Kama mở túi lấy một viên ngọc loại thường nhất trong số ngọc chàng có :

– Bác làm giúp cho viên ngọc này một cái ổ nhẫn đúng với tài của bác, đơn giản và nhẹ nhàng thôi, chàng nói.

Cùng lúc chàng đưa hai mươi đồng vàng:

– Đây mới chỉ là một phần tiền ứng trước cho công việc của bác.

Chàng cũng tặng đám đông học việc, mỗi người một đồng. Còn lũ hành khất thấy chàng ăn vận sang trọng vào cửa hiệu, theo đến cũng được mỗi người một đồng vàng. Chàng ra về, để lại đám người bàng hoàng về lòng rộng rãi, về tấm nhan sắc cùng cách cư xử cao đẹp của chàng.

Lão Ôbét bắt tay ngay vào việc. Lão cực kỳ khéo tay, lại có đủ các đồ dùng mà không một người thợ bạc nào có được, nên ngày vừa hết thì cái khung gỗ cũng làm xong, chạm trổ, đánh bóng tử tế. Vì sáng hôm sau Kama mới trở lại, tối hôm ấy, lão Ôbét đem khoe với vợ – người đẹp trong truyện – hòn ngọc diệu kỳ, trong suốt, trông những muốn ngậm cho ướt mồm.

Chị vợ thấy đẹp, hỏi của ai.

– Của một chàng trai ở đô thành khác đến, một người còn lộng lẫy hơn viên ngọc này, lão đáp. Viên

ngọc tôi làm khung được trả công rất hậu. Chưa bao giờ một việc làm được công cao đến thế. Chủ của viên ngọc đẹp trai, quyến rũ, mắt tình tứ, má như cánh mẫu đơn nở trên đất lốm đốm hoa nhài, miệng như chiếc ấm của đức Xôlâymân, môi như nhúng vào nước máu hồng mã não, cổ như cổ linh dương với cái đầu nhỏ xinh như cành hoa đỡ lấy cái đài hoa vậy. Để tóm tắt cái vượt lên mọi lời tán tụng chàng ta đẹp, quả là đẹp, đẹp đẽ bao nhiêu, quyến rũ bấy nhiêu. Chàng giống như cô em, giống về sự hoàn mỹ, giống về tuổi trẻ và về diện mạo. Lão thợ bạc miêu tả cho vợ nghe chàng Kama trẻ tuổi như thế đấy và không ngờ rằng lời nói của mình vừa nhóm lên trong lòng người thiếu phụ một sự đắm say bất ngờ càng mặn nồng vì người được miêu tả không có đấy. Dưa chuột đem vùi vào bãi đất nhiều phân thì mọc thành sừng. Lão quên rằng không có lời mối manh tệ hại nào lại có kết quả chắc chắn bằng lời một ông chồng vì không lường trước đến hậu quả, mà lại ca ngợi trước mặt vợ mình những điều tốt lành và sắc đẹp của một người không quen biết. Chính vậy đức Ala Tối cao thường phán quyết số mệnh chúng sinh của Người và bắt họ phải mò mẫm trong bóng tối của sự mù quáng.

Chị vợ trẻ ghi vào đáy lòng những lời của lão thợ bạc nhưng không lộ mảy may n i lòng xao xuyến. Nàng nói, vẻ hững hờ: — Cho em xem chiếc nhẫn.

Ôbét đưa cho xem. Nàng nhìn ơ hờ, và thẫn thờ đeo vào ngón tay.

— Vừa quá, nàng nói, cứ như thể chiếc nhẫn được đánh cho ngón tay em. Chàng nhìn xem hợp với em quá!

— Những ngón tay tiên nữ muốn năm! Lạy Chúa! người chủ chiếc nhẫn này vốn hào phóng và quân tử, mai tôi sẽ nài anh ta bán cho, đắt mấy cũng được, và sẽ đưa em đeo.

Trong khi ấy, Kama đến nhà cô vợ lão thợ cạo, kể cho biết chàng đã làm theo lời dặn của mụ ra sao, và lại đưa mụ một trăm đina vàng tặng người chồng khốn khổ! Chàng hỏi mụ có phải làm gì nữa không?

— Thế này, mụ nói, khi gặp lão đừng lấy cái nhẫn mà lão thợ bạc đánh cho cháu. Giả vờ nó bé quá, không đeo vừa ngón tay rồi tặng lại cho lão. Đưa lão một viên ngọc khác đẹp hơn nhiều, loại bảy trăm đina. Bảo lão đánh thật cẩn thận cho một cái nhẫn khác. Đưa sáu chục đina cho lão, hai đina thưởng cho mỗi người thợ. Đừng quên lão ăn mày ở cửa. mọi việc sẽ tốt lành cho cháu. Nhớ cho ta biết chuyện, và nhớ đem theo chút gì cho chồng ta, con người khốn khổ!

— Cháu xin nhất nhất làm theo. Kama trả lời.

Chàng về. Sáng hôm sau đến hiệu ông Ôbét ở khu chợ. Thấy chàng vào, ông đứng dậy, chào hỏi xưng tụng xong, trao chiếc nhẫn. Kama đeo thử.

— Lạy chúa, chàng nói, bác Ôbét ơi, nhẫn đẹp lắm, nhưng khí chật. Tôi biếu bác đấy để bác làm quà cho bất cứ ai trong cái đám nữ nhi chốn khuê phòng của bác. Đây là một viên ngọc khác tôi ưng hơn. Có ổ nhẫn, nó sẽ đẹp hơn nhiều.

Chàng đưa viên ngọc loại bảy trăm đina, đưa sáu mươi đina vàng phần lão và cho mỗi người thợ học việc hai đina vàng.

— Gọi là ti chút, chàng nói, để mọi người uống một cốc kem! Công việc mà hoàn thành nhanh chóng thì tôi hy vọng tất cả sẽ hài lòng về công xá.

Rồi chàng ra, phân phát từ tưng tiền vàng cho bọn hành khất tụ tập trước cửa hiệu.

Lão thợ bạc sững sờ thấy chàng trẻ tuổi hào phóng đến thế. Tối về, lão cứ ca tụng mãi người khách lạ, trước mặt vợ.

– Lạy đức Ala, lão nói, trong số những người đẹp, chưa từng thấy ai đẹp đến thế, chàng ta còn có bàn tay hào phóng như những vị con vua!

Càng nói, lão càng như khảm vào trái tim chị vợ mối tình đối với chàng trai trẻ Kama.

Khi lão đưa vợ chiếc nhẫn được tặng, nàng thong thả đeo vào ngón tay.

– Thế chàng ta không đặt làm cái thứ hai à? nàng hỏi

– Có chứ! Tôi làm suốt ngày, xong rồi đây này!

– Đưa em xem.

Nàng cầm chiếc nhẫn, ngắm nghía:

– Em muốn giữ lại; nàng nói.

– Biết đâu, chàng ta có thể để lại cho tôi! Trong khi đó, Kama đến kể với vợ lão thợ cạo chuyện đã xảy ra và bàn chuyện phải làm tới. Chàng đưa mụ bốn trăm đina vàng cho ông chồng khốn khổ.

– Chàng ơi, chuyện thế là tốt đẹp nhất rồi! Chàng đến lão thợ bạc, đừng lấy chiếc nhẫn đã đặt vờ như rộng quá nên để lại tặng lão làm quà. Rồi đưa viên ngọc khác, loại chín trăm đina. Cho lão một trăm đina, ba đina cho mỗi người học việc và khi nào chàng lại đây cho ta biết chuyện thì đừng quên đem cho

ông chồng tôi, con người nghèo khổ ấy, một ít tiền để ông mua lấy một miếng bánh mà ăn! Cầu đức Ala che chở cho chàng, kéo dài những ngày quý giá của chàng, hỡi người con của hào phóng. Kama nhất nhất làm theo lời khuyên của mụ bán nước hoa. Còn lão tạ bạc không tìm được lời lẽ nào để tả lại cho vợ nghe tấm lòng hào hiệp của người đẹp lạ mặt.

Nàng vừa đeo thử chiếc nhẫn, vừa nói:

— Một người có tấm lòng trời biển với ông như thế mà ông không mời đến nhà chơi, ông không thấy xấu hổ sao? Thế mà, nhờ ân huệ đức Ala, ông không phải con người bủn xỉn. Hình như đôi khi ông cũng thiếu lịch sự đấy. Vậy thì, nhất thiết ông phải cố nài vị khách kia ngày mai đến hưởng chút lòng mến khách của ông.

Về phần mình, Kama đã hỏi ý kiến mụ vợ lão thợ cạo, đưa mụ tám trăm đina tiền thưởng cho lão thợ cạo nghèo nọ, chồng mụ, để có tiền mua một miếng bánh thôi. Chàng đến thử chiếc nhẫn thứ ba vừa đeo vào ngón tay, chàng tháo ra ngay, nhìn một tí, hơi bĩu môi mà rằng:

— Cũng được đấy! Nhưng ta không thích hòn ngọc này chút nào xin bác cứ giữ lấy cho một nữ nô của bác, và đánh cho một chiếc ổ nhẫn mới vừa với hòn ngọc khác này. Tôi đưa bác trước hai trăm đina với bốn đina cho mỗi người thợ học việc. Quấy quả bác nhiều, xin bác miễn thứ.

Nói rồi, chàng đưa ra một viên ngọc trắng, đẹp lạ kỳ, đáng giá một nghìn đina. Lão thợ hết sức bối rối, mời:

-- Hỡi vị chủ nhân của tôi! chàng có thể làm vinh dự cho tiện xá, tối nay đến dùng cơm với tôi được không? Tôi được đội ơn chàng nhiều lắm. Lòng tôi gắn với bàn tay rộng mở của chàng rồi!

-- Ồ! Rất vui lòng.

Và Kama cho lão địa chỉ ở khu chàng trú ngụ.

Tối, Lão thợ bạc đến mời chàng. Lão đón tiếp long trọng và mở tiệc rất sang trọng khi đồ ăn thức uống đã dọn xong, một nữ nô đưa kem ra do cô chủ tự tay làm lấy. Cô chủ ở lại hậu phòng mặc dù rất thèm ra nhưng nàng không muốn phạm phải tục lệ mà phụ nữ không bao giờ dự vào bữa ăn khi có khách.

Kem rất ngon, Kama và lão chủ vừa ăn xong thì lăn ra ngủ. Bởi vì cô chủ đã bỏ thuốc ngủ vào cốc kem. Nữ nô thấy hai người nằm bất động bèn rút lui.

Cô vợ trẻ, chỉ mặc một chiếc áo lót, sẵn sàng như trong tối tân hôn, đẩy nhẹ cánh cửa vào phòng ăn. Ai trông thấy nhan sắc người thiếu phụ với đôi mắt đắm say lòng người, thì tim đến phải nát ra, đầu óc rối loạn.

Nàng tiến đến chỗ Kama mà nàng đã thoáng thấy qua khe cửa sổ, khi chàng vào nhà. Nàng ngắm nghía, thấy thật vừa ý. Nàng ngồi sát lại, tay vuốt nhẹ lên khuôn mặt chàng. Thế rồi đột nhiên, con gà mái tơ đói khát ấy ôm chầm lấy chàng trai mà cắn vào môi, vào má đến ứa máu ra...

Một đêm trôi qua. Sáng ra, thiếu nữ bốc lửa đứng dậy. Nàng lấy trong ngực áo ra bốn cái xương cừu non nhét vào túi áo Kama. Xong nàng trở về hậu phòng gọi người nữ nô thân tín cũng chính là cô gái cầm

kiếm tuốt trần ở trong đoàn tùy tòng diễu qua các phố Baxra thường thực hiện lệnh nàng. Cô bảo thổi một thứ bột giải mê rất mạnh vào lỗ mũi lão thợ kim hoàn và chàng Kama cho tỉnh lại. Bột rất hiệu nghiệm, vì hai người hắt hơi mấy cái mà thức giấc ngay. Người nữ nô trẻ nói với lão thợ:

– Kính thưa ông chủ, cô chủ Halima sai tôi đến đánh thức ông. Đến giờ cầu kinh buổi sáng rồi. Thầy tu báo giờ cầu nguyện đã leo lên gác cất tiếng gọi tín đồ. Có nước để rửa ráy đây.

Ông lão, vẫn còn choáng váng:

– Lạy đức Ala! ông nói, ngủ trong buồng này, mệt quá. Lần nào ngủ tại đây, tôi cũng dậy muộn!

Kama không biết nói sao. Nhưng ngồi dậy, định đi rửa mặt, chàng cảm thấy môi, mặt, nóng như lửa đốt, không kể những điều không thấy được. Chàng ngạc nhiên quá chừng, hỏi lão thợ bạc như thế là làm sao.

– Ồ! Không hề gì, lão đáp. Muỗi đốt đấy. Chúng ta ngủ không mắc màn, thật là dại dột.

– Thế sao bác ngủ gần tôi mà không thấy vết muỗi đốt nào trên mặt?

– Lạy Chúa! Đúng thế. Có điều nên biết, hỡi chàng có bộ mặt xinh đẹp, là muỗi ưa thích, những cái má trẻ không có lông mà, ghét những cái mặt râu ria xồm xoàm. Chàng biết máu chảy dưới làn da mặt đẹp của chàng thanh khiết thế nào, còn râu ở hai má tôi mọc dài ra sao chứ.

Hai người rửa ráy, cầu kinh xong, cùng ăn sáng với nhau. Rồi Kama từ biệt ra về, đến mụ vợ lão thợ cạo

Mụ đang ngồi chờ. Thấy chàng, mụ cười:

— Nào, kể cho nghe chuyện đêm qua, dù ta đã thấy nó được viết bằng nghìn dấu hiệu trên khuôn mặt chàng.

— Đó chỉ là những nốt muỗi đốt thôi, mẹ ạ, không có gì.

Nghe thế, mụ cười tướng lên:

— Muỗi đốt thật à? Thế chàng đến thăm nhà người yêu mà không có kết quả gì khác sao?

— Lạy đức Ala, không có gì, ngoài bốn khúc xương trẻ con thường chơi mà không hiểu sao lại lọt được vào túi áo tôi.

— Đưa cho ta xem nào.

Mụ cầm lấy xem qua rồi bảo:

— Chàng ngây thơ quá nên không biết những vết trên mặt không phải do muỗi đâu, mà là do những cái hôn nồng cháy của người chàng yêu đó. Mấy cái xương là nàng bỏ vào túi chàng đó. Nàng trách chàng đã ngủ suốt mà đáng ra phải biết dùng thì giờ tốt hơn. Tóm lại, nàng muốn nói:

— Chàng là một đứa trẻ chỉ ngủ. Mấy khúc xương là dành cho lũ trẻ không biết trò chơi nào khác.

Ý nghĩa của mấy khúc xương đấy. Lần đầu, như thế là khá rõ. Tối nay chàng sẽ biết. Tối nay thế nào chàng cũng được lão thợ kim hoàn mời đến ăn. Ta hy vọng chàng sẽ biết làm như thế nào để cho chàng được toại nguyện, cho nàng được thỏa lòng và cho ta yêu chàng như con cũng được vui lây. Và, hỡi con ngươi của mắt ta, khi trở lại đây, nên nghĩ tới chồng ta, lão thợ cao, con người rất nghèo nàn khốn khổ ấy.

– Con xin lĩnh ý.

Chàng hứa, rồi về. Đó là nói về chàng.

Còn về Halima, khi chồng đến buồng mình, nàng hỏi:

– Ông tiếp người khách lạ trẻ tuổi thế nào?

– Với tất cả lòng ân cần, mến phục. Nhưng chàng trằn trọc suốt đêm vì muỗi nhiều như trấu. Muỗi đốt dữ dội!

– Lỗi tại ông rồi, ông không buông màn cho chàng ngủ. Đêm sau chắc chàng sẽ ít bị quấy rầy hơn. Hẳn ông còn mời chàng một lần nữa chứ? Ít nhất cũng phải thế để đền đáp tấm lòng rộng rãi của chàng đã biệt đãi ông.

Lão thợ kim hoàn khó bề từ chối nhất là lão cũng đã cảm thấy quý mến chàng.

Cho nên khi Kama đến, lão mời ngay. Đêm ấy mọi việc diễn ra như đêm trước, dù có buông màn. Khi cốc kem êm dịu đã có hiệu nghiệm, nàng Halina trẻ tuổi, lửa dục bừng dậy lại hỳ hục suốt đêm không rời chàng lấy một phút. Và đến sáng, Kama nhờ có thứ bột thổi vào lỗ Mũi tỉnh giấc nặng nề, lại cảm thấy mặt mày nóng bỏng, mình mẩy đau nhức, ê ẩm vì các trò của cô tình nhân nồng cháy. Nhưng khi lão thợ bạc hỏi han về giấc ngủ, chàng không lộ điều gì.

Chàng từ biệt, tìm đến mụ vợ lão thợ cạo. Nhìn túi thấy có con dao người ta bỏ vào, chàng đưa cho mụ, kèm theo năm trăm đina cho ông chồng, con người khốn khổ ấy! Mụ già hôn tay chàng cầm con dao, kêu lên:

— Cầu đức Ala tránh cho con tai họa! Người tình của con dọa nếu còn thấy con ngủ sẽ giết con đấy! Con dao trong túi con, ý là như thế đấy.

Kama không hiểu ra sao bèn hỏi:

— Làm sao con không ngủ cho được? Con đã cố thức mà không cưỡng nổi?

— Thì sao không để cho một mình lão thợ bạc uống? Chàng vờ uống mà hắt cốc kem ra phía sau, rồi vờ ngủ trước mặt nữ nô. Như thế, chàng sẽ đạt được ý nguyện.

Kama nhất nhất nghe theo và không quên làm theo lời chỉ bảo tuyệt diệu ấy. Mọi việc xảy ra đúng như mụ già đoán định. Lão thợ bạc, theo lời khuyên của vợ mời Kama ăn bữa tối thứ ba theo tục lệ đã đãi khách là phải mời ba lần liên tiếp.

Nữ nô mang kem, sau khi thấy hai người lăn ra ngủ vào báo với cô chủ. Halima nổng cháy điên tiết thấy gã trẻ tuổi không hiểu gì về sự cảnh cáo, đi vào buồng tiệc, tay lăm le con dao, định đâm vào trái tim kẻ ngu dại. Bỗng Kama đột nhiên đứng lên, tươi cười, cúi chào sát đất.

— Ai! ai dạy chàng trò ranh ma này?

Kama không giấu giếm, kể lại mưu mẹo của vợ lão thợ cạo. Halima mỉm cười:

— Mụ già giỏi đấy! Nhưng từ bây giờ, không cần đến mụ nữa, chàng trực tiếp gặp mình em thôi, và chàng sẽ không phải oán thán.

Nói rồi, nàng kéo sát chàng thanh niên mà da thịt còn trinh bạch mùi vị đàn bà.

Khi nàng Halima thông thạo đã dịu được ngọn lửa tình thiêu đốt, nàng vừa vuốt ve chàng vừa nói:

– Ôi, người bạn của lòng em, nàng nói, em không thể thiếu chàng được nữa, đừng nghĩ rằng một hai đêm, một hai tuần, một hai tháng, một hai năm là đủ với em. Em muốn có chàng suốt đời, bỏ lão chồng già nua xấu xí mà theo chàng về nước. Hãy nghe em, nếu yêu em, hãy làm thế này: Lão chồng già của em mà còn mời chàng lần nữa thì hãy nói: Lạy đức Ala! Con người vốn nặng trần tục, nhưng nếu đến nhà người khác nhiều lần, người ta dù già hay trẻ cũng sẽ đến chán ngấy. Tôi không thể nhận lời mời ân cần của bác được, xin bác miễn thứ: Giữ bác ba bốn đêm liền ngoài buồng khuê, tôi thật đã khiếm nhã. Nói thế rồi, chàng nhờ lão thuê cho một căn nhà sát với nhà này và viện lẽ rằng như thế hai người có thể đến thăm nhau thuận tiện, lần lượt sang chơi với nhau một lát vào buổi tối mà chẳng phiền hà gì đến nhau. Em biết chồng em sẽ hỏi ý kiến em và em sẽ nói thêm để lão tin vào ý định này! Hãy thế đã, còn sau ra sao đã có Chúa.

– Nghe nàng nói, tức là tuân lệnh nàng! Chàng Kama trẻ tuổi đáp, và thề sẽ nhất nhất làm theo mọi ý kiến của nàng.

Kama theo lời khuyên của người tình thản nhiên đến nằm cạnh lão thợ bạc. Sáng sớm, khi lão được thứ bột giải mê làm tỉnh giấc, Kama từ biệt lão như mọi lần. Lão cố giữ mời chàng tối lại đến dùng cơm. Kama không quên lời dặn của người tình, từ chối, nhưng cho lão biết dự định thuê nhà, nói rằng đây là cách duy nhất để hai người khỏi làm phiền nhau. Lão thợ bạc ưng ý, tìm thuê ngay căn nhà ngay cạnh nhà lão,

bày biện sang trọng rồi mời bạn trẻ đến ở. Còn nàng Halima thông thạo thì, rất kín đáo, cho đục một lỗ thông qua bức tường ngăn cách, mỗi bên đặt một cái tủ che lấp đi.

Cho nên hôm sau, Kama lấy làm kinh ngạc thấy người tình xuất hiện trong phòng mình như có phép tàng hình. Ôm hôn thắm thiết xong, nàng bèn nói cho biết bí mật của cái tủ. Trọn cuộc vui, nàng bèn lấy từ trong ngực áo ra một con dao găm rất đẹp. Con dao này là của chồng nàng. Lão đánh con dao rất công phu, nạm ngọc vào cán. Nàng trao cho Kama mà rằng:

– Dắt nó vào lưng, đến cửa hiệu của chồng em, đưa cho lão xem, hỏi có thích không và đáng giá bao nhiêu. Lão sẽ hỏi ai đưa cho chàng. Chàng bảo: đi qua khu chợ bán vũ khí, chàng nghe có hai người nói chuyện với nhau. Một người nói: – Đây là món quà do tình nhân của tôi tặng. Cô ta thường tặng tôi những đồ dùng của lão chồng già, xấu xí và ghê tởm vào bậc nhất của loại chồng già! Người nói câu ấy đi đến gần thì chàng hỏi mua con dao. Chàng nhớ, nói xong phải về đây ngay, đưa trả lại cho em. Em ở trong tủ này.

Kama cầm con dao, đến cửa hiệu lão Ôbét, đóng vai mà người tình giao cho.

Ôbét nhìn thấy con dao, và nghe Kama nói, thấy ngồn ngang trong lòng, nói năng đứt quãng như người mất trí. Thấy lão như vậy Kama chạy vội về, trả lại dao cho người tình, đang chờ chàng trong tủ. Chàng tả lại tình trạng điên dại của lão chồng nàng.

Còn Ôbét, lão cũng chạy về, ghen tuông vò xé. Lão rít lên như một con rắn dữ. Lão bước vào nhà, trợn mắt, thét lên:

– Con dao găm của ta đâu?

Halima ra vẻ ngây thơ, con mắt mở to như ngạc nhiên.

– Nó vẫn ở trong cái hộp nhỏ. Nhưng lạy Chúa! ông như người loạn trí, tôi không đưa ông đâu! ông mà đâm ai, thì khốn!

Lão thợ bạc cứ đòi, thề sẽ không đâm ai. Nàng mở hộp, đưa dao cho lão.

– Ôi! lạ kỳ! Lão kêu lên.

– Có gì mà kỳ lạ? Nàng hỏi.

– Tôi vừa thấy nó ở thắt lưng người bạn trẻ mà!

– Trời ơi! Thế ra ông nghi oan cho vợ ông à, hỡi con người khốn nạn kia?

Lão thợ bạc phải xin lỗi vợ, làm đủ chuyện cho nàng nguôi giận!

Hôm sau, Halima lại nghĩ cách làm cho chồng phải ly dị mình. Nàng nói với Kama:

– Chàng xem, cách thứ nhất không được rồi. Giờ, em sẽ ăn mặc như một nữ nô, chàng dẫn em đến cửa hiệu lão chồng em. Chàng nâng tấm mạng che mặt em lên bảo rằng chàng mới mua em ở chợ, xem lão có mở mắt ra không.

Nàng cải trang xong, theo người tình đến cửa hiệu chồng. Kama lên tiếng:

– Đây là một nữ nô tôi mới mua một nghìn đina vàng. Bác xem có ưng cô ta không?

Nói rồi, chàng vén tấm mạng che mặt cô gái lên.

Lão thợ bạc xuýt ngất đi khi nhận ra vợ trang điểm những hạt ngọc rất đẹp do chính tay lão dũa gọt, tay đeo những chiếc nhẫn Kama đã tặng lão.

— Tên người nữ nô này là gì? Lão hỏi

— Là Halima.

Lão bỗng thấy khô cổ và ngã lăn xuống đất. Kama, thừa dịp lão ngất quay trở về.

Tỉnh lại, Ôbét chạy hết hơi về nhà, thấy vợ với những trang sức như vừa thấy, thì ngạc nhiên và sợ hãi đến chết mất.

— Chỉ có thể tin vào sức mạnh và sự chở che của đức Ala Tối Thượng Quyền Uy! lão than thở.

— Ong làm sao thế? Ông ngạc nhiên về cái gì? Halima hỏi.

— Quỷ thật! Tôi vừa thấy một nữ nô mà người bạn trẻ của ta mua được. Cô ta giống nàng như lột.

Halima như nghẹn ngào vì bất bình:

— Tên vu khống râu dài kia! ngươi dám ngờ vực mà xúc phạm xấu xa đến ta thế à? Chạy sang bên kia xem có thấy tận mắt tên nữ nô ấy không nào!

— Phải đấy, lão nói, có thế mới hết được ngờ vực.

Lão chạy xuống cầu thang, sang nhà Kama.

Halima đã chui qua tủ, và khi chồng sang, nàng đã ở đấy rồi. Thấy sự giống nhau như tạc, lão khốn khổ lầm bầm:

— Đức Ala thật vĩ đại. Người tạo nên mọi chuyện tự nhiên và tất cả những gì người thích.

Lão về nhà, hết sức bối rối, hoang mang. Thấy vợ vẫn ở nguyên chỗ, lão chỉ còn biết khen ngợi vợ hết lời và xin lỗi, rồi trở lại cửa hiệu.

Halima lại chui qua tủ, đến với Kama:

– Chàng xem, chẳng có cách gì mở mắt cho tên râu dài đáng xấu hổ này được. Chúng mình phải rời khỏi ngay đây thôi. Em đã chuẩn bị đủ, lạc đà chở đồ đạc, và ngựa. Đoàn lạc đà chỉ còn chờ chúng ta lên đường.

Nàng đứng lên, trùm khăn, quyết định dẫn Kama đến chỗ khởi hành. Cả hai lên ngựa, ra roi. Nhờ đức Ala phù hộ, họ đến Ai Cập, không xảy ra chuyện gì đáng tiếc dọc đường.

Ông cụ thương gia đáng kính, bố Kama, được tin con về mừng lắm. Cả nhà vui đón chàng đến rơi nước mắt hạnh phúc. Halima vào nhà. Mọi người choáng ngợp vì nhan sắc của nàng.

– Có phải là một công chúa không con? Ông cụ hỏi.

– Không đâu, thưa cha! đây là cô gái mà sắc đẹp đã thôi thúc con phải làm cuộc hành trình. Giáo sĩ đã nói chính về nàng đấy. Giờ, con xin được cưới nàng theo tôn giáo và lệ luật của chúng ta.

Và chàng kể hết chuyện cho cha biết, từ đầu đến cuối.

Nghe xong, vị thương gia đáng kính Apđen Ramàn nói:

– Con ơi! Con mà cố tình lấy cho được người đàn bà con cái của địa ngục này, thì thật đáng nguyền rủa hết cõi đời này sang cõi đời khác. Một ngày kia

hắn cũng sẽ cư xử với con tráo trở như đã cư xử với người chồng thứ nhất. Để cha hỏi cho con một cô gái con của gia đình nền nếp.

Ông cụ trách cứ lâu lắm, khuyên răn hết lời điều hơn lẽ thiệt, nên cuối cùng Kama xuôi lòng ;

— Thưa cha! cha muốn thế nào con cũng xin nghe theo

Vị thương gia ôm hôn con, và ra lệnh cho nhốt Halima vào một căn buồng kín, sau sẽ hay.

Ông tìm kiếm, bà vợ ông đến các nhà giàu sang, khắp trong thành phố, để kén một thiếu nữ đẹp đôi với con, và cuối cùng đã tổ chức được hôn lễ cho chàng lấy con gái vị chánh án, chắc chắn cô là thiếu nữ xinh đẹp nhất Loke. Cuộc vui ròng rã bốn mươi ngày: hoa đăng, tiệc tùng, múa nhảy, trò chơi... Ngày cuối cùng dành cho người nghèo. Họ được mời ăn thỏa thích.

Bữa ăn cuối cùng này, Kama đích thân để mắt trông nom đến kẻ ăn người ở. Trong đám khách người nghèo, Kama chú ý tới một người rách rưới hơn cả, mặt nắng xạm, có vẻ mệt nhọc, đau xót lắm. Chàng gọi, và nhận ra là lão kim hoàn Ôbét. Chàng chạy đến nói với bố. Ông bố nói :

— Giờ là lúc có thể làm được gì thì làm để đền bù lại sự bất hạnh con đã gây nên do đứa buông tuồng mà cha đã cho nhốt lại.

Lúc đó, lão thợ bạc sắp bỏ đi thì Kama tiến lại, gọi tên lão, ôm hôn thắm thiết mà hỏi vì sao ra cơn cớ này. Ôbét cho hay : để cho chuyện nhà lão không bị vỡ lở khiến bọn thù địch lấy đi mà rêu rao, lão phải bỏ Baxra mà đi, nhưng đến sa mạc thì bị bọn Arập cướp đường lột hết.

Ông Ramân vội cho người dẫn lão đến nhà tắm. Lão tắm xong, ông lấy quần áo sang trọng cho mặc mà nói:

Ông bây giờ là khách của tôi, tôi xin nói thật. Vợ ông, Halima, hiện ở đây. Tôi đã cho nhốt vào một căn buồng kín đáo, định bụng sẽ cho đưa cô ta về Baxra. Nhưng đức Ala đã xui ông đến đây thì có nghĩa là số phận cô ta đã được định trước rồi. Tôi dẫn ông đến đấy, ông tha thứ hoặc đối xử thế nào, tùy ý. Tôi đã rõ chuyện buồn phiền của ông mà kẻ duy nhất gây nên là vợ ông. Người đàn ông bị một người đàn bà quyến rũ không có gì đáng chê trách? Làm sao cưỡng lại được tính tự nhiên, bẩm sinh? Nhưng còn người đàn bà thì không hế được. Không chống cự lại đàn ông sán lại tán tỉnh mình thì bao giờ cũng là có lỗi. Ôi, bạn ơi! có một người vợ phải khôn khéo và kiên nhẫn lắm mới được.

Lão thợ bạc đồng tình:

— Ngài nói đúng! Trong việc này, chỉ mình vợ tôi là có tội. Nhưng mà chị ở đâu?

— Trong căn buồng trước mặt ông. Chìa khóa đây!

Lão thợ bạc đỡ lấy, lòng khấp khởi. Lão mở cửa vào buồng, chẳng nói chẳng rằng, tiến thẳng đến cô vợ, đột nhiên hai tay chồm lấy cổ thít lại cho đến tắt thở. « Đồ dâm đãng loại mày phải chết như thế! ».

Vị thương gia Apđen Ramân, để đền bù sự thiệt hại do Kama gây nên cho lão, đã cho ông Ôbét làm lễ thành hôn với con gái Sao Mai cùng ngày Kama cưới vợ. Ông cho như thế mới công bằng và xứng đáng. Nhưng đức Ala còn vĩ đại và hào hiệp hơn.

Saradát kể xong câu chuyện, ngồi im. Vua Saria nói:

— Cầu chúc cho tất cả những con dâm phụ đều chịu chung số phận của vợ lão thợ bạc. Nhiều câu chuyện nàng kể ta nghe đáng lẽ cũng phải kết thúc như vậy. Saradát hỡi! có đôi chuyện về đàn bà không kết thúc theo ý ta, ta bực lắm! Nàng biết ta đã xử sự thế nào với con vợ vô liêm sỉ và tinh quái của ta cùng tất cả lũ nữ tỳ bất nghĩa của hắn. Xin chúa đừng thương hại gì lắm.

Saradát không muốn vua dừng lâu ở ý nghĩ đó, không đáp, và vội kể câu chuyện sau đây.

Chuyện cái chân cừu

Người ta kể rằng ngày xưa ở Lơ ke, dưới một triều vua nọ, có một mụ đàn bà rất khéo léo và xảo quyệt. Đối với mụ, uống một ngụm nước, hay chui qua lỗ một cái kim, loại bé nhất, cũng đều dễ dàng như nhau. Chúa đã cho mụ ta (Chúa vốn ban phát cái hay cái dở theo ý muốn của Người) một khi chất nồng nhiệt đến nỗi nếu cứ theo phong tục bốn vợ một chồng của người Hồi giáo và phải chịu cái chế độ công bằng hưởng một phần tư đêm với chồng thôi, thì mụ đến chết mất vì phải nén bớt dục tình. Mụ biết xoay xở không những được một vợ một chồng, mà còn lấy được hai chồng một lúc. Cả hai anh chồng mụ, đều thuộc cái loại gà sống miền Ai cập thượng, rất khỏe, có thể lần lượt đạp mái hai mươi con một lúc. Mụ khéo léo

~~đến nổi~~ thu xếp đến nổi hai anh chồng không ai có nghi ngờ gì về cái việc họ chia nhau làm, một cách rất trái với luật pháp và tục lệ của những tín đồ Hồi giáo chân chính. Vả lại, chính nghề nghiệp của hai anh chồng đã giúp cho thủ đoạn của mụ thực hiện dễ dàng hơn. Vì một anh làm nghề ăn trộm ban đêm, một anh làm nghề đánh cắp ban ngày. Thành thử khi tối đến, một anh xong việc về nhà thì anh kia đã ra đi kiếm chác. Còn về tên của họ: một người là tên trộm Haram và một người là tên cắp Akin.

Ngày tháng cứ trôi qua, Tên ăn trộm Haram va tên ăn cắp Akin làm rất tốt chức phận vụ của chúng, cái chức phận là gà trống trong nhà và cáo già ngoài ngõ.

Một hôm tên ăn trộm Haram, sau khi đã thỏa mãn mụ vợ hăng hơn mọi ngày, bảo mụ:

– Này mẹ nó, ta có việc rất cần phải vắng nhà ít hôm Cầu chúa giúp ta thành công để ta chóng về với mẹ nó.

Mụ nói:

– Cầu nguyện cho bố nó! Nhưng bố nó đi rồi thì tôi sẽ ra sao!

Mụ làm ra bộ khổ sở lắm, tỏ hết vẻ nồng nhiệt đối với chồng rồi mới để anh ta đi. Tên trộm Haram mang trên lưng một đẫy đựng thức ăn do vợ chuẩn bị cho. Hắn khoan khoái vừa đi vừa huýt sáo.

Hắn đi được một lúc thì tên ăn cắp Akin về. Hắn cũng có việc cần phải vắng nhà Akin, bèn báo cho vợ biết vậy. Mụ vợ trẻ tỏ vẻ rất buồn phiền vì phải xa chồng. Mụ âu yếm hắn hết cách này đến cách khác, hết lần nọ đến lần kia, thật phi thường. Đoạn mụ

chuẩn bị thức ăn cho hắn, cầu nguyện rồi từ biệt hắn. Akin ra đi mừng thầm có mụ vợ nồng nàn và chu đáo đến thế. Hắn khoái trí vừa đi vừa huýt sáo.

Số mệnh của mỗi người thường chờ người ta ở một con đường rõ bất ngờ. Hai anh chồng đã gặp số mệnh của họ giữa lúc họ ít nghĩ đến nhất. Quả vậy, đi hết một ngày, tên ăn cắp Akin vào một quán trọ dọc đường định nghỉ đêm tại đó. Vào quán hắn chỉ thấy một người khách. Hai bên chào hỏi nhau rồi bắt chuyện làm thân. Người khách đó lại chính là tên ăn trộm Haram. Hắn ta cũng đi một đường với tên không quen biết kia. Akin hỏi:

— Này anh bạn, anh có vẻ mệt lắm phải không?

— Lạy chúa! Hôm nay tôi đi một mạch hết đoạn đường từ Lơ Ke đến đây. Còn anh, anh từ đâu đến?

— Cũng từ Lơ Ke! Vinh quang thay đức chúa đã cho tôi một ông bạn đường thú vị thế này. Đức Sứ giả (cầu nguyện cho Ngài và chúc Ngài bình an) đã nói: « Còn bạn đường, còn có thức ăn ». Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy cùng nhau ăn chung một miếng bánh, chia ngọt sẻ bùi để thắt chặt tình bạn giữa chúng ta. Đây, đây đồ ăn của tôi đây. Có chà là tươi, có thịt quay ướp tỏi, mời anh ăn.

— Hỡi anh bạn! Cầu chúa ban thêm của cải cho anh! Tôi sẵn sàng nhận lời. Nhưng cho phép tôi được góp phần vào bữa ăn.

Akin lấy thức ăn ra, Haram cũng làm thế và đem bầy cả trên chiếc chiếu chúng đang ngồi. Bầy xong, chúng thấy rằng thức ăn của đôi bên giống nhau như hệt: cũng những cái bánh vừng tròn, những quả chà là, cũng nửa cái chân cừu như nhau. Nhất là

khi ghép hai nửa chân cừu thấy khớp nhau thì chúng ngạc nhiên hết sức. Chúng reo lên: «Alahu Acba: Số phận định rằng dù cừu đã bị giết, bị quay lò và tầm gia vị, thì hai nửa chân này vẫn khớp lại với nhau» Rồi tên cắp hỏi tên trộm:

– Chúa Ala phù hộ cho anh bạn! anh có thể cho biết miếng chân cừu này ở đâu mà có?

Tên trộm nói:

– Của vợ tôi làm cho tôi trước, trước khi khởi hành Nhưng lạy chúa đến lượt tôi, tôi cũng muốn hỏi anh bạn cái nửa chân kia anh lấy ở đâu ra?

– Cũng chính vợ tôi đã bỏ vào đẫy cho tôi. Thế nhà anh ở phố nào?

– Gần Thắng Môn!

– Tôi cũng ở đấy,

Rồi từ câu hỏi này đến câu hỏi khác. cuối cùng hai tên bợm thấy rằng từ ngày cưới vợ, chúng cùng chung một giường, một bếp, mà không hay biết gì cả. Chúng cùng nói to lên:

– Quỷ thế thì thôi! Thế là đôi ta cùng bị con mụ chết tiệt ấy nó lừa rồi.

Phát hiện điều ấy đáng lẽ có thể làm cho chúng gây sự đấm đá nhau, nhưng chúng vốn thận trọng khôn ngoan, nên nghĩ rằng tốt hơn hết là trở về để tai nghe, mắt thấy bắt mụ ta phải ba mặt một lời cắt nghĩa cho rõ sự sảo quyệt của hắn, Thỏa thuận với nhau như vậy rồi, chúng quay lại Lơ Ke. Phút chốc chúng về đến căn nhà chung của chúng. Mụ vợ trẻ ra mở cửa thấy cả hai chồng cùng về thì hiểu ngay là sự

tình đã bại lộ. Vốn khôn ngoan, lại khéo léo, mụ thấy có dấu cũng vô ích, mụ phải tìm kiếm một cái cớ gì đấy để che giấu sự thật. Mụ bèn nghĩ: « Lòng người đàn ông sắt đá nhất cũng phải mủi lòng trước nước mắt của người vợ yêu! » Thế là đột nhiên mụ khóc nức nở, xòa tóc ra rồi quỳ xuống chân hai anh chồng kêu van xin thương lấy mụ.

Cả hai đều yêu mụ. Lòng chúng vẫn bị sức quyến rũ của mụ thắt chặt lấy. Bởi vậy dù tội bội bạc của mụ sờ sờ ra đấy, chúng vẫn cảm thấy sự quyến luyến đối với mụ vẫn không hề giảm sút. Tuy nhiên, chúng cũng trừng mắt, quở mắng mụ đôi lời rồi đỡ mụ dậy, hối hận tha thứ cho. Mụ đứng dậy im lặng có vẻ ăn năn hối lỗi. Hai tên bảo mụ phải chấm dứt ngay cái nghịch cảnh « một bà hai ông » này rất trái với phong tục người Hồi giáo. Chúng nói thêm:

– Ngay bây giờ cô muốn chọn ai trong hai ta làm chồng thì phải quyết định ngay đi!

Nghe nói, mụ vợ trẻ cúi đầu suy nghĩ lung lắm. Chúng giục mụ phải quyết định dứt khoát, nhưng mụ không quyết chọn ai được, vì mụ thấy cả hai đều can đảm khỏe mạnh và dai sức như nhau. Chờ sốt ruột chúng thét bắt mụ phải chọn cho xong đi. Mụ ngửng đầu nói:

– Chỉ có thể cầu cứu đến lòng thương của đức Ala đấng Tối cao, đấng Toàn năng! Hai chàng bắt tôi phải chọn, nhưng tôi đều yêu mến hai chàng như nhau. Tôi đã suy nghĩ đắn đo thấy không có lý gì ưng người này hay người kia. Bây giờ tôi định thế này: Hai chàng sống về tài nghệ của mình, như thế, lương tâm

không cần rứt gì đâu. Chúa vốn xét xử hành động chúng sinh theo cái thiên tư mà chúa ban sẵn cho mỗi người. Chúa sẽ không đầy hai chàng ra ngoài lòng từ bi của Chúa đâu! Akin, chàng làm nghề cắt túi ban ngày, Haram, chàng làm nghề khoét vách ban đêm, trước Chúa và trước hai chàng, tôi tuyên bố rằng trong hai chàng ai làm được chuyện gì khôn khéo phi thường hơn, thì tôi sẽ chọn người đó làm chồng.

Hai người bằng lòng nhận lời thách thức và chuẩn bị thi tài khéo léo.

Akin thực hiện trước. Hắn cùng Haram vào khu hàng những người đổi bạc. Hắn chỉ cho Haram một người Do Thái già đang thong thả đi đi lại lại từ hiệu này đến hiệu nọ. Akin nói:

— Này Haram, đằng ấy có thấy thằng già chó má kia không? Trước khi hắn xong cuộc tuần du của kẻ đổi bạc, tớ sẽ bắt hắn phải trao cho tớ cái túi đầy vàng và bạc đổi của hắn.

Nói rồi, nhẹ như một cái lông, hắn tiến gần lại lão Do Thái mà đánh xoáy ngay cái túi đầy những đồng đina vàng của lão. Xong hắn về chỗ Haram. Tên này sợ quá muốn lẩn đi để khỏi bị tóm cổ vì tòng phạm. Song kinh ngạc trước cái võ quá tài tình đó, hắn khen Akin:

— Lạy Chúa! Giỏi quá! Tớ thì chắc chẳng bao giờ làm nổi cái chiến công hiển hách như vậy. Tớ nghĩ rằng xoáy được của một tên Do thái là một việc quá sức đối với một tín đồ Hồi giáo.

Tên trộm Akin cười, nói:

— Khốn khổ! Đây mới chỉ là bước đầu thôi tớ không định chiếm túi bạc của tên Do Thái bằng cách

này. Vì một ngày nào đó luật pháp sẽ theo dõi tớ và có thể bắt tớ phải nhả ra. Tớ muốn thành chủ nhân hợp pháp của cái túi với số tiền trong đó kìa. Tớ sẽ làm cho chính viên pháp quan phải trao cho tớ của cải của tên Do Thái đầy ứ vàng này.

Nói rồi hắn đến một xó của khu chợ, mở túi ra đếm số tiền lấy đi 10 đina thay vào bằng cái vòng con bằng đồng của hắn, xong hắn thắt túi lại cẩn thận mang đến đút nhẹ vào túi lão Do Thái như không có gì xẩy ra. Hỡi các tín đồ! Một bàn tay khéo léo là một món quà tặng của chúa Ala đó!

Lão Do Thái vừa đi mấy bước, tên trộm vội nhẩy xổ đến, lần này thì thật đường hoàng. Hắn thét: «Đồ khốn kiếp mày sắp bị trừng trị rồi đấy. Trả cái túi cho ta, hoặc là cả hai cùng lên quan!» Lão Do Thái bị một tên cha căng chú kiết mà lão chưa từng gặp bao giờ, làm rày rà, thì ngạc nhiên quá đỗi. Lão bắt đầu né người cho khỏi bị đánh, đoạn xin lỗi rối rít thề sống thề chết là kẻ kia nhầm, và về phần lão, lão không bao giờ nghĩ đến việc nẫng túi bạc của hắn. Nhưng Akin chẳng muốn nghe lão phân trần bèn hô hoán cả khu chợ phản đối lão. Cuối cùng hắn túm lấy áo lão: «Nào, tao với mày lên quan» lão không chịu đi. Hắn tóm râu lão mà kéo đến trước mặt viên pháp quan giữa những tiếng la ó.

Vị pháp quan hỏi:

– Có việc gì?

Akin nói ngay:

– Bẩm quan lớn cái tên Do Thái của bộ lạc Do Thái này, mà tôi dẫn đến nhờ đèn trời soi xét, là

một tên trộm táo gan nhất trong số những tên đã tới nơi xử án này. Sau khi ăn cắp cái túi đầy vàng của tôi, hắn cả gan đi nhởn nhơ trong khu chợ với vẻ bình thản của một người Hồi giáo vô tội.

Lão Do Thái với nửa bộ râu đã bị giật đứt, rên rỉ nói:

– Bẩm quan lớn tôi xin bác lại lời tên này. Tôi không hề biết hắn, thế mà hắn đã hành hạ tôi, đã hò hoán cả chợ hùa vào chống tôi, làm mất uy tín danh dự của một người làm nghề đổi bạc chưa hề bị ai chê trách bao giờ.

Akin kêu:

– Hỡi đứa con đáng nguyền rủa của xứ Ixraen kia! Đời thuở nào lời nói của con chó trong dòng giống nhà mày lại đáng tin hơn lời nói của một tín đồ Hồi giáo! Bẩm quan lớn, tên bịp bợm này chối việc hắn ăn cắp, cũng táo tợn như cái tên lái buôn người Ấn Độ, mà tôi có thể kể hầu quan lớn nếu quan lớn chưa biết chuyện!

Viên pháp quan nói:

– Ta chưa biết, chuyện thế nào kể vắn tắt ta nghe!

Akin kể:

– Bẩm quan lớn, xin nói gọn rằng tên lái buôn Ấn Độ đó mưu mô lấy được lòng tin cậy của cả khu chợ, nên một hôm có người gửi cho hắn một món tiền lớn mà không cần giấy biên nhận. Nhân cớ đó, khi người chủ đến đòi số tiền gửi hắn chối phắt đi. Không có người làm chứng, lại không có giấy tờ gì hắn

chắc mầm nuốt trôi. Nhưng vị pháp quan vốn có tài xét xử đã khéo léo bắt hắn phải thú thật. Hắn thú xong ngài cho nọc ra đánh hai trăm roi vào gan bàn chân, rồi tống cổ không cho ở trong thành phố nữa.

Akin lại tiếp:

— Quan lớn vốn là bậc minh quan tôi chắc ngài sẽ tìm ngay được cách chứng minh tội ăn cắp của tên Do Thái này. Nhưng trước hết xin quan lớn cho lục soát hắn để bắt lấy tang vậy.

Nghe Akin nói, viên chánh án cho lệnh khám người lão Do Thái. Người ta thấy cái túi bạc ngay. Bị cáo rên rỉ kêu rằng túi bạc đó là của mình. Akin vừa thề vừa chửi và quả quyết sẽ chứng minh được ngay túi bạc đó là của hắn. Viên pháp quan vốn thận trọng bèn cho cả hai cùng khai ra xem họ đã bỏ gì vào túi đó. Lão Do Thái khai rằng trong túi có năm trăm đồng đina vàng mà lão bỏ vào sáng nay không hơn không kém. Akin lớn tiếng:

— Đồ chó Do Thái! Mày nói láo, trừ phi mày làm trái thói quen của những kẻ thuộc cái giống mày mà trả cho người ta nhiều hơn số tiền người ta cho mày vay thì không kể. Còn ta, ta nói rằng trong túi đó chỉ có bốn trăm chín mươi đồng đina vàng không hơn không kém và nếu mày không lấy đi rồi thì trong đó còn có một cái vòng bằng đồng mang con dấu của ta.

Viên chánh án mở cái túi trước mặt hai người làm chứng. Tên trộm Akin được cuộc. Lão Do Thái ngạc nhiên quá không nói được lời nào. Viên pháp quan trao túi bạc cho Akin rồi lệnh nọc cổ lão Do Thái ra đánh.

Tên ăn cắp Haram thấy Akin thành công thì hết lời khen ngợi và tỏ ý khó lòng thắng nổi Akin. Tuy nhiên hắn cũng hẹn Akin tối đến gặp nhau ở gần nơi cung vua. Hắn sẽ cố thi thố tài năng để có một chút chiến tích xứng đáng ít nhiều với cái tài nghề diệu kỳ mà hắn vừa được chứng kiến.

Tối đến cả hai đều có mặt ở nơi hẹn. Haram nói với Akin:

— Này anh bạn, thế là đằng ấy đã được cười vào mũi tên Do Thái và lão pháp quan. Còn tớ, tớ sẽ đùa ngay với đức vua cho mà xem. Đây là một cái thang dây, tớ sẽ dùng để leo vào trong cung. Đằng ấy phải theo tớ vào mà xem.

Akin vốn chỉ làm nghề xoáy vặt ban ngày chưa từng ăn trộm ban đêm bao giờ, thấy Haram bạo gan quá đâm hoảng. Nhưng bây giờ rút lui thì xấu hổ. Hắn giúp Haram tung thang dây lên mặt tường thành rồi cả hai cùng leo lên để tụt xuống phía bên kia. Qua mấy khu vườn, nhờ bóng tối chúng vào tận nội cung, rồi theo mấy dãy hành lang, đến chỗ vua ngủ. Haram vén cái màn cửa, chỉ cho tên bạn thấy nhà vua đang nằm ngủ có tên tiểu đồng ngồi xoa bàn chân vua.

Kể đến đây thấy trời hửng sáng, Saradát kín đáo ngừng lại:

Nhưng đến đêm 788

Nàng tiếp:

Tên tiểu đồng xoa bàn chân vua để vua dễ ngủ, chú ta cũng díp mắt lại miệng nhai một miếng trám để giữ cho khỏi ngủ lăn ra.

Akin sợ quá xuýt ngã lăn ra. Haram nói vào tai:

– Việc gì mà sợ quá thế? Đằng ấy đã nói chuyện với viên pháp quan, đến lượt tớ, tớ muốn nói chuyện với nhà vua, có gì mà sợ.

Hắn để Akin đứng sau tấm màn che cửa, lẹ làng tiến đến gần tên tiểu đồng lấy giẻ nhét vào mồm chú, trói lại, treo lên trần như treo một gói đồ vậy, và Haram lấy giọng chú bé nói với vua:

– Tâu đức vua muôn đời, đức vua không ngủ được, Người có muốn tôi kể hầu Người một câu chuyện không?

Vua bằng lòng. Haram kể:

– Tâu đức vua muôn đời, ngày xưa ở một thành phố nọ có một tên ăn trộm là Haram và một tên ăn cắp là Akin chúng thi tài khéo léo và bạo gan với nhau. Một hôm hai đứa định làm thế này đây.

Rồi Haram thuật lại cho vua nghe tỉ mỉ cái ngón vừa rồi của Akin rồi cả gan thuật lại việc vừa xảy ra trong nội cung, chỉ đổi đi đôi chút tên nhà vua và nơi xảy ra câu chuyện. Kể xong hắn hỏi:

– Tâu đức vua muôn đời, xin đức vua phán cho đứa nào giỏi hơn?

Vua đáp:

– Tên ăn trộm đã vào cung vua hơn đứt đi rồi.

Nghe xong câu đó Haram lấy cớ buồn tiểu tiện quá, xin ra ngoài. Hắn đến chỗ Akin. Tên này suốt trong thời gian nghe chuyện sợ đến mất vía. Cả hai đều theo đường lúc nãy đi ra vô sự như khi chúng vào.

Sáng hôm sau vua lấy làm lạ, thấy tên tiểu đồng ở nhà xí mãi chưa vào. Đến khi thấy hắn bị treo trên trần y hệt như trong câu chuyện vua được nghe kể, vua ngạc nhiên lắm, và không mấy lúc vua thấy ngay rằng chính mình đã bị tên trộm to gan đánh lừa. Nhưng vua không giận lại còn muốn tìm biết hắn. Nhà vua cho mõ rao rằng kẻ nào đêm trước lẻn vào cung, nếu ra mắt vua, không những vua không bắt tội còn ban thưởng cho nữa. Haram tin ở lời hứa đi vào cung trình diện. Vua khen hắn can đảm, và để thưởng cho tài của hắn phong ngay hắn làm cảnh sát trưởng toàn quốc. Mụ vợ trẻ được tin đó bèn chọn Haram làm chồng duy nhất và cùng chồng sống trong hoan lạc.

Những chiếc chìa khóa của số phận

Người ta kể rằng Giáo chủ Môhamat ben Tâylun, vua nước Ai cập là một vị vua hiền và tốt, ngược lại với vua cha độc ác và áp chế. Ông này thường tra tấn thần dân để bắt họ nộp thuế ba bốn lần, dùng roi vọt đánh đập, lôi cho được từng đồng bạc nhỏ họ chôn chặt dưới đất vì sợ người thu thuế vơ vét hết.

Môhamát lên ngôi, vội lập lại công lý, đem lại bình yên đến với muôn dân. Tiền của mà người cha dùng vũ lực cưỡng đoạt được, Ngài dùng chu cấp cho văn

nhân, bác học, thưởng công cho bậc anh hùng, đỡ đầu cho người nghèo kẻ khó, cho nên Đức Ban Ân đã giúp cho triều đại của ngài hưng thịnh chưa từng thấy. Sông Nin êm ả nước đầy, mùa màng tươi tốt bội thu, những cánh đồng trồng đậu hay linh lăng xanh rờn, chưa bao giờ các thương gia thấy vàng chảy tuôn vào cửa hiệu mình nhiều như vậy.

Một hôm vua Môhamát cho đòi tất cả triều thần đến lần lượt hỏi từng người về chức phận, công việc họ làm, lương bổng ra sao, như thế để biết rõ hành vi và nguồn sống của họ. « Có ai việc nhiều mà lương ít, ta sẽ bớt việc, tăng lương cho, vua nghĩ; kẻ nào lương hậu mà việc nhẹ, ta sẽ bớt lương thêm việc »

Đến đầu tiên là những vị đại thần, khoảng bốn chục, những cụ già đáng kính, râu trắng dài, vẻ mặt hiền nhân, trên đầu có ngọc miện quấn giải. Các cụ chống gậy dài, đầu có hổ phách, dấu hiệu của quyền hành. Rồi đến các vị tổng đốc, các vị chủ tướng và tất cả những ai xa, gần, có bổn phận giữ gìn bình yên và công lý. Họ lần lượt đến quì trước nhà vua. Vua hỏi han lâu lắm để xét đoán ban thưởng hoặc bãi chức các quan

Người đến sau cùng là viên hoạn quan đao phủ, kẻ thừa hành mệnh lệnh công lý. Dù đẫy đà như một người được ăn uống no đủ mà không phải làm gì, ông ta vẫn có vẻ buồn bã. Đáng lẽ phải ngẩng cao đầu, thanh đao tuốt trần trên vai, ông ta lại cúi đầu tra đao vào trong vỏ. Đến trước nhà vua ông quỳ lạy rồi hôn đất mà rằng:

— Tâu đức vua, chủ nhân và vành hoa trên đầu của chúng thần, cái ngày mà ánh sáng công lý sáng lên cho kẻ nô lệ thực hành công lý, giờ mới đến đây. Tâu

đức vua muôn đời, từ khi tiên đế Tâylun băng hà – Cầu đức Ala thương xót Ngài – thần cứ mỗi ngày một ít việc, bổng lộc cũng giảm đi. Trước kia, đời thần hạnh phúc, giờ đây vô ích, buồn thiu. Và nếu nước Ai cập cứ thế, tiếp tục hưởng thái bình và thịnh vượng, thì thần sợ chết đói mất, rồi đến không mua nổi một mảnh vải liệm thân! Cầu đức Ala cho chủ nhân chúng thần trường thọ!

Nghe viên đao phủ, vua Môhamát nghĩ ngợi hồi lâu, nhận rằng y phàn nàn có lý, vì những món lợi lớn kiếm được của nghề nghiệp không phải do đồng lương ít ỏi, mà vì được kẻ bị hành quyết tặng quà hoặc cho thừa kế.

Vua phán:

– Chúng ta sinh ra từ đức Ala rồi sẽ trở về với Người. Đúng là hạnh phúc cho mọi người là một ảo tưởng! Điều làm cho người này vui có thể làm kẻ khác buồn chảy nước mắt. Đao phủ, ngươi hãy bình tâm. Công việc của ngươi chẳng lợi lộc gì, từ nay, để giúp ngươi sống, ta sẽ cho lĩnh mỗi năm hai trăm đina. Mong sao cho suốt triều đại của ta, lưỡi đao của ngươi không phải dùng đến mà phủ đầy lớp rỉ yên bình của sự nghỉ ngơi.

Viên đao phủ hôn vạt áo dài của Giáo chủ rồi lui về hàng ngũ. Việc này chứng tỏ vua Môhamát công bằng và độ lượng xiết bao.

Sắp bãi triều, nhà vua bỗng thấy phía sau các vị đại thần, một ông già, mặt mũi nhăn nheo, lưng còng, mà Ngài chưa hỏi tới. Ngài ra hiệu cho lại gần, hỏi ông ta làm chức gì trong cung.

Tâu đức vua muôn đời, ông đáp, tất cả công việc của thần chỉ là trông coi một chiếc hòm mà tiên đế giao cho giữ. Thần được trả lương mỗi tháng mười đina vàng.

Vua ngạc nhiên:

– Việc chỉ có thế thì số lương ấy là quá hậu. Nhưng trong hòm có gì?

– Lạy chúa! Thần đã giữ bốn mươi năm mà vẫn không biết trong có gì.

– Thế thì ông hãy đi lấy đem lại đây nhanh lên!

Ông già tuân lệnh.

Chiếc hòm ông lão đem đến bằng vàng khối, chạm trổ công phu. Theo lệnh nhà vua, ông già mở hòm, lần đầu tiên chỉ có một tấm da linh dương màu đỏ thẫm có chữ sáng loáng. Và dưới đáy hòm có ít đất đỏ.

Nhà vua cầm miếng da, muốn đọc xem nói gì. Dù thông thạo các loại chữ viết và khoa học, Ngài cũng không đọc nổi một chữ nào. Các vị đại thần, các nhà thần học có mặt, cũng chịu. Nhà vua cho mời lần lượt tất cả các vị bác học tiếng tăm của Ai cập, Xyri, Ba Tư, Ấn Độ, nhưng không một ai có thể nói những chữ đó thuộc ngôn ngữ nào. Vì những nhà bác học thường chỉ là những kẻ ngu đần khốn khổ chỉ được có cái khăn to tướng trên đầu.

Vua Môhamát cho loan truyền khắp trong nước là sẽ dành phần thưởng lớn nhất cho ai mách được cho Người một nhà thông thái có thể đọc được những chữ lạ lùng trên mảnh da.

Ít lâu sau, có một ông già, khăn trắng đội đầu, xin vào yết kiến vua.

– Cầu đức Ala thêm tuổi thọ cho đức vua, chủ của chúng tôi, ông nói. Kẻ nô lệ này vốn được hầu tiên đế Tâylun – cầu chúa thương lấy Người – thần bị lưu đầy, hôm nay mới về. Thần xin tâu cho Bệ hạ biết, chỉ có một người có thể đọc được chữ ở tấm da linh dương. Đó là người chủ h p pháp của tấm da : Hatxân Apđala ; con cụ En Asa. Cách đây bốn mươi năm, theo lệnh của tiên đế, ông ta bị hạ ngục. Chỉ đức Ala mới biết được hiện giờ ông ta còn sống mà rên rỉ, hay đã chết rồi.

– N ưng ông Apđala bị bỏ ngục vì nỗi gì ? Vua hỏi.

– Vì đoạt được tấm da linh dương của ông ta rồi, tiên đế dùng vũ lực ép ông ta phải đọc.

Nghe thế, vua Môhamat tức tốc phái bọn cai ngục đi đến tất cả các nhà ngục tìm Hatxân, hy vọng ông ta còn sống để và đưa ra khỏi ngục. Số phận định rằng ông hãy còn sống. Bọn cai ngục, theo lệnh vua, mặc cho ông một chiếc áo trào, rồi dẫn đến vua. Đức vua thấy ông vẻ người đáng kính, mặt hốc hác vì quá khổ đau. Ngài đứng dậy, tỏ lòng trọng đãi, xin ông bỏ qua cho cách đối xử của vua cha, rồi mời ông ngồi cạnh trao cho tấm da.

– Hỡi vị lão trượng kính mến, vua nói, dù tấm da này có l m cho ta chiếm được tất cả các kho tàng trên trái đất, ta cũng không muốn giữ lâu thêm nữa cái vật không phải của ta.

Nghe vua nói, Apđala khóc như mưa. Ông ngửa bàn tay lên trời, nói :

– Chúa hỡi! Người là nguồn gốc của mọi sự khôn ngoan. Trên cùng một mảnh đất. Người sản sinh ra cả thuốc độc lẫn cây lành. Ta đã trải bốn mươi năm trong ngục tối, giờ lại nhờ con người của kẻ áp bức ta mà được chết dưới ánh mặt trời. Chúa vinh quang! Phán quyết của Người thật khôn lường.

Ông quay về phía nhà vua:

– Hỡi vị chủ tối cao của chúng thần, cái mà thần không nộp cho vũ lực, thần xin trao cho lòng nhân ái. Tấm da này mà vì nó thần đã nhiều phen xuýt chết từ nay Bệ hạ là chủ nhân hợp pháp. Nó là mở đầu và kết thúc của mọi khoa học và là tài sản duy nhất thần đã đem từ thành phố Aram-nhiều-cột của Xetđát ben At về, thành phố bí hiểm mà không một người nào đến được.

Vua ôm hôn ông già:

– Lão trượng hỡi! những gì cụ biết về tấm da này và đô thành nọ, cụ cho ta hay đi!

– Tâu đức vua, câu chuyện của tấm da là câu chuyện của cả cuộc đời thần. Nó có ý nghĩa lắm đối với những ai chịu suy nghĩ về nó.

Và ông già kể:

– Tâu đức vua muôn đời, cha thần là một trong những vị thương gia giàu có và đáng kính nhất ở Lơ Ke. Thần là con một, nên cha thần không tiếc gì về chuyện học hành của con, tìm cho thần những bậc thầy giỏi nhất Ai cập. Năm hai mươi tuổi, thần đã nổi tiếng là một nhà thần học, đọc rộng biết nhiều. Cha, mẹ cưới cho thần một cô vợ, mắt như sao, thân mình yểu điệu,

lịch sự, nhanh nhẹn như sơn dương. Hôn lễ thật linh đình. Rồi những ngày hoan hỉ, những đêm vui vầy canh vợ, như thế trong mười năm, đẹp như đêm động phòng hoa chúc.

Nhưng, thưa chủ nhân, ai mà biết được ngày mai số phận ra sao? Sau mười năm trôi nhanh như giấc mộng trong đêm yên bình, thần bỗng thành mồi ngon cho số phận, bất hạnh dồn dập đến với gia đình. Trong vòng chỉ mấy ngày, cha chết vì dịch hạch, nhà cháy, tàu chở đầy của cải bị đắm trên biển khơi. Nghèo khổ, trần trụi như đứa trẻ vừa ra đời, tất cả của cải của thần chỉ còn có tình thương của Chúa và lòng tin của kẻ tín đồ. Cùng với lũ ăn mày đức Ala, thần thường lui tới sân nhà thờ, sống với bạn hành giả xảo ngôn.

Những ngày đen tối nhất, thần về nơi trú ngụ, bụng không có lấy một hạt cơm, đêm đến vẫn chẳng có gì ăn, sống cùng cực với nỗi khổ của mình, của mẹ, của vợ và của các con.

Một ngày kia, không ăn mày Chúa được gì, vợ thần phải cởi chiếc áo cuối cùng đưa cho thần, khóc mà rằng:

— Nhà đem ra chợ mà bán lấy chút ít tiền mua một miếng bánh cho các con.

Thần cầm lấy chiếc áo, đem bán. Đi về phía chợ thần gặp một lão Bêđoanh cưỡi trên một con lạc đà cái, sắc đỏ. Trông thấy thần, lão bỗng dừng lại, cho con vật quỳ xuống, lên tiếng:

— Chào ông! Ông làm ơn chỉ cho nhà của một phú thương tên là Hatxân Apđala, con cụ En — Asa.

Thần cảm thấy xấu hổ về sự nghèo khổ của mình, dù biết rằng nghèo hay giàu đều là do đức Ala cả. Thần cúi đầu:

– Chào ngài, hỡi vị cha A rập. Xin đức Ala phù hộ cho ngài. Nhưng, theo tôi biết, ở Lơ Ke không có ai tên như thế cả.

Thần định đi tiếp. Lão Bêđoanh nhảy từ trên lưng con la xuống, cầm lấy hai tay thần, trách:

– Đức Ala vĩ đại và rộng lòng! Thế ông chẳng phải là Hatxân Apđala, con cụ En – Asa sao? Sao ông lại giấu tên, định đuổi người khách mà đức Ala đưa đến cho ông?

Thần bẽ bàng quá đỗi, không cầm được nước mắt, xin lão bỏ qua cho, định hôn tay lão. Lão không cho, ôm chặt lấy thần như ôm một người anh em. Thần đưa lão ta về nhà.

Lão cầm dây dắt con lạc đà. Đi bên lão, tâm trí thần cứ bị dày vò về ý nghĩ chẳng có gì đãi khách. Đến nhà, thần vội gọi vợ nói cho hay cuộc gặp gỡ. Vợ thần bèn nói: « Người lạ là khách của Chúa, bánh của các con mình bây giờ là bánh của khách. Cứ đi mà bán cái áo dài của tôi, tiền bán được mua cái gì đãi khách. Còn thừa phần chúng ta ». Muốn ra đường phải qua cái phòng phía trước, ở đấy thần đã để lão Bêđoanh ngồi. Vì thần giấu chiếc áo, lão nghi, hỏi: – ông anh giấu cái gì dưới áo thế? Thần cúi đầu:

– Có gì đâu?

Lão năn nỉ:

– Lạy chúa! Tôi van bác cho biết có gì dưới lần áo?

Thần rất bối rối:

– Cái áo dài của vợ. Tôi đem sang chị hàng xóm làm nghề vá thuê, nhờ vá hộ.

Lão cứ nằn nì đòi xem cho được. Thần đỏ mặt đưa áo ra. Lão reo:

– Đức Ala thật nhân từ, rộng lượng! Ông anh đem rao bán cái áo này của vợ, mẹ các đứa trẻ, để trọn tình với khách đây mà.

Lão ôm hôn thần:

– Hatxân ơi! đây là mười đina vàng, tiền của chúa đấy. Bác đem mua những thứ cần cho chúng ta và cho gia đình.

Thần không thể chối từ. Sự phồn vinh lại trở lại trong nhà.

Mỗi ngày, lão Bêđoanh đưa thần một số tiền như thế và theo ý lão, thần cũng lại mua bán như thế và như thế trong mười lăm hôm. Thần xưng tụng ân huệ của Đấng Ban Ân.

Buổi sáng ngày thứ mười sáu, sau khi chào thần, lão Bêđoanh hỏi:

– Này, bác Hatxân, bác có muốn bán mình cho tôi không?

– Hỡi vị chủ của tôi, thần đáp, tôi đã là nô lệ của ngài rồi. Vì lòng biết ơn, tôi đã thuộc về ngài rồi còn gì.

– Ô Hatxân, tôi không hiểu như thế. Tôi xin bác bán mình cho tôi, là tôi thực tình muốn mua bác. Tôi không muốn mà cả, bác muốn tự bán mình bao nhiêu xin cứ tùy ý định giá.

Không nghi ngờ rằng lão không đùa, thần cười nói:

– Giá một người tự do, nếu bị giết chết ngay luật định là một nghìn đina. Nhưng nếu hai, ba hay bốn

vết thương rồi mới chết, hay nếu bị chặt làm nhiều khúc thì giá sẽ là một nghìn năm trăm đina.

– Không hề gì Hatxân ạ, lão nói. Tôi trả bác giá ấy nếu bác bằng lòng bán mình.

Thấy ông khách thực sự muốn mua, thần nghĩ bụng: « Đức Ala run rủi đến cho mi lão Bêđoanh để cứu con cái mi khỏi đói khổ, Hatxân ạ. Nếu số mi là phải chặt thành từng khúc thì mi chẳng tránh được số ». Thần trả lời:

– Tôi bằng lòng. Nhưng tôi xin hỏi qua gia đình về việc này chút đã.

– Vâng! bác hỏi đi.

Nói rồi lão từ biệt thần đi công việc. Tâu đức vua muôn thuở, thần đi tìm mẹ, vợ và các con.

– Đức Ala cứu mọi người chúng mình khỏi đói khổ rồi, thần nói, và thuật lại lời lão Bêđoanh.

Nghe nói, mẹ và vợ thần cào mặt, cào ngực mà rằng. « Tai họa giáng xuống đầu chúng ta! Lão Bêđoanh muốn làm gì anh? » Lũ trẻ chạy đến níu lấy quần áo cha. Mọi người khóc như ri. Vợ thần vốn khôn ngoan và tốt lời khuyên bảo, nói:

– Nếu nhà không bán mình, biết đâu lão Bêđoanh đáng nguyền rủa ấy sẽ đòi lại số tiền đã bỏ ra tiêu pha ở đây. Để khỏi bị bất ngờ, hãy tìm xem có ai mua cho cái nhà nhỏ này, tài sản cuối cùng còn lại, thì bán đi lấy tiền trả cho lão, Như thế nhà không nợ nần gì lão, tấm thân vẫn tự do.

Nàng khóc nức nở, như đã nhìn thấy lũ trẻ không nhà cửa, lang thang trong hè phố. Nghĩ mà cám cảnh, thần tự an ủi:

Ôi! Hatxân Apđala, chớ xem thường cơ hội đức Ala ban cho! Với món tiền bán mình cho lão Bêđoanh, mi bảo đảm được cho gia đình no đủ». Lại nghĩ: «Đành là thế! Nhưng tại sao lão mua mi? Mua làm chi? Thà Mi còn trẻ trung, mày râu nhẵn nhụi cho cam! Râu mi đã quá dài, đến một thổ dân Thượng Ai cập cũng không mê nổi! Thế là lão muốn mi phải chết nhiều lần, vì lão trả giá mi theo điều kiện thứ hai mà!»

Vậy mà, tối đến khi lão Bêđoanh về, thần vui vẻ tiếp đón và quyết trì theo lão:

– Tôi xin thuộc về ngài, thần nói.

Lão lấy ở thắt lưng ra một nghìn năm trăm đina vàng, đến đưa cho, mà rằng:

Ya Hatxân Apđala! cầu nguyện đức Sứ Giả đi!

– Cầu đức Ala phù hộ cho Người!

– Bác đã bán mình cho tôi, lão tiếp, bác đừng sợ. Đời bác sẽ không sao cả và hoàn toàn tự do. Mua bác, tôi chỉ muốn có một người bạn dễ chịu và trung thành cho một cuộc hành trình dài. Đức Sứ Giả có nói: «Một người bạn đường là nguồn dự trữ tốt nhất cho cuộc hành trình».

Thần vui quá, vào trong buồng có mẹ và vợ ở đấy, trải lên chiếu số vàng vừa nhận. Hai người thấy tiền, không cần nghe giải thích gì, bứt tóc bứt tai, kêu gào thảm thiết như khóc người chết. «Giá máu! họ kêu lên. Tai họa, ôi tai họa! Chúng tôi không bao giờ đụng đến cái giá máu này. Thà chết đói với lũ trẻ còn hơn!» Có cố gắng làm dịu lòng họ cũng vô ích, thần để mặc họ giải tỏ nỗi niềm đau đớn một lát, rồi mới

an ủi, thề rằng lão Bêđoanh là người tốt, hảo tâm tuyệt vời. Cuối cùng họ cũng bớt kêu khóc ít nhiều. Nhân đấy, thần ôm hôn họ, ôm hôn các con mà vĩnh biệt. Lòng xót xa, bỏ lại một gia đình khổ đau trong nước mắt, thần theo lão Bêdoanh, ông chủ của mình.

Đến chợ súc vật, chủ bảo mua một con lạc đà cái có tiếng chạy nhanh, và theo lệnh chủ, mua mấy bao thức ăn vật dụng cần thiết cho một cuộc hành trình dài. Chuẩn bị xong xuôi, thần đỡ chủ lên lạc đà, thần cũng lên con lạc đà mới mua, rồi niệm đức Ala mà lên đường.

Đi không nghỉ, chẳng mấy chốc đến sa mạc. Cảnh vắng tanh, chỉ có đức Ala là hiện diện, không có một vết chân bộ hành trên mặt cát chuyển động. Trên biển cát mênh mông ấy ông Bêdoanh và con lạc đà biết hướng đi. Trời nắng chang chang, đi suốt mười ngày, mỗi ngày đối với thần dài hơn một đêm toàn ác mộng.

Ngày thứ mười một, sáng sớm đến một cánh đồng rộng đất sáng lên như có toàn vảy bạc. Giữa cánh đồng sừng sững một cột đá hoa cương, trên đỉnh cột đầu có một người bằng đồng đỏ, tay phải giơ ra, bàn tay mở, mỗi ngón có treo một chiếc chìa khóa. Cái chìa thứ nhất bằng vàng, cái thứ hai bằng bạc, cái thứ ba bằng đồng Trung Quốc, cái thứ tư bằng sắt và cái thứ năm bằng chì. Mỗi chiếc chìa khóa là một chiếc bùa. Người nào có thể làm chủ được chiếc nào thì chịu số phận đeo ở chiếc ấy. Vì đó là những chiếc chìa khóa số phận. Chiếc bằng vàng là chiếc chìa khóa của của khổ cực; chiếc bằng bạc, của đớn đau; chiếc bằng đồng Trung Quốc, của chết chóc; chiếc bằng sắt, của vinh quang; và chiếc bằng chì, của khôn ngoan và hạnh phúc.

Tâu Chúa công, hồi ấy thần không hiểu được, chỉ có chủ của thần là người duy nhất biết được thôi. Chính cái sự dốt nát là nguyên nhân của mọi tai họa đã đến với thần. Nhưng họa, phúc đều là do Ala, đức Ban Phát cả, sinh linh chỉ việc cúi đầu nhận lấy.

Vậy thì, tâu đức vua muôn đời, khi đến chân cái cột, ông chủ Bêđoanh cho lạc đà quỳ mà leo xuống đất. Thần cũng làm thế. Chủ lấy ở một cái ống, một chiếc cung có hình thù lạ, đặt một mũi tên, căng dây mà bắn lên người đồng đỏ. Nhưng hoặc vì vụng về thật sự hoặc giả vờ vụng về, mũi tên không bắn đến nơi. Ông Bêđoanh bảo:

– Ya Hatxân Apđala, đã đến lúc bác trả được nợ cho ta và nếu muốn, chuộc được tự do cho mình. Ta biết bác khỏe và khéo, và chỉ có bác mới bắn tới đích. Hãy dùng chiếc cung này và làm thế nào bắn cho rơi những chiếc chìa khóa kia.

Tâu chúa công, hân hoan vì có thể trả được nợ, chuộc lại được tự do, thần vâng ngay theo ý chủ. Cầm lấy chiếc cung, ngắm nghía mới biết cung do một người thợ tài hoa làm tại Ấn Độ. Muốn để chủ thần thấy rõ sự hiểu biết và khéo léo của mình, thần ráng sức căng dây, nhằm bàn tay người trên cột bắn đến. Mũi tên đầu bắn rơi một chiếc chìa khóa bằng vàng. Thần nhặt lên, tự hào, vui sướng, đưa trình chủ. Ông ta không muốn lấy.

– Bác nghèo, giữ lấy! Đấy là phần thưởng cho sự khéo léo.

Thần cảm ơn, giắt chiếc chìa khóa vào lưng, không biết rằng đấy là chiếc chìa khóa của khổ cực. Phát thứ hai bắn rơi một chiếc nữa, chiếc bằng bạc ông

Bêđoanh không muốn mó đến. Thần giắt vào thắt lưng, cạnh chiếc thứ nhất, không biết rằng đó là chiếc chìa khóa của khổ đau. Hai phát tên nữa, lại hai chiếc chìa khóa nữa rơi: chiếc bằng sắt và chiếc bằng chì. Một chiếc là chìa khóa của vinh quang, chiếc kia là của khôn ngoan và hạnh phúc. Thần không biết như thế. Ông chủ không để thần đủ thì giờ nhặt lên, chiếm ngay lấy mà reo lên:

– Ôi Haixân Apđala! Cảm tạ bà cụ đã sinh ra bác, cảm tạ cái vị đã luyện tay luyện mắt cho bác.

Rồi ông ôm chặt lấy tay mà rằng:

– Từ nay bác là chủ của bản thân mình.

Thần hôn tay ông ta muốn trao lại chiếc chìa khóa vàng và chiếc chìa khóa bạc. Ông ta không lấy.

– Phần bác đó, ông nói.

Thần rút trong ống ra mũi tên thứ năm, sắp bắn chiếc chìa khóa cuối cùng, chiếc bằng đồng Trung Quốc mà thần không biết là chiếc chìa của chết chóc. Chủ giữ tay, ngăn lại không cho bắn, gắt: « Khốn khổ chưa! làm gì thế? » Thần ngạc nhiên, vô ý để rơi mũi tên, lại rơi trúng vào chân trái của thần, thủng thành một vết thương đau. Và đó là nỗi bất hạnh đầu tiên của hàng loạt bất hạnh mà thần phải chịu. Ông chủ, buồn phiền, băng bó cho, đỡ thần lên lạc đà, rồi cả hai lên đường.

Sau ba ngày đêm hành trình quá mệt vì chân đau đến một đồng cỏ thì nghỉ đêm. Ở đây có những loài cây thần chưa từng thấy bao giờ. Có quả chín đẹp, trông tươi xanh chỉ muốn hái. Khát quá, thần lê đến một cây, hái vội một quả. Quả sắc đỏ vàng, mùi thơm

dịu. Thần đưa lên miệng cắn. Lạ chưa ! răng bám chặt vào, không há được miệng nữa, muốn kêu lên mà chỉ ú ớ được thôi, ngạt thở kinh khủng. Thần lê chân, chạy ngang dọc, miệng ngoạm chặt trái cây, múa may như điên dại, rồi lăn quay ra đất, mất lời lên. Chủ thấy, lúc đầu sợ, nhưng khi biết nguyên nhân, ông lại gần, thử cạy hàm ra, nhưng chỉ làm thần đau thêm. Ông bò đến mấy gốc cây nhặt vài quả rụng, xem xét một lúc, quẳng đi hết, chỉ giữ lại một quả đem đến chỗ thần.

— Hãy nhìn xem ! ông nói. Bác thấy những con sâu đang gặm nhấm chứ ? Những con sâu này sẽ dùng làm thuốc chữa cho bác đây. Phải bình tĩnh và kiên tâm mới được. Tôi đã tính nếu để vài con sâu này vào cái quả bác đang ngậm, chúng sẽ gặm dần và hai, hay cùng lắm là ba ngày, bác sẽ được giải thoát.

Biết ông là người từng trải, thần cứ để ông làm. « Ya ala ! thần nghĩ, chịu ba đêm, ba ngày như thế này, thà chết còn hơn. » Ông chủ, ngồi bên thềm, dưới bóng cây, làm như vừa nói, đặt mấy con sâu cứu người vào cái quả đáng nguyền rủa nọ.

Và trong khi những con sâu gặm nhấm làm việc, thì chủ lấy trong đẫy chà là và bánh khô ra ăn. Thỉnh thoảng ông lại ngừng ăn và khuyên nhủ thần kiên nhẫn. « Haixân Apđala, bác xem đấy, vì bác tham ăn mà tôi phải dừng lại trên đường, chậm việc đi biết bao. Bác nên bình tĩnh như tôi. » Ông thu xếp đi ngủ, khuyên tôi cũng ngủ đi một giấc.

Còn thần thì, than ôi ! Một đêm và ngày hôm sau cứ như người bị tra tấn. Đau răng, đau chân lại còn bị đói khát hành hạ. Ông Bêdoanh thì cứ báo sâu đang gặm để an ủi thần. Đến sáng ngày thứ ba, thần quả

nó được hai hàm răng ra, bèn xưng tụng đức Ala mà quẳng đi cái quả khốn kiếp với cả những con sâu cứu nạn

Được giải thoát, việc đầu tiên là thần lục soát cái đẫy thức ăn, và nắn cái túi da đựng nước. Lúc ấy mới biết ông chủ đã dùng hết trong ba ngày mình chịu cực hình Thần khóc, buộc tội ông làm thần khổ Dịu dàng, không hề xúc động, ông nói:

— Hatxân Apđala! bác trách thế có công bằng không? Chẳng lẽ tôi cũng chịu để mình phải chết đói chết khát sao? Tốt hơn là bác cứ tin ở đức Ala và Sứ giả của Người. Thôi, đi tìm một con suối mà uống

Thần đứng dậy đi tìm nước và một vài thứ quả quen biết. Nhưng về hoa quả thì chỉ có cái thứ quả tai hại mà thần đã được nếm mùi. Tìm mãi, cuối cùng thấy trong một hốc đá có một giải nước óng ánh mát rượi như mời uống. Thần quỳ xuống mà uống, uống. Ngừng một lát lại uống.

Đỡ khát, thần bằng lòng lên đường, theo ông chủ lúc ấy đã cưỡi trên con lạc đà cái đỏ mà đi rồi Chưa đầy một trăm bước, thấy bụng đau dữ dội, tưởng chừng có tất cả khối lửa địa ngục thiêu đốt ruột gan. thần thét lên! «Mẹ ơi! Ya Ala! ôi mẹ ơi! Thần cho lạc đà đi chậm lại, nhưng không được. Hắn cứ phi nước đại đuổi theo con lạc đà bạn nó đang chạy rất nhanh. Đã nhanh lại xóc, thần đau không chịu nổi thét lên ghê rợn, chửi con vật, chửi mình, chửi tất cả! Ông Bêđoanh nghe tiếng, trở lại, giúp thần dừng con vật lại và đỡ thần xuống. Thần ngồi xổm trên cát và—tâu đức vua muôn đời xin đại xá cho tội suồng sã của kẻ nô lệ của Người—thần để mặc cho cái bụng tự do tuôn ra và cảm thấy có bao nhiêu lòng ruột như

sổ ra hết. Một cơn giông tố chuyển ầm ầm trong cái bụng khốn khổ, còn ông chủ Bêđoanh thì cứ « Ya Hat. xân Apđala, hãy kiên tâm. » Thần không chịu nổi nữa ngã lăn ra, bất tỉnh.

Không rõ ngất đi bao lâu, khi tỉnh lại thấy mình ở trên lưng con lạc đà cái đang dõi theo cô bạn hắn. Lúc ấy đã tối. Mặt trời lặn sau một quả núi cao. Hai Người đến chân núi, dừng lại nghỉ.

Đáng khen thay đức Ala đã không bắt chúng mình hôm nay phải nhịn đói, ông chủ nói. Bác đừng bận tâm gì cả, cứ yên trí. Nhờ kinh nghiệm ở sa mạc và trong những cuộc hành trình, ở nơi mà bác chỉ tìm được chất độc tôi sẽ tìm ra thức ăn lành và mát.

Nói rồi, ông đến một bụi cây, lá dày, mập, có gai ông lấy gươm chặt mấy cây, bóc lớp vỏ ngoài, thịt sắc vàng, ngọt; ăn như quả vả. Ông đưa cho tôi, thần hồ lấy, ăn no nê mát ruột.

Thần bắt đầu quên đi chút ít nỗi đau đớn và hy vọng đêm đến không mất ngủ như từ lâu lắm đến nay. Khi trăng lên, thần trải trên mặt đất chiếc áo khoác bằng lông lạc đà, chuẩn bị đi ngủ thì ông chủ Bêđoanh liền bảo:

— Ya Hatxân Apđala! bây giờ là lúc bác có thể tỏ ra cho tôi biết bác có thực nhớ ơn tôi chút nào không Tôi muốn bác đêm nay leo lên ngọn núi này. Đến đỉnh, bác ngồi đấy chờ mặt trời mọc. Lúc đó, bác đứng dậy quay mặt về hướng đông mà cầu kinh buổi sáng. Xong rồi bác đi xuống. Đó là việc tôi nhờ bác giúp cho. Nhưng hỡi người con cụ En Asa, nhớ chớ có ngủ vì hơi đất ở đây bốc lên độc lắm. Người hơi độc nhiễm vào, nguy hại cho sức khỏe.

Tâu chúa công, thần dù mệt mỏi và đau đớn đủ thứ, cũng hứa sẽ làm, không quên rằng nhờ có ông Bêđoanh mà con, mẹ và thần có miếng ăn và cũng nghĩ rằng nếu từ chối có thể ông ta sẽ bỏ thần ở nơi hoang vắng này.

Tin cậy vào đức Ala, thần trèo lên núi Mặc dù chân đau, bụng đau, thần vẫn lên được tới đỉnh, vào lúc nửa đêm. Đất trắng, khô cằn, không có lấy một ngọn cỏ, một cây con. Trên đỉnh cao gió thổi mạnh, buốt lại qua mấy ngày tai họa, thần như tê liệt đến mức ngã lăn ra đất và dù cố gượng hết sức vẫn ngủ một mạch đến sáng.

Thức dậy, vừng dương vừa ló ở chân trời, thần muốn làm theo lời dặn của ông Bêđoanh, gắng đứng phắt lên, nhưng liền bị ngã, bất động. Chân to như chân voi, nhũn ra và đau lắm, mình và bụng thì phình lên như cái bao nước, đầu nặng như chì đè trên vai, tay bị liệt không giơ lên được.

Sợ ông Bêđoanh không vừa ý, dù đau dữ dội, thần buộc lòng đứng lên quay về phía đông mà đọc kinh buổi sáng. Mặt trời rọi vào tấm thân khốn khổ, kéo dài mãi bóng nó về đằng tây.

Việc phải làm đã xong, thần nghĩ đến việc xuống núi. Đường rất dốc, mà mình quá yếu đến nỗi vừa được một bước, chân quỵ xuống, thần ngã quay, lăn lông lốc như hòn bi thật khủng khiếp. Muốn bám vào đá, vào gai mà không được. Đá, gai xé nát áo quần, da thịt. Lăn đến tận chân núi, chỗ có ông chủ Bêđoanh đứng, máu chảy đỏ lòm mặt đất.

Ông đang cúi, vạch những đường nét gì trên mặt cát, chăm chú quá mà không để ý đến thần và cũng

chẳng thèm biết thần đến bằng cách nào. Tiếng rên rỉ của thần làm ông ngừng việc. Ông thốt lên, cũng chẳng nhìn thần:

– A, hămđu lila! Chúng mình tốt số, việc gì cũng thành công. Đây, bác Hatxân Apđala, cái bóng của đầu bác từ đỉnh núi cao chiếu xuống, tôi đo nó mà tìm ra cái tôi tìm kiếm suốt bao năm ròng!

Và không ngẩng đầu, ông nói thêm:

– Bác nhanh lại đây giúp tôi đào đất lên, chỗ tôi cắm ngọn giáo làm dấu.

Tôi không đáp lại được, chỉ thỉnh thoảng cất tiếng rên la thảm thiết. Lúc ấy ông chủ mới ngẩng đầu quay nhìn về phía thần. Ông thấy thần nằm dưới đất, người co tròn như một quả cầu. Ông tiến đến, la lên: « Dại dột quá, bác Hatxân Apđala ơi, bác không nghe tôi, lại ngủ trên núi. Hơi độc đã thấm vào máu mất rồi! » Thấy thần run lên răng đập vào nhau, trông đến thảm hại, ông dịu đi mà rằng « Đúng thế đấy. Nhưng bác đừng thất vọng về mối quan tâm của tôi đến bác. Tôi sẽ chữa cho khỏi. » Nói rồi ông lấy ở thắt lưng ra một con dao lưỡi mỏng, sắc. Thần chưa kịp phản đối ông đã chích sâu nhiều mũi vào bụng, tay, chân, đùi. Nước chảy ra nhiều, người thần tóp lại như một bình da xẹp, da nhăn nheo không dính vào xương như một chiếc áo rộng mưa tầm tầm. Thần thấy nhẹ người đôi chút, tuy còn yếu, nhưng đứng lên được mà giúp chủ trong công việc ông đang cần.

Hai người đào đất chỗ cắm ngọn giáo, chẳng mấy chốc, thấy một chiếc quan tài đá hoa trắng. Ông Bêđoanh mở nắp. Có mấy chiếc xương người và tấm da linh dương nhuộm tía có chữ vàng lóng lánh, tấm da hiện giờ đang trong tay bệ hạ, đức vua muôn đời.

Ông chủ run run cầm tấm da lên và dù chữ viết là một thứ chữ lạ, ông cũng chăm chú đọc. Càng đọc càng trán xanh xám của ông ta ửng hồng lên vì vui sướng mắt sáng lên vì thích. Cuối cùng ông reo: « Bây giờ thì ta biết con đường tới thành phố bí mật rồi. Ôi Hatxân Apđala, vui đi! Chẳng mấy chốc chúng ta sẽ vào Aram-nhiều-cột, chưa từng một sinh linh nào đặt chân đến. Ở đấy chúng ta sẽ tìm thấy nguyên lý của tất cả của cải trên trái đất, nguồn gốc của tất cả vàng bạc, châu báu trên đời. Đó là chất diêm sinh đỏ.»

Cứ nghĩ còn phải đi nữa, thần sợ lắm,

— Ôi, thưa ngài, thần nói, hãy tha thứ cho kẻ nô lệ của Ngài. Cho dù được chia sẻ niềm vui của Ngài, hắn vẫn cảm thấy các kho báu chẳng lợi gì cho hắn. Hắn ưng thà nghèo mà khỏe mạnh ở Lơ Ke còn hơn là giàu mà đau đớn ở Aram-nhiều-cột.

Chủ nghe thế, nhìn thần, thương hại.

— Bác là người nghèo, ông nói, cho đến nay, tôi làm vì hạnh phúc của tôi, nhưng cũng vì hạnh phúc của bác nữa.

— Đúng vậy! thần nói, có đức Ala đấy. Nhưng mà hỡi ôi! Chỉ một mình tôi là chịu cái phần không tốt Số phận chống lại tôi mà!

Chủ chẳng buồn để ý đến những lời phàn nàn oán trách đó. Ông chặt mang đi thật nhiều những cây mà thịt ăn giống như quả vả. Rồi ông lên lạc đà. Thần cũng buộc phải làm theo. Hai người vòng quanh sườn núi, tiếp tục đi về hướng đông.

Đi ba ngày ba đêm nữa, sáng ngày thứ tư, thấy phía chân trời trước mặt như có một tấm gương rộng phản

chiếu mặt trời. Lại gần thì hóa ra là một con sông thủy ngân chắn đường. Có một chiếc cầu bằng pha lê, không có lan can, rất chật, dốc và trơn lắm. Ngay cả người có ý chí can đảm cũng không thể vượt qua được.

Nhưng ông Bêdoanh, không đắn đo, xuống lạc đà, bảo thần cũng xuống, tháo yên hai con vật để chúng tự do gặm cỏ. Ông lấy trong cái túi hai ngăn đôi giày len đi vào, đưa thần một đôi bảo đi vào mà theo ông, mắt không được nhìn ngang nhìn ngửa. Và, vững bước, ông đi qua chiếc cầu pha lê. Thần run lẩy bẩy, đành phải theo ông. Lần này đức Ala không viết vào sổ cái chết của thần trong dòng thủy ngân. Thần sang qua được bờ bên kia.

Hai người im lặng đi vài giờ thì đến một thung lũng đen, bao quanh bốn phía là những tảng đá đen. Cây ở đây cũng toàn cây đen. Xuyên qua kẽ lá đen thấy trườn qua, lại, những con rắn to đen, vẩy đen, ghê rợn. Sợ quá, thần định quay lưng chạy khỏi nơi khủng khiếp, nhưng không còn tìm ra lối đã dẫn vào. Chung quanh chỉ toàn có những tảng đá đen chất cao như thành một cái giếng. Thần ngã khuỵu xuống đất mà khóc, la lên: «Hỡi người con của gia đình tốt phúc, sao ông lại dẫn tôi đến cái chết trên con đường cùng khổ, đớn đau? Tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại các con và mẹ chúng, và mẹ tôi. Sao ông lại kéo tôi ra khỏi cuộc đời nghèo nàn nhưng bình yên biết mấy! Tôi chỉ là kẻ hành khất trên đường của đức Ala, nhưng tôi thường đến các sân nhà thờ, thường được nghe bao điều hay của đấng tu sĩ!»

Ông chủ không phật lòng, nói:

– Hatxân Apđala, hãy tỏ ra là một gã đàn ông nào, hãy can đảm lên. Bác không chết ở đây đâu. Chẳng

bao lâu bác sẽ trở về Lơ Kè, không phải nghèo hơn những kẻ nghèo, mà giàu như bậc đế vương giàu nhất.

Nói thế rồi, ông chủ ngồi xuống, mở tấm da linh dương ra, thấm ngón tay cái ma giở và đọc một cách bình thản như đang ngồi trong chốn buồng khuê của các bà vợ. Sau khoảng một tiếng đồng hồ, ông ngẩng đầu, gọi thần bảo:

– Này bác Hatxân Apđala, bác có muốn sớm ra khỏi nơi đây, còn như cuộc hành trình của chúng ta đã đạt được mục đích không?

– Lạy Chúa! có muộn không à? Muốn lắm chứ! Xin ông chủ làm ơn cho biết, muốn được thế, tôi phải làm gì? Phải đọc hết các chương của kinh Coran? Phải nhắc lại tất cả các tên, các thần đức thiêng liêng của chúa Ala? Hay phải nguyện đi hành hương mười năm liên tiếp đến La Mếc hay Mêđin? Xin ông nói đi, tôi sẵn sàng làm tất cả, và hơn thế nữa!

Ông ấy vẫn độ lượng nhìn thần mà rằng:

– Không! Hatxân Apđala! Không! Điều tôi muốn bác phải làm dễ hơn thế nhiều. Bác chỉ cần dùng cây cung và mũi tên này đây, dạo khắp thung lũng cho đến khi gặp một con rắn to có sừng đen. Bác vốn thạo, chỉ cần một phát là rắn chết. Bác chặt đầu và lấy tim rắn mang về. Muốn ra khỏi nơi bí thẳm này bác chỉ cần làm có thế thôi.

Nghe vậy, thần bực mình, nói rằng: « Đáng ghét! thật đáng ghét. Như thế mà bảo là dễ à? sao ông không tự mình làm lấy? Về phần tôi, tôi tuyên bố sẽ cam chịu cuộc đời khốn nạn của tôi, không làm gì nữa hết! »

Ông Bêdoanh vỗ nhẹ vai thần:

— Bác Hatxân Apđala ơi! Hãy nhớ lại chiếc áo dài của bác gái và tấm bánh của gia đình.

Thần òa lên khóc, nhận thấy trong tâm trí rằng không từ chối được điều gì đối với con người đã cứu vớt cho nhà mình không phải bán, người thân không phải đói. Thần run rẩy cầm lấy cung tên, tiến về phía những tảng đá đen có những con rắn đáng sợ. Không lâu la gì, thần tìm được con rắn cần tìm. Cầu đức Ala phù hộ, rồi thần ngắm bắn. Con rắn trúng tên giãy lên, quằn quại, duỗi ra rồi nằm im trên mặt đất. Khi biết nó đã chết thật, thần lấy dao chặt đầu, mổ bụng moi tim, đem cả hai thứ về cho chủ.

Chủ đón niềm nở, nhận đầu và tim rắn, bảo: Giờ bác giúp tôi nhóm lửa. Thần đi nhặt cỏ khô và nhánh cây đem lại. Ông chất thành một đống, lấy trong ngực áo một viên kim cương giơ lên mặt trời đã ở đỉnh đầu. Một tia sáng phát ra làm đống cỏ khô bốc cháy.

Lửa bốc lên rồi, ông Bêđoanh lấy từ trong áo dài một bình sắt nhỏ và một cái lọ bằng cả khối hồng ngọc có chứa một chất màu đỏ.

— Này, Hatxân Apđala, ông nói, bác thấy cái lọ này nhưng không biết nó đựng gì đâu.

Ngừng một lát, ông tiếp:

— Đó là máu Phượng Hoàng đấy.

Đoạn ông mở nút, đổ vào cái bình sắt, bỏ luôn vào quả tim và óc con rắn có sừng vào đó, ông hơ cái bình lên lửa, mở tấm linh dương mà đọc những lời mà thần không hiểu gì hết.

Bỗng ông đứng thẳng, mở vai áo như những người hành hương đến La Mếc hay làm lúc khởi hành. Ông nhúng một đầu dây lưng vào máu phượng hoàng trộn với óc và tim rắn, bảo thần xát vào lưng và vai ông. Thần bắt đầu thực hiện lệnh ông ta. Càng xát vào da ở lưng và vai ông thần nhìn thấy da ông càng phồng lên, nứt toạc để nhú ra một đôi cánh, to lên rất nhanh chạm tới đất. Ông Bêđoanh vẫy mạnh cánh và đột nhiên lấy đà bay lên không. Thà chết nghìn lần còn hơn bị bỏ lại nơi thảm hại này, thần dùng sức lực và lòng can đảm còn lại bám lấy đầu dây thắt lưng may thay còn lủng lẳng ở bụng ông chủ. Thế là cả hai được đưa lên khỏi thung lũng đen mà thần không hy vọng ra nổi, để lên vùng mây xanh.

Tâu chúa công, thần không biết đã bay trên không như thế trong bao lâu, chỉ biết sau đấy đến một cánh đồng bát ngát khép lại phía xa bằng một hàng rào pha lê xanh. Đất như bằng bụi vàng mà sỏi là những viên ngọc. Giữa cánh đồng là một thành phố toàn lâu đài, vườn tược.

Ông chủ reo lên: « Aram–nhiều–cột đây rồi! » Ông thôi vỗ cánh, giang nó rộng ra mà cùng với thần, hạ dần xuống. Hai người chạm đất, ngay chân tường để thành của ngài Setđát con cụ Ất. Đôi cánh của ông Bêđoanh nhỏ dần lại và biến mất.

Những tường thành ở đây xây bằng gạch vàng xen với gạch bạc. Có tám cửa như cửa thiên đường. Cửa thứ nhất bằng hồng ngọc, cửa thứ nhì bằng ngọc bích, cửa thứ ba bằng ta mã não, cửa thứ tư bằng san hô, cửa thứ năm bằng vân thạch, cửa thứ sáu bằng bạc và cửa thứ bảy bằng vàng.

Hai người vào bằng lối cửa vàng, vừa đi vừa khấn đức Ala, qua những dãy phố hai bên là lâu đài cột bằng ngọc thạch trắng, có vườn thơm mùi sữa, có suối nước thơm. Sau đến một tòa lâu đài cao nhất thành phố, đẹp đẽ và sang trọng khó bề tưởng tượng. Sân thượng nằm trên hàng nghìn chiếc cột vàng, lan can bằng thủy tinh màu, tường khảm ngọc bích và ngọc lam. Chính giữa tòa lâu đài là một khu vườn thần tiên, đất thơm mùi xạ. Có ba con sông chảy qua mà nước là rượu vang nguyên chất, nước hoa hồng và mật ong. Giữa khu vườn có một cái phương đình vòm bằng một tấm ngọc bích che cho một chiếc ngai bằng vàng đỏ khảm ngọc. Trên ngai có một chiếc hộp nhỏ bằng vàng.

Chính là cái hộp hiện giờ đang ở trong tay Ngài, đức vua của muôn thuở.

Ông Bêđoanh lấy cái hộp mở ra, thấy có bột đỏ thì reo: « Ya Hatxân Apđala! Diêm sinh đỏ đây rồi! Đây là chất Kimia mà những nhà bác học cùng những triết gia tìm hoài, chết rồi vẫn chưa thấy »

– Quẳng cái thứ bụi chết tiệt ấy đi! thần nói Lấy những viên ngọc đầy ắp trong tòa lâu đài này bỏ cho đầy hộp.

Ông chủ nhìn thần có vẻ thương hại:

– Nghèo quá hóa quẫn! Bụi ấy chính là nguồn gốc của mọi của cải trên trái đất này đấy. Chỉ một hạt bụi cũng đủ biến thành vàng các loại kim khí tồi tệ nhất. Đấy là chất Kimia! Đấy là Diêm sinh đỏ, hỡi con người ngu ngốc khốn khổ! Với thứ bột này, nếu muốn ta sẽ dựng nên những lâu đài đẹp hơn tòa lâu đài này, ta sẽ dựng nên những thành phố đẹp hơn thành phố

này, ta sẽ mua được cuộc sống của con người, mua được lương tâm của những người trong sạch, quyến rũ được đức hạnh, mua được cả ngôi vua chính thống

– Thế ông chủ của tôi ơi! Với thứ bột ấy, ông có thể kéo dài cuộc sống của ông lấy một ngày, hay xóa bỏ đi lấy một giờ cuộc đời quá khứ được không?

– Chỉ có đức Ala là làm được thôi, ông đáp.

Không tin ở sự hiệu nghiệm của chất điểm sinh đó thần nhặt thật nhiều ngọc trai và đá quý giắt đầy thắt lưng, túi áo, cả khăn đội đầu. Ông chủ thấy la lên:

– Bất hạnh quá, con người thô lỗ! Bác làm gì vậy Bác không biết rằng chỉ lấy cắp một viên đá quý của tòa lâu đài hay của đất đai này là lập tức bị đánh chết ngay sao?

Nói rồi ông bước nhanh ra khỏi lâu đài, đem theo cái hộp nhỏ. Hận quá, thần dốc ra bằng hết ở túi, dây lưng, khăn đầu mà theo chủ, không khỏi ngoái cổ nhiều lần nhìn lại những đống của không đếm xuể ấy. Đến khu vườn thì gặp lại chủ. Ông nắm tay thần đi qua thành phố và không muốn để thần bị của cải nằm trong tầm tay cám dỗ. Hai người theo hướng cửa hồng ngọc, gần tới đường pha lê xanh cửa rộng mở cho đi qua. Cả hai cùng ngoái lại nhìn lần cuối cùng cánh đồng kỳ lạ và thành phố Aram, nhưng cánh đồng và thành phố đã biến mất. Chúng thần đến bờ con sông Thủy ngân, qua cầu pha lê như lần trước, sang đến bờ bên kia thấy đôi lạc đà đang gặm cỏ cạnh nhau. Thần đến với con vật của mình như đến với một người bạn cũ Thắt chặt yên xong, chúng thần lên đường.

— Chúng ta về Ai cập! ông Bêđoanh nói.

Thần giơ tay lên, cảm tạ đức Ala về tin tốt lành này

Nhưng, tâu chúa công, chiếc chìa khóa vàng, chiếc chìa khóa bạc còn giắt ở dây lưng, mà thần không biết đấy là chìa khóa của khốn cùng, đau khổ. Suốt dọc đường cho đến khi tới Lơ Ke, thần chịu biết bao tai ương thiếu thốn, chịu tất cả những nỗi đau đớn do sức khỏe tồi tệ gây nên. Nhưng do một sự rủi ro mà thần không bao giờ hiểu nổi, chỉ có thần phải gánh chịu mọi tai họa dọc đường, còn chủ thì bình yên vô sự, khoan khoái, thần càng bất hạnh thì hình như ông càng gặp may mắn. Ông qua hiểm nguy, tai biến, với nụ cười vẫn nở trên môi, bước lên thảm lụa mà đi trên đường đời.

Và cứ thế, hai người đến Lơ Ke. Việc đầu tiên của thần là chạy về nhà. Và thần thấy cửa nhà thì mở toang lại gẫy nát. Lũ chó hoang đã lấy nhà thần làm nơi trú ngụ. Không có ai ra đón. Không một vết tích gì của mẹ, vợ và các con. Một người láng giềng đã thấy thần vào và nghe tiếng kêu la thất vọng bèn mở cửa ra nói:

— Ya Haxàn Apđala! Cầu mong cho đời bác được thêm số những ngày đã mất vừa qua! Mọi người trong nhà bác đã chết cả rồi!

Nghe tin, thần ngã lăn ra, bất động.

Tỉnh dậy, thấy ông chủ Bêđoanh đang chăm sóc, vẩy nước hoa hồng vào mặt thần. Lần này cố kìm lại nước mắt, nén nức nở, thần không thể không nguyền rủa ông ta, buộc phải chịu trách nhiệm về tất cả những nỗi khổ cực bủa nhau đè nặng lên thần. Nhưng ông ta vẫn bình tĩnh, tươi cười, vỗ nhẹ vai thần mà rằng:

« Tất cả đều từ đức Ala rồi lại ra đi theo đức Ala! » Rồi ông cầm tay thần kéo ra khỏi nhà. Ông dẫn đến một tòa lâu đài tuyệt mỹ trên bờ sông Nin, buộc thần phải ở đây với ông. Và vì thấy không gì làm thần khuây khỏa, ông ngỏ ý chia cho tất cả của cải ông có, để an ủi. Ông còn độ lượng đến mức dạy cho các môn khoa học huyền bí, dạy đọc sách luyện vàng, dạy đọc hiểu chữ ở những tấm đa bí mật. Ông thường cho mang đến trước mặt thần hàng tạ chì, nấu chảy ra rồi lấy một miếng diêm sinh đỏ trong chiếc hộp con bỏ vào mà biến chì tồi tàn thành vàng nguyên chất.

Nhưng sống giữa những kho vàng bạc, giữa niềm vui và những ngày hội hè của chủ, thần vẫn thấy mình mầy ê chề, tâm hồn khổ sở. Thần không chịu nổi những bộ quần áo sang trọng quý giá mà chủ ép phải mặc. Đồ ăn thức uống ngon lành nhất dọn ra mà thần chẳng thấy ngon miệng. Thần ở những căn nhà tuyệt đẹp, giường gỗ thơm, ghế xà cừ đỏ thắm mà vẫn không ngủ được. Trong vườn có gió mát từ sông Nin thổi tới, có những cây hiếm, tốn kém bao nhiêu mới chở được từ Ấn Độ, Ba Tư, Trung Quốc, Nam Dương về, có máy đưa nước sông Nin lên cao, cho rơi thành tia mát tưới vào những bồn đá hoa, và những bồn vân ban thạch, Nhưng thần vẫn dửng dưng, chẳng thích thú gì. Một chất độc đã nhiễm đầy da thịt và trí não, không phương cứu chữa,

Còn ông chủ Bêđoanh của thần thì sống vui thú, hoan lạc, nhất là về đêm, những đêm báo trước Thiên đường. Ông ở không xa thần trong một cái lầu chăng lụa, thêu chỉ vàng, khiến ánh sáng lọt vào dịu như ánh trăng. Quanh lầu là những cụm cây cam, cây chanh lẫn với hoa nhài và hoa hồng. Ở đây, đêm đêm

ông đón khách và tiếp đãi cực kỳ sang trọng. Khi khách đã ngà ngà vì men rượu, vì giọng hát tiếng đàn mà cõi lòng lai láng, ông cho diễu qua trước mặt họ những thiếu nữ đẹp như tiên sa, những cô gái mua bằng vàng ở các chợ Ai Cập, Ba Tư, Xyri Nếu có ai nhìn một cô nào, tỏ vẻ ham muốn thì ông dắt tay cô đến mà nói: «Ôi quý khách! xin làm ơn cho tôi mà dắt nữ nô này về với ngài.» Như thế cho nên, ai đã đến với ông đều trở thành bạn chí thiết của ông. Người ta chỉ còn biết gọi ông là ngài Đô đốc tuyệt vời. Rồi một hôm, ông chủ thường đến thăm thần tại nhà riêng mà ở đấy thần sống đơn độc với nỗi khổ đau của mình, ông đến bất thình lình dẫn theo một cô gái mới. Mặt ông rạng rỡ vui tươi, mắt hân hoan long lanh kỳ lạ. Ông đến ngồi cạnh thần, đặt cô gái lên đùi.

– Ya Hatxân Apđala! ông nói, tôi hát đây! Bác chưa nghe tôi hát bao giờ. Hãy lắng tai nhé!

Ông cầm tay thần, lắc lư cái đầu mà hát những câu thơ này, giọng ngân nga vui vẻ:

Hỡi cô gái! Lại đây! Người khôn là kẻ biết tìm vui một đời.

Hãy để kẻ có đạo giữ lấy nước, uống mà cầu kinh.

Còn em, hãy rót cho ta thứ rượu này nó sẽ làm hồng thắm đôi má của em.

Ta muốn uống cho đến say mềm

Nhưng em hãy uống trước đi, đừng sợ, và đưa ta cất tự cặp hương của môi em.

Chỉ những cây cam trổ hương cho gió và những ngọn suối róc rách chảy mau trông thấy đôi ta.

Hãy hát ta nghe những niềm say đắm, và họa mi ghen tức sẽ phải im hơi.

Hát lên đừng sợ, hát lên những niềm say đắm, chỉ có mình ta nghe thôi mà!

Em sẽ chẳng nghe thấy gì, ngoài tiếng hoa hồng nở, và tiếng đập của trái tim ta.

Chỉ có ta nghe em, chỉ có ta nhìn em, ồ, hãy bỏ mạng ra!

Chỉ có trăng và sao chứng kiến cuộc vui của đôi ta.

Nghiêng xuống nào! để ta hôn lên trán em; để ta hôn môi, hôn mắt, và hôn ngực trắng như tuyết của em.

Ôi, nghiêng xuống, đừng sợ, chỉ có hoa nhài và hoa hồng nhìn ta thôi mà.

Lại đây trong vòng tay ta; ái tình đốt cháy lòng ta, ta không chịu được nữa.

Nhưng trước hết, hãy bỏ mạng ra, vì đức Ala, nếu trông thấy chúng ta, cũng sẽ phải ghen tị.

Ông Bêđoanh hát thế rồi, thở một hơi dài khoan khoái, ngoẹo đầu xuống ngực tựa như muốn ngủ. Cô gái ngồi trên đùi ông, gỡ tay ông ra để ông ngủ cho yên rồi nhẹ nhàng lánh đi. Thần lại bên định đắp cho ông và đặt một chiếc gối dưới đầu thì thấy ông không thở nữa. Thần lo lắng cúi xuống: ông đã qua đời, như một người được phúc tiền định, nụ cười trên môi. Cầu đức Ala thương lấy ông.

Thần, lòng buồn rười rượi vì mất chủ, người chủ dù sao đối với thần cũng luôn luôn trong sáng, độ lượng. Quên đi rằng từ ngày gặp ông, mọi bất hạnh

đều đè nặng xuống đầu thần, thần lo ma chay chôn cất ông thật trọng thể. Thần lau người ông bằng nước thơm, dùng bông thấm nước hoa nút kín mọi lỗ tự nhiên trong người, nhổ lông, chải râu cẩn thận, nhuộm lông mày, bôi đen lông mi, và cạo trọc đầu cho ông, dùng một tấm vải cực đẹp vốn dệt để dâng lên một vì vua Ba Tư làm vải liệm, rồi đặt ông vào một chiếc quan tài bằng gỗ trầm hương khảm vàng.

Thần cho mời đến dự tang lễ đông đủ bạn hữu do tính hào phóng của chủ kết thành, sai năm chục nô lệ mặc tang phục khiêng linh cữu. Người khóc mướn mà thần đã thuê được rất đông đi theo sau vẫy khăn trên đầu mà la khóc thảm thiết. Phía trước là đoàn người tụng kinh Coran, mỗi lời tụng lại được đám đông đáp lại « Chỉ có đức Ala là Chúa và Môhamát là sứ giả của đức Ala! » Mọi người Hồi giáo đi qua đều vội đến khiêng hộ linh cữu dù chỉ đặt tay vào. Lúc hạ huyệt dân chúng than khóc như ri. Thần cho giết cả một đàn cừu và lạc đà non để tế lễ ở mộ.

Trả nghĩa đối với cố chủ, tiếp khách dự lễ tang xong, thần một mình về lều, tính toán chuyện thừa kế. Bắt đầu, thần mở chiếc hộp con bằng vàng xem còn bột diêm sinh đỏ không. Chỉ còn tý chút như Bệ hạ thấy đấy. Vì ông chủ thần, hoang phí quá chừng đã dùng hết để biến hàng tạ hàng tạ chì thành vàng. Tuy vậy chút ít còn lại trong hộp đi cũng đủ để làm giàu có vì vua hùng cường nhất. Về mặt này, thần không lo gì. Vả chăng trong tình cảnh đáng thương như của thần, thần không màng gì đến của cải. Nhưng thần muốn biết có gì trong tấm da linh dương huyền bí kia mà chủ không bao giờ muốn để thần đọc, dù đã dạy thần cách tìm hiểu thứ văn tự bùa chú. Thần mở ra, đọc qua. Chỉ lúc ấy, tâu chúa công, thần mới

rõ tính lành và dữ của năm chiếc chìa khóa của số phận, cùng những điều kỳ lạ khác mà một ngày kia thần sẽ kể hầu bệ hạ. Thần hiểu rằng lão Bêđoanh mua thần, dắt đi theo, là để tránh được tai họa buồn thảm của hai chiếc chìa khóa vàng và bạc mà để thần hứng chịu lấy hậu họa. Thần phải viện đến bao ý hay lời đẹp của đức Sứ giả – cầu nguyện cho ngài và chúc ngài bình an – mới khỏi chửi rủa lão Bêđoanh và nhổ vào mộ hắn.

Thần vội lấy trong thắt lưng ra, hai chiếc chìa khóa tai hại cho vào lò, đốt lửa mà nấu cho chảy ra, bốc hơi để thiêu hủy chúng. Đồng thời thần tìm hai chiếc của vinh quang và hạnh phúc, nhưng lục lọi khắp xó xỉnh trong tòa lâu đài vẫn không thấy đâu. Thần trở lại chỗ lò nấu theo dõi việc nấu chảy hai chiếc chìa khóa đáng nguyền rủa, hy vọng vĩnh viễn thoát được số phận hẩm hiu.

Thần đang khêu to ngọn lửa cho chúng xong việc, thì thình lình lính gác của giáo chủ ập đến bắt thần lôi đi.

Tâu chúa ông, tiên đế Tâylun nghiêm khắc phán rằng thần có bí quyết luyện vàng, phải chỉ ngay cho ngài biết cách làm. Nhưng biết rằng giáo chủ ức hiếp dân chúng sẽ dùng khoa học làm điều xấu xa, hại cho công lý, thần không nói. Giáo chủ giận lắm cho xích tay chân thần lại giam vào căn ngục tối nhất, đồng thời cho cướp phá tan hoang nhà thần ở, đoạt lấy chiếc hộp vàng có miếng da linh dương cùng mấy mảnh bột đỏ. Ngài giao cho một vị lão trưởng giữ cái hộp, vị đó đã đem dâng nộp cho bệ hạ. Ngày nào tiên đế cũng tra tấn thần, mong không chịu nổi, lúc đó

sẽ phải khai điều bí mật. Nhưng đức Ala sẽ ban cho thần tính kiên nhẫn. Trong bao nhiêu năm thần cứ sống như thế, chờ cái chết đến giải thoát cho.

Và bây giờ, tâu chúa công, kẻ hành hạ thần đã đến báo với đức Ala về hành động của mình, mà thần thì được đến bên vị vua công minh. vĩ đại nhất, thì có chết, thần cũng cam lòng.

Vua Môhamát nghe hết câu chuyện, đứng dạy, đến ôm hôn cụ Hatxân Apđala, reo lên: « Đáng khen thay đức Ala đã cho phép kẻ tôi tớ của Người được đền bù sự bất công và làm dịu nỗi đau khổ. » Lập tức Ngài phong cụ làm Tể tướng, cởi hoàng bào khoác cho cụ. Ngài cho mời những vị danh y trong nước đến chữa cho cụ. Ngài sai người ghi sử thông thạo nhất hoàng cung, chép lại bằng chữ vàng, thật cẩn thận, câu chuyện kỳ lạ này để lưu lại trong thư khố triều đại.

Tin ở phép màu của chất diêm sinh đỏ, nhà vua muốn thử ngay xem có hiệu nghiệm không. Ngài dùng những nồi nấu thật to bằng sành, đổ vào một trăm tấn chì. nấu chảy ra, hòa vào mấy miếng diêm sinh đỏ còn sót ở đáy hộp, đọc mấy câu thần chú do cụ Hatxân truyền cho. Tức thì, tất cả khối chì biến thành vàng nguyên chất.

Nhà vua không muốn vàng bị phung phí vô bổ, mà muốn dùng cho một công việc có thể làm vui lòng được Đấng Tối Cao. Ngài quyết định xây một ngôi đền thờ độc nhất vô song trong thế giới đạo Hồi. Ngài cho vời những vị kiến trúc sư danh tiếng nhất trong nước, chỉ dẫn cho họ vẽ bản đồ dù thực hiện có khó khăn tốn kém đến mấy. Và các vị kiến trúc sư vạch ra, dưới chân một trái đồi nhìn xuống kinh thành, một hình vuông khổng lồ, mỗi mặt hình vuông là một

hướng chính của trời đất. Ở mỗi góc hình vuông họ đặt một cái tháp cân đối tuyệt vời. Ở đỉnh tháp có hành lang, phía trên là vòm bằng vàng. Mỗi mặt của đền thờ có một ngàn chân trụ đỡ những vòng-cung đẹp, chắc, trên là sân thượng lan can vàng, trổ thủng cực đều. Chính giữa đền thờ là một mái tròn rộng lớn vô biên mà nhẹ nhàng như bay lơ lửng giữa đất và trời. Phần dưới nóc tròn tráng men xanh da trời, lại lốm đốm sao bằng vàng. Sàn bằng đá hoa hiếm. Hoa văn trên tường toàn bằng vân thạch, vân ban thạch, đá mã não, xà cừ khảm ngọc. Cột và các vòng cung có chạm trổ những câu kinh Coran, sơn màu tinh khiết. Để tránh hỏa hoạn, toàn bộ ngôi đền không hề có gỗ. Bảy nghìn thợ, bảy nghìn đina vàng đã được dùng để xây cất ngôi đền trong bảy năm ròng. Người ta gọi là đền của vua Mohamát. Và ngày nay, người ta vẫn gọi như thế.

Còn cụ Hatxân Apđala chỉ ít lâu là lại sức. Cụ được mọi người tôn kính sống một trăm hai mươi tuổi, hết tuổi do số mệnh định đoạt:

Nhưng chỉ có đức Ala là biết trước, và duy nhất sống mãi.

Kể xong câu chuyện, Saradát ngồi im.

– Không ai làm chủ được số phận mình, vua nói. Nhưng Saradát hỡi, câu chuyện làm ta buồn lắm.

Saradát tâu:

– Xin Bệ hạ tha tội cho thiếp. Thiếp xin kể ngay câu chuyện « Những chiếc giày không dùng được » trong tập truyện cười của vị lão trượng Magit Eđđin Abu Tabe Môhamát, tập « Những truyện vui nhẹ nhàng và sự khôn ngoan vui vẻ »,

Và Saradát kể :

Những truyện vui nhẹ nhàng và sự khôn ngoan vui vẻ

I - NHỮNG CHIẾC GIẦY KHÔNG DÙNG ĐƯỢC

Người ta kể chuyện ở Lơ Ke có một anh bán thuốc tên là Abu Cátxem Ét Tămbuari, nổi danh vì keo kiệt. Nhờ chúa ban phúc, hắn buôn bán phát tài và giàu có lắm. Nhưng hắn ăn mặc như một kẻ ăn mày mạt hạng, quần một manh, áo một mảnh, khăn đội đầu cũ kỹ bẩn thỉu đến nỗi người ta không nhận ra nó là màu gì nữa. Đôi giầy hạ của hắnlại càng làm cho người ta thấy rõ hơn tính keo kiệt bủn xỉn: đôi giầy với những chiếc đinh to tướng trông kiên cố như những đồ binh khí, đế giầy dầy cộp hơn cả đầu con hà mã và đã sửa đi chữa lại hàng nghìn lần. Mũi giầy vá chằng vá chịt. Đã từ hai mươi năm nay những thợ giầy, thợ da thành thạo nhất ở Lơ Ke đã tìm đủ mọi cách để ghép lại những mảnh tả tơi ở cái mũi giầy đó, Đôi giầy của Abu Cátxem nặng lắm đến mức từ lâu nó đã trở nên thành ngữ cho cả nước Ai Cập. Người ta dùng nó để so sánh khi muốn nói đến một cái gì nặng. Ví như một kẻ được mời ăn mà ở lại nhà người chủ quá lâu, người ta nói: « Anh ta có máu nặng như đôi giầy của Abu Cátxem ». Khi một nhà giáo, cái kiểu nhà giáo thông thái rởm, muốn tỏ ra ta thông minh, thì người ta nói: « Đồ quỷ! Đầu óc hắn nặng như đôi giầy Abu Cátxem ». Một anh khuân vác vác nặng ư? Anh thở dài nói: « Chúa

nguyền rủa tên chủ kiện hàng này! Hàng nặng như đôi giầy Abu Cátxem vậy!» Trong khuê phòng, khi một mụ trùm vào loại các mụ già cau có đáng nguyền rủa, muốn ngăn không cho những cô vợ trẻ của chủ đùa nghịch với nhau thì người ta nói: «Cầu chúa đấm lòi mắt con mụ tai quái ấy! Hắn nặng nề như đôi giầy Abu Cátxem». Một món ăn khó tiêu làm tắc ruột và gây nên một trận giông tố trong dạ dày chăng? Người ta nói: «Lạy Chúa cứu tôi! Cái món ăn chết tiệt này nặng như đôi giầy Abu Cátxem!» Và cứ thế, bất kỳ ở nơi đâu người ta cảm thấy có sự nặng nề là đều nói đến đôi giầy nọ.

Một hôm Abu Cátxem buôn được một món hời bất thường, lấy làm vui thích lắm. Theo lệ trong thương giới, khi Chúa ban cho một món hời như thế, thì người ta phải thết một bữa tiệc lớn nhỏ gì đó. Nhưng đối với Abu Cátxem hắn muốn tỏ nỗi vui bằng cách tiện nhất là đến tắm ở nhà tắm công cộng, nơi mà suốt đời người ta chưa từng thấy hắn bước chân đến. Hắn đóng cửa hiệu ra đi, giầy vác trên lưng. Từ lâu lắm hắn vẫn làm như thế để giầy khỏi mòn. Đến nhà tắm, hắn để giầy ở cửa cùng những đôi khác đã sắp thành hàng ở đấy. Lệ nhà tắm phải như thế. Abu Cátxem vốn lâu không tắm nên ghét bám cứng lấy da. Bọn kỳ cọ xoa bóp của nhà tắm hì hục mãi đến chiều tối mới kỳ sạch được cho hắn. Người tắm đã về hết. Abu Cátxem ra tìm giầy không thấy đâu, lại thấy một đôi giầy không cổ, màu da cam để đó. Abu Cátxem nghĩ bụng: Chắc là Chúa gửi cho ta. Chúa biết từ lâu ta vốn ao ước mua được một đôi như thế. Cũng có thể là một anh nào đó đã lơ đãng đổi

cho ta!» Thấy được giầy mới mà không phải mất công đi mua, hắn vui sướng mang đôi giầy về.

Nguyên đôi giầy da đó là của một viên pháp quan lúc ấy còn tắm chưa xong. Còn đôi giầy hạ của Abu Cátxem thì người giữ giầy dép của nhà tắm thấy nó hôi thối nồng nặc cả cửa, đem nhét vào một xó. Hết ngày, anh ta xong nhiệm vụ canh giữ, ra về, quên không đem đôi giầy để lại chỗ cũ. Viên pháp quan tắm xong, bọn làm công trong nhà tắm tìm mãi không thấy giầy ông ta. Cuối cùng khi thấy trong xó có đôi giầy lạ kỳ quái trứ danh, họ biết ngay là của Abu Cátxem. Thế là họ chạy đuổi theo, tóm được hắn lôi về nhà tắm với tang vật rành rành mang trên vai. Viên pháp quan lấy lại đôi giầy của ông, trả hắn đôi giầy hạ, rồi mặc cho hắn kêu van sai tống giam hắn vào tù. Abu Cátxem không muốn chết rũ trong tù buộc phải hào phóng đối với bọn lính cai và bọn quan binh cảnh sát. Hắn keo bẩn thỉu ra nhưng của cải thì ứ lên. Người ta biết thế nên bóp nặn ra trò rồi mới thả ra.

Ra khỏi nhà tù, Abu Cátxem buồn bực lắm, đổ hết tội cho đôi giầy. Hắn đem quẳng xuống Sông Nin.

Mấy hôm sau một số người đánh cá kéo lưới thấy nặng hơn ngày thường, té ra trong lưới có đôi giầy hạ mà họ biết ngay là của Abu Cátxem. Đinh ở giầy làm đứt cả mắt lưới. Họ tức giận chạy đến cửa hiệu Abu Cátxem mà chửi và quẳng mạnh đôi giầy vào phía trong. Thế nào lại trúng vào những lọ nước hoa hồng và những chai lọ khác trên ngăn hàng. Chai lọ đổ vỡ loảng xoảng, Abu Cátxem tiếc của đứt từng khúc ruột. Hắn kêu: «những chiếc giầy phải gió

này, tao có cách khiến mi không hại được tao nữa...»
Hắn nhặt giày mang ra vườn đào một cái hố để chôn. Một người láng giềng vốn thù hắn thấy đó là một dịp tốt để trả thù, chạy đi báo quan rằng Abu Cátxem đang đào một kho vàng. Viên quan vốn biết tên bán thuốc giàu có và keo kiệt thế nào rồi, nên tin lời báo là đúng. Ông cho lính về bắt Abu Cátxem lôi đến. Tên Abu Cátxem khốn khổ thề sống thề chết là hắn không có kho vàng nào cả. Hắn chỉ đào đất chôn đôi giày thôi. Viên quan không muốn tin cái điều lạ kỳ trái với tính keo kiệt đã thành bia miệng của Abu Cátxem. Ông nhất định xoay hắn bắt phải nộp một món tiền lớn mới chịu tha cho.

Kể đến đây thấy trời hửng sáng Sasadát kín đáo ngừng lại.

Nhưng đến đêm 795

Nàng tiếp:

Sau các nghi thức đau xót đó Abu Cátxem được thả ra. Hắn bứt râu, bứt tóc, cầm lấy đôi giày và thề phải thoát cho kỳ được. Hắn đi lang thang lâu lắm nghĩ xem có cách nào tốt không. Cuối cùng hắn quyết định đem ném xuống một con kênh ở một cánh đồng xa. Hắn đinh ninh lần này sẽ không còn ai nói đến đôi giày của hắn nữa. Nhưng run rủi thế nào giày hắn lại trôi ngay vào guồng nước của một cái cối xay gió đặt ngay ở trên bờ kênh làm hỏng hết cái bánh xe quay. Mấy người chủ cối xay chạy đến chữa, thấy đôi giày to tướng mắc vào bánh xe thì biết ngay là giày của Abu Cátxem. Anh bán thuốc khốn khổ lại bị tống giam lần nữa và lần này phải trả một món tiền lớn cho những người chủ cối xay gió để đền bù sự thiệt hại đã gây nên cho họ. Hắn lại phải hối lộ cho

họn quan chức mới được thả ra. Người ta trả lại cho hắn đôi giầy. Hắn về nhà lòng rối bời. Hắn lên sân thượng ngồi chống tay vào cằm, suy nghĩ về cách đối phó với đôi giầy. Hắn để đôi giầy gần đó nhưng quay lưng lại không muốn nhìn. Cũng vừa lúc ấy một con chó nhà bên cạnh nhẩy từ bên kia sân thượng sang ngạm lấy một chiếc mà nô rỡn. Chiếc giầy bỗng bắn ra xa rồi rơi từ trên xuống đúng vào đầu một bà già vừa đi qua đó. Sức nặng khủng khiếp của chiếc giầy toàn đinh sắt đè bẹp gí bà già. Người nhà của bà ta nhận ngay được đó là giầy của Abu Cátxem liền đến viên pháp quan kiện đòi hắn trả nợ máu nếu không sẽ chịu tội tử hình. Tên bán thuốc bất hạnh phải đền nợ máu theo luật đã định, lại còn phải hối lộ bọn cai lính, bọn cảnh sát mới khỏi ngục tù.

Nhưng lần này thì hắn tìm được cách xử trí. Hắn về lấy đôi giầy tệ hại mang đến trước mặt viên pháp quan, chánh án. Hắn cầm giầy giơ lên đầu và nói với một giọng hung hăng khiến viên pháp quan chánh án, những người làm chứng và tất cả cử tọa đều bật cười:

— Bẩm quan lớn, đây là nguyên nhân bao nỗi khổ hại của tôi. Chẳng mấy nỗi tôi đến phải tới sân các giáo đường mà ăn mày mất thôi. Cúi xin quan lớn phán quyết cho rằng từ nay Abu Cátxem không còn là chủ nhân những chiếc giầy này nữa, rằng ai muốn lấy hắn xin truyền cho và từ nay hắn không chịu trách nhiệm về những nỗi bất hạnh do đôi giầy gây nên nữa.

Nói xong hắn vứt đôi giày giữa tòa án rồi bỏ chạy, chân không mang giày dép gì hết, trong khi những người có mặt tại đấy lăn ra cười đến bể chửng sả ra.

Saradát không nghỉ kể tiếp luôn truyện.

II – BALUN, TÊN HỀ CỦA AN RASIT

Giáo chủ Harun An Rasit có nuôi một tên hề trong cung để mua vui cho ông trong những lúc ông buồn. Hắn tên là Balun người Quân Tử. Một hôm giáo chủ bảo hắn:

– Này Balun, ngươi có biết ở Bátđa có bao nhiêu người điên không?

Balun đáp:

– Tâu giáo chủ số đó khá nhiều.

– Thế ta giao cho ngươi lập danh sách ngay và phải kê cho đúng.

Balun bật một tiếng cười dài. Giáo chủ hỏi:

– Ngươi cười gì?

– Tâu giáo chủ, tôi vốn thù ghét mọi công việc mệt nhọc. Vì thế tôi xin lập danh sách những người khôn ở Bátđa. Việc này chỉ cần thời gian uống một ngụm nước là làm xong. Nhìn cái danh sách ngắn ngủi đó, ơn Chúa, giáo chủ sẽ biết được số người điên của thủ đô Bátđa.

Cũng chính tên Balun ấy một hôm thượng ngay lên ngồi trên ngai vàng của giáo chủ nên bị bọn thị vệ đánh cho một trận nên thân. Hắn kêu thét ầm ỹ, tiếng kêu làm náo động hoàng cung bay cả đến tai giáo chủ. Harun đến thấy tên hề của mình khóc nức nở tìm lời khuyên giải. Balun nói:

— Tâu giáo chủ, than ôi nỗi đau đớn của tôi không gì an ủi nổi, vì tôi không khóc tôi mà khóc vị chủ của tôi là Người đó. Tôi mới ngồi trên ngai vàng có một lúc mà bị đánh đập thế này thì Người còn ngồi trên ấy bao nhiêu năm nữa, không biết những trận đòn đe dọa Người nơi kia sẽ như thế nào.

Balun vốn khôn nên rất sợ lấy vợ. Harun muốn trêu hắn bắt hắn phải lấy một cô hầu trẻ của ông. Ông bảo đảm rằng cô hầu sẽ làm cho hắn sung sướng. Balun phải tuân lời. Hôm cưới, hắn vào buồng vợ thấy vợ đẹp lắm. Nhưng vừa nằm xuống cạnh vợ hắn bỗng sợ hãi ngồi phắt dậy chạy ra khỏi buồng như bị ma đuổi. Hắn chạy khắp hoàng cung như một tên điên. Giáo chủ biết chuyện gọi hắn đến nghiêm giọng:

— Hỡi tên chết dẫm kia, sao mi lại làm nhục vợ mi thế?

— Tâu giáo chủ, nỗi lo sợ vốn là một điều không chữa được. Cô vợ mà Người ban cho tôi là một phụ nữ đẹp và khiêm tốn không có gì đáng chê trách, nhưng khi tôi vừa vào trong giường cưới thì nghe rất rõ có nhiều tiếng nói từ người vợ tôi bay ra. Có tiếng đòi một cái áo dài, có tiếng đòi một cái mạng che bằng lụa. Tiếng này đòi một đôi giầy, tiếng kia đòi một cái áo cánh thêu, tiếng nọ đòi các thứ khác. Tôi không nén được nỗi sợ hãi nên dù đã có lệnh của Người, dù

cô gái trẻ đẹp có sức quyến rũ, tôi đã phải ba chân bốn cẳng chạy mất, nếu không, sợ sẽ thành điên hơn khổ hơn bây giờ.

Lại một hôm được giáo chủ ban cho một nghìn đồng đina, Balun từ chối đến hai lần không chịu lấy. Trước sự vô tư của hắn, giáo chủ rất ngạc nhiên, hỏi nguyên cớ tại sao. Lúc đó Balun đang ngồi chân co chân duỗi hắn không trả lời, chỉ duỗi thẳng hai chân cố làm cho giáo chủ phải để ý đến. Viên thái giám thấy hắn vô lễ quá định đánh đòn. An Rasit ra hiệu ngăn lại hỏi Balun tại sao hắn lại quên lễ độ như thế. Balun đáp

— Tâu bệ hạ nếu lúc nãy tôi giơ tay nhận ơn huệ của Người thì bây giờ tôi đã mất hẳn cái quyền được duỗi chân thế này rồi.

Cuối cùng, một hôm An Rasit sau một cuộc viễn chinh trở về nằm trong lều, khát khô cổ và đang đòi uống một cốc nước thì vừa lúc Balun vào. Hắn vội đi lấy một cốc nước mát đem đến :

— Tâu Giáo chủ, trước khi uống xin Người cho biết nếu như cốc nước này không tìm đâu được hoặc khó lắm mới kiếm ra thì Người sẽ bỏ ra bao nhiêu tiền để mua nó ?

An Rasit đáp :

— Thì ta sẽ lấy một nửa giang sơn của ta mà đánh đổi.

— Vậy thì Người hãy uống đi và cầu Chúa làm cho cốc nước mát rượi lòng Người.

Giáo chủ uống xong, Balun lại hỏi :

— Bây giờ giáo chủ đã uống rồi, nếu cốc nước không chịu ra khỏi người giáo chủ, nếu vì một lẽ gì đó mà

nước tiểu bị giữ lại trong qui bọng đái không chịu thoát ra thì Người sẽ chịu mất bao nhiêu để tìm cách cho thoát nước ra được ?

— Lạy Chúa ta sẽ cho toàn vẹn giang sơn của ta.

Balun bỗng trở nên sầu não nói :

— Tâu giáo chủ, thế là đế quốc của Người bắc lên cân không nặng hơn một cốc nước hay một tia nước đái. Thế thì không nên vì nó mà Người phải lo nghĩ, vì nó mà gây nên bao cảnh chinh chiến đẫm máu cho dân chúng.

Nghe thế Harun khóc nấc lên.

III — TRUYỆN VIÊN PHÁP QUAN «CHA-DẮM-DÍT»

Tỉnh T'rabolút ở Xyri thời giáo chủ Harun An Rasit có một viên pháp quan rất khắc nghiệt trong việc án từ. Điều đó ai cũng biết. Viên quan gieo rắc bất hạnh đó có một mụ hầu da đen già, da dày và sù sì như da một con trâu miền sông Nin. Nơi hậu đường của ông ta chỉ có mụ là đàn bà. Cầu Chúa nguyền rủa lão vì lão keo bẩn lắm. Lão xử án nghiệt như thế nào, thì đối xử với người ta cũng nghiệt ngã như thế. Lão giàu đấy nhưng ăn uống thì mỗi bữa chỉ vài miếng bánh nguội với mấy củ hành. Lão thích phô trương, trong khi đó lại sống bủn xỉn như một anh chăn lạc đà hết gạo nhưng lại cứ muốn làm ra vẻ ta đây hào hoa. Cho nên lão thường cho giải lên mặt cái ghế đẩu dùng làm bàn ăn, một cái khăn bàn tua bằng chỉ vàng. Nhờ ai

có việc vào nhà lão đúng giờ ăn thì lão cao tiếng gọi mụ da đen: « Mang cái khăn tua chỉ vàng ra giải đây! » Lão muốn người ta tưởng nhầm rằng bữa ăn của lão sang lắm và các món ăn phải nhiều và ngon, xứng với cái khăn giải bàn tua chỉ vàng chứ. Nhưng nào có ai được mời đến ăn bao giờ mà cũng chẳng ai là không biết cái tính keo bẩn của viên quan đó, đến nỗi khi người ta ăn tiệc không ngon người ta thường nói: « Bữa tiệc này được dọn trên cái khăn giải bàn của viên pháp quan đây mà! » Cái người mà Chúa ban cho danh vọng và tiền tài đó lại sống không bằng những con chó ngoài phố. Thật là xấu hổ!

Một hôm có đôi người muốn lấy lòng lão hòng khi có việc lão sẽ xử tốt cho. Có người nói với lão:

– Thưa quan lớn, sao ngài không kiếm một bà vợ? Cái mụ da đen già trong nhà ngài sao xứng với ngài được?

Lão nói:

– Trong số các ông có ai kiếm cho tôi được một mụ vợ không?

Một người đáp:

– Thưa ngài, tôi có một đứa con gái rất đẹp, nếu ngài không chê, xin cho cháu được nâng khăn sửa túi.

Viên quan nhận lời. Đám cưới được tổ chức. Người con gái ngay tối hôm đó được dẫn về nhà chồng. Cô ta không thấy có cỗ bàn, cũng chẳng thấy nói đến nữa, thì ngạc nhiên lắm. Nhưng vốn kín đáo và ý tứ cô không đòi hỏi gì. Nhập gia tùy tục, cô gắng quên đi. Những người được mời dự đám cưới và những người làm chứng cứ đinh ninh thế nào cũng có cuộc vui, ít

nhất cũng có một bữa chén. Nhưng chờ mãi chẳng thấy viên chánh án mời mọc gì, họ thất vọng ra về, nguyền rủa mãi cái tên keo bần.

Cô vợ trẻ sau một trận nhịn đói như cào ruột và kéo dài, cuối cùng nghe thấy chồng gọi mụ da đen, da như da trâu, bảo dọn cái ghế đẩu làm bàn ăn, lấy khăn có tua vàng giải lên và đem những đồ trang hoàng thật đẹp ra. Cô ta hy vọng sẽ được đền bù lại trận đói cô vừa phải chịu đựng. Ở nhà với cha, cô vốn quen sống trong sự đầy đủ xa hoa về vật chất, có ngờ đâu đến nông nỗi này. Mụ ở mang ra một cái liễn có ba miếng bánh hẩm với ba củ hành. Cô không hiểu gì, mà cũng không có một cử động nào. Viên pháp quan trịnh trọng lấy một miếng bánh, một củ hành, đưa cho mụ ở một phần cũng như thế và mời vợ mới cưới dùng phần còn lại.

– Chúa ban cho đó, ăn tự nhiên đi, đừng làm khách.

Lão ăn vội vàng, chứng tỏ lão thấy bữa ăn ngon lắm. Mụ da đen cũng chỉ lẻm một miếng là hết củ hành vì đó là bữa ăn độc nhất. Chị vợ vốn quen ăn ngon, cố nuốt mà không nuốt trôi, nên đành để bụng rỗng, đứng dậy oán thầm số phận đen đủi không ra gì. Ba ngày liền cứ đến bữa thì viên chánh án gọi dọn bàn. Rồi cái khăn tua chỉ vàng, mấy miếng bánh hẩm, mấy củ hành trông thật thiểu não! Cô vợ bữa nào cũng nhịn đói.

Nhưng đến ngày thứ tư viên pháp quan bỗng nghe những tiếng kêu ghê gớm từ trong hậu phòng. Mụ ở, hai tay giơ lên trời, chạy đến báo cho lão biết là vợ lão đã nổi loạn chống tất cả mọi người và cho gọi bố đến. Viên pháp quan hầm hầm vào phòng vợ, mắt như

nầy lửa, chửi vợ không thiếu thứ gì, buộc cho vợ cái tội dâm đãng, đè đầu vợ xuống mà cắt tóc và đuổi vợ đi. Hắn nói:

— Tao bỏ mày ba lần.

Rồi tống cô ra ngoài, đóng sập cửa lại. Lạy Chúa, hãy nguyền rủa lão đi! Lão đáng nguyền rủa lắm.

Chỉ ít ngày sau khi bỏ vợ, vì cái nghề của lão vẫn làm cho có người phải quỵ lụy nên lại có một người đem con gái gả cho lão, cái tên keo bẩn quá quắt đó. Cô vợ này cũng chịu cái kiểu ăn hành như cô trước, rồi ba ngày sau không chịu được bèn cự lại và cũng bị đuổi ra. Thế mà những người khác vẫn không lấy đó làm răn, nên viên pháp quan vẫn cứ lấy hết vợ này đến vợ khác, mỗi vợ một hai ngày là bị đuổi đi vì không chịu được bánh hẩm ăn với hành. Nhưng lão bỏ vợ nhiều quá như thế thì rồi người vô tình nhất cũng phải để ý đến sự keo kiệt của lão, và thái độ đối xử của lão đối với các cô vợ trở thành câu chuyện đầu lưỡi trong các khuê phòng. Lão không còn một chút uy tín nào đối với các bà mối.

Lão pháp quan bị giày vò bởi tính keo kiệt được thừa hưởng của cha lão và thấy chẳng còn ai muốn lấy lão nữa. Một buổi chiều lão thơ thẩn dạo chơi ngoài thành, bỗng thấy một người đàn bà sang trọng cưỡi một con la màu đen sáo sậu. Cô ta ăn mặc rất đẹp, dáng người phong nhã. Lão vê bộ ria mép cho vểnh lên rồi tiến về phía cô ta kính cẩn cúi chào và nói:

— Thưa quý nương, chẳng hay quý nương từ đâu tới đây?

Cô ta đáp:

— Từ con đường phía sau tôi kia.

Viên pháp quan mỉm cười:

– Hẳn thế rồi, hẳn thế rồi, tôi biết, nhưng quý nương từ tỉnh nào đến đây chứ.

– Từ Môtxun.

– Cô đã có chồng chưa hay vẫn phòng không?

– Còn phòng không!

– Thế cô có muốn làm vợ tôi và muốn tôi làm chồng cô ngay từ bây giờ không?

– Chàng cho biết chàng ở đâu rồi mai tôi sẽ biên thư giả lời.

Viên pháp quan nói rõ cho cô biết lão là ai và ở đâu. Những điều đó thực ra cô đã biết cả rồi. Cô từ biệt lão, liếc nhìn và tình tứ mỉm cười với lão.

Sáng hôm sau cô gửi thư cho viên pháp quan nói đồng ý lấy lão, chỉ xin năm mươi đina làm tiền lễ cưới. Lão keo kiệt vì mê cô, phải nén lòng đưa mụ ở mang số tiền đó đến cho cô. Cô gái giữ lời hứa đến nhà lão. Đám cưới được làm lễ ngay trước mặt những người làm chứng. Xong việc, những người này ra về không được qua một miếng gì vào bụng.

Viên pháp quan vẫn trung thành với chế độ của mình, nghĩa là cứ đến bữa huênh hoang gọi mụ ở:

– Nào, đem cái khăn giải bàn tua chỉ vàng ra đây.

Rồi lại như thường lệ, trên cái bàn lộng lẫy chỉ có ba cái bánh khô với ba củ hành. Người vợ trẻ lấy phần thứ ba ăn một cách ngon lành. Ăn xong cô nói: « Lạy Chúa em được bữa ngon quá ». Cô còn điểm cho câu nói một nụ cười thỏa mãn. Nghe vợ khen, viên pháp quan reo lên: « Vinh quang thay đức tối cao đã

mở lòng ban cho ta một người vợ toàn vẹn, biết bằng lòng với hiện tại, biết cảm ơn đức Chúa về cái nhiều cũng như về cái ít ». Cái tên keo kiệt mù quáng, cái đồ lợn đó, (cầu Chúa làm cho hắn bị xấu hổ) không biết rằng số phận hắn đã bị định đoạt trong bộ óc giảo quyệt của cô vợ trẻ của hắn rồi.

Hôm sau, khi viên quan ra xử án ở công đường thì cô vợ đi thăm dò tất cả các buồng, hết buồng này đến buồng khác. Cuối cùng cô ta đến cái buồng nhỏ, cửa khóa kỹ càng bằng ba cái khóa to tướng lại thêm ba thanh sắt chắn ngang, điều đó khiến cô tò mò đến cực độ. Đi quanh mấy vòng, cô bỗng thấy một khe hở rộng gần bằng ngón tay. Nhìn qua khe hở, cô ngạc nhiên và sung sướng thấy rằng bao nhiêu của cải của viên pháp quan đều chất ở đấy, trong những cái lọ đồng toàn vàng và bạc. Lập tức cô nảy ra ý định lợi dụng cái điều bất ngờ mới khám phá ra đó. Cô đi tìm một cái que dài, một cái sống lá cọ, lấy nhựa quấn vào đầu, rồi luồn qua khe hở dính lấy những đồng tiền trong lọ, lôi ra. Cô về phòng, gọi mụ da đen đưa cho mấy đồng tiền vàng bảo: « Mụ ra chợ mua ít bánh nóng rắc vừng mới lấy ở lò ra, rồi mua cơm nghệ vàng, thịt cừu non, hoa quả bánh kẹo ngon nhất ở chợ đem về cho ta ». Mụ ở ngạc nhiên, vâng vâng dạ dạ rồi chạy ra chợ mua ngay. Mụ về, cô ta sai dọn mâm rồi cho mụ cùng ăn những thức ăn ngon ngọt mà mụ đã mua về. Mụ da đen lần đầu tiên trong đời được ăn một bữa ngon như vậy, reo lên:

– Hỡi cô chủ của tôi, cầu Chúa phù hộ cho cô và cứ ban mãi cho cô những thức ngon ngọt cô vừa cho tôi. Nhờ sự rộng lượng của cô, chỉ một bữa tôi đã được ăn những thức ăn ngọt mà suốt trong thời gian tôi ở hầu quan nhà, tôi chưa được nếm qua.

Cô ta bảo mụ:

— Nếu mụ muốn ngày nào cũng được ăn ngon như thế này và hơn thế này nữa, thì tôi bảo gì mụ cứ việc làm theo nấy, mà phải giữ miệng đừng nói gì trước mặt quan ông.

Mụ ở cầu nguyện cho cô, cảm ơn và hôn tay cô, hứa sẽ tuân theo lời và tận tâm trung thành với cô. Vâng lời cô thì được ân huệ rộng rãi, và được ăn ngon, trung thành với viên pháp quan thì phải bóp mồm bóp miệng và chịu đựng sự keo kiệt của lão. Giữa hai con đường làm gì mà mụ không chọn được ngay lấy một.

Trưa về, viên pháp quan gọi mụ ở:

— Hỡi mụ nô lệ, mang giải khăn có tua chỉ vàng ra!

Lão ngồi vào bàn thì vợ lão mang đến những thức còn thừa của bữa ăn ngon lành tuyệt diệu vừa rồi. Lão ăn ngon lắm, khoái chá hỏi những thức ăn đó lấy đâu ra. Cô vợ đáp:

— Hỡi vị chủ của em! Ở tỉnh này em có vô số bà con thân thuộc. Hôm nay một bà cho em những thức này đấy. Em đã nhận vì nghĩ đến chàng.

Viên pháp quan rất mừng vì thấy vợ có những người bà con quí hóa như thế.

Hôm sau, cái sống lá cọ lại làm cái việc hôm trước, lại lấy ra mấy đồng vàng ở kho tàng của viên pháp quan. Cô vợ lại mua những thức ăn ngon lành trong đó có một con cừu non nhồi trái cây bồ trăn tử. Cô mời thêm một vài bà con hàng xóm sang ăn. Họ chuyện trò, ca hát thật vui vẻ, cho đến hết giờ làm việc của viên pháp quan thì họ chia tay. Cô hứa sẽ còn nhiều ngày vui vẻ linh đình như thế này nữa. Viên chánh án

về, lại gọi mụ ở lấy khăn có tua chỉ vàng ra giải. Ngồi vào bàn thấy trên mâm có những thức ăn, những đĩa thịt ngon hơn, quí hơn những thứ hôm qua. thì cái lão keo bẩn đáng nguyền rủa lấy làm ngạc nhiên quá chừng. Lão lo lắng hỏi:

– Ở đâu ra những thứ đắt tiền thế này?

Cô vợ tự tay gắp cho chồng ăn, đáp:

– Hỡi vị chủ nhân của em, xin chàng cứ an tâm, đừng bận lòng nhiều lắm về những thức Chúa ban cho chúng ta. Chàng chỉ nên nghĩ đến việc nhìn cho khoái mắt, ăn cho sướng miệng, cho nó thỏa tấm lòng. Mâm thức ăn này là của một bà cô em cho đấy. Và nếu vị chủ của em mà vừa lòng thì như thế là em sung sướng.

Viên pháp quan mừng lắm vì vợ có bà con sang, lại đáng yêu, lại ân cần đến thế. Lão cứ việc hưởng thụ cái hạnh phúc không phải trả tiền đó. Sau một năm ăn uống như thế, lão béo hẳn lên. Bụng to phình ra đến nỗi khi người ta muốn nói về cái gì to béo thì người ta lấy cái bụng lão để so sánh, « To như cái bụng của viên pháp quan ». Tên keo bẩn không nghi ngờ gì vợ cả. Hắn không biết rằng vợ hắn đã thề báo thù cho tất cả những người đàn bà hắn đã lấy làm vợ, những người hắn đã để cho gần chết đói sau khi đã cắt tóc họ rồi tuyên bố ly hôn ba lần mà đuổi hắn đi. Và sau đây cô đã làm như thế nào để đạt được mục đích và chơi cho lão một vố đau.

Trong số những mụ láng giềng mà ngày nào cô cũng cho ăn, có một mụ bụng chửa. Mụ đã có năm con, chồng làm phu khuân vác kiếm không đủ ăn. Một hôm cô nói với mụ:

— Này, bà láng giềng của tôi! Chúa cho bà một lũ con mà ông ấy thì không có gì nuôi chúng. Nay do ý đấng Tối cao, bà lại có chửa. Khi bà sinh nở, bà hãy cho tôi đứa bé. Tôi sẽ nuôi cháu như con tôi. Tôi hiếm hoi lắm. Tôi sẽ đền ơn bà, hứa không để bà thiếu thốn gì và cố làm cho gia đình bà được sung túc, thịnh vượng. Chỉ xin bà đừng hở chuyện cho ai biết và kín đáo đưa cháu cho tôi để không ai nghi ngờ gì được. Bà có bằng lòng như thế không?

Vợ người phu khuân vác nhận lời, hứa sẽ giữ kín. Đến khi sinh nở chị ta cố không để ai biết rồi trao con cho vợ viên chánh án. Đứa bé to lớn bằng hai đứa trẻ thường.

Hôm đó đến bữa ăn, cô vợ trẻ viên pháp quan tự tay làm cho chồng một đĩa thức ăn gồm đủ các loại đậu: đậu tằm, đậu hòa lan, đậu biển, trậu trắng trộn với rau cải, tỏi, với các thứ bột, các thứ hạt khó tiêu và đủ các loại hương liệu nghiền nhỏ. Viên pháp quan ở tòa về. Cái bụng phệ của lão chưa có gì nhét vào nên lão đói lắm. Cô vợ mang cái món đó ra, mùi thơm phưng phức, lão ăn lấy ăn để luôn mồm khen ngon. Phút chốc hắn chén hết cả đĩa rồi nói:

— Ta chưa hề được bữa nào dễ nuốt đến thế. Tôi muốn rằng cô vợ tôi ngày nào cũng cho tôi chén món đó, và chén nhiều hơn nữa. Chắc những bà con của nàng vẫn tiếp tục xử tốt với nàng.

Cô vợ nói:

— Mong chàng được ngon miệng và ăn dễ tiêu.

Viên pháp quan cảm ơn vợ và một lần nữa tự hào rằng lão có một người vợ hoàn hảo và biết chăm lo đến những sở thích của chồng.

Nhưng ăn xong chưa được một tiếng đồng hồ thì bụng lão phình lên trông thấy. Bỗng một tiếng nổ phát ra trong bụng lão như tiếng sấm bão táp, kéo dài, rung chuyển cả người lão. Tiếp đến là những cơn đau bụng, những cơn co giật ghê gớm. Mặt vàng như nghệ, lão lăn quay ra như một cái vại, hai tay ôm bụng mà rên la:

— Ôi chao! một trận bão táp trong bụng ta. Ôi! ai cứu ta với!

Bụng lão cứ căng mãi lên như một cái bao da căng nước. Lão rống lên, mỗi lúc một đau hơn. Cô vợ chạy đến, cho lão uống hồi hương và thì là. Lão thấy bớt đau, đồng thời cô vợ xoa vuốt bụng lão, dỗ dành an ủi như đối với một đứa bé vậy Đang xoa vuốt cô bỗng ngừng tay thét lên một tiếng rồi kêu la một cách sợ hãi:

— Trời ơi! lạ lắm, thưa vị chủ nhân của em!

Viên pháp quan mặc dù quằn quại vì đau, cũng hỏi:

— Gì thế nàng, và nàng nói đến cái gì kỳ lạ?

— Ôi! chủ nhân, chủ nhân của em!

— Gì thế nói đi!

Cô vợ lại đặt tay lên cái bụng giông tố của lão:

— Lạy đức Tối cao! Thật là Ngài có thể làm và làm được tất cả những điều Ngài muốn. Mong rằng những sự huyền bí của ngài được thực hiện.

Viên pháp quan vẫn rên la nhưng cũng hỏi:

— Cái gì thế? Làm sao? Nói đi! Nàng nỡ hành hạ ta bằng cách ấy nữa sao! Chúa nguyền rủa nàng!

— Hỡi vị chủ nhân của em! Cầu cho ý chúa thành sự thật. Chủ nhân của em có chửa mất rồi và như thế này thì đẻ đến nơi mất.

Nghe thế, viên pháp quan tuy bụng đau quặn cũng đứng ngay dạy kêu lên:

— Mụ kia! mụ điên à? Đời thuở nào đàn ông lại chửa?

— Lạy Chúa làm sao tôi biết được. Nhưng hiện giờ thì đứa bé đang cựa trong bụng ông đây. Tôi cảm thấy rõ ràng chân nó đạp. Tay tôi sờ thấy đầu nó đây này.

Cô nói thêm:

— Chúa muốn gieo hạt giống ở đâu chả được. Ca tụng Chúa đi. Hãy cầu nguyện đức Giáo tổ đi thôi ông ạ!

Viên pháp quan đau quặn người lên nói:

Lạy đức Giáo tổ, xin cầu nguyện cho người.

Rồi thấy đau hơn, lão lại lăn ra thét lên xiết chặt hai tay vào nhau không còn thở được nữa vì cơn đau dữ dội quá. Đột nhiên cơn đau dịu đi. Một cái rắm dữ dội, vang lên kéo dài từ bụng lão thoát ra lầm rung chuyển cả căn nhà. Sức đẩy của nó mạnh quá khiến lão ngất đi. Rồi một tràng rắm nữa tuôn ra ầm ầm trong làn không khí rối loạn của căn nhà, viên pháp quan dần dần tỉnh lại, thấy trước mặt mình một đứa bé mới đẻ quấn tã lót đặt nằm trên một cái đệm nhỏ. Đứa bé mặt nhăn nhúm khóc ré lên. Cô vợ nói với lão:

— Hỡi đức phu quân! Tạ ơn Chúa và đức sứ giả của Người về sự giải thoát may mắn này đi!

Rồi cô nghiêng xuống đứa bé và xuống đầu ông chồng mà lẩm nhẩm những tên thần thánh thiêng liêng. Viên chánh án không còn biết mình ngủ hay

thức hay vì quá đau mà tinh thần bị hoảng loạn rồi. Nhưng sự việc sờ sờ ra đây không tin sao được. Đứa bé mới đẻ nằm kia, cơn đau vừa dứt, ký ức về trận bão táp mới phát ra từ cái bụng của lão, tất cả đều buộc lão phải tin rằng lão vừa được giải thoát một cách kỳ lạ. Và tình mẫu tử đã thắng. Lão nhận đứa bé mà nói :

– Chúa Ala muốn gieo hạt và sáng tạo ở đâu là tùy ý người. Nếu số mệnh đã định thì đàn ông cũng chửa đẻ đúng kỳ hạn được !

Rồi lão quay về phía vợ nói :

– Bây giờ thì mẹ nó phải nhọc mình đi tìm mụ vú cho đứa bé này. Vì tôi, tôi không thể cho hắn bú được.

– Em đã nghĩ tới việc đó rồi. Mụ vú hiện đang chờ ở hậu phòng. Nhưng hỡi chủ nhân, ông có chắc rằng đôi vú ông không nẩy nở và ông không thể cho bú được chăng, vì ông cũng biết đấy, không gì hơn là sữa mẹ !

Viên pháp quan mỗi lúc một ngạc nhiên lấy tay sờ ngực lo lắng :

– Lạy Chúa không sao, hai cái vú vẫn như trước, không có gì trong đó cả.

Đó, sự việc là như vậy ! Người đàn bà trẻ tinh ranh mừng thầm vì kế của mình đã thành. Rồi muốn đẩy sự xảo quyệt xa hơn nữa, chị bắt lão phải nằm xuống và nằm bất động trong bốn mươi ngày như mọi người đàn bà sinh đẻ, không được ra khỏi giường. Rồi chị cho lão uống cái thứ nước mà người ta thường cho người đẻ uống, chăm sóc vỗ về lão đủ cách. Viên

pháp quan vì vừa trải qua những cơn đau bụng đau bão vật lộn trong người, lão thấy mệt xỉu và phút chốc ngủ lăn ra.

Kể đến đây thấy trời hửng sáng Saradát kín đáo ngừng lại.

Nhưng đến đêm thứ 800.

Nàng tiếp :

... Lâu nằm lão mới tỉnh giấc thể xác khỏe khoắn nhưng tâm trí ốm o. Điều trước tiên lão nghĩ đến là xin vợ giữ kín việc này cho :

– Nếu vì lẽ gì đó người ta biết được rằng vị pháp quan đã đẻ ra một đứa con sống thì thật là một tai họa cho chúng ta.

Người đàn bà tinh ranh không an ủi lão thì chớ, lại thích làm tăng nỗi lo của lão :

Hỡi vị chủ nhân ! Không phải riêng chúng ta biết việc kỳ lạ đáng mừng này ! Tất cả các bà láng giềng đều biết cả rồi. Tôi đã dặn mụ vú nhưng mụ ta đi đến đâu cũng bép xép cái mồm và lộ hết bí mật. Thật khó mà ngăn được tính ba hoa của mụ, cũng như bây giờ không thể làm sao ngăn được tin này lan rộng ra khắp tỉnh.

Viên pháp quan thấy mình sẽ là đầu đề cho mọi câu chuyện và người ta sẽ nói chẳng hay ho về mình lấy làm nhục nhã lắm.

Trong bốn mươi ngày, lão nằm im trên giường, không dám cựa mạnh, sợ hậu sản và băng huyết. Lão cau mày nghĩ về cái tình cảnh đáng buồn của lão : « Bọn thù ta thì nhiều lại quỷ quyệt lắm ! Chúng sẽ buộc

cho ta nhiều điều buồn cười, chẳng hạn như bảo rằng ta đã để cho người khác lột truồng ra một cách kỳ quặc. Chúng sẽ bảo: « Viên pháp quan là một người bị lột truồng! Cứ xử án cho hắc vào! Bây giờ ông ta ở cữ và bị người ta lột truồng ra đó. Lạy Chúa! Vị pháp quan của chúng ta là một kẻ đã bị lột truồng một cách kỳ quặc! » Lạy chúa, từ lâu rồi ta có biết cái việc ấy đâu! Mà cái tuổi ta không phải là tuổi để cho người ta đùa!

Viên pháp quan nghĩ như thế đấy. Lão không hiểu rằng nếu người ta có mỉa lão thì cũng là do sự keo bẩn của lão đấy thôi. Lão càng nghĩ càng thấy đời như tối tăm lại, càng thấy tình cảnh mình vừa đáng buồn cười, vừa đáng thương hại. Cho nên khi vợ lão cho biết lão có thể đứng dậy được, không sợ những hậu quả không tốt sau khi sinh đẻ nữa, thì lão vội đi rửa ráy, nhưng chỉ loanh quanh trong nhà không dám đến nhà tắm công cộng. Muốn tránh những lời nhạo báng và những lời bóng gió mà nhất định từ nay lão phải nghe nếu lão cứ ở cái tỉnh này, lão quyết ý rời bỏ tỉnh Tờrabờlút. Lão ngỏ ý đó với vợ. Cô vợ vờ như buồn lắm khi thấy lão phải đi xa và phải từ bỏ cái địa vị pháp quan của lão. Nhưng rồi lại thuận ý với lão, khuyến khích lão ra đi:

— Hỡi vị chủ nhân của em, bỏ cái tỉnh đáng nguyền rủa và toàn những kẻ xấu miệng này mà đi là phải. Nhưng mình đi một thời gian thôi, khi người ta quên câu chuyện rồi, mình sẽ trở về để nuôi đứa bé mà mình vừa là cha, vừa là mẹ, nếu mình muốn, chúng ta sẽ gọi nó là: *Nguồn phép lạ* để nhớ tới sự ra đời diệu kỳ của nó. Lão đáp:

— Thế cũng được,

Rồi đêm tối, lão lẻn ra đi để vợ ở lại săn sóc cho *Nguồn phép lạ* và trông nom nhà cửa, đồ đạc. Lão tránh cái phố nhiều người qua lại, ra khỏi tỉnh đi thẳng về phía Đamát.

Lão đến Đamát. Đi đường có nhọc mệt, nhưng lão tự an ủi, cho rằng ở đây không ai biết lão, cũng không ai biết chuyện lão. Nhưng thực ra thì chuyện đó đã đến tai những người làm nghề kể chuyện rồi. cho nên đến các chỗ công cộng, lão đều nghe kể lại. Cái bọn kể chuyện, lại cứ thêm thắt mãi vào. Muốn cho người nghe phải cười, họ gán cho viên pháp quan những cơ quan sinh dục khác thường, và gọi lão bằng đủ mọi thứ tên đáng sợ. Cũng may, không ai biết mặt lão. Tối đến, đi qua những nơi có bọn kể chuyện nhà nghề, lão không thể không dừng chân nghe chuyện lão từ cửa miệng bọn họ. Câu chuyện trở nên ly kỳ: không phải lão chỉ đẻ một đứa con, mà là một lũ liên tiếp, hết đứa này đến đứa nọ, Người ta cười ầm ỹ. Lão cũng cười về chính chuyện của lão, và mừng rằng không ai biết mình và thầm nghĩ: « Lạy chúa họ muốn cho ta là gì cũng được miễn là đừng nhận ra ta. » Và lão sống như thế ẩn náu kín đáo. Lão trở nên keo kiệt bủn xỉn hơn xưa. Cuối cùng khi đã tiêu hết sạch món tiền mang đi, lão phải bán cả quần áo vì lão không muốn cho người về bảo vợ lấy tiền, sợ phải tiết lộ kho tàng của lão. Khốn khổ, lão chưa biết rằng cái kho tàng đó đã lộ từ lâu. Lão cứ tưởng vợ lão vẫn phải sống trên lưng mấy người bà con và mấy người láng giềng như cô ta đã nói với lão. Và lão túng đói đến nỗi, lão, viên cựu chánh án, nay phải gánh gạch vôi thuê từng ngày cho một người thợ nề, để kiếm sống.

Lão sống như thế mấy năm. Bao nhiêu người trước kia là nạn nhân của sự phán quyết của lão, hoặc sự keo kiệt của lão, đều nguyền rủa lão. Lão sống dưới sức nặng của sự nguyền rủa đó. Lão gầy rộc hẳn đi, như một con mèo bị bỏ quên trong xó một vựa thóc. Lão nghĩ đến việc trở về Tờrabờlút, hy vọng thời gian đã làm cho người ta quên câu chuyện của lão rồi. Lão rời bỏ Đamát. Sau một cuộc hành trình thật khó nhọc đối với lão, lão về đến tỉnh nhà. Lão sắp bước qua cổng thành thì nghe thấy trong số mấy đứa trẻ đang nô đùa, một đứa nói với một đứa khác.

— Mày sinh phải cái năm xúi quẩy của viên pháp quan « cha đắm dít », thì mày được thế nào được.

Viên pháp quan bất hạnh nghe thấy thế, mừng thầm, nghĩ : « Lạy Chúa thế là người ta quên truyện của mình rồi, và bây giờ là một viên pháp quan khác làm bia miệng cho lũ trẻ. » Lão lại gần đứa bé hỏi đầu đuôi xem sao :

— Cái viên pháp quan mà mi nói đến là ai vậy, mà sao người ta lại gọi là « cha đắm dít » ?

Đứa bé kể lại câu chuyện của người đàn bà tinh ranh, vợ lão pháp quan, kể tỷ mỉ suốt từ đầu đến cuối, Những thiết tưởng không cần nhắc lại làm gì.

Lão già keo bẩn nghe xong, nhận thấy nỗi bất hạnh của mình, và hiểu rằng lão đã làm trò chơi, làm bia miệng cho mọi người vì sự tinh ranh của người vợ. Lão từ biệt lũ trẻ, điên cuồng chạy về nhà định sửa cho con vợ một trận, con mụ táo gan đã nhạo báng lão một cách quá độc ác như thế. Nhưng đến nơi, lão thấy nhà cửa đã tan hoang, cửa ngõ tứ tung, tường xiêu mái đổ. Lão chạy đến chỗ kho tàng, nhưng kho tàng đã biến mất, không còn dấu vết hơi hướng gì nữa.

Hàng xóm láng giềng kéo đến. Thấy lão, họ cười toáng lên và cho lão biết vợ lão đi từ lâu rồi vì tưởng lão đã chết. Mu đã cuỗm hết mọi thứ trong nhà, không biết đi đến xứ sở nào. Nỗi bất hạnh của lão thế là trọn vẹn. Thấy mình là trung tâm cho mọi người chế giễu, lão già keo bẩn vội bỏ ra đi không buồn quay đầu lại. Từ đó không ai nghe nói đến lão nữa.

IV – VIÊN PHÁP QUAN VÀ CON LỪA

Tôi nhớ rằng, ngày xưa, ở một thành phố nọ có hai vợ chồng nghèo, làm nghề bán ngô rang. Họ có một người con gái đẹp như mặt giăng và đã đến tuổi lấy chồng. Một viên pháp quan hỏi cô ta làm vợ. Bố mẹ cô bằng lòng ngay, mặc dù viên pháp quan rất xấu xí, râu thì cứng như lông nhím, mắt lác, lại già khọm, có thể coi như bố với con. Nhưng lão giàu, và được người ta vị nể. Bố mẹ cô gái thì chỉ muốn nhờ sự gả bán đó, mà gia đình khấm khá lên chút ít, không nghĩ rằng của cải chỉ góp phần tạo nên hạnh phúc chứ không phải là điều cốt yếu. Điều này chính viên pháp quan được thí nghiệm ngay.

Mặc dù bị những thiệt thòi bởi tuổi già, cùng cái vẻ người xấu xí của lão, lão tìm hết cách làm vừa lòng cô vợ trẻ. Ngày nào lão cũng có tặng vật mới cho vợ, chiều vợ từng ly từng tý. Lão có biết đâu tặng vật và sự nuông chiều không thể nào bằng được tình yêu của tuổi trẻ, nó có thể dập tắt hết mọi ham muốn. Lão buồn lòng vì thấy không tìm được chút gì ở vợ điều

mà lão mong muốn. Cô vợ chưa có kinh nghiệm thì làm sao cho lão biết được những điều cô không biết vì thiếu kinh nghiệm.

Viên pháp quan có một người thư ký trẻ mà lão rất yêu. Lão thường nói chuyện anh ta với vợ, và lại cũng thường nói đến nhan sắc của vợ với chàng thanh niên, đến mối tình của lão đối với vợ, nỗi lạnh nhạt của vợ đối với mình dù lão đã làm tất cả để chiều vợ. Như thế là Chúa làm cho mù quáng cái kẻ đáng bị tiêu vong. Để cho mệnh chúa được thi hành. Một hôm qua cửa sổ kính, lão pháp quan ngu xuẩn và mù quáng đến mức đã chỉ ngay cho vợ thấy chàng thư ký trẻ đó. Vì chàng ta trẻ đẹp, nên người vợ trẻ yêu ngay chàng trai đó. Đôi lòng mà đã tìm đến nhau thì thế nào cũng gặp được nhau để sum họp. Dù bao khó khăn trở ngại, hai người trẻ tuổi đã lừa được sự canh gác của lão và ru ngủ được ở lão lòng ghen tuông lúc nào cũng tỉnh táo. Thiếu nữ đã yêu chàng thanh niên hơn con người của nàng, nên phó thác cả tâm hồn và trao thân cho anh ta. Người thư ký trẻ tuổi đáp lại tình yêu của bạn lòng và cho cô hưởng cái mùi vị mà lão pháp quan già không bao giờ còn làm được nữa. Và cứ thế, hai người gặp nhau luôn, mỗi ngày thêm một âu yếm nhau hơn. Họ sống với nhau đến độ tột cùng của hạnh phúc. Viên pháp quan thấy vợ trẻ đẹp, khỏe tươi hơn lên thì vừa lòng lắm. Thế là ai cũng sung sướng cả, mỗi người một cách.

Người thanh nữ muốn gặp tình nhân một cách cẩn trọng hơn, dặn chàng rằng hễ khi nào thấy ở cái cửa sổ mở về phía vườn có treo khăn tay trắng, thì cứ việc vào với nàng. Nếu là khăn tay đỏ thì phải đi ngay vì đó là dấu hiệu chồng nàng có mặt ở nhà.

Nhưng số phận xui rằng, một hôm viên pháp quan vừa đi đến tòa, nàng treo khăn trắng xong, thì bỗng nghe có tiếng thình thình kèm theo những tiếng kêu la. Rồi mấy tên hoạn nô dìu lão chồng vào, nom lão khác hẳn, mặt vàng như nghệ. Theo bọn hoạn nô cho biết; thì đang phiên tòa, lão đột nhiên thấy khó chịu nên vội cho đưa về nhà để chữa chạy và nghỉ ngơi. Lão già khốn khổ trông thật đáng thương. Cho nên cô vợ mặc dù bực mình vì chồng về bất ngờ làm hỏng việc của cô, cũng chạy đến săn sóc, lấy nước hoa hồng vẩy vào mặt mũi chồng. Cô cởi áo cho lão, tự tay sửa soạn chăn chiếu, đặt lão vào giường. Lão nằm một lát rồi ngủ thiếp đi. Lão về đột ngột thành ra cô không biết làm gì cả nên cô dùng thì giờ rỗi đó đến nhà tắm công cộng để tắm. Cô quên không cất cái khăn trắng ở cửa sổ để thay khăn đỏ vào. Cô bèn lấy gói quần áo rớp nước hoa đi đến nhà tắm.

Chàng thư ký trẻ tuổi thấy khăn trắng ở cửa sổ vội đến chỗ sân thượng nhà bên cạnh. Như mọi lần, anh ta lẹ làng nhẩy sang sân thượng nhà lão pháp quan rồi vào thẳng trong buồng. Mọi khi, người yêu của anh ta vẫn trần truồng nằm chờ trên giường. Lúc đó các cửa sổ đều đóng để viên pháp quan dễ ngủ nên trong buồng tối om. Người thiếu nữ khi tiếp anh ta vẫn thường im lặng không nói năng gì để đùa anh ta. Anh ta cười và tiến thẳng đến bên giường của cô gái.

Quỷ tinh nghịch hãy xa ra nào! Làm sao thế này! Tay anh ta rơi vào cái gì mềm nhũn bơi giữa một bụi rậm. Anh ta sợ hãi rụt tay lại. Viên pháp quan giật mình, sực tỉnh, tóm ngay được tay y. Chàng trai sững sờ đứng đờ ra đó. Lão pháp quan vì giận quá mà thành khỏe. Lão đạp một đạp khiến anh ta ngã

lẵn ra rồi nhấc bồng anh ta lên đem bỏ vào một cái hòm to. Cái hòm này ban ngày đựng chăn đệm. Chăn đệm đã cất đi rồi, còn cái hòm không, mở nắp. Lão bỏ vào để đậy nắp, khóa lại chẳng kịp để ý xem mặt mũi y là ai. Sự kích thích có phản ứng tốt, làm cho máu lão lưu thông. Lão thấy khỏe hẳn người lại. Lão mặc quần áo vào, hỏi tên hoạn nô xem vợ lão đi đâu rồi chạy đến trước cửa nhà tắm chờ vợ. Lão nghĩ: « Trước khi giết tên gian này, ta phải xem xem hắn có thông mưu với vợ ta không. Ta chờ con mụ ra, lôi cổ về, cho gọi người làm chứng đến, rồi cho đối chất với tên bị giam. Ta là pháp quan, việc gì cũng phải làm theo luật pháp mới được. Ta sẽ được biết có một phạm nhân hay có hai đồng lõa. Trong trường hợp thứ nhất, ta sẽ chính tay xử tử tên bị giam trước những người làm chứng. Trong trường hợp thứ hai, ta sẽ dùng mười ngón tay bóp cổ cả hai cho chết ».

Nghĩ thế và nhẩm trong đầu cái ý định báo thù đó, lão thấy người phụ nữ nào vào nhà tắm cũng túm lại nhắn: « Cầu Chúa cho chị, chị bảo vợ tôi ra ngay tôi cần nói chuyện với cô ta ». Nhưng lão nói câu đó một cách gắt gỏng bực mình, mắt như nảy lửa, da mặt vàng khè, cử chỉ bối rối, giọng nói run run, vẻ người dữ tợn, nên những người vào tắm sợ lắm, cho lão là điên, và bỏ chạy tán loạn, vừa chạy vừa thét lên. Người đàn bà thứ nhất vào nhà tắm nhắc to cái câu lão nhắn vợ, đã làm cho chị vợ trẻ nhớ tới cái khăn trắng treo ở cửa sổ, quên không cất đi. Cô nghĩ: « Thế là chết rồi, không gì cứu vãn nổi! có giời biết người yêu ta bây giờ ra sao! » Các bà vào tắm đều lần lượt nói to câu chồng cô nhắn, mà lão pháp quan thì trở thành đầu đề duy nhất cho câu chuyện của những bà hoảng sợ đó. Cô tắm nhanh cho xong. Cũng may không

bà nào biết mặt cô. Vả lại cô cứ vờ như không để ý đến câu chuyện, làm như nó không liên quan gì đến mình. Mặc quần áo xong, cô ta vào căn phòng trước nhà tắm. Ở đấy một bà già nghèo khổ, ngồi bán đậu cho người đi tắm. Cô gọi bà ta:

– Bà cụ ơi, cụ cho cháu mượn cái mạng vải xanh và cái mủng không để cạnh cụ trong một tiếng đồng hồ. Cháu biếu cụ một đồng đina vàng đây.

Bà già mừng quýnh, trao cho cô cái mủng và cái mạng vải thô. Cô vợ trẻ đeo mạng vào, cắp mủng ở tay ra khỏi nhà tắm. Đến ngoài đường phố cô thấy chồng đi đi lại lại, vung vẩy trước cửa, lớn tiếng nguyền rủa những nhà tắm công cộng và những người đến tắm, và những người chủ nhà tắm, và những người xây nhà tắm. Mắt lão trợn trừng, mồm lão sùi bọt. Cô lại gần bắt chước cái giọng những bà bán hàng rong hỏi lão có muốn mua đậu không. Thế là lão nguyền rủa những quả đậu và những người bán đậu và cả những người trồng đậu, và những người ăn đậu. Cô vợ trẻ cải trang không bị lộ liền cười thầm đi thẳng về nhà. Cô rảo bước lên buồng thì nghe có tiếng rên rỉ. Cô vội mở cửa sổ, không thấy có người, sợ quá, định gọi tên hoạn nô lên cho đỡ sợ. Bỗng cô ta nghe rõ tiếng rên từ cái hòm phát ra, cô bèn chạy đến. Cái khóa vẫn còn đây, cô mở hòm:

– Lạy Chúa Ala! đức Từ bi, đức Khoan dung.

Cô thấy người yêu gần tắt thở vì thiếu không khí. Cô cảm động lắm lắm, nhưng thấy anh chàng rũ ra, mắt chệch ngang, cô không tài nào nhịn được cười. Tuy nhiên, cô ta cũng vội lấy nước hoa hồng vẩy vào người anh ta cho tỉnh lại. Khi thấy anh ta hồi tỉnh, cô ta cắt nghĩa nhanh cho anh rõ những việc đã xảy ra rồi ngồi tính toán sao cho mọi việc được trôi chảy

Trong chuồng gia súc có một con lừa cái mới đẻ một chú lừa con sáng nay. Cô xuống chuồng bế con lừa xinh xắn lên, đem bỏ vào cái hòm trong đó người tình của cô vừa bị giam giữ, rồi đóng nắp, khóa lại. Cô hôn tình nhân, bảo đi về, khi nào thấy có khăn trắng ở cửa sổ hãy đến. Đoạn cô đến nhà tắm, thấy chồng vẫn đi đi lại lại, miệng nguyền rủa những cái nhà tắm cùng những điều liên quan đến nhà tắm. Thấy cô vào lão ta gọi lại nhắn: « Hỡi mụ bán đậu, nhờ mụ nói với vợ tôi nếu không ra ngay thì nội nhật ngày nay tôi sẽ giết hắn, tôi sẽ phá sụp cái nhà tắm này cho nó đổ vào đầu hắn ». Cô vợ trẻ cười thầm. Cô vào chỗ phòng ban nãy, trả lại mạng và mủng cho bà cụ bán đậu, đoạn cầm gói quần áo trong tay, ngoe nguẩy cái đít mà đi ra.

Lão pháp quan vừa thấy cô, chạy xồ đến thét lên:

– Mụ ở đâu, ở đâu ra! Ta chờ hai tiếng đồng hồ rồi! Theo ta! đồ quái! đồ khốn! Đi!

Cô vợ đứng lại:

– Lạy chúa! ông làm sao thế? Lạy chúa, sao thế hả ông? Ông điên rồi sao? Ông là một vị quan trong tỉnh mà lại làm những chuyện ồn ào, xấu xa thế này ở ngoài phố à? Hay cái bệnh vừa rồi của ông đã làm ông mất trí không còn biết gì là phải trái nữa. Không thế, tại sao trước mặt mọi người, giữa đường giữa chợ, mà ông nỡ xử tệ với vợ như thế!

– Thôi im đi! Về nhà đã, rồi muốn nói gì sẽ nói. Theo ta!

Lão đi trước, vừa đi vừa hoa chân múa tay, trút nỗi giận dữ của lão trong những tiếng la tiếng thét, tuy không la thét thẳng vào mặt vợ. Chị vợ lẳng lặng cúi đầu theo sau lão mười bước.

Đến nhà, viên pháp quan nhốt vợ ở buồng trên gác đi tìm trưởng phố và bốn người làm chứng hợp pháp. Gặp người láng giềng nào lão cũng mời đến chứng kiến. Lão đưa mọi người lên buồng. Lão muốn mọi người phải chứng kiến cái việc sắp diễn ra.

Mọi người vào buồng, thấy cô vợ trẻ vẫn đeo mạng ngồi nép ở góc cuối, lầm bầm một mình, nhưng cốt để người khác nghe được: « Than ôi! Than ôi khổ cho tôi chưa! Ôi người chồng đáng thương của tôi! Bệnh tình đã làm ông ấy điên rồi. Nhất định là ông ấy đã mất trí, nên mới làm nhục tôi đến thế và mới đưa đàn ông lạ mặt vào chốn khuê phòng. Tai hại chưa! Những người lạ trong chốn khuê phòng sắp nhìn mặt tôi! Hỡi ôi! hỡi ôi! chồng tôi điên, điên hẳn rồi! »

Quả vậy, viên pháp quan lúc đó bị kích thích, như điên như cuồng, mặt vàng hẳn ra, râu rung rung, mắt nảy lửa. Lão có vẻ như bị sốt nặng đến mê sảng. Một vài người đứng cạnh lão tìm cách làm cho lão nguôi đi, bình tĩnh lại. Nhưng họ chỉ làm cho lão bị kích động thêm. Lão gọi lớn:

— Vào đi, vào đi! Đừng có nghe cái con ba que ấy! Các ông các bà đừng vì những lời kêu than của con khốn nạn mà mủi lòng. Các ông các bà rồi sẽ thấy! sẽ biết! Đây là ngày cuối cùng của đời hắn! Giờ xử tôi đã đến! vào đi! vào đi!

Khi mọi người đã vào, lão đóng cửa lại, đi về phía cái hòm, mở nắp ra. Thì này! chú lừa con ló cái đầu ra, vẫy vẫy cái tai, rồi nhìn mọi người bằng cặp mắt to, đen láy, dịu hiền. Nó thở ầm ĩ, vui sướng được thấy lại ánh sáng, vểnh thẳng đuôi lên, kêu be be gọi mạ.

Viên pháp quan thấy thế, nổi sung, gân giật như bị chúng kinh phong. Lão nhảy sổ đến chỗ vợ định bóp cổ. Cô vợ vừa chạy quanh trong phòng, vừa thét lên kêu cứu:

– Lạy đức giáo tổ! Nó giết tôi đây này! Hỡi những người Hồi giáo hãy giữ lấy thằng điên này lại. Cứu tôi với.

Những người có mặt, thấy lão sùi bọt mép, đinh ninh rằng lão điên thật. Họ đứng chắn lão, rồi túm lấy đè xuống tấm thảm. Lão vùng vẫy định thoát ra để chạy đến giết vợ, miệng lầm bầm những gì không ai rõ. Viên trưởng phố thấy lão như thế, ái ngại cho lão nhưng cũng nói với mọi người:

– Thôi cũng đành phải giữ ông ấy nằm im một nơi, cho đến lúc Chúa làm cho ông ấy dịu đi và trở lại sáng suốt, bình thường.

Mọi người đồng thanh:

– Cầu Chúa chữa khỏi cho ông! một người đáng kính như thế mà mắc cái bệnh thảm hại như kia.

Có vài người nói:

– Sao người ta lại có thể ghen với một con lừa con?

Lại có người hỏi:

– Sao con lừa này lại vào được cái hòm kia?

Mấy người đáp:

– Chính ông ấy tưởng lầm là người, đem nhốt vào đó.

Viên trưởng phố nói thêm, để kết thúc:

– Cầu chúa phù hộ cho ông ta, và đuổi bọn ma quỷ đi cho!

Tất cả đều nhắc lại câu đó, rồi họ ra về, chỉ trừ ai mấy người đương còn phải túm giữ lão. Nhưng đi họ cũng không phải ở lâu. Đột nhiên cơn điên dữ dội kéo đến, lão thét lên nhưng tiếng không rõ. Từ đằng xa, cô vợ nhìn lão, nhăn nhăn mặt kín đáo chế giễu lão, lão vùng dậy định xông đến thì mạch máu ở cổ lão bị đứt. Lão hộc máu ra mà chết. Cậu chúa đấy rủ lòng thương lão. Vì không những lão là một pháp quan thanh liêm, lão còn để lại cho người vợ trẻ kia một gia sản đủ để có thể sống đường hoàng và kết duyên với chàng thư ký trẻ, người yêu cô và cũng được cô yêu biết bao!

V – VIÊN PHÁP QUAN KHÔN NGOAN

Người ta kể rằng ở Lơ Ke có một viên chánh án, vì nhiều lần tỏ ra vô trách nhiệm, xử án không công minh, lại hay ăn hối lộ nên bị cách chức. Lão thường dùng mọi thủ đoạn kiếm kế sinh nhai. Xoay sở mãi đã hết kế, mà cuộc đời thì mòn héo lắm rồi. Một hôm nghĩ mãi không ra mưu chước gì, lão gọi tên nô lệ cuối cùng còn lại, bảo:

– Hôm nay tao ốm lắm, không thể ra khỏi nhà được. Nhưng còn mày, mày thử đi kiếm xem có được cái gì ăn không, hoặc tìm xem có ai muốn hỏi gì về pháp luật, thì dẫn đến đây, tao sẽ có cách.

Tên nô lệ vốn là một đứa bịp bợm gớm lắm, chủ càm lặng, thì hắn nửa câu. Được việc thì hắn cũng có lợi. Hắn vừa đi vừa nghĩ: «Bất cứ gặp ai đi đường

mình cũng sẽ tìm cách gây sự, hết người này đến người khác. Chưa ai biết chủ ta bị cách chức. Ta sẽ lôi họ đến lấy cớ giải quyết sự bất hòa. Ta sẽ vét rỗng hầu bao của bọn chúng.» Đang nghĩ thế, hắn thấy trước mặt, một người lững thững dạo chơi, hai tay giữ hai đầu một cái gậy đặt ngang phía sau gáy. Hắn đến gần đạp mạnh một cái khiến người nọ ngã lăn vào đống bùn. Người đó quần áo lấm hết, giày ướt cả da, tức giận đứng dậy, định trị cho hắn một mẻ. Nhưng khi nhận ra hắn là đầy tớ của viên pháp quan anh ta lại không dám. Anh ta tiu nghỉu rút lui chỉ lầm bầm: «Đồ quỷ!»

Tên nô lệ xảo quyệt thấy không thành công, tiếp tục đi, nghĩ bụng: «Cách đó không ăn thua, phải tìm cách khác. Vì ai cũng biết chủ ta và ta rồi.» Đang nghĩ không biết làm thế nào, hắn thấy một gã đội một cái mâm, trên có một con ngỗng nhồi thịt, xung quanh có cà, bí, cà chua xếp rất khéo. Hắn đi theo gã đến chỗ lò quay. Gã vào nhà đưa mâm ngỗng cho chủ lò, dặn: «Ông quay giúp, một tiếng đồng hồ sau tôi sẽ đến lấy.» Rồi gã ra về.

Tên nô lệ mừng thầm được món bở. Chờ một lúc hắn vào nhà người chủ lò:

– Chào ông chủ Mútxtapha.

Người chủ lò nhận ra tên nô lệ của viên pháp quan. Đã lâu ông ta không thấy hắn đến đây vì lâu nay viên pháp quan không có gì đưa đến quay. Ông ta chào lại hắn:

– Chào Mubarác, người anh em của tôi! Ở đâu đến thế này? Lâu lắm ngọn lửa trong lò tôi không được đốt lên hầu quan lớn nhà. Hôm nay cậu mang gì đến thế! và tôi có thể làm gì để hầu quan lớn?

– Còn phải làm gì nữa! Tôi đến lấy con ngỗng trong lò đây!

Chủ lò ngạc nhiên:

– Con ngỗng đó có phải của cậu đưa đến đâu!

– Sao bố lại nói thế! Con ngỗng đó không phải của tôi! Bố ơi! chính mắt tôi đã thấy nó từ trong trứng nở ra, chính tôi đã nuôi nó lớn lên rồi giết nó nhồi thịt vào đưa đến đây quay!

Chủ lò nói:

– Lạy Chúa tôi cũng muốn trao cho cậu! Nhưng lát nữa tôi nói thế nào với người đến lấy?

– Chắc đâu hắn sẽ trở lại! Nếu có ông sẽ nói đùa rằng (vì hắn là người vui tính, thích cười): « Ôi chào, người anh em của tôi ơi, lúc tôi đưa cái mâm vào lò thì bỗng nhiên ngỗng kêu lên một tiếng chói tai rồi bay mất... » Rồi hắn giục: « Thôi, bây giờ ông hãy đưa ngỗng cho tôi. Chắc chín lắm rồi. »

Chủ lò nghe nói cười, lấy mâm ngỗng ra tin cẩn trao cho tên nô lệ. Tên này vội mang về cho chủ rồi cùng đánh chén, vừa ăn vừa mút tay.

Trong lúc đó, người có ngỗng đến lò quay:

– Ông chủ lò ơi, ngỗng chắc chín rồi chứ?

Chủ lò đáp:

– Giời! đúng lúc tôi đưa vào lò, ngỗng kêu một tiếng inh tai và bay mất.

Người kia không phải là kẻ ưa khôi hài, nổi sung, đinh ninh rằng lão chủ lò muốn giễu anh.

— Đồ vô lại sao mi dám cười vào mũi ta thế?

Lời qua tiếng lại, dần dần họ chửi bới nhau rồi đấm đá nhau Người qua đường xúm lại xem, chẳng mấy chốc chật ních cả nhà lầu. Người ta xì xào: «Lão Mútxtapha đánh nhau vì một con ngỗng nhồi thịt, sống lại.» Phần đông bênh vực người chủ lò. Họ vốn biết từ lâu anh ta là người làm ăn lương thiện và có tín nhiệm. Chỉ có vài người tỏ vẻ nghi ngờ về cái chuyện phục sinh kia.

Trong số người xúm quanh đám đánh nhau có một mụ bụng chửa. Vì hiếu kỳ mụ cố len lên hàng đầu xem cho rõ. Không may cho mụ, anh chủ lò trong khi lùi lại để nhằm đánh đối thủ, hích đúng ngay vào bụng chửa. Mụ ngã quay ra kêu lên một tiếng như tiếng gà mái bị trống đạp. Ngay lúc đó cái thai bị sẩy.

Chồng mụ ở ngay cửa hiệu bán hoa quả bên cạnh, biết tin, chạy đến, tay cầm một cái gậy to tướng. Lão thét: «Tao phải đâm cho thủng ruột, giết cái tên thợ quay lò này cả bố nó, cả ông nó nữa.» Chủ lò quay đánh nhau đã mệt lắm rồi, nên thấy một người hùng hổ chạy đến với cái gậy khủng khiếp thì thấy không còn sức nào chống lại nổi. Thế là ba chân bốn cẳng anh chạy vào phía trong sân. Rồi thấy mình bị đuổi theo, anh trèo tường lên một cái sân thượng nhà bên cạnh và để rơi mình xuống đất. Thế nào lại rơi đúng vào một người Matrép đang nằm ngủ quấn trong một cái chăn. Anh ta vốn nặng lắm, nên lão Matrép bị gẫy hết xương sườn, chết ngay tức khắc. Những người Matrép bà con của lão trong khu chợ, vội chạy đến, tóm cổ anh ta đánh cho một trận rồi lôi anh đến viên chánh án. Người có ngỗng đưa quay thấy anh chủ lò

bị bắt cũng nhập bọn với những người Ma-rép. Họ la hét chửi bới om xòm, và dẫn anh chả lò đến tòa án.

Tên đầy tớ viên chánh án sau khi cùng chủ ăn xong con ngỗng, trở lại xem có chuyện gì xảy ra. Hắn nói với bọn người kia:

– Mấy ông theo tôi! tôi dẫn đường cho.

Rồi hắn đưa mọi người đến chủ của hắn. Viên pháp quan vẻ mặt đạo mạo, trước hết bắt những người cáo tố phải trả án phí gấp đôi đã. Rồi quay về phía bị cáo, mà mọi người đang chỉ tay vào mặt, lão hỏi:

– Hỡi tên thợ quay, ngươi trả lời thế nào về chuyện con ngỗng?

Anh ta thấy tốt nhất là cứ nói cái câu mà tên lõ lệ xui anh nói với người mang ngỗng:

– Lạy chúa, bẩm quan lớn, ngỗng kêu một tiếng inh tai rồi đứng dạy và bay mất.

Người có ngỗng nghe thế mắng:

– Đồ chó! trước mặt quan tòa đây mi vẫn còn dám nói thế à?

Viên pháp quan làm ra vẻ bất bình bảo người có ngỗng:

– Thế còn mày, đồ bất tín, đồ vô đạo sao mày lại dám không tin rằng đấng Tối cao là đấng có thể tập hợp xương rải rác khắp mặt đất để hồi sinh muôn loài, lại không thể làm sống lại một con ngỗng, xương còn nguyên vẹn, chỉ thiếu có lông?

Nghe thế đám người reo lên: « Vinh quang thay Thánh Ala, đấng làm sống lại những kẻ đã chết. » Họ la ó tên có ngỗng khiến hắn lủi về mất, vừa đi vừa hối hận rằng mình đã thiếu đức tin.

Xong, viên pháp quan quay về phía chồng người đàn bà bị sẩy thai hỏi:

– Còn anh, anh kiện người này về việc gì?

Nghe xong sự tình, lão phán:

– Ta đã nghe hết. Đúng tên chủ lò quay phạm tội làm cho vợ anh sẩy thai. Ta nghiêm khắc cho thực hành luật báo thù.

Lão quay về phía người chồng nói tiếp:

– Theo luật anh được kiện. Ta cho phép anh đem vợ đến nhà phạm nhân để hắn làm cho chửa lại. Anh sẽ để vợ cho hắn nuôi nấng trong sáu tháng đầu khi chị ta có chửa vì vợ anh sẩy thai vào tháng thứ sáu.

Nghe phán xử như thế, anh chồng xin:

– Lạy Chúa, bẩm quan lớn thế thì tôi rút đơn và cầu Chúa tha thứ cho kẻ thù của tôi.

Và anh ta rút lui.

Viên pháp quan lại nói với thân bằng cố hữu của lão Matrép đã chết:

– Các ông Matrép kia, các ông kiện tên này về việc gì?

Bọn Matrép hoa chân múa tay vừa chỉ vào cái xác chết vừa oang oang đòi phải đền nợ máu. Viên pháp quan bảo:

– Đúng là người ta phải trả nợ máu cho các ông rồi. Chứng cớ sờ sờ ra đấy. Tên chủ lò quay không chối cãi vào đâu được. Bây giờ các ông chỉ việc cho tôi biết các ông định bắt đền bằng hiện vật nghĩa là lấy máu trả máu, hay bằng tiền bồi thường.

Những người Matrép vốn thuộc một dòng họ dữ tợn, đồng thanh đáp:

– Bẩm quan lớn xin đền bằng máu.

– Được! thế thì các ông cho cái tên chủ lò này vào mấy cái chăn của người bà con các ông, buộc chéo lại, rồi đem đặt chỗ chân tháp nơi giáo đường của đức vua Hátxan, xong, cho người anh của nạn nhân trèo lên đỉnh tháp rồi tự để rơi mình xuống mà đè bẹp tên thợ quay như hắn đã đè bẹp người em của anh ta.

Viên pháp quan hỏi thêm:

– Người anh của nạn nhân đâu rồi?

Một người Matrép ra khỏi hàng thưa:

– Bẩm quan lớn, tôi xin xút đơn kiện người này và cầu Chúa tha tội cho hắn.

Nói rồi anh đi ra, theo sau là những người Matrép khác.

Đám đông được chứng kiến những chuyện đó đều phục cái khoa xử kiện tài tình, cái óc công bằng, cái sự tế nhị của viên pháp quan.

Ai nấy ra về lấy làm thích thú. Tiếng đồn bay đến tận tai nhà vua. Vua lại phục chức cho ông ta. Còn cái người thay ông ta thì bị bãi chức. Bị bãi chức mà đành chịu không biết làm thế nào được vì không khôn khéo như người đã được ăn thịt ngỗng kia.

VI – BÀI HỌC CỦA ANH THẠO GÁI

Tâu bệ hạ đầy hồng phúc, ở Lơ Ke có hai chàng trẻ tuổi, rất thân nhau, một đã có vợ một còn độc thân. Anh có vợ tên là Amát. Anh chưa vợ tên là Mamút. Amát lớn hơn hai tuổi và thường cậy mình hơn tuổi nên lên mặt dậy bạn, nhất là về môn tán gái. Hắn luôn luôn nói đến chuyện đó, kể có đến hàng nghìn chuyện vặt về kinh nghiệm của hắn, và bao giờ cũng kết thúc:

– Mamút hỡi, bây giờ thì chú có thể tự hào là đã được biết một người hiểu rất rõ về cái giống đàn bà quỷ quyệt. Chú phải thấy rằng được là bạn tôi là một hạnh phúc lớn, vì nhờ tôi, chú sẽ không bị họ lừa dối.

Mamút ngày càng ngạc nhiên về những tri thức hiểu biết của bạn và tin rằng, không một người đàn bà nào dù quỷ quyệt đến đâu có thể lừa dối được anh ta, hoặc làm cho anh bớt chú ý đến mình dù chỉ trong giây phút. Anh thường khen bạn:

– Amát hỡi! anh tài giỏi lắm! Amát dương dương ưỡn ngực vỗ vai bạn và bằng một giọng kẻ cả:

– Tôi sẽ dạy cho chú làm được như tôi.

Một hôm Amát nhắc lại câu đó.

– Tôi sẽ dạy cho chú làm được như tôi. Người ta học là học kẻ đã có kinh nghiệm, không ai học kẻ chỉ nói mà chưa làm được.

Chàng Mamút trẻ tuổi nói:

– Lạy Chúa, trước khi anh dạy tôi cách phá những mưu mô của đàn bà xin anh hãy dạy cho cách làm quen với một người trong bọn họ...

Amát lên giọng của một ông giáo giảng bài:

– Lạy Chúa! có gì đâu! ngày mai chú đến Mulét, ở đấy có hội chợ. Trong các lều vải sẽ có vô số phụ nữ. Chú sẽ chọn một người bế con nhỏ, vẻ người xinh xắn, mắt sáng lên dưới mạng che mặt. Chọn được rồi, chú sẽ mua những quả trà là, những quả đậu bọc đường, chú sẽ mang cho đứa bé, chú sẽ chơi với nó nhưng chớ có ngước mắt nhìn mẹ nó, rồi chú sẽ vuốt ve nó, rồi sẽ hôn hít nó. Khi đứa bé đã quen chú rồi, chú sẽ xin người mẹ được bế đứa bé thay cho chị ta, nhưng vẫn không được nhìn mặt người đó. Đi đường, chú sẽ đuổi ruồi trên mặt đứa bé rồi bắt chước giọng con trẻ, kể chuyện huyên thuyên cho nó nghe. Người mẹ, cuối cùng sẽ nói với chú. Chị ta mà mở miệng là chú chắc được làm gà trống rồi đấy.

Nói rồi, hắn từ biệt Mamút. Mamút phục bạn lắm. Suốt đêm hôm đó anh ta lẩm nhẩm nhắc lại bài học vừa nghe được,

Hôm sau, mới sớm tinh mơ anh đến chợ, thực hiện từng điểm những điều đã học được, đủ tỏ anh tin vào kinh nghiệm của bạn nhường nào. Và kỳ lạ quá, kết quả thật ngoài ý muốn của anh. Nhưng số phận lại định rằng người đàn bà mà anh bế hộ con (anh đặt nó trên vai anh) và đã đưa nó về đến tận nhà lại chính là người vợ của bạn anh, Amát. Anh không mảy may ngờ rằng anh đã phản bạn. Một là anh chưa từng đến nhà chị ta, hai nữa anh chưa bao giờ gặp chị ta để biết mặt mũi ra sao dù chị ta có đeo mạng hay không, nên không thể biết được đó là vợ bạn. Còn người đàn bà trẻ, thì cũng thấy vui vui, chồng chị thường vẫn lải nhải với chị về môn khoa học phụ nữ, về những cái xảo quyệt của đàn bà. Bây giờ chị mới có dịp thử nghiệm những điều chồng nói ra sao.

Trong lần gặp gỡ đầu tiên, anh Mamút trẻ và chị vợ của Amát đều lấy làm thỏa thuê lắm. Mamút trẻ trai tân, chưa hiểu biết sự đời, nay được nếm đầy đủ cái thú được một người đàn bà Ai cập lành nghề ôm ấp. Họ ưa nhau lắm, nên sự việc lại tiếp diễn mấy ngày sau. Người đàn bà lừa được ông chồng huênh hoang lấy làm thích thú. Anh chồng không biết gì hết, chỉ ngạc nhiên không thấy người bạn trẻ ở chỗ anh ta thường gặp. Anh ta nghĩ: « Chắc cu cậu nhờ những bài học và lời khuyên bảo của mình đã vớ được món nào rồi ».

Sau đó ít lâu, một hôm vào ngày thứ sáu, anh ta đến lễ ở giáo đường thì thấy Mamút đương ở sân gần chỗ cái bình nước rửa tội. Anh ta đến gần chào hỏi và chúc tụng, bằng một giọng thông thạo, hỏi bạn xem đã có kết quả gì trong việc tìm kiếm chưa và người đàn bà có đẹp không. Mamút được tâm sự với bạn sướng lắm:

– Lạy chúa! Người đàn bà có đẹp không à? Quả thật là bơ, là sữa! Và nung núc và trắng toát! Thơm như xạ hương, như hoa nhài và thông minh biết bao! Và mỗi lần gặp nhau nàng thết tôi những bữa ăn ngon lành. Còn anh chồng nàng, bạn Amát hỡi, thì thật là một tên ngu xuẩn, một tên mối lái cho vợ ngoại tình

Amát bật cười:

– Lạy Chúa, phần lớn các ông chồng đều thế. Thế là chú đã biết lợi dụng tốt những lời khuyên nhủ của tôi, Mamút hỡi! cứ thế mà làm!

Rồi hai người cùng vào giáo đường làm lễ, xong mỗi người đi một ngả.

Hôm ấy vì là ngày thứ sáu, các hiệu đều đóng cửa. Amát ra khỏi giáo đường không biết làm gì, bèn đến thăm một người láng giềng ở sát cạnh nhà. Hai người cùng ngồi ở chỗ cửa sổ trông ra phố. Bỗng nhiên anh ta thấy Mamút, đích thị là hắn vào thẳng nhà anh ta, không cần gõ cửa gì cả, chứng tỏ rằng người trong nhà thông mưu với hắn và người ta đang chờ hắn đến Anh ta ngạc nhiên lắm, định chạy ngay về để tóm cổ bạn và vợ mà trị tội cả hai. Nhưng lại nghĩ nếu gõ cửa thì vợ anh ta vốn là một con mụ tinh quái sẽ giấu tình nhân đi, hoặc để hắn tẩu thoát về phía sân thượng. Anh ta nghĩ cách vào nhà bằng con đường khác không để ai biết.

Quả vậy, trong nhà anh ta có một cái giếng ngầm chia làm hai ngăn thông nhau, một thuộc về anh và ở phía sân bên kia, một thuộc về người láng giềng mà anh ta đang ngồi trong nhà. Ngăn đó cũng thông sang sân nhà anh. Amát nghĩ: « Ta sẽ dùng con đường đó vào tóm cổ hai cu cậu ». Anh nói với người hàng xóm:

– Hỡi anh bạn láng giềng, bây giờ tôi mới nhớ ra là sáng nay tôi đã để rơi túi tiền xuống giếng. Xin phép anh bạn tôi xuống tìm. Và tôi sẽ lên bằng con đường bên kia giếng, phía sân nhà tôi.

Anh bạn láng giềng đáp:

– Cái đó tùy anh. Và tôi sẽ rọi đèn xuống soi cho anh, anh bạn a.

Nhưng Amát từ chối việc giúp đỡ này. Anh ta sợ rằng ánh đèn ở giếng sẽ làm cho người khác để ý đến. Anh ta từ biệt ông bạn và xuống giếng.

Lần xuống không có chuyện gì nhưng khi lên thì số phận đã chống lại anh ta một cách kỳ lạ. Nguyên

Amát đang dùng hết sức của tay của chân trèo lên đến nửa chừng thì người nữ tỳ da đen đến gánh nước nghe có tiếng động cúi xuống nhìn. Trong bóng tối lờ mờ chị thấy một hình thù đen đen cựa quậy. Chị không biết đó là chủ của chị. Chị sợ quá để rơi cái gầu nước rồi bỏ chạy miệng kêu: « Hung thần! Trời ơi hung thần, hỡi người Hồi giáo, hung thần ra khỏi giếng đây này! cứu tôi với! ».

Cái gầu, với tất cả sức nặng của nó, rơi trúng vào đầu Amát, khiến anh ta đau điếng người.

Nghe người nữ tỳ kêu cứu, vợ Amát cho người tình chạy trốn. Chị xuống sân, đến giếng, nhìn qua thành giếng hỏi: « Ai ở dưới giếng đó? » Anh chồng, mặc dù bị một tai họa bất ngờ, vẫn còn đủ sức thét lên những tiếng chửi rủa ghê gớm, chửi cái giếng, chửi những người chủ cái giếng và những người xuống giếng và những người đến múc nước ở giếng. Chị vợ nhận được tiếng chồng. Chị hỏi:

– Lạy chúa, ông xuống giếng làm gì thế này?

Amát đáp:

– A, à đồ khốn! Câm mồm đi! Ta xuống nhặt cái túi tiền đánh rơi sáng nay. Mụ nên giúp ta ra khỏi giếng hơn là đứng đấy mà lục vấn ta. Chị vợ trẻ cười thầm. Chị hiểu rõ cái duyên cớ vì sao anh chồng xuống giếng. Chị gọi mấy người láng giềng mang thừng đến kéo Amát lên. Amát lúc đó không cựa quậy được nữa, cái gầu làm hắn đau lắm. Hắn để mọi người mang hắn vào giường, không nói năng gì. Hắn nghĩ đã ra cơ sự này thì nén nén giận đi là khôn nhất. Hắn thấy nhục lắm, vì danh dự của hắn đã đành, nhưng nhất là vì hắn lại có thêm kinh nghiệm về phụ nữ và biết

thêm về những sự xảo quyệt của họ. Hắn quyết lần sau sẽ thận trọng hơn. Hắn suy nghĩ nên dùng cách nào để tóm được quả tang cái con quỷ quyệt này.

Vì vậy nằm vài hôm, khi dậy được, hắn chỉ còn một việc là rình báo thù. Một hôm nấp ở một góc phố hắn thấy ông bạn Mamút vào nhà hắn, cửa ngoài chỉ hé mở, Mamút vừa lách vào cửa, vội đóng sập lại ngay. Hắn chạy về đấm cửa thình thình...

Chị vợ không chút do dự, bảo Mamút ngồi dậy theo mình. Chị dắt anh ta đến một cái góc ngay sau cánh cửa mở ra ngoài phố. Rồi chị ra mở cửa cho chồng:

— Lạy chúa! Chuyện gì mà đấm cửa dữ thế!

Amát nắm lấy tay chị kéo giật vào phía trong, vừa hét vừa chạy lên buồng trên gác để tóm cổ Mamút, nhưng Mamút lúc đó đã lặng lẽ mở cửa chuồn thẳng ra ngoài phố. Amát tìm mãi không thấy gì, biết đã hỏng việc. Hắn đến phát điên và chết đi được. Hắn nhất định đuổi vợ ngay lúc đó. Nhưng rồi nghĩ lại hắn thấy mình nên kiên nhẫn thêm ít lâu nữa hắn đành im lặng nuốt hận.

Vài hôm sau, dịp may mà hắn tìm kiếm đã đến. Ông cậu, và là bố vợ Amát, nhân dịp lễ cắt da quy đầu cho đứa con nhỏ có làm cỗ mời bà con. Hai vợ chồng Amát cũng được mời đến, ở cả ngày cả tối. Amát nghĩ cách thực hiện ý định của mình. Hắn đi tìm anh bạn Mamút, người duy nhất vẫn không biết là mình đã lừa bạn. Hắn rủ đến ăn cỗ. Mọi người ngồi quanh những mâm đầy ắp thức ăn bày ở giữa sân, có đèn nến sáng trưng, cờ phướn phấp phới. Bọn đàn bà trong khuê phòng nhìn qua cửa sổ có thể thấy và nghe được hết mà không ai nhìn thấy họ. Trong bữa

tiệc Amát lái mọi người đến những câu chuyện phóng đãng mà bố vợ hắn đặc biệt thích nghe. Sau khi lần lượt mỗi người kể một chuyện vui buồn cười, Amát chỉ vào Mamút bạn hắn nói:

– Lạy chúa! Chàng Mamút của chúng ta đây, trước kia có kể cho tôi nghe một câu chuyện thật mà anh đóng vai chính. Chuyện vui hơn nhiều so với tất cả những câu chuyện chúng ta vừa được nghe.

Ông cậu hắn reo lên:

– Thế thì kể cho chúng tôi nghe đi, anh Mamút!

Mọi người hùa theo!.

– Xin chúa phù hộ cho anh, hãy kể đi cho chúng tôi nghe.

Amát nói thêm:

– Chú biết rồi đấy, câu chuyện người đàn bà béo trắng như bơ ấy mà.

Mamút thấy mọi người đều hướng về mình mà đòi nghe kể thì lấy làm thích thú, bèn kể lại lần đầu tiên gặp gỡ người thiếu phụ có bế con trong túp lều ở Mulét. Rồi chàng kể đến những chi tiết tỷ mỷ và chính xác về người đàn bà trẻ, khiến ông cậu của Amát nhận ngay ra đó là con gái của mình. Amát mừng thầm chắc mẩm rằng mọi người sẽ làm chứng cho hắn về sự ngoại tình của vợ. Như thế, hắn có thể bỏ vợ mà vợ không đòi lại được của hồi môn. Lão bố vợ cau mày sắp đứng dậy để làm một việc gì đó, (nào ai biết được) thì bỗng người ta nghe một tiếng kêu thét lên đau đớn như tiếng một đứa bé bị ai véo mạnh một cái. Nghe tiếng kêu, Mamút đột nhiên nhớ đến sự thật liền nhanh trí dẫn câu chuyện sang một hướng khác bằng đoạn kết thúc này:

— Tôi mang đứa bé trên vai. Đến sàn nhà tôi muốn cùng nó vào trong khuê phòng. Nhưng — Quỷ hãy xa ra! — khổ cho tôi là tôi lại rơi đúng vào một người đàn bà đoan trang. Chị ta thấy tôi táo gan, giằng lấy đứa bé đấm mạnh một quả vào mặt tôi, vết đấm hãy còn đây, rồi chị đuổi cổ tôi ra, dọa kêu hàng xóm. Lạy chúa nguyền rủa chị ta!

Ông cậu, bố người thiếu phụ nghe đoạn kết thúc đó, phá lên cười. Mọi người cười theo. Chỉ có Amát là không cười tý nào. Hắn tự hỏi không hiểu tại sao Mamút lại kể trệch đoạn cuối đi như thế. Ăn xong, hắn đến gần Mamút hỏi:

— Cầu chúa cho chú mình, chú mình có thể cho anh biết tại sao chú mình không kể câu chuyện như nó đã xảy ra?

Mamút đáp:

— Có gì đâu! Tiếng thét của đứa bé mà mọi người đã nghe làm cho tôi chợt hiểu rằng đứa bé và mẹ nó phải có mặt đâu đấy ở chốn khuê phòng. Và như thế thì anh chồng cũng phải có mặt trong số những người khách đến ăn. Vì thế, tôi phải vội vàng làm cho nàng vô can, để khỏi phiền cho hai chúng tôi. Ông anh của tôi ơi! câu chuyện bố trí như thế đã làm cho ông cậu anh vui lắm phải không?

Amát mặt vàng hẳn ra, không trả lời, từ biệt bạn. Ngay ngày hôm sau anh ta bỏ vợ rồi cùng đoàn người hành hương đến Lamếc làm lễ thánh. Và bởi vậy sau thời gian quy định của luật pháp, Mamút có thể cưới người tình của anh để sống hạnh phúc với nàng. Vì anh ta không có ý định nghiên cứu tâm lý người phụ

nữ để tìm cách phá mưu mô hoặc để đề phòng sự lừa dối của họ. Nhưng chỉ có Chúa là biết hết mọi việc thôi!

Kể xong chuyện này, lão chài, cái lão thích nhai kẹo Hátsit mà bây giờ đã thành nội thần của nhà vua, im bặt không kể nữa. Nhà vua khoái lắm reo lên:

– Hỡi vị nội thần của ta, kẻ có lời lẽ ngọt như đường, ta phong cho ngươi làm tể tướng.

Vừa lúc đó, hai người đi kiện vào phòng xử án kêu đòi công lý. Lão chài, bây giờ là tể tướng, phải nghe họ trình bày mọi việc để xét xử và tuyên án ngay lúc đó. Và vị tể tướng với đủ nghi trượng của chức tước mới, phán cho hai người:

– Lại gần đây và kể cho ta biết vì sao các anh phải đến tận Ngài ngự kiện nhau?

Và đây là chuyện của họ:

VII – SỰ PHÁN QUYẾT CỦA ANH CHÀNG NHAI KẸO HÁTSÍT

Người nông dân mang dưa chuột đến kể tiếp:

– Tâu bệ hạ đầy hồng phúc, khi quan tể tướng mới truyền lệnh cho đôi bên trình bày sự việc thì bên nguyên nói:

– Bẩm quan lớn tôi kiện anh này.

– Về việc gì?

– Dưới kia, ngay chỗ đầu tòa nhà này, tôi có một con bò cái với con bê của nó. Sáng nay tôi đưa chúng ra đồng cỏ, con bò cái đi trước tôi, con bò nhảy nhót theo sau. Bỗng tôi thấy anh này đây đi về phía tôi. Anh ta cưỡi một con ngựa cái, theo sau là một con ngựa cái con, một con ngựa đẻ non thô kệch đến thảm hại. Con bê của tôi thấy ngựa con, chạy đến làm quen, nhảy nhót chung quanh ra chiều âu yếm, dùng mõm xoa xoa cái bụng ngựa con, rồi ngửi, rồi hít đủ trò, lúc thì chạy ra xa làm duyên đá hậu mấy cái, lúc thì dùng móng nhỏ đá tung cát sỏi lên không. Đột nhiên, bẩm quan lớn, tên này đây, vốn là một kẻ vũ phu, xuống ngựa, lại gần con bê hiếu động và xinh đẹp, lấy dây quấn vào cổ nó bảo tôi:

– Ta lôi nó đi đây vì ta không muốn cho con bê của ta thành hư thân, vì chơi với con ngựa cái non khốn nạn này, con và hậu duệ của con bò cái của anh.

Rồi hắn quay về phía con bê của tôi mà nói:

– Mày là con và hậu duệ của ngựa cái của ta. Hãy lại đây với ta.

Và bất chấp những tiếng kêu ngạc nhiên cùng những lời phản đối của tôi, hắn dắt bê đi để lại cho tôi con ngựa cái non khốn kiếp. Hắn dọa sẽ giết tôi nếu tôi định đoạt lại con bê thuộc về tài sản và quyền sở hữu của tôi. Có Chúa và người chứng giám! Con ngựa đó bây giờ vẫn ở dưới kia với mẹ nó.

Quan tể tướng mới – vốn là lão chài ăn kẹo Hátsit – quay về phía bên bị hỏi:

– Còn anh kia, anh nghĩ sao về những lời đó?

— Bẩm quan lớn thật là rõ rành rành. Quả con bê là con của con ngựa cái của tôi mà con ngựa cái con là dòng giống của con bò cái của người kia.

Vị tể tướng phán :

— Thế ra bây giờ bò cái lại đẻ ra ngựa cái non mà ngựa lại đẻ được ra bò chăng? Đó là một điều mà cho đến bây giờ bất kỳ ai có lương tri cũng không thể công nhận được.

— Bẩm đức ông, ngài há lại không biết rằng không có gì chúa không làm được sao? Chúa sáng tạo ra tất cả cái gì Người muốn gieo hạt ở đâu tùy ý Người. Người ta chỉ việc cúi đầu ca ngợi và tôn thờ chúa.

— Đúng, đúng, anh kia, anh nói đúng đấy. Đối với quyền lực của đấng Tối cao thì không có việc gì Người không làm được. Người có thể cho ngựa đẻ ra bò, người có thể cho ngựa đẻ ra bê, cho bò đẻ ra ngựa.

Tể tướng nói thêm :

— Nhưng trước khi để cho anh con bê, con của con ngựa cái của anh, và trả ngựa con cho bên nguyên ta muốn cho hai người được chứng kiến một kết quả khác về cái quyền lực của đấng Tối cao.

Tể tướng truyền đem đến một con chuột và một bao lúa mì cho tướng. Ngài nói :

— Hãy chăm chú nhìn và không được nói thêm một lời nào cả.

Quay về phía bên bị Ngài bảo :

— Anh này có con bê là con con ngựa cái, anh hãy đem cái bao lúa mì đặt lên lưng con chuột!

Tên kia kêu:

– Bẩm đức ông, đặt cái bao lúa mì to tướng này lên lưng chuột thì chuột chết bẹp mất!

Tể tướng bảo:

– Hỡi con người ít đức tin vào chúa, sao mi dám ngờ quyền lực của Đấng Tối cao là Đấng đã cho ngựa cái đẻ ra bê.

Rồi ngài truyền cho lính tóm cổ hắn đánh cho một trận vì sự ngu ngốc và lòng bất kính Chúa của hắn. Ngài cho trả lại bên nguyên con bê và mẹ nó, lại cho luôn cả hai mẹ con con ngựa cái nữa.

Người nông dân, người đã mang thúng quả đến, nói tiếp:

– Tâu bệ hạ của muôn đời, đó là trọn câu chuyện của lão chài, người ăn Hátsít đã trở thành tể tướng của nhà vua. Việc xử cuối cùng này chứng tỏ ngài khôn ngoan đến chừng nào, biết dùng phản chứng mà dẫn tới chân lý khéo léo biết bao. Điều này cũng chứng tỏ đức vua thật sáng suốt khi phong ngài làm tể tướng. Vua cho phép ngài được ăn cùng mâm, ngồi cùng bàn và ban cho ngài bao nhiêu vinh dự và đặc quyền. Chỉ có Chúa là quảng đại hơn và khôn ngoan hơn, và hào hiệp hơn, và từ thiện hơn.

Vua nghe anh bán hoa quả kể xong hàng loạt câu chuyện đó, đứng thẳng dậy, vui vẻ lắm và reo lên:

– Hỡi vị chúa tể của những người dịu hiền, kẻ có tài nói ngọt ngào như đường như mật, còn ai xứng đáng hơn người làm tể tướng, người, kẻ biết suy nghĩ đứng đắn, biết nói năng nhịp nhàng, biết kể chuyện ý vị hay ho một cách hoàn mỹ đến thế!

Tức thì vua phong cho ông ta làm tể tướng, coi ông như một người bạn tâm giao và từ đó cho đến chết không lúc nào xa ông.

Truyện nàng Ngọc Trai

Sử chép rằng Giáo chủ An Môtadit Bila, giáo chủ thứ mười sáu dòng họ Apba, cháu An Môtaoakin, cháu Harun An Rasit, là một vì vua cao thượng, duyên dáng, lịch sự, uy nghiêm, thông thái dũng mãnh như sư tử và lại được coi là nhà thơ lớn nhất của thời đại. Ở kinh đô Batđa, nhà vua có sáu mươi đại thần phò tá ngài cai trị quốc gia mênh mông, từ sa mạc Sam đến tận cùng Matra, từ dãy Koraxân và biển Tây đến biên giới Ấn Độ và Apganixtan. Cũng như ngài, các vị đại thần đều một lòng một dạ với thần dân, vì thần dân mà hoạt động không mệt mỏi. Bất cứ việc gì xảy ra, dù bề ngoài vô nghĩa, đều không giấu được Ngài.

Một hôm Ngài dạo chơi cùng Hamđun, người kể chuyện, người đã kể cho chúng ta biết bao chuyện hay, cùng với bao nhiêu bài thơ tuyệt tác của cha ông. Hamđun cũng là bạn đồng ẩm thân tín của Ngài. Hai người tới trước một ngôi nhà, trông như một dinh thự, náu mình êm đềm giữa những vườn cây um tùm. Nhìn kiểu kiến trúc hài hòa của nó, người ta hiểu được khiếu thẩm mỹ của chủ nhân còn hơn là nghe những

lời lẽ hùng hồn. Đối với những ai có con mắt tinh đời, có tấm lòng bao dung như nhà vua, thì ngôi nhà nói lên nhiều điều lắm.

Hai người ngồi nghỉ chân trên chiếc ghế đá hoa trước cửa, đang hít thở gió heo may thơm mùi hoa huệ, hoa nhài thì thấy hai thanh niên đẹp như trăng đêm mười bốn, từ bóng râm trong vườn đi ra. Họ làm rầm trò chuyện và không trông thấy khách.

– Hôm nay đẹp trời, một người nói, cầu cho có khách. Ông chủ đang buồn vì giờ ăn đã đến mà không có bạn ăn cùng. Thường bao giờ ông cũng có bên mình hoặc bạn thân hoặc khách lạ để mời ăn uống ngon lành, thết đãi hào hiệp.

– Đúng thế! người kia đáp. Lần đầu tiên ông chủ phải ngồi một mình trong phòng tiệc, ngày xuân mát mẻ thế mà lạ thật, không một du khách nào tìm đến nghỉ chân ở khu vườn đẹp đẽ này, nơi mà ở tận những miền xa xôi người ta cũng cất công đến thăm.

Nghe hai thanh niên nói, giáo chủ An Mòtadit hết sức ngạc nhiên sao trong kinh thành của Ngài có biệt thự này mà Ngài không biết, mà sao quý chủ nhân biệt thự lại sống kỳ lạ, không thích cô đơn trong bữa ăn? Ngài nghĩ: « Thề có đức Ala, ta đây là Giáo chủ mà lại thường thích một mình một bóng. Nếu cảm thấy lúc nào cũng có người lạ kè kè bên cạnh thì đến chết yểu mất. Sự cô đơn đôi khi cũng cần lắm chứ! » Rồi Ngài bảo với người đồng tịch đồng bàn trung thành của mình:

– Ôi Hanđun, người kể chuyện có cái lưỡi ngọt như mật, người biết mọi chuyện đã qua, mọi việc đương thời, ngươi biết gì về người chủ tòa lâu đài này? Có

cần làm quen với một thần dân mà cuộc sống khác xa với cuộc sống người khác, mà đơn độc hào hoa đến thế? Và lại, phải chăng đây là dịp để ta tỏ bày với một thần dân cao quí của ta một tấm lòng độ lượng tuyệt vời hơn lòng của y đối với khách không mời mà đến.

– Chắc chắn là đức Giáo chủ sẽ không phải hối tiếc cuộc viếng thăm vị quý nhân không quen biết này, Hamđun đáp lại. Người đã muốn thì thần xin gọi hai thanh niên xinh đẹp kia bảo về báo cho chủ có chúng ta đến thăm.

Ông đứng dậy, cả giáo chủ nữa đã cải trang theo thói quen thành thương nhân. Ông đến trước hai thanh niên, nói:

– Cầu đức Ala phù hộ cho hai cậu! Nhờ hai cậu vào báo với ông chủ là ở cửa có hai thương gia xứ lạ xin được vào yết kiến.

Hai thanh niên nghe nói mừng quá chạy như bay vào nhà. Phút chốc chủ nhà ra đón.

Đó là một người nét mặt sáng sủa, đường nét thanh tú, vẻ người đường hoàng, thái độ lịch thiệp. Chàng mặc chiếc áo lụa Nisabua, vai khoác áo nhung viền kim tuyến, tay đeo nhẫn hồng ngọc. Chàng tiến về phía hai người miệng tươi cười, tay trái áp lên ngực mà rằng:

– Xin thân ái chào hai vị đã hạ cố tới đây.

Họ vào nhà, thấy bầy biện đẹp quá, tưởng chừng như một cảnh thiên đường. Vẻ đẹp trong nhà quả hơn bên ngoài nhiều lắm. Nó nhất định có thể làm cho kẻ đương ốm tương tư phải quên lãng người tình.

Trong phòng lớn, một mảnh vườn con soi minh trên một bồn ngọc thạch có tia kim cương hát rì rầm. Cảnh xin xắn, mát rượi diệu kỳ. Nếu ngoài kia là khu vườn lớn vây quanh lâu đài, hoa lá thắm tươi đủ sắc là sự cuồng lộng của thảo mộc thì mảnh vườn nhỏ bên trong là tinh hoa chắt lọc của nó. Chỉ có bốn đóa hoa thôi, nhưng đó là những bông hoa mà con mắt người đời chỉ được ngắm nhìn thuở khai thiên lập địa!

Hoa thứ nhất là một bông hồng, nghiêng nghiêng minh trên cành. Nó không phải thứ hồng thường, mà là bông hồng nguyên sơ, em đóa hồng đã nở ở Lạc Viên trước khi thiên thần giận dữ giáng trần [1]. Bên trong hoa có ánh vàng chiếu sáng như ngọn lửa của niềm vui nồng cháy, tỏa một thứ ánh sáng nhiều màu phơn phớt, mịn màng, tinh khiết, thắm tươi. Trong vành hoa, có chất hồng tía đủ nhuộm áo bào một bậc đế vương. Và chỉ một thoáng hương thơm của nó cũng làm mát dạ, mê hồn, thân thể lâng lâng.

Hoa thứ hai là bông mã lan, một đóa đơn độc mọc thẳng trên cành. Nó không phải là thứ mã lan ở vườn ngự, mà là thứ mã lan xa xưa, nở ở thành Aram-nhiều-cột, tưới bằng máu rồng, bây giờ giống hoa ấy đã tuyệt diệt, bông hoa đỏ hơn rượu vang, không uống cũng say, hồng hơn than cháy, đốt lửa mà chẳng tàn.

Hoa thứ ba là bông dạ-hương-lan, đơn độc thẳng trên cành. Nó không nở ở vườn thường, mà là mẹ loài

---

1) Theo Thiên chúa giáo, Chúa Trời nặn ra quả đất, nặn ra thủy tổ loài người là Adam và Eva. Chúa cho ở Lạc Viên, cho hưởng tất cả hoa quả trong vườn trừ quả táo, là quả tri thức. Nhưng Eva bị quỷ cám dỗ đã ăn quả cấm! Chúa sai thiên thần xuống quở trách.

huệ, trắng tinh, thanh tú, ngạt ngào, mảnh mai, dạ-hương thuần khiết, trắng hơn cả thiên nga dưới hồ nước mới bơi lên

Hoa thứ tư là một bông cẩm chướng, nghiêng nghiêng đơn độc trên cành. Nó không phải, ồ không! là thứ cẩm chướng mà các cô thiếu nữ tưới lúc ban chiều trên sân thượng mà là thứ cẩm chướng đỏ như một quả cầu cháy, một mảnh thái dương rụng ở phương Tây, một lọ tinh dầu ngan ngát hồ tiêu, thứ cẩm chướng thuộc loại Chúa các thần dâng cho đức Xôlâyman để ngài cài vào mái tóc nữ hoàng Bankix, để Ngài nấu thuốc trường sinh, làm hương trí tuệ, luyện vạn ứng linh đan.

Và nước trong bồn có thể chạm vào bóng hoa, rung rung lay động, cả những lúc tạnh hạt mưa kim cương và tia nước thôi không rì rầm hát nữa. Bốn đóa hoa thấy mình đẹp quá, lả lướt trên cành, mỉm cười chăm chú ngắm nhìn nhau.

Ngoài hoa, không có trang trí nào khác trong cái phòng đá hoa trắng ấy. Nhưng cũng đủ lắm để con mắt được thỏa thuê, không đòi hỏi gì thêm nữa.

Khi Giáo chủ và Hamđun đã an tọa trên chiếc ghế dài trải thảm Koraxàn, chủ nhân chào lần nữa và mời dùng bữa. Người hầu đã bưng đến những thức ăn ngon lành đặt trong chiếc mâm vàng. Chủ khách coi nhau như bạn thân. Để mua vui, chủ ra hiệu cho bốn thiếu nữ đẹp như Hằng Nga bước vào. Cô thứ nhất gẩy đàn cầm, cô thứ hai đánh não bạt, cô thứ ba hát, cô thứ tư múa. Tiếng đàn, hát du dương, điệu múa nhịp nhàng như hoàn thiện thêm cảnh thần tiên. Chủ khách nhắp rượu nhắm với trái cây hái nguyên cành, đẹp như trẩy từ nơi Cực Lạc.

Hamđun đã quen với yến tiệc của Giáo chủ, cũng thấy lòng xao xuyến vì rượu ngon, cảnh đẹp. Ông hảo hứng nhìn Giáo chủ và cốc rượu cầm tay, đọc một bài thơ ngẫu hứng vì nhớ tới kỷ niệm với một người bạn cũ chợt bừng lên.

Giọng ngân nga, nhịp nhàng, ông đọc:

Bạn có đôi má như đóa hồng hoang dã, phinh phính như mặt Phật Trung Hoa.

Hỡi người bạn trẻ, đôi mắt huyền, thân hình tiên nữ, đừng để oải nữa, thắt lại dây lưng mà uống cho kêu ly rượu màu hoa mã-lan nở nang.

Có lúc phải khôn ngoan, có lúc phải say xưa điên loạn! Hãy rót rượu này cho ta. Bạn vốn biết ta ưa thứ máu lấy ở vò ra khi nó còn tinh khiết như tấm lòng của bạn.

Chớ bảo là rượu lỗi! sinh ra đã say thì say có nghĩa lý gì? Hôm nay, mong ước của ta cũng rối rắm như mớ óc xoăn của bạn.

Cũng chớ bảo rằng rượu làm hại nhà thơ. Áo trời còn xanh lơ, áo đất còn xanh đậm như hôm nay thì ta cứ uống cho đến chết vì say.

Dưới mộ, thi thể của ta sẽ bốc lên mùi rượu át mùi đất, và tuổi trẻ xinh trai đến viếng ta, chỉ ngửi mùi cũng đủ thấy say.

Đọc xong bài thơ ứng khẩu, Hamđun ngước mắt nhìn Giáo chủ xem Ngài phản ứng thế nào, thì thấy không những Ngài không vui như Hamđun mong đợi, mà còn cau có như có nén giận hờn. Ông ta sợ quá để rơi chiếc ly đầy rượu. Ông run người, tưởng chừng sẽ

mất mạng, không gì cứu vãn nổi. Nhưng cùng lúc, ông lại nhận thấy hình như Giáo chủ không để tâm đến thơ ông, mắt ngơ ngác đần đờ như đang có điều gì nan giải. Ông tự nhủ: « Lạy chúa! Vừa đây, mặt ngài còn hớn hở, giờ lại sa sầm thất ý như vậy? Ta chưa thấy thế bao giờ. Vốn quen nhìn dung nhan mà đoán tâm tình ý nghĩ, ta không hiểu vì đâu có sự thay đổi đột ngột ngày. Cầu Chúa xua quỷ đi, cho ta tránh được tà thuật của nó. »

Ông đang cố nặn óc tìm duyên cớ nỗi bực tức của Giáo chủ thì đột nhiên Ngài nhìn chủ nhà, hoài nghi, rồi trái với mọi luật lệ xã giao vốn kiêng không cho chủ khách hỏi nhau về tên tuổi cùng thân thế, Ngài lớn tiếng, cố nén giận:

– Người kia! ngươi là ai?

Chủ nhân, nghe hỏi thế, giận tái người, nhưng vẫn đáp:

– Người ta thường gọi tôi là Abun Hatxân Ali ben Amat An-Koraxani.

– Thế ngươi có biết ta là ai không?

Chủ nhân càng giận hơn:

– Không! thề có chúa, thưa ông chủ của tôi, tôi không có cái vinh dự ấy!

Thấy tình thế căng thẳng, Hamđun nói với chàng trai chủ nhà:

– Chủ nhân hỡi! Trước mặt chàng là Giáo chủ đấy, đức An-Môtadit Bila, cháu Ngài An-Môtaoakin Alala!

Tức thì chủ nhà run lẩy bẩy, rập đầu sát đất mà rằng:

— Tâu Giáo chủ, xin Người thể lòng các đấng Tiên Thánh, tha thứ cho kẻ tôi đòi này những tội đã vô tình phạm phải. Chắc chắn là thần đã thất lễ, hoặc bất kính, hoặc thiếu hào hoa.

— Không phải thế. Ta không thể trách ngươi về những điều ấy. Trái lại, ngươi đã tỏ ra hào hoa hơn cả những bậc vương hầu hào hoa nhất. Ta đang định cảm ơn ngươi về tất cả những vẻ đẹp trong nhà thì đột nhiên, một nguyên nhân quan trọng đã khiến ta phải lên tiếng hỏi ngươi.

Chủ nhà cuống quít:

— Hỡi vị chủ nhân tối thượng của thần! xin cho được biết thần đã phạm tội gì để Người phải nổi trận lôi đình như thế?

— Vì ta đột nhiên nhận thấy trong căn nhà này từ chiếc bàn, cái ghế cho đến cả áo quần ngươi mặc, đều có tên tổ phụ ta An Môtaoakin. Ngươi có thể nói ta rõ vì sao có sự lạ lùng ấy. Có chuyện bí mật cướp bóc lâu đài của tiên thánh ta chăng? Phải nói hết, không được ấp úng, nếu không, ngươi sẽ phải chết tức thì.

Đáng lẽ phải luống cuống lắm thì chủ nhân lại lấy lại vẻ niềm nở, mỉm cười và bình tĩnh thưa rằng:

— Cầu đức Quyền Uy Tối Thượng che chở cho Người. Thần xin nói hết, vì trước mặt Giáo chủ, không ai man trá được!

Giáo chủ ra lệnh:

— Nếu vậy, hãy ngồi xuống và nói đi.

Theo vẫy tay của Ngài, Abu Hatxan về chỗ của mình, và kể:

— Xin đức Ala tiếp tục ban ân cho Người, và để Người chiến thắng!

Thần không phải con vua cháu chúa, không phải là con một vị đại thần, không dính dáng gì đến một giòng dõi quý tộc. Chuyện của thần ly kỳ lắm.

Abu Hatxân ngừng lại, suy nghĩ, sắp xếp cho minh bạch, rồi tiếp:

— Thần sinh ở Bátđa, bố mẹ thần chỉ được mỗi một mình thần. Bố thần chỉ là một thương gia thường, nhưng giàu có và được kính trọng bậc nhất. Không chỉ buôn ở một phường mà phường nào ông cũng có một cửa hiệu to đẹp nhất, ở hàng bạc, hàng thuốc, hàng vải. Mỗi cửa hiệu, ông giao cho một người đại diện buôn bán thông thạo trông nom. Thông với gian sau của mỗi cửa hiệu, ông đều có một tư thất để nghỉ trưa mùa nóng nực, tránh kẻ đi người lại.

Vì là con một, thần được cha yêu lắm, không để thiếu thốn một thứ gì và không hề tiếc tiền cho thần ăn học. Nhờ hồng phúc, mỗi năm ông một giàu, tài sản khó mà tính hết. Nhưng rồi, giờ định mệnh đến, ông qua đời. Cầu đức Ala rủ lòng thương mà cho vào cõi An lạc, và lấy những ngày của người chết kéo dài tuổi thọ của Giáo chủ!

Thần được thừa kế gia tài vô biên của cha, tiếp tục việc buôn bán như khi cha còn sống. Thần vẫn ăn uống, chơi bời thỏa thuê với bạn bè. Thần thấy đời đẹp lắm và cố làm cho người khác cũng được thấy như thế. Cho nên hạnh phúc của thần không ai chê trách cũng không nhuốm mùi đắng cay. Mà thần cũng không ao ước gì hơn. Cái mà người đời gọi là cao vọng, mà kẻ kiêu ngạo gọi là vinh quang, mà những trí óc nghèo

này gọi là danh giá, và vinh dự, và tiếng tăm, tất cả thần đều thấy là khó chịu. Thần thích mình hơn, thích cuộc sống bình lặng hơn những toại ý bề ngoài, thích hạnh phúc giản dị kín đáo giữa bạn bè hiền dịu hơn những sự cao sang giả dối.

Nhưng, tâu Bệ hạ, một cuộc sống dù giản dị trong sạch đến đâu cũng không tránh khỏi những chuyện rắc rối. Và cũng như mọi người, chẳng bao lâu thần thấy ứng nghiệm ngay. Mà chuyện rắc rối lại len vào hết sức thú vị. Vì, thề có đức Ala, ở đời có gì thú vị hơn là được rắc rối vì nhan sắc, nhất là nhan sắc của một thiếu nữ mười bốn tuổi bất thình lình đốt cháy trái tim ta. Tâu Giáo chủ, chính cô gái mười bốn tuổi ấy đã làm thần mất trí khôn.

Chính thế đấy ạ! Một hôm, thần ngồi trước cửa hiệu, chuyện phiếm với mấy bạn quen thuộc, thì một cô gái có đôi mắt babilon tươi cười, nhí nhảnh đến trước mặt thần và liếc thần một cái, chỉ một cái thôi. Thế mà thần, tim như bị một mũi tên sắt xuyên qua, rạo rực cả thể xác lẫn tâm hồn, như thấy hạnh phúc đang đến. Một lát thiếu nữ hỏi:

– Đây có phải là cửa hiệu riêng của ngài Abun Hatxan không?

Giọng nàng êm như nước suối. Người nàng mảnh dẻ, mềm mại. Cái miệng con gái đồng trinh dưới tấm mạng sa mỏng, như cánh hoa đỏ hàm tiếu, để lộ hai hàng hạt băng ươn ướt.

Thần đứng dậy, lễ độ:

– Đúng đấy ạ, thưa nữ chủ, đây là cửa hiệu kẻ tôi đòi của nữ chủ.

Bạn bè giữ ý đều đứng lên lảng đi nơi khác. Thiếu nữ vào trong hiệu. Nhan sắc nàng cuốn theo lý trí của thần. Nàng, như một bà hoàng, ngồi trên chiếc đi-văng

— Thế anh ta đâu nhỉ?

Thần xúc động, líu cả lưỡi:

— Thưa, chính là tôi đây!

Nàng mỉm cười:

— Vậy chàng hãy bảo người làm công đến đây đếm cho ta ba trăm đina vàng.

Tức thì thần quay về phía người thủ quỹ bảo cân cho ba trăm đina vàng trao cho nàng tiên ấy. Nàng cầm túi vàng, đứng dạy đi ra, không một lời cảm ơn, cũng chẳng một vẫy tay lưu biệt. Và tâu Giáo chủ, thần như mất trí, chỉ còn đứng tưởng tượng đến nàng

Khi nàng đã mất hút, anh ta lễ phép hỏi xem ghi vào tên ai, số tiền vừa ứng.

— Nào ta có biết! Vả lại làm sao người trần lại có thể ghi vào sổ kế toán của mình tên tuổi những nàng tiên nữ? Nếu muốn, anh cứ ghi: ứng ba trăm đina cho « Nàng Đoạt Những Trái Tim ».

Có lẽ anh ta nghĩ «Lạy đức Ala! chủ mình vốn thận trọng. Hôm nay khinh xuất thế này, chắc hẳn để thử xem mình có linh lợi và thạo việc không đây Phải chạy theo cô ta, hỏi cho biết tên mới được». Rồi không hỏi ý thần, y hăng hái chạy đuổi theo, một lúc trở về, một tay bưng mắt bên trái và khóc. Y lủi thủi đến ngồi sau quầy hàng, tay quệt nước mắt trên má.

— Anh làm sao thế? Thần hỏi.

Y đáp: —

— Đồ quỉ tha ma bắt! Thưa chủ nhân! Tôi cứ nghĩ phải chạy theo cô gái mà hỏi cho được tên cô ta. Không ngờ khi biết có người đuổi theo, cô ta bỗng quay phắt lại, giáng một quả đấm thật mạnh vào con mắt bên trái tôi, chắc nịch như quả đấm của một gã thợ rèn!

Thế đấy! tâu Giáo chủ. Đáng ca ngợi thay đức Ala đã ẩn kín bao nhiêu sức vóc trong những bàn tay linh dương khiến chúng cử động lanh lẹ biết chừng nào!

Còn thần thì ngồi thừ một ngày hôm ấy, không quên được cặp mắt giết người, hồn vía vừa bị dày vò vừa mát rười rượi vì con người đã cướp đi linh tính của mình.

Hôm sau cũng vào giờ ấy, thần lại thấy cô thiếu nữ mê hồn kia đứng trước cửa hiệu, nhìn thần cười nụ Thấy nàng, thần vui quá, còn tí lý trí nào cũng xuýt bay đi mất. Thần vừa mở miệng chào, thiếu nữ nói ngay:

— Abun Hatxan này! Có phải chàng đã nghĩ: cái cô quỉ quyệt đã cuỗm tiền của mình mà chuồn mất, phải không?

— Thưa nữ chủ của tôi, thần đáp, nàng là chủ tất cả ở đây, nàng lấy cái gì cũng là lấy của nàng thôi. Còn kẻ tôi đòi của nàng thì từ khi nàng đến, có còn hồn vía nữa đâu. Nó chỉ là một vật trong cái đống đồ vật chẳng có giá trị gì ở cái cửa hiệu này

Nghe nói thế, thiếu nữ vén cái mạng che mặt, nghiêng mình như đóa hồng trên cành huệ, cười mà ngồi xuống, sột soạt tiếng tơ lụa cùng tiếng xuyến tiếng vòng. Có hương thơm của đủ các thứ hoa phảng phất trong nhà

— Đã thế thì, Abun Halxan — nàng nói — chàng đếm cho ta năm trăm đina!

— Xin vâng!

Thần sai cân năm trăm đina trao cho nàng. Cô ta cầm lấy đi ra. Còn thần, cũng như hôm trước, thấy như bị sức cám dỗ và nhan sắc cầm tù. Không biết thứ bùa mê nào đã làm thần mất hết suy tư, phán đoán không dám quyết định bề nào hoặc cố gắng thoát khỏi tình trạng ngây ngất.

Hôm sau, thần xanh xao bần thần hơn bao giờ hết. Nàng lại đến, mắt dài vừa có ngọn lửa vừa có bóng đêm, nụ cười điên cuồng khêu gợi. Không nói một lời, nàng đặt ngón tay vào một vuông nhung có đính ngọc quí, nàng cười tươi tắn. Lập tức, thần lấy vuông nhung đính ngọc gấp lại đưa cho cô ta. Nàng cầm lấy lặng lẽ đi ra.

Nhưng lần này, thấy nàng lại sắp biến mất, thần không thể cứ ngồi im: Sợ bị nhục như người thủ quỹ, thần chỉ theo hút, lẽo đẽo cho đến bờ sông Hồ thì thấy nàng xuống một chiếc thuyền con bơi nhanh đến cung điện đá hoa của đức Giáo chủ An Motacakin. Thấy thế thần sợ quá, bụng bảo dạ: « Đấy! Abun Halxan! Mi đã lao đầu vào một cuộc phiêu liêu, rắc rối rồi đấy »! và thần thờ thẫn nghĩ tới câu thơ này của thi sĩ:

Cánh tay trắng muốt của người yêu, mà ngươi muốn tựa trán vào, ngươi cho là êm ái hơn cả lông măng thiên nga, nhìn lại cho cẩn thận, và coi chừng đấy.

Thần đứng tần ngần, nhìn mà chẳng thấy dòng nước sông, cuộc đời dĩ vãng, không va vấp, an bình hiện lên trước mắt trong những con thuyền nối nhau trôi

qua, cái nào cũng giống cái nào. Bỗng con thuyền căng vóc hồng điều, có thiếu nữ ban nãy lại hiện ra, cầm sào ở chân thang đó, chẳng có ai chèo. Thần tự nhủ: «Lạy đức Ala! Abun Hatxan này, mi sống tẻ ngắt mà không biết xấu hổ sao? Giữa cuộc sống ấy với cuộc sống mãnh liệt của những kẻ không sợ mạo hiểm, mi còn do dự nỗi gì. Mi há không nhớ câu thơ khác của thi sĩ:

«Đứng dậy, nào bạn! Tỉnh táo lên! Hoa hạnh phúc không nở trong giấc ngủ đâu. Hãy đốt cháy lên những khoảnh khắc cuộc đời này Rồi ra, có hàng thế kỷ để ngủ».

Thơ làm cho thần phấn chấn. Nhớ tới thiếu nữ, biết chỗ nàng ở, thần quyết đến với nàng. Về nhà, thần đến ngay buồng thân mẫu người vốn rất yêu thần, kể hết cho bà nghe. Bà sợ quá, ôm chặt thần vào lòng.

– Cầu đức Ala cứu con, bà nói, tránh cho con mọi chuyện rắc rối. Abu Hatxan con hỡi, sợi dây duy nhất buộc mẹ với đời, sự yên ổn của mẹ con ta, con định mạo hiểm đặt vào đâu vậy? Vào cung đức Giáo chủ của chúng ta, dù chỉ bằng ý nghĩ, cũng là đâm đầu xuống vực thẳm, con biết thế không? Mẹ lấy chín tháng mang thai con, xin con bỏ ý định gặp lại cô gái không quen biết ấy bỏ sự đam mê bi thảm ấy đi.

– Mẹ cứ yên tâm, thần đáp để an ủi mẹ. Việc gì phải xảy ra mới xảy ra. Số mệnh đã định, biết cưỡng làm sao. Chỉ có đức Ala là sáng suốt!

Hôm sau, thần đến cửa hiệu ở phố Hàng Bạc. Viên quản lý cửa hiệu của thần ở phố Hàng Thuốc đến thăm Ông đã có tuổi, trước kia, được cha thần lúc sinh thời rất tin cậy, hay hỏi đến khi gặp việc khó khăn, phiền phức Sau những lời thăm hỏi thường lệ, ông nói:

— Cậu thay đổi nhiều, trông xanh đi và có vẻ tư lự. Cầu đức Ala tránh (h) chúng ta những việc không hay cùng những khách hàng thất tin. Nhưng dù có việc gì xảy đến cũng không sao, vì cậu có sức khỏe.

— Không! thưa bác kính mến, tôi không buôn thua bán lỗ, cũng không bị ai lừa. Đời tôi đã xoay hướng. Thế thôi Vì một thiếu nữ thanh tân mười bốn tuổi.

Và thần thuật lại câu chuyện từ đầu chí cuối, miêu tả cái cô đã cướp lòng mình, y như cô ta đang đứng đấy vậy!

Ông già đáng kính nghĩ một lúc rồi nói:

— Rắc rối thật! Nhưng thưa chủ nhân, lão nô lệ già của cậu đã có cách. Lão có một người quen ở ngay trong cung đức An Môtaoakin, vì ông ta là thợ may của thị thần và thái giám. Lão sẽ giới thiệu cậu với ông ấy. Cậu nhờ may một cái gì đó và trả công cho hậu vào. Ông ta sẽ có ích đấy!

Lập tức lão dẫn thần vào cung đến nhà ông thợ may và được ông đón tiếp niềm nở. Để mở đầu loạt đặt hàng, thần nhờ ông ta khâu lại cho một cái túi áo mà thần đã tháo chỉ ra trong lúc đi đường. Ông vui vẻ làm ngay. Thần giúi vào tay ông mười đina vàng, xin lỗi là còn ít, hẹn lần sau sẽ trả hơn. Ông phó may chẳng hiểu ra sao, nhìn thần, ngạc nhiên:

— Cậu chủ ơi! cậu ăn mặc thì như một chú lái mà cử chỉ thì lại khác xa! Một chú lái, chi tiêu thường đắn đo bỏ ra một phải thu lại mười, còn cậu, một việc cỏn con mà cậu trả công tôi như may một chiếc áo đại trào.

Ông ta nói thêm:

— Chỉ có kẻ đang tương tư mới rộng rãi đến thế! Lạy chúa! Hay cậu cũng đang tương tư?

Thần cúi đầu:

— Không tương tư sao được khi đã nhìn thấy cô ta?

— Cô ta là ai, mà làm cậu phiền não? Một nai con hay một linh dương?

— Một linh dương.

— Không sao, cậu chủ tôi ơi! Nếu là linh dương thì nàng ở đây. Vì ở đây có nhiều loại linh dương đẹp lắm. Tôi sẵn sàng giúp cậu.

— Đúng đấy! Nàng ở đây.

— Tên nàng là gì vậy?

— Chỉ có đức Ala mới biết được. Có lẽ cả bác nữa.

— Vậy hãy tả nàng cho tôi nghe!

Thần gắng tả thật rõ Bác phó-may reo lên:

— Cô Ngọc Trai, cô gái gảy đàn cầm của đức Giáo chủ An-Môtaoakin! Nhưng kia! Tên tiểu nô của cô ấy đang đi về phía này Cậu đừng để lỡ dịp mua chuộc hắn mà nhờ hắn dẫn đến cô Ngọc Trai! Tâu Giáo chủ, quả thế Thần thấy một chú bé da trắng đẹp tựa trăng rằm vào hiệu may Chào hỏi xong, chú chỉ vào một ao cánh gấm, hỏi:

— Bác Ali ơi! Chiếc áo này giá bao nhiêu? Cháu cần để mặc theo hầu cô Ngọc Trai đi đó, đi đây!

Thần lấy chiếc áo xuống đưa chú bé

— Áo trả tiền rồi, em cầm lấy!

Chú bé nhìn thần, cười nửa miệng, trông giống cô chủ, cầm tay thần, cùng đi ra:

– Nhất định cậu là Abun Hatxan!

Thấy chú bé quá tinh khôn, lại gọi đúng tên mình, thần ngạc nhiên hết sức, tháo luôn chiếc nhẫn quý đeo vào ngón tay em.

– Em nói đúng đấy, chú bé kháu khỉnh ạ. Nhưng ai lộ cho em biết tên ta?

– Lạy Chúa! sao em lại không biết? Cô chủ em từ khi say đắm chàng Abun Hatxan Ali thì ngày nào chẳng luôn mồm nhắc đến tên chàng, một công tử hào hoa, trước mặt em? Xin thề trước đức Sứ giả – Chúc tụng Ngài và mong Ngài được ban phúc – Nếu cậu cũng say mê cô em như cô em say mê cậu, thì em sẵn sàng giúp để cậu được gần người yêu.

Tâu Giáo chủ, thần thề bằng những lời thiêng liêng nhất với chú bé là thần đắm đuối yêu cô ta, nếu không được gặp nàng ngay, thần đến chết mất.

– Đã đến thế, tiểu nô nói, thì em xin coi như thuộc về cậu, xin giúp cậu được chuyện trò ngay với cô em.

Chú bé từ biệt nói sẽ quay lại trong chốc lát.

Quả thế, một chốc đã thấy chú bé lại đến tìm thần ở nhà bác phó may, tay ôm một cái bọc. Chú mở, lấy ra một chiếc áo bào bằng lanh thêu kim tuyến và một chiếc áo khoác, áo của chính Giáo chủ vì thấy có dấu hiệu riêng và có tên đức Môtaoakin thêu bằng chữ vàng ở đường cánh.

– Ôi cậu chủ Abun Hatxan của em, tiểu nô nói, em đem cho cậu áo của Giáo chủ mặc khi Người đến hậu cung buổi tối

Chú ép thần phải mặc vào.

– Cậu đi đường hành lang dài phía trong, chú nói, có buồng của các cung tần. Qua mỗi buồng cậu lấy một hạt xạ trong cái lọ này để vào trước cửa. Giáo chủ vẫn làm thế khi qua buồng các cô buổi tối. Đến chỗ cửa có ngưỡng đá hoa xanh thì cậu cứ đẩy mà vào, không cần gõ. Và thế là được gặp người yêu. Còn như gặp gỡ rồi, ra thế nào cho êm thì có đã đức Ala.

Dặn dò xong, chú chúc thần thành công rồi đi thẳng.

Tâu Giáo chủ, thần tuy không quen những việc mạo hiểm như thế, và tuy đây là bước đầu chuỗi rắc rối, thần cũng mặc ngay bộ đồ của Giáo chủ. Rồi làm như sinh đẻ ở trong cung, suốt đời ở đấy, thần hùng dũng gõ gót qua sân, qua những hàng cột, tới hành lang những buồng cung tần. Tức thì thần lấy lọ xạ trong túi ra và, theo lời dặn của chú bé, cứ đến mỗi cửa lại đặt một hạt xạ vào cái đĩa sứ để ngay tại đấy Và cứ thế, thần đến trước một cái cửa ngưỡng bằng đá xanh. Thần sắp đẩy cửa vào với người mình thiết tha thèm muốn và mừng thầm rằng không bị ai nhận biết Bỗng có tiếng huyên náo, đồng thời có ánh lửa của rất nhiều bó đuốc Thì ra đấy chính là đức An-Môtaoakin với cận thần và tùy tùng thường lệ. Thần sợ quá, chỉ còn kịp trở lui Chạy giữ hành lang, thần nghe các cung tần reo lên trong buồng:« kỳ thật! Hôm nay Giáo chủ qua hành lang những hai lần! Nhất định là Ngài vừa qua đây vì trong mỗi chiếc đĩa có một hạt xạ mà! Vả, nhầm sao được mùi hương nơi quần áo của Ngài!».

Thần cứ cắm đầu chạy, nhưng rồi cũng phải dừng lại, vì chạy nữa, sợ bị lộ. Khốn nỗi, tiếng ồn ào không

dứt, đèn đuốc cứ tiến lại gần. Bộ dạng thế này, quần áo lại giả trang, người ta tóm được thì nguy mất. Gặp cái cửa đầu tiên, thần đẩy bừa xông vào, quên rằng mình ăn mặc giả làm Giáo chủ thì tội sẽ thế nào. Trước mặt thần là một thiếu phụ, đôi mắt dài, vẻ sợ sệt. Đang nằm trên thảm, nàng ngồi phắt dạy, thét lên một tiếng kinh hoàng, bối rối, lấy vạt áo mỏng che mặt, che đầu. Thần ngơ ngác, phân vân chốc lát, mong cho đất nứt ra mà độn thổ cho rồi, mong lắm và thấy rằng mình quá tin thằng hoạn ranh con ác hại, chắc chắn làm mình sẽ phải chết dìm sông hay xuyên xác! Nín thở, thần chờ cô gái đang sợ hãi kia kêu cứu. Và thế là mình trở thành một kẻ đáng thương, và nhận một cực hình xứng đáng, dành cho những ai thích mạo hiểm. Nhưng kìa, dưới vạt áo mỏng đôi môi trẻ trung động đậy, một giọng trong trẻo cất lên:

– Abun Hatxan! Chàng đã ở trong buồng của ta. Xin chào chàng vì chàng đã yêu em Ngọc Trai của ta, và cũng được em ta yêu lại.

Thật bất ngờ, thần sụp xuống hôn gấu áo nàng lấy vạt áo trùm lên đầu, cầu nàng che chở.

– Abun Hatxan! Nàng nói, ta chào và chúc những trang hào kiệt được trường thọ. Chàng đối xử tuyệt vời với em ta, và chàng đã thắng cuộc. Em ta say mê chàng, nói chuyện chàng với ta luôn. Chàng có thể ca ngợi số mệnh. Nó có thể dẫn chàng đến cái chết vì đã dám cải trang làm Giáo chủ. Nhưng nó đã run rủi cho chàng tới đây. Giờ thì cứ yên tâm, ta sẽ thu xếp.

Chẳng biết nên cảm ơn thế nào, thần vẫn lặng lẽ hôn vạt áo nàng.

– Nhưng mà, Abun Hatxan này, nàng nói thêm, ta muốn rõ ý chàng đối với em ta trước khi tiếp tục giúp đỡ cho chàng, vì không thể hồ đồ được.

Thần giơ cả hai tay lên:

– Hỡi nữ chủ đã cứu vớt tôi! Cầu đức Ala cho nàng cứ đi mãi trên con đường chính trực; Nàng hỡi! Lòng tôi có thể không thanh khiết, không vô tư được chăng? Tôi chỉ cầu ước một điều là được gặp lại Ngọc Trai diễm phúc, để mắt tôi được nhìn nàng mà tươi lên, để lòng tôi héo hon được thắm lại. Thế thôi! Có đức Ala thần thông thấu suốt ý nghĩ của tôi, chứng giám cho lời tôi nói.

– Thế thì, Abun Hatxan, nàng nói, ta sẽ không quản ngại giúp chàng đạt được ước nguyện chính đáng ấy

Nói xong, nàng vỗ tay một cái, theo hiệu lệnh, một tiểu nữ nô chạy vào. Nàng bảo:

– Em chạy ngay đến cô Ngọc Trai, thưa với cô rằng cô Hạnh Nhân gửi lời chào và mời cô sang ngay vì đêm nay ta thấy tâm hồn không được thư thái chỉ có cô mới giải được buồn. Và lại giữa hai cô còn có một chuyện kín nữa.

Nô tỳ tuân lệnh đi ngay.

Chốc lát, nàng đến, đẹp lộng lẫy trong vẻ yêu kiều của nàng. Nàng chỉ trùm có một chiếc mạng lớn bằng lụa xanh, chân không, tóc xõa!

Thoạt vào, nàng không trông thấy thần Nàng nói với Hạnh Nhân

– Chị yêu! em đây. Em vừa ở nhà tắm ra chưa kịp mặc quần áo. Nhưng chị hãy nói ngay cho em biết; giữa chị em mình có chuyện kín gì thế!

Hạnh Nhân không đáp, lấy tay chỉ vào thần và làm hiệu bảo thần lại gần. Thần ra khỏi chỗ bóng tối. Người yêu của thần chẳng thẹn thùng, bối rối gì cả. Nàng chạy đến, trắng trẻo, xúc động ngả vào tay thần như một em bé sà vào lòng mẹ. Thần tưởng được ôm vào ngực tất cả tiên nữ nhà Giời! Người nàng chỗ nào cũng mơn mởn, những muốn tan ra, như một miếng bơ hay một nắm bột hạnh nhân vậy! Đáng xưng tụng thay, Đấng đã sinh ra nàng! Tay thần không dám tì mạnh vào tấm thân trẻ thơ ấy. Nàng hôn thần mà như truyền vào thần một sinh lực trăm năm. Không rõ hai người quấn lấy nhau như thế trong bao lâu, người thần lâng lâng bay bổng.

Tỉnh lại một chút, thần muốn kể lể nỗi niềm khắc khoải khi phải xa nàng thì bỗng nghe tiếng ồn ào mỗi lúc một to trong dẫy hành lang. Đó là Giáo chủ đến thăm ái phi Hạnh Nhân của Ngài. Thần chỉ còn kịp nhảy vào một chiếc hòm to. Hai chị em đậy nắp lại, thản nhiên như không.

Đức Môtaoakin vào phòng ái phi. Thấy có Ngọc Trai ở đấy:

– Ngọc Trai à! Ngài nói, thấy nàng ở đây, ta đẹp lòng. Mấy hôm rày, nàng ở đâu, không thấy bóng trong cung, khiến ta chẳng được nghe cái giọng nói của nàng mà ta rất ưa.

Không chờ câu đáp lại, Ngài tiếp.

– Hãy cầm lấy chiếc đàn mà nàng lãng quên đã lâu, vừa đàn vừa hát ta nghe một khúc thật tình tứ nào!

Ngọc Trai vốn biết Giáo chủ đang đắm say một nữ nô trẻ tên là Bănga. Nàng lựa được ngay giọng điệu

vì chính nàng cũng đang say đắm. Nàng chỉ việc nói chính nỗi lòng của mình, Lên giây xong, nàng nghiêng mình và hát :

Tình lang em yêu, á, a.
Đôi má nhung tơ! ôi đêm!
Mịn màng hơn nữa, ôi con mắt
Má sạch cánh hồng! ôi đêm!
Tình lang em yêu, á, a.
Trai tợ mơn mởn! ôi đêm!
Khóe nhìn luyến ái, á, a.
Còn làm mê hồn, ôi con mắt.
Vua Babylon, ôi đêm
Và đó mới là, á, a
Tình lang em yêu

Giáo chủ An Môtaoakin, nghĩ xong, xúc động lắm.

— Hỡi thiếu nữ tốt phúc, có cái giọng họa mi, Ngài nói với Ngọc Trai, làm ta rất hài lòng. Ta cho nàng xin ta một điều gì đó. Ta lấy thịnh đức của các vị tiên thánh của ta mà thề rằng dù nàng có xin ta một nửa giang sơn, ta cũng ý cho.

Ngọc Trai cúi mặt đáp :

— Cầu đức Ala tăng thọ cho vị chủ nhân của mọi người. Thần thiếp không mong gì hơn được đức Giáo chủ tiếp tục ban phúc cho chị em thần thiếp.

— Không được! Ngọc Trai, nàng phải xin ta một điều gì cho rõ kia.

— Nếu chủ nhân của thiếp đã ra lệnh thì thiếp xin được phóng thích và được dùng làm của riêng những đồ đạc cùng tất cả các thứ trong phòng này

— Vậy thì nàng là chủ của nó. Còn chị Hạnh Nhân của nàng sẽ có một viện khác đẹp nhất trong cung. Nàng đã được phóng thích thì muốn ở hay đi, tùy ý.

Nói rồi, Ngài ra khỏi buồng của ái phi để đến với cô Bặnga trẻ tuổi, người được sủng ái hồi ấy.

Ngài đi rồi, người bạn gái của thần sai viên hoạn quan gọi bọn phu khuân vác và người dọn nhà đến đưa tất cả đồ đạc trong phòng: vải vóc, rương hòm, khăn thảm sang nhà thần. Chiếc hòm trong đó có thần ẩn náu được khiêng đi trước tiên, và đến nơi an toàn.

Ngay hôm đó, thần cưới Ngọc Trai. Có mặt vị chánh án và những người làm chứng. Còn sau ra sao thì đó là bí ẩn của Đạo Hồi.

Tâu giáo chủ, đó là câu chuyện về những đồ đạc, vải vóc, cùng bộ quần áo có dấu hiệu đức An Môtađakín. Thần thề rằng câu chuyện không bị thêm bớt một tý gì. Và Giáo chủ là người của mọi ân huệ, là gốc của mọi việc lành!

Nói xong Abun Hatxan đứng im. Giáo chủ An Môtadit reo lên:

— Hỡi vị tân khách của ta, ngươi nói hay lắm. Chuyện của ngươi thật lạ kỳ, ta nghe lấy làm thú vị. Ngươi hãy đem bút giấy cho ta.

Giáo chủ trao cho Hamđun, bảo:

— Viết đi! Ta đọc cho mà viết!

Và Ngài đọc:

— Nhân danh đức Ala nhân hậu, thương người, ta ban sắc chỉ này có chữ ký của ta, để Abun Hatxan

Ali Ben Amat An Koraxami, thần dân trung thành của ta được miễn thuế suốt đời và được làm chánh nội thần của ta.

Ngài đóng dấu rồi trao cho Hatxan mà rằng:

– Ta mong ngươi vào cung làm một người bạn đồng âm của ta.

Từ đấy Abun Hatxan không rời Giáo chủ một bước. Hai người sống trong hoan lạc cho đến trọn đời.

Kể xong câu chuyện trên, thấy trời chưa sáng Saradát kể luôn câu chuyện:

Hai đời của vua Matmút.

Hai thân thế của vua Matmút

Saradát kể:

Tâu bệ hạ đầy hồng phúc, thiếp được nghe kể lại rằng: vua Mamút ngày xưa là một vị quốc vương hiền nhất và hiền hách nhất xứ Ai cập. Nhưng phải cái ngài hay ngồi một mình trong cung âu sầu vô cớ. Trong những lúc ấy, cả thế giới chỉ là một bức tranh ảm đạm trước mắt ngài, và đời ngài thật là nhạt nhẽo, không có nghĩa lý gì. Mà ngài nào có thiếu những thứ làm cho con người sung sướng đâu, vì chúa Ala đã ban cho ngài vô kể, nào sức khỏe, nào tuổi trẻ, nào uy quyền, nào danh vọng: Chúa lại còn cho ngài đóng đô tại một

thành phố đẹp nhất thế giới; ở thành phố này, nếu ngài muốn tâm hồn và nhục thể được khoái lạc, thì đã có cảnh đẹp của đất trời, sắc đẹp của những phụ nữ óng vàng như nước sông Nin. Nhưng bao nhiêu cảnh đẹp ấy đều bị xóa nhòa trước mắt ngài trong những cơn sầu. Lúc ấy ngài chỉ ao ước số phận của nông phu gập mình trên luống cày, hoặc cảnh ngộ của du dân lạc lõng trong sa mạc khô khan.

Một hôm ngài lại đắm đuối trong cảnh mơ mộng ưu phiền. Hôm đó, ngài rầu rĩ hơn mọi khi nhiều, không chịu ăn uống, chẳng buồn trông nom đến việc nước, và chỉ cầu sao cho chóng chết! Giữa lúc ấy, quan tể tướng vào nơi ngài đương nằm dài, hai tay ôm đầu. Tung hô xong, quan tể tướng nói:

– Tâu Chúa công! Ở cửa cung, có một tù trưởng già xin vào bệ kiến. Lão từ các xứ cực Tây, từ nơi cùng kiệt bang Matrep xa xôi tới đây. Cứ xét câu chuyện giữa hạ thần với lão và mấy lời tự miệng lão nói ra, thì lão là một bực bác học kỳ tài, một thầy thuốc thần diệu, và một đạo sỹ cao tay nhất đời. Nhân hạ thần biết chúa công đương trong cơn phiền muộn và chán nản, nên có ý muốn xin cho viên tù trưởng ấy được phép vào chầu, mong rằng sự gần gũi với lão họa may giúp chúa công khu trừ được những cảnh âu sầu đương ám ảnh.

Vua Mamút gật đầu làm hiệu chuẩn tấu. Tể tướng lập tức dẫn lão tù trưởng lạ mặt vào phòng ngự...

Kể tới đây thấy trời hừng sáng, Saradát kín đáo ngừng lại.

Đêm sau, nàng kể tiếp:

Thật ra, kẻ vào đấy y như một cái bóng, chứ không ra một người đương sống trên cõi trần. Nếu muốn

đoán tuổi ông ta thì phải tính hàng trăm năm. Thay cho quần áo là một bộ râu xồm xoàm rủ xuống trước thân thể trần trụi, và một cái thắt lưng da mềm và rộng, kẻ một vệt ngang đều đặn, vòng quanh đáy lưng đen trũi trũi. Nếu trên khuôn mặt ông cụ, dưới bộ lông mày sâu róm kinh khủng, không sáng ngời hai con mắt thông minh thì người ta có thể lầm ông lão là một thây ma, như những xác khô mà thỉnh thoảng nông dân Ai cập vẫn moi được trong các mộ đá.

Cụ già thanh tịnh ấy không cúi đầu làm lễ trước nhà vua. Cụ nói, giọng trầm trầm chẳng có gì là thanh âm người sống:

— Cung chúc bình yên, hỡi quốc vương Mamút! Các đạo hữu của lão là những giáo sỹ Hồi, cử lão đến yết kiến nhà vua, nhằm làm cho ngài cảm thông những ân huệ mà Đấng Ban Ân đã ban phát cho Ngài.

Không một vẫy tay, ông cụ đường hoàng tiến lại gần vua và cầm lấy tay ngài. Cụ bắt ngài phải đứng dậy và đi cùng với cụ đến một cửa sổ trong phòng.

Nguyên phòng ấy có tất cả bốn cửa sổ, mỗi cửa đều nằm hướng theo một điểm thiên thể. Bấy giờ ông cụ tù trưởng bảo vua: «Mở cửa ra». Nhà vua vâng lời, ngoan ngoãn như một em bé; ngài mở cửa song, ông cụ chỉ nói gọn lỏn có một tiếng: «Nhìn!».

Vua nghé ra cửa sổ, thì thấy một đạo kỵ binh cực đông, gươm tuốt trần, đương phi từ những cao điểm trên thành ở núi Makátam xuống. Binh lính tiền phong của đạo quân ấy đã tới sát hoàng thành; họ xuống ngựa, và bắt đầu leo lên các tường lũy, thét vang những hiệu lệnh xung kích, và chém giết. Thấy thế, nhà vua hiểu

ngay là quân lính của ngài đã nổi loạn, kéo đến nhằm truất ngôi ngài. Mặt tái mét không còn hột máu, Ngài kêu lên: « Chỉ có Chúa Ala mới là thượng đế! Giờ định mệnh của ta đã đến đây rồi! »

Ngay lúc ấy, ông cụ đóng cửa sổ vào rồi lại mở ra tức thì. Quân binh biến đâu mất cả. Tòa thành vẫn sừng sững, an nhiên ở đằng xa. Chỉ có những ngọn tháp của các giáo đường vẫn chọc thủng nền trời buổi trưa.

Ông lão không để cho vua kịp thở, sau cảnh quá hồi hộp vừa rồi. Cụ dẫn ngay ngài sang cửa sổ thứ hai; cửa sổ này, hướng về phía thành phố rộng bao la. Cụ bảo: «Mở cửa này ra và nhìn xem! » Vua Matmút vừa mở cửa, thì cảnh tượng hiện ra trước mắt làm ngài khiếp đảm, nhảy giật lùi lại: bốn trăm tháp cao vót trên các giáo đường, nắp tròn các giáo đường, mái tròn các lâu đài, và hàng nghìn sân gác rải rác như bực thang đến tận chân trời, tất cả đều chỉ là một lò than hồng, khói tỏa mịt mù, lửa bốc ngùn ngụt. Vang dậy những tiếng kêu thất thanh khủng khiếp: khói cuồn cuộn bốc lên giữa không gian làm thành những đám mây đen kịt, che kín cả mặt trời. Một cơn gió man rợ đưa ngọn lửa và tro tàn đến tận hoàng thành, làm cho cung điện chẳng bao lâu bị một bề lửa bao vây tứ phía. May mà còn cách các vườn cây, cho nên trong này không đến nỗi nóng quá. Thấy kinh thành đẹp đẽ của mình bị tàn phá, nhà vua đau đớn vô cùng. Ngài buông thõng hai tay, kêu lên: « Chỉ có Chúa Ala là vĩ đại » Vật vô tri cũng có số mệnh như muôn loài! Mai đây, sa mạc sẽ nối liền với sa mạc, qua những cánh đồng không tên nữa, mà trước kia đã từng nổi tiếng! Vẻ vang thay đấng duy nhất Trường sinh.

Nhà vua khóc vừa thương thân, vừa thương cho kinh thành. Nhưng ông lão đã đóng cửa sổ vào rồi mở ra: không thấy vết đám cháy đâu nữa. Kinh thành Lơ-Ke bát ngát, phồn thịnh giữa những vườn hoa quả và những lá kè, trong lúc bốn trăm tiếng của thầy tu Hồi giáo, báo giờ cầu nguyện cho các tín đồ, cùng vang lên ca tụng đức Chúa Tể thế-giới!

Ông lão dẫn luôn vua đến cửa sổ thứ ba, trông ra sông Nin. Ông cũng bảo nhà vua mở cửa, và ngài thấy nước sông đang lên tràn bờ, sóng nổi ầm ầm, chảy vào thành phố, và chẳng bao lâu ngập cả những sàn gác cao nhất, rồi hùng hổ xô vào tường hoàng thành. Một đợt sóng mạnh hơn những đợt sóng trước xô đổ hết các vật trướng ngại trên đường, và ầm ầm chảy vào tầng dưới cung điện. Thế là tòa lâu đài đồ sộ tan ra chẳng khác miếng đường trong nước, nghiêng về một bên và sắp đổ, thì bất thình lình viên tù trưởng đóng sập cửa, rồi lập tức mở ra. Cảnh lụt lội đâu mất rồi! Con sông đẹp vẫn như xưa nay hiền hòa uốn khúc giữa những đồng cỏ linh lăng bát ngát, và vẫn êm đềm chảy từ từ trong lòng sông.

Ông lão lại kéo vua sang mở luôn cửa sổ thứ tư. Cửa sổ này trông ra cánh đồng xanh mướt cực đẹp, rộng mênh mông từ cửa ô ra cho đến hết tầm con mắt, chi chít những dòng nước và đầy những đàn cừu sung sướng. Cánh đồng này đã được những thi gia từ đời Ômar ca tụng. Những khoảnh rộng trồng hồng, hoắc hương, thủy tiên, nhài tiếp những cụm rừng cam. Trên cây thì chim gáy, chim họa my làm tổ, suốt ngày véo von gọi bạn, cho đến tận khi sa xuống bất tỉnh. Cánh đồng này cũng phì nhiêu và được trang điểm chẳng khác gì những vườn ngày xưa ở Iramôcôlon và cũng ngào ngạt hương thơm như bãi cỏ ở Lạc Viên

thời cò. Nhưng đáng lý thấy những thảo nguyên và những rừng cây ăn quả, thì vua Matmút lại chỉ thấy có bãi sa mạc góm ghiếc, lỗ chỗ nơi đỏ nơi trắng, cháy sém dưới mặt trời gay gắt; một bãi hoang vu những đá cùng cát, làm nơi trú ẩn cho sài lang và chó rừng, làm trường đua cho rắn rết và ác thú. Nhưng cảnh ảm đạm ấy cũng được xóa đi như những cảnh trước, khi chính tay ông lão tù trưởng đóng cửa sổ lại. Khi ông ấy mở ra, thì vẫn thấy nguyên vẹn như cũ cánh đồng tuyệt đẹp: hoa cỏ tốt tươi vẫn đua cười dưới bầu trời.

Tất cả những cảnh tượng vừa rồi làm cho vua Matmút không còn biết mình ngủ hay thức, hay bị mê hoặc của tà ma hoặc ảo thuật huyền bí!

Nhưng nào ông lão có để cho vua Matmút được nghỉ ngơi, sau những sự kích thích cực độ mà ngài vừa cảm thấy. Ông ấy lại nắm lấy tay ngài, và ngài không hề nẩy ra ý chống lại. Ông ấy dẫn vua lại gần cái bể cạn nhỏ, có tiếng nước chảy róc rách làm mát trong phòng. Ông lão nói: «Ngài nghiêng đầu vào trong bể mà xem». Vua Matmút vừa ghé đầu trên mặt bể, thì bất thình lình ông lão ấn đầu vua xuống nước.

Bấy giờ vua Matmút thấy mình bị đắm thuyền dưới chân một quả núi gần bờ biển, mình còn nguyên các biểu hiệu hoàng đế, đầu vẫn đội mũ miện. Nông dân đứng cách đấy không xa, nhìn ngài như một vật lạ: họ chỉ chỏ, ra hiệu cho nhau, và cười nói bô bô. Vua Matmút thấy thế, nổi giận đùng đùng, giận bọn nông dân thì ít, giận lão tù trưởng thì nhiều. Ngài thét lên: «À à! đạo sĩ khốn nạn! Mày làm tao đắm thuyền như thế này à! Cầu Chúa Ala mang tao về nước, tao sẽ trị tội cho mày biết tay! Sao mày dám phản tao một

cách đê hèn như thế này? Tao bây giờ không còn ra thể thống gì cả ở cái xứ sở xa lạ này?» Nhưng rồi nhà vua cũng bình tĩnh lại, ngài đến gần đám nông dân và trịnh trọng phán rằng «Ta là hoàng đế Matmút đây, các người hãy lạnh đi!» Nhưng họ chỉ cười, miệng há hốc đến tận mang tai. Úi chà chà! miệng đâu có thứ miệng! Chẳng khác gì những cái hang! Tận hút như những cái hang! Muốn tránh khỏi bị nuốt tươi, vua Matmút vừa toan chạy trốn, thì một người hình như đầu trò của đám nông dân ấy, đã đến sát nhà vua, lột hết cả huy chương lẫn mũ miện của ngài, quẳng xuống biển và nói: «Hỡi người nghèo! Sao chú lại đeo những mảnh sắt ấy vào người làm gì? Ăn mặc như thế thì chết ngốt! Thôi đây mặc những quần áo như của chúng ta vào, vào!» Miệng hắn nói, tay hắn lột trần vua ra và cho ngài mặc một chiếc áo bằng vải xanh, đi một đôi giầy cũ, vàng ệch bằng da nửa biển, và đội một cái mũ dạ toen hoẻn, màu xanh chìm chả. Người ấy bảo «Nào! bây giờ chú muốn khỏi chết đói, thì lại đây làm với chúng ta đi, vì ở đây, ai cũng phải làm».

— Nhưng tôi không biết làm gì.

— Nếu thế thì chú làm phu khuân vác và làm lừa cho chúng ta vậy! Nhân bấy giờ những người nông dân đã hết buổi làm, họ thích trí được chất lên lưng người khác những đồ dùng của họ, vì như thế họ đỡ phải vác nặng. Vua Matmút mang trên lưng nào xẻng, nào bừa, nào cuốc, nào cào, nặng trĩu, bò đi không được, nhưng vẫn phải cố gắng đi theo cho kịp bọn họ về làng. Ngài đã mệt lả, thở ra không ra hơi, mà còn bị lũ trẻ ranh, trần chuồng như nhộng, lẵng nhẵng chạy theo đằng sau, la ó, làm ngài cực nhục trăm điều. Đêm đến, người ta đẩy ngài vào một chuồng bò bỏ

không cho ngài ngủ, và vứt cho ngài một mẩu bánh mốc với một củ hành làm bữa ăn Đến hôm sau, ngài đã biến thành lừa thật sự, đủ cả đuôi, cả móng, lẫn hai tai tai to tướng. Người ta buộc một chiếc thùng vào cổ ngài, đóng lên lưng một cái yên gỗ và dắt ra đồng bắt kéo cày Nhưng vì ngài cất vó đá lung tung không chịu, nên người ta đem giao ngài cho lão chủ cối xay bột trong làng. Lão ra tay cho ngài phải phục ngay Lão bịt mắt ngài lại, và đánh đến nỗi ngài phải kéo được cối xay. Năm năm liền, ngài kéo cần cối, đi vòng quanh, chỉ được nghỉ vừa đủ thời gian ăn miếng tấm đậu và uống một thùng nước. Suốt năm năm, thân bị gậy đánh que xiên, tai nghe chửi rủa nhục nhã, nhịn đói, nhịn khát, khổ cực trăm vành nghìn nỗi. Để tự an ủi và khuây khỏa phần nào, lừa ta không còn cách gì khác hơn là vãi ra từng tràng rắm, như để đối đáp lại những câu chửi rủa nhục nhã, trong khi xoay cái cối. Nhưng bỗng máy xay đổ, và vua thấy mình trở lại hình người, chứ không phải hình lừa nữa. Ngài lang thang trong một phố buôn bán ở một tỉnh lạ, phân vân chẳng biết làm gì. Nhân đi mãi mỏi chân, ngài đương đưa mắt tìm một chỗ nào để ngồi nghỉ, thì có một ông lái buôn già, coi dáng điệu của ngài, biết ngài là người xa lạ, bèn lễ phép mời ngài vào cửa hàng của ông. Thấy ngài mệt mỏi, ông lão chỉ cho ngài ngồi vào một chiếc ghế dài và bảo:

– Này chú khách: Chú còn trẻ, chú sẽ không phải khổ trong thành phố này đâu. Ở đây, hạng con trai vạm vỡ, khỏe mạnh như chú, được giá lắm và được chiều chuộng nữa. Vậy chú hãy nói cho lão biết chú có định ở lại thành phố này không? Phong tục chúng tôi ở đây rất tốt đối với những người xứ lạ muốn đến đây ngụ cư.

Vua Matmut đáp:

– Thề có chúa Ala chứng giám. Tôi không cầu gì hơn là ở lại tỉnh này, miễn là được ăn cái gì khác hơn là tâm đậu, thức ăn người ta nhồi cho tôi trong năm năm liền.

– Ồ! Con người nghèo đói! Sao lại tâm đậu? Ở đây, chú sẽ được ăn những thức ngon lành và bổ, để chú còn làm cái việc chú phải đảm nhiệm cơ mà! Vậy chú hãy lắng tai nghe lão đây, và phải theo đúng lời lão chỉ dẫn.

Ông lái buôn nói tiếp:

– Chú ra trước cửa nhà tắm công cộng kia kìa, ở góc phố ấy và đợi sẵn ở đấy. Bất cứ phụ nữ nào ở nhà tắm đi ra, chú cũng đón chào và hỏi xem người ta đã có chồng chưa. Người nào bảo là hãy còn son, thì theo phong tục ở đây người ấy sẽ là vợ chú đấy. Nhưng chú phải coi chừng, bất cứ người nào ở nhà tắm ra, chú cũng phải hỏi, không được bỏ sót một ai. Không thế thì chú sẽ lập tức bị đuổi ra khỏi thành phố đấy.

Vua Matmút theo lời ông lái, ra đứng chờ ở trước cửa nhà tắm. Không bao lâu có một thiếu nữ đẹp như tiên, từ nhà tắm đi ra, nhà vua nghĩ thầm: « Thề có chúa Ala! Nếu mình lấy được cô này, thì cũng nguôi ngoai được hết những sự thống khổ đã trải qua! » Ngài đón thiếu nữ và hỏi: – Thưa cô chủ của tôi! Cô đã có chồng chưa? – Tôi đã lấy chồng từ năm ngoái rồi.

Thiếu nữ trả lời thế, và đi thẳng. Nhưng đây, ở nhà tắm đi ra một bà già xấu đến chết khiếp, vua Matmút mới nhác thấy đã hết hồn hết vía và nghĩ bụng: « Quả thật mình thích chết đói, hoặc trở lại thành phu khuân vác hay thân lừa còn hơn làm chồng thứ đồ cổ này!

Nhưng ông lái buôn đã dặn mình phải hỏi tất cả các cò, thì mình đành hỏi cái mụ tai hại này xem thế nào!» Vua chào bà lão, nhưng quay mặt đi chỗ khác và hỏi:

– Bà có chồng rồi hay còn con gái?

– Tôi đã có chồng rồi, quả tim của tôi ạ!

Bà già đáng sợ trả lời như thế. Úi chà! thật là hú vía!

Và ngài khấn thầm: «Lạy Chúa Ala! xin Chúa từ bi phù hộ độ trì cho anh chàng nào đã hỏi bà ấy trước tôi!» Bà già ấy đi khỏi, thì ở nhà tắm thấy đi ra một món đồ cổ còn tởm hơn và kinh khủng hơn. Vua Matmút run cầm cập lại gần bà ấy và hỏi:

– Bà đã có chồng rồi chứ?

Bà cụ lấy tay quệt ngang mũi và đáp:

– Ồ! con người của tôi ơi! tôi chưa chồng! Nhà vua vội kêu lên:

– Ấy ấy, thưa thím! Tôi chỉ là một con lừa thôi! Tôi là lừa thật! Đây thím xem: tai tôi, đuôi tôi và móng tôi. Đấy, chỉ là tai lừa, đuôi lừa. Ai lại lấy chồng lừa?

Nhưng bà già ghê tởm cứ sán lại gần và định hôn vua.

Vua Mátmút ghê quá và sợ quá kêu rầm lên:

– Ấy này, ấy này, bà ơi! Tôi là lừa cơ mà. Tôi van bà, bà đừng lấy tôi! Tôi chỉ là một con lừa quèn, dùng để kéo cối xay thôi, đấy đấy!

Vua đem hết sức bình sinh giãy mạnh một cái, rút được đầu ra khỏi mặt nước của cái bể cạn.

Bấy giờ vua Matmút thấy mình đương ở giữa phòng ngự, bên phải là quan tể tướng, bên trái là ông lão tù trưởng lạ mặt, và trước mặt là một thị nữ dâng cốc kem, đặt trên một cái khay bằng vàng, mà ngài đã truyền lấy mấy phút trước khi lão tù trưởng vào bệ kiến. Thế à! Thế à! ngài là vua, ngài là vua thật à? Và tất cả cuộc phiêu lưu tai ác kia chỉ xảy ra trong có thời gian ngài nhúng đầu vào nước và nhấc đầu ra thôi ư? Ngài không thể tin được có sự kỳ diệu đến thế. Ngài ngơ ngác nhìn xung quanh, đưa tay nắn nắn người, và xoa mắt. Ơ này, ngài đúng là vua, đích xác là vua Matmút, chứ không phải người đắm tàu khổ sở, cũng không phải phu khuân vác, không phải lừa kéo cối xay, không phải chồng bà già ghê tởm. Ồ ồ! Thề có Chúa Ala! Thật là sung sướng khi thấy mình trở lại thành vua, sau bao nhiêu nỗi cực khổ vừa qua. Nhà vua vừa mở miệng, toan hỏi ý nghĩa hiện tượng lạ lùng kia, thì tiếng trầm trầm của ông già đạo sỹ đã cất lên:

— Hỡi vua Matmút! Lão là sứ giả của các đạo hữu của lão, các giáo sĩ ở tận cực Tây. Lão đến gặp nhà vua, nhằm làm cho ngài tự hiểu những ân huệ mà đấng Ban Ơn đã ban cho ngài đấy!

Nói xong, đạo sĩ biến mất, không ai biết ông ra đằng cửa lớn hay đằng cửa sổ.

Khi vua Matmút bình tĩnh trở lại, ngài hiểu ra bài học của Thượng đế. Ngài hiểu ra là đời ngài tươi đẹp và ngài cũng có thể là người khổ nhất trần gian. Ngài hiểu được rằng những cảnh ngộ điêu đứng mà ngài chỉ thoáng thấy trước áp lực của ông già, những cảnh ngộ ấy có thể là cảnh ngộ thật sự trong đời ngài nếu

sổ mệnh đã định cho ngài phải như thế. Bấy giờ nhà vua quỳ xuống, nước mắt chan hòa, và từ đấy ngài không còn vô cớ tự chuốc não mua phiền nữa...

Khi Saradát kể xong câu truyện, vua Saria reo lên: – Saradát à! Truyện này thật là một bài học thâm thúy cho ta! – Nàng mỉm cười tâu:

– Tuy vậy thiếp tưởng bài học này còn chưa bằng truyện.

« KHO VÀNG KHÔNG ĐÁY »

Kho vàng không đáy

Saradát kể:

« Tâu bệ hạ đầy hồng phúc và tao nhã, thần thiếp có được nghe thuật lại rằng:

Đức giáo chủ Harun An Rasít là một vị quốc vương khoan nhân và xa hoa nhất đời, thỉnh thoảng ngài cũng có một vài khiếm khuyết mà thôi – ấy là khi nói chuyện, ngài hay cho mọi người thấy rằng: ở đời, không một ai hào hiệp và trọng nghĩa khinh tài bằng ngài.

Một hôm, ngài dương cao hứng tự tán dương về những tặng phẩm của ngài. – nói cho cùng, đấy cũng chỉ là những của cải mà đấng Khao – Thưởng đã ban cho ngài, để ngài ban phát lại cho mọi người đó thôi. – thì quan tể tướng Jafa, là người vốn tế nhị, không muốn để cho chủ mình cứ thiếu mãi đức khiêm tốn đối với Chúa Ala như thế; ông quyết ý làm cho nhà vua tỉnh ngộ ông quỳ xuống khấu ba lần, rồi nói:

— Tâu Giáo Chủ, vòng hoa trên đầu chúng thần! Mong bệ hạ tha thứ cho kẻ tôi đòi này, vì nó dám cất tiếng trước mặt Ngài để tâu bầy rằng: đức tốt nhất của tín đồ là khiêm tốn trước mặt Chúa Ala, và chúng sinh chỉ được phép hãnh diện về riêng đức tính ấy mà thôi. Vì tất cả của cải trên mặt đất, tất cả tài ba của trí tuệ, tất cả đức tính của linh hồn, đều là của mà chúa Ala cho mượn đấy thôi. Con người không nên tự cao tự đại về của mượn được ấy, như cây không tự cao vì mang quả, biển vì chứa nước! Còn như những lời ca tụng xứng với lòng khoan nhân của bệ hạ, xin cứ để cho thần dân tự nói ra; họ vẫn luôn luôn ca ngợi Thượng đế đã cho họ sinh trưởng trong đất nước bệ hạ và họ không vui vẻ gì hơn là thầm ta đọc lên danh hiệu bệ hạ vậy.

Tể tướng nói tiếp:

— Vả lại, tâu bệ hạ, xin ngài tin cho rằng Ngài không phải là người duy nhất mà Thượng đế đã ban cho đầy rẫy những ân huệ vô giá đâu! Ở tỉnh Baxra có một thanh niên, tuy chỉ là một thương dân, mà sống xa xỉ và hào hoa, hơn những bậc đế vương hiển hách nhất. Hắn tên là Abuncaxem. Không một vị vua chúa nào trên đời này, kể cả bệ hạ nữa, có thể đọ được với hắn về đức trọng nghĩa khinh tài và hào hiệp...

Nghe lời tâu của viên tể tướng, giáo chủ hết sức bực dọc. Mặt đỏ bừng, mắt nẩy lửa, Ngài kiêu hãnh nhìn Jafa, và quát:

— Vô phúc cho ngươi, đồ chó! Sao ngươi dám tâu man trước mặt trẫm, mi quên rằng đó là tội chết không cầu xin vào đâu được hay sao?

Jafa đáp :

— Tâu Giáo Chủ! Hạ thần xin thề trước sinh mệnh của bệ hạ rằng những lời mà hạ thần vừa dám tâu bầy đều là lời chân thật. Nếu hạ thần đã mất sự tín nhiệm của bệ hạ, thì xin bệ hạ cứ cho xét lại những lời tâu ấy, và trị tội hạ thần, nếu bệ hạ thấy đó là lời man trá. Về phần hạ thần, tâu bệ hạ, hạ thần không sợ gì mà không dám quả quyết rằng, lần vừa rồi, hạ thần đi Baxra, hạ thần đã là tân khách của Abuncaxem: mắt hạ thần bị choáng lên và vẫn chưa quên những thứ mà hạ thần được tai nghe mắt thấy, tâm trí còn ghi lại những thứ mê hồn đã được hưởng! Vì thế, dù có mất lòng sủng ái của Ngài chăng nữa, hạ thần cũng cứ phải tuyên bố rằng: Abuncaxem là người hào hoa nhất đời.

Nói xong, Jafa đứng im, còn vua, giận dữ đến cùng cực, ra hiệu cho tên đao phủ bắt Jafa. Lệnh được thi hành tức khắc. Xong rồi, vua Anrasít lui chầu, nhưng không biết làm cách gì cho hả giận. Ngài ngự vào cung hoàng hậu là Zôbêiđa; nàng nom thấy vẻ mặt ngài hầm hầm thì sợ tái người.

Giáo chủ Anrasít cau mày, trừng mắt, đi thẳng đến đi văng nằm ngả xuống, chẳng nói câu gì. Nhưng Hoàng hậu Zôbêiđa đã biết cách gần ngài, những khi ngài có điều gì bất bình; nàng không hỏi vớ vẩn, để cho ngài thêm bực mình; nàng làm ra vẻ lo lắng bội phần, rót một cốc nước hoa hồng, đem mời vua uống, và nói :

— Cầu cho đức Ala che chở cho Bệ hạ! Thiếp mong cho chén nước này mát lòng nguôi dạ nhà vua. Đời người do hai màu sắc hợp thành: màu đen và màu trắng. Cầu sao chỉ có màu trắng trong đời trường thọ của Người!

Bấy giờ Vua Anrasit mới nói:

– Thề trước công đức những Tiên Thánh vẻ vang của chúng ta, ái khanh ạ! Chắc là màu đen sẽ đánh dấu đời ta, nếu ta còn trông thấy thằng con nhà Bacmêxit, thằng Jafa vô phúc, nó thích bình phẩm những lời nói và chỉ trích những việc làm của ta; nó còn dám coi trọng một tên dân quèn hơn ta.

Nhà vua thuật lại việc vừa xảy ra cho hoàng hậu nghe, và phàn nàn về Jafa, với những lời lẽ đủ làm cho hoàng hậu hiểu rằng chuyến này thật là nguy cho cái đầu của viên tể tướng. Vì thế, nàng không quên thuận ý với nhà vua, và cũng tỏ ra rất giận viên đại thần sao dám mạo phạm đến quân vương mình như thế. Rồi dần dần nàng lựa lời tâu lại hãy nên hoãn việc hành hình Jafa lại, trong lúc phái người đi Baxra thăm dò sự thể. Nàng nói thêm:

– Như thế bệ hạ mới rõ lời nói của Jafa thực hư thế nào mà đối xử.

Giáo chủ An Rasít nghe lời nói hơn thiệt của hoàng hậu, nguôi giận được vài phần, bèn phán:

– Khanh nói phải đấy, Zôbêiđa ạ! Dĩ nhiên là ta phải xử công bình như thế đối với một người như con vị bầy tôi Yahia của ta. Nhưng ta không hẳn tin hết được lời phúc tấu của người mà ta sẽ sai đi Baxra. Vậy chính ta phải thân hành đến tỉnh ấy mới xong. Ta sẽ làm quen với tên Abuncaxem. Ta thề là Jafa sẽ mất đầu, nếu hắn phóng đại sự hào hiệp của gã thanh niên kia, hoặc đã tâu man.

Ngài không muốn trùng trình nữa, lập tức đứng dậy, và cũng chẳng chịu nghe Zôbêiđa can gián ngài không

nên đi một mình, ngài cải trang làm một người lái buôn xứ Irắc, dặn dò hoàng hậu trông nom việc nước trong khi ngài đi vắng, và bằng lối cửa bí mật, ra khỏi cung điện và rời Bátđa.

Nhờ có chúa Ala chu toàn, giáo chủ bình an tới Baxra và trọ ở đại khách sạn. Đến đây, chưa kịp nghỉ ngơi và ăn tạm vài miếng qua loa, nhà vua đã vội vàng hỏi người giữ cửa khách sạn về việc ngài để tâm đến. Sau lời chúc tụng thường lệ, ngài hỏi :

— Cụ ơi! Có thật là ở tỉnh ta đây, có một người tên là Abuncaxem hào hiệp, khinh tài và xa hoa hơn cả các bậc vua chúa không?

Ông lão gật gật đầu, ra dáng khâm phục, và nói :

— Cầu Chúa Ala ban phúc cho ông ấy! Còn có ai là người không đội ơn ông ấy nữa? Về phần tôi, thưa ngài, giá dụ tôi có trăm miệng, mỗi miệng một trăm lưỡi, mỗi lưỡi một kho hùng biện, tôi cũng chưa tả hết được với ngài lòng khoan nhân đại độ của tôn ông Abuncaxem!

Bấy giờ lại có những khách buôn khác mang đồ đạc hàng hóa đến ở trọ, cho nên người gác cửa khách sạn không còn thì giờ để nói dài hơn được nữa. Giáo chủ An Rasit đành phải lui bước lên phòng ăn uống, nghỉ ngơi cho qua đêm hôm đó.

Nhưng hôm sau, mới sớm tinh sương, ngài đã ra khỏi khách sạn, dạo quanh các chợ. Và khi các cửa hàng đã mở, ngài lại gần một thương nhân, vào hạng có địa vị nhất, và hỏi thăm đường đến nhà Abuncaxem. Thương nhân lấy làm lạ lắm, bảo :

– Quý khách chắc người ở xứ xa lắm nên mới không rõ nhà của tôn ông Abuncaxem? Ngài ở đây được mọi người biết hơn là bất cứ một ông vua nào ở ngay trong nước mình.

Vua An Rasít tự nhận là mình từ xa mới đến thật, và ý nguyện cuộc hành trình chính là để làm quen với Abuncaxem. Chủ hiệu liền vẫy một chú bé bán hàng của mình ra, bảo dẫn đường cho khách. Ông ta dặn:

– Con đưa vị quí khách này đến lâu đài tôn ông hào hoa của chúng ta!

Lâu đài ấy quả thật là cực đẹp. Tường xây toàn bằng đá vân thạch, cửa bằng ngọc xanh. Giáo chủ An Rasít hết sức tán thưởng lối kiến trúc cực kỳ cân đối. Vào tới trong sân, giáo chủ thấy vô số nô lệ trẻ, da đen có, da trắng có, ăn mặc rất lịch sự. Chúng chơi đùa với nhau, chờ chủ sai khiến. Giáo chủ lại gần một người trong bọn:

– Này cậu! Nhờ cậu vào bẩm với tôn ông Abuncaxem như thế này: ở ngoài kia có một người khách lạ đã cất công đi từ Bátđa đến Baxra này, chỉ để được chiêm ngưỡng tôn nhan phúc hậu!

Tiểu nô nhìn nhà vua và nghe lời nói, đoán ngay ngài không phải là người tầm thường. Hắn liền chạy vào báo, và chủ nhân ra ngay tận ngoài sân đón tiếp Sau lời chúc tụng và chào hỏi, chủ nhà cầm tay khách đưa vào một phòng rất đẹp về kiểu kiến trúc cũng như vật liệu xây cất!

Chủ khách vừa ngồi xuống cái kỷ rộng chạy vòng quanh suốt phòng và phủ vóc thêu kim tuyến, thì đã thấy mười hai tiểu nô da trắng tiến vào, tay mang

những bình bằng đá mã não và bằng pha lê, nạm bảo ngọc và hồng ngọc, đựng đầy các thứ rượu khai vị rất quí. Theo sau họ là mười hai thiếu nữ đẹp như Hằng Nga, người thì bưng những mâm đầy hoa quả, kẻ thì mang những cốc bằng vàng, đựng kem trộn tuyết băm, vị rất ngon. Đám nô lệ ấy thoạt tiên nếm thử các thứ rượu, các thứ kem và các thứ giải khát, rồi mới đem mời khách và chủ. Giáo chủ An Rasit nếm các thứ đồ uống; tuy ngài đã quen thưởng thức đủ các thứ quí nhất ở phương Đông, thế mà ngài cũng phải thừa nhận là chưa bao giờ được uống những thứ ngon đến thế.

Sau đó Abuncaxem mời khách sang phòng thứ hai đã bầy sẵn một bàn tiệc với các thức ăn thượng hạng, bầy trong những đĩa bằng vàng tuyền. Chủ nhân thân chọn những miếng ngon lành mời khách. Vua thấy cách nấu nướng các thức thật khéo léo lạ lùng.

Cơm xong, chủ nhân cầm tay vua đưa sang phòng thứ ba, trang hoàng còn sang hơn hai phòng trước nhiều. Và những nô lệ còn đẹp hơn bọn trước đem vào cơ man nào là bình bằng vàng, nạm ngọc thạch đựng đầy các thứ rượu; và những bát sứ đựng các thứ mứt, cuối cùng là những đĩa bánh ngọt. Trong khi chủ nhà mời khách ăn uống thì có một bọn ca nữ và nhạc nữ đi vào phòng; họ hòa nhạc hay đến gỗ đá cũng phải rung cảm. Giáo chủ An Rasit hết sức vui vẻ, nghĩ thầm: «Trong hoàng cung, mình có bao nhiêu là con hát giọng thật hay và cả những ca công, như Itxắc, không còn điều gì về nghệ thuật mà không am tường, nhưng chưa ai đọ được với những người này,

Lạy chúa Ala! Một người thường dân, một người ở tỉnh nhỏ Baxra này, làm thế nào mà tụ lập được những thứ toàn mỹ như thế?»

Trông khi giáo chủ đang đặc biệt chú ý đến một vũ nữ, có tiếng hát du dương làm ngài mê mẩn tâm thần, thì Abuncaxem ra ngoài và chỉ một lát đã trở lại, một tay cầm một chiếc đũa bằng hổ phách, còn tay kia cầm một cây con, thân bằng bạc, cành lá bằng ngọc bích, quả bằng ngọc đỏ. Trên ngọn cây, đậu một con công bằng vàng: Vẻ đẹp của con công thật làm vẻ vang cho tay thợ nào đã sáng tạo ra nó. Abuncaxem đặt một cái chậu cây, dưới chân giáo chủ An Rasít, lấy chiếc đũa hổ phách gõ vào đầu con công. Lập tức con vật đẹp ấy, giương hai cánh, xòe cái đuôi rực rỡ, và xoay vòng quanh rất nhanh. Trong khi nó xoay tròn như thế, thì nước hoa lòng diên hương, hoa cam, tinh trầm hương và các thứ nước hoa khác, đựng trong mình nó, phun ra thành tia cực nhỏ, làm cho trong phòng thơm phưng phức.

Giáo chủ đương mải ngắm cái cây và con công, hết sức tán thưởng thì bất thình lình, Abuncaxem đã cầm lấy tất cả mang đi. Giáo chủ rất bực về cử chỉ đột ngột ấy; ngài nghĩ bụng: «Thề có Chúa Ala! Sao lại lạ như vậy? Thế nghĩa là gì? Lối tiếp khách như vậy sao? Thằng cha này xét ra không phải là người biết phép lịch sự như Jafa muốn làm cho mình tưởng thế đâu. Hắn cất cái cây và con công đi, giữa lúc mình đương mải xem; chắc là sợ mình xin mất chứ gì! Ha ha! Mình không còn bực về nỗi đã tự đi thị sát cái lối hào hoa lừng lẫy mà viên tể tướng của mình cho là trên đời không đâu bằng!»

Nhà vua đương miên man nghĩ ngợi như thế, thì thấy Abuncaxem đã quay vào, có một tên tiểu nô đẹp như vầng thái dương đi theo. Chú bé đáng yêu ấy mặc áo gấm vàng có điểm ngọc trai và kim cương; tay chú cầm một cái cốc chân làm bằng một viên ngọc đỏ nguyên khối; cốc đựng thứ rượu vang đỏ tía. Thằng bé lại gần giáo chủ cúi rập đầu tận đất làm lễ, rồi dâng ngài cốc rượu. Nhà vua đỡ lấy cốc, đưa lên môi. Nhưng lạ quá, sau khi uống cạn, nhà vua trả cái cốc lại cho thằng bé, thì thấy cái cốc đã đầy rượu rồi; vì thế ngài lại đỡ lấy và lần này, ngài uống rất cẩn thận, không để lại một giọt rượu nào. Nhưng khi ngài trả cái cốc không cho tên nô lệ, thì lại thấy nó tự đầy lên tận miệng, tuy chẳng có ai rót gì vào đấy cả.

Thấy thế giáo chủ An Rasít hết sức ngạc nhiên, không thể không hỏi duyên do Abuncaxem trả lời:

– Thưa ngài, cái đó không có gì là lạ cả. Cái cốc này do một nhà bác học đời xưa làm ra; nhà bác học ấy biết hết những bí quyết ở đời.

Nói thế xong, Abuncaxem cầm tay đứa bé, dắt ra khỏi phòng. Ngài An Rasít vốn nóng tính như lửa, nổi giận thật sự. Ngài nghĩ bụng: «Xin thề rất độc! Thằng cha này mất trí khôn đây! Hay là, tệ hơn thế nữa, nó xưa nay không biết tiếp khách là thế nào và không biết thế nào là phép lịch sự! Nào mình có hỏi xin đâu, tự dưng nó đem phô ra trước mắt mình những dị vật, để đến lúc mình đương mải xem, thì nó vội vội vàng vàng cất đi. Thề có Chúa Ala! Mình chưa thấy có ai thất lễ và thô tục đến thế bao giờ. Hỡi Jafa vô phúc! Chỉ mai đây, tao sẽ cho mày biết cách suy xét người hơn kẻ kém và phải suy đi nghĩ lại cho kỹ rồi hãy nói!»

Giáo chủ An Rasít đương trầm ngâm suy nghĩ như vậy thì đã thấy chủ nhà quay vào phòng lần thứ ba. Lần này có một thiếu nữ đi sau anh ta vài bước. Thiếu nữ ấy có lẽ chỉ thấy ở trên tiên cung, người đầy vàng ngọc, nhưng thực ra nàng đẹp về vẻ đẹp tự nhiên của nàng, hơn là đẹp về những đồ trang sức quí báu. Vua thấy mặt nàng thì quên ngay cả cái cây và con công, lẫn cái cốc vô tận; ngài cảm thấy tâm hồn vui sướng lạ lùng. Sau khi cúi rạp đầu chào, thiếu nữ đến ngồi trước mặt vua, và gẩy chiếc đàn cầm bằng gỗ hồ thiết, ngà voi, gỗ trầm hương và gỗ mun. Nàng gẩy hai mươi bốn điệu khác nhau một cách tài tình đến nỗi giáo dân An Rasít không nhịn được, phải reo lên:

– Abuncaxem ơi! Số anh thật đáng cho người ta phải thèm.

Nhưng khi Abuncaxem nhận thấy khách mê thiếu nữ, anh ta cầm ngay lấy tay nàng và vội vàng dắt ra khỏi phòng.

Thấy chủ nhà cư xử như thế, giáo chủ bực quá. Nhưng nếu nổi nóng lên thì không tiện, ngài không muốn nán lại nữa trong cái nhà mà người ta đối đãi với ngài một cách kỳ quặc như thế, cho nên khi chủ nhà quay về phòng, ngài liền đứng dậy và nói:

– Ô này! Ông Abuncaxem hào hiệp, tôi thật lấy làm ngượng về cung cách ông đã tiếp đãi tôi quá hậu, tuy không biết địa vị và thân phận của tôi. Vậy xin phép ông cho tôi ra về, để ông đi nghỉ. Tôi không dám lạm dụng hơn nữa sự hào phóng của ông.

Chàng thanh niên thì sợ làm phiền khách chăng cho nên không dám ngăn cản ý định của khách. Anh

vái chào rất nhã nhặn, thân đưa khách ra tận cổng lâu đài, và ân cần xin lỗi, là đã thù tiếp không xứng đáng với địa vị của khách.

Giáo chủ An Rasít quay về khách sạn; đi đường ngài nghĩ bụng lấy làm chua xót: « Gớm! Cái thằng Abuncaxem! sao lại có người thích khoe mẽ đến thế! Nó phô bầy những vật quý ra trước mặt người lạ, nhằm hả lòng kiêu ngạo, hợm hĩnh của nó. Nên thế mà gọi là trọng nghĩa khinh tài, thì mình chỉ là một kẻ đần độn, một kẻ đui mù. Không đâu! Hào phóng gì đồ ấy. Thực ra, nó chỉ là một thằng bủn xỉn, một thằng bủn xỉn vào loại đáng ghét nhất! Mai đây, Jafa sẽ biết rằng đem một câu nói dối tầm thường nhất để đánh lừa vua thì sẽ phải đền tội như thế nào! »

Vừa đi vừa nghĩ như thế, nhà vua đã về tới khách sạn. Ngài thấy ở sân trước một đám vô số nô lệ đen, trắng đứng tập trung thành hình bán nguyệt, đen một bên, trắng một bên. Ở giữa hình bán nguyệt là thiếu nữ đánh đàn vừa rồi, cô con gái đã làm cho nhà vua mê mẩn trong nhà Abuncaxem. Bên phải thiếu nữ là thằng bé kháu khỉnh tay mang cái cốc bằng hồng bảo ngọc, và bên trái nàng là một thằng bé nữa xinh đẹp không kém thằng bé kia, tay cầm cái cây bằng ngọc và con công.

Khi giáo chủ vừa bước qua cổng khách sạn đi vào, thì tất cả nô lệ đều rạp đầu xuống đất làm lễ, còn thiếu

nữ xinh xắn kia thì tiến lại trước mặt giáo chủ, dâng ngài một cuộn giấy lụa, đặt trên một cái gối bằng gấm Tuy hết sức ngạc nhiên, giáo chủ An Rasít cũng đỡ lấy, mở ra xem, và thấy có những dòng chữ sau này:

«Cung chúc bình an và hạnh phúc vị khách tao «nhã đã quá bộ đến chơi làm cho nhà chúng tôi được «vẻ vang và thơm nức! Sau đây, thưa quí khách, «mong ngài hạ cố đến mấy đồ vật lặt vặt, không đáng «giá là bao, do tay phàm tục của chúng tôi kính gửi «đến dâng ngài, và kính xin ngài vui lòng thâu nhận «những thứ ấy gọi là để chúng tôi được tỏ chút «lòng ngưỡng mộ người đã làm rạng rỡ tiện xá của «chúng tôi. Nhân đây chúng tôi được trộm thấy rằng «bọn nô lệ làm đám tùy tòng, hai đứa con trai và «đứa con gái, cũng như cái cây có con công và cái «cốc, những thứ đó không đến nỗi làm cho quí «khách không ưa, vì thế chúng tôi khẩn khoản thỉnh «cầu quí khách coi những thứ đó là của riêng ngài «vẫn có xưa nay Vả lại tất cả của đời đều là của «Chúa Ala và sẽ trở về với Chúa! Uaxalam!»

Giáo chủ AnRasít đọc xong bức thư, và đã hiểu hết ý nghĩa cũng như giá trị của nó, ngài hết sức kinh ngạc về sự hào phóng. Ngài reo lên:

— Thề trước công đức các vị Tiên Thánh nhà ta — mong Chúa Ala ban phúc cho các Ngài — Tôi xin công nhận là tôi đã nghĩ lầm về Abuncaxem kia! Thật thế, những ân huệ tôi đã ban phát có thấm vào đâu, so với

sự hào phóng này! Cầu Thượng đế ban phúc cho Jafa! Tể tướng Jafa của ta ơi! Nhờ có người mà ta hiểu rõ được ta đã quá tự kiêu, tự phụ. Một người thường dân đã thắng một vị đế vương giàu có nhất thiên hạ về sự hào hiệp và phú quý! mà chẳng có vẻ gì khó nhọc và phiền muộn cả. Giáo chủ chợt nghĩ ra: Thề có Chúa Ala! Sao một người dân quèn lại có thể tặng quà như thế này? Hắn tìm được ở đâu lắm của cải như thế? Trong đất nước của ta, có người sống phong phú hơn cả vua chúa, có lẽ nào ta lại bỏ qua, không tìm ra nguyên ủy. Vậy dù làm thế nào là quấy nhiễu hắn chăng nữa, ta cũng bảo đòi hắn nói rõ cho ta biết làm thế nào mà hắn có được một gia tài lớn quá như thế!»

Giáo chủ lưu lại ở khách sạn những nô lệ và các thứ chúng mang đến; lập tức quay lại nhà Abuncaxem.

Gặp Caxem rồi, ngài chào hỏi qua loa và nói ngay.

– Ông chủ nhà hào hiệp ơi! Cầu Chúa Ala tặng phúc cho ông và phù hộ cho ông được hưởng lâu dài những ân huệ của chúa! Nhưng những phẩm vật mà ông gửi cho tôi đó quý giá quá, cho nên tôi sợ rằng nếu nhận thì là quá lạm dụng địa vị của một người khách, và tấm lòng hào hiệp của ông. Vậy xin phép ông cho tôi được hoàn lại, như thế không phải là tôi

dám vô lễ với ông đâu; tôi chỉ xin ông cho phép, khi tôi về tới Bátđa, được tuyên bố sự giàu có nhất thiên hạ của ông, mà tôi rất tán thưởng.

Caxem vẻ mặt rầu rầu, đáp:

– Thưa ngài, ngài dạy thế, chắc là ngài có điều gì phật ý về sự hầu tiếp của chúng tôi? Hay là tặng vật của chúng tôi không được đẹp lòng ngài và nó ít ỏi quá chăng? Không thế ngài đã chẳng cất công đến đây làm bẽ mặt chúng tôi như thế này!

Giáo chủ An Rasít vẫn giả làm lái buôn, nói:

– Có lẽ nào như vậy! ông Abuncaxem! Tôi đâu dám khiếm nhã đáp lại hậu tình của ông! Tôi trở lại đây, chỉ vì nỗi áy náy thấy ông tặng cho khách mới gặp lần đầu những món quà hiếm có đến thế. Tôi chỉ sợ như vậy sẽ cạn bớt mất kho báu của ông mà không ích gì cho ông cả, vì kho của kia, dù thế nào chăng nữa, cũng phải có đáy chứ?

Nghe giáo chủ nói, Caxem mỉm cười:

– Thưa ngài, nếu chỉ vì có thế, thì xin ngài cứ yên tâm. Thật vậy, xin ngài biết cho rằng, mỗi ngày mà Chúa Ala cho tôi sống, là một ngày tôi trả nợ Chúa bằng cách biếu những khách đến gõ cửa nhà tôi một vài vật xấp xỉ giá tiền với món quà mà tôi đã được vinh dự đưa hầu ngài đó, vì cái kho mà đấng Ban Thưởng đã cho tôi là một kho không đáy!

Caxem thấy khách có vẻ ngạc nhiên quá, nói tiếp:

– Thưa ông chủ! Tôi thấy cần phải tiết lộ với ngài một vài chi tiết về đời tôi, và kể hầu ngài nghe câu truyện về kho của không đáy kia. Truyện ấy ly kỳ lắm!

Caxem cầm tay khách, mời sang một phòng mát rời rợi, có những lư hương nhẹ nhàng làm cho không khí thoang thoảng mùi thơm. Ở đây có một chiếc ngai bằng vàng khối, đặt trên những thảm quý. Caxem mời khách ngồi vào ngai, còn mình thì ngồi lên thảm gần khách, và bắt đầu kể chuyện mình như sau:

– Thưa ngài, tôi là con một nhà buôn kim hoàn giàu có, nguyên quán ở Lơ Ke. Cha tôi tên là Apđoladít. Tuy sinh ở Lơ Ke như tổ tiên nhà tôi, cha tôi không ở tại sinh quán suốt đời, vì cha tôi có nhiều của đến nỗi sợ chuốc cho mình sự ghen ghét và tham lam của vua Ai Cập bấy giờ, là một bạo chúa khét tiếng. Cha tôi phải bỏ xứ sở và di cư sang ở tỉnh Baxra này.. Chẳng bao lâu, cha tôi làm rể một vị thương gia giàu có nhất tỉnh. Ông ngoại tôi được có một mình mẹ tôi, đến tôi cũng chỉ là con một, chẳng có anh trên em dưới nào, vì thế chỉ có một mình tôi thừa hưởng toàn bộ gia tài của cha mẹ tôi để lại – Cầu Chúa Ala từ bi phù hộ cho cha mẹ tôi! – Tôi còn ít tuổi lắm mà đã cai quản một cơ nghiệp đồ sộ, của cải, tiền bạc vô kể ..

Nhưng vì thích tiêu pha, hoang phí, tôi sống xa hoa đến nỗi chưa đầy hai năm, gia tài của tôi khánh kiệt. Thực Ngài, tất cả là do đức Ala mà có, tất cả lại trở về với đức Ala thôi mà!

Thấy mình trần như nhộng, tôi nghĩ nhiều về thời đã qua. Đã sống như thế, thì nay không thể sống ở Baxra được nữa. Tôi quyết định từ bỏ xứ sử đến nơi khác, vì sự nghèo khổ trước con mắt những người không biết mình sẽ dễ chịu hơn. Thế là tôi bán nhà, tài sản duy nhất còn lại, theo một đoàn thương gia

đến Môtxun, rồi Đamát, sau qua sa mạc đến La Mếch hành hương rồi đi Lơ Ke, cái nôi của nòi giống và mọi gia đình chúng ta.

Khi tôi đã ở trong cái thành phố có nhà cửa sang trọng và có vô vàn thánh đường Hồi giáo ấy, tôi lại nhớ tới cha tôi, ông Apđoladít, một chủ hiệu vàng bạc giàu có đã sinh ra ở đấy, tôi thở dài não nuột và khóc. Nếu cha tôi biết được đứa con độc nhất, đứa con kế nghiệp của ông khốn khổ thế này thì ông đau xót biết chừng nào. Ngậm ngùi, tôi lang thang đến tận bờ sông Nin, phía sau hoàng cung. Bỗng một cái đầu phụ nữ tuyệt đẹp – đàn bà hay thiếu nữ, tôi không rõ – ló ra ở khung cửa sổ phía trên. Tôi lặng người đứng nhìn. Đột nhiên cái đầu thụt vào, không thấy nữa. Tôi cứ ngẩn ngơ đứng đợi cho đến chiều tối. Không thấy gì, tôi đành trở về ngủ tại quán trọ của tôi.

Không thể quên hình ảnh người thiếu nữ, sáng hôm sau tôi lại đến chờ dưới cửa sổ nọ. Tấm rèm cửa khẽ lay động, phía sau song sắt có thể có đôi mắt huyền, nhưng bộ mặt tươi mát không hiện ra. Tôi buồn lắm mà không nản. Hôm sau tôi lại đến và cảm động biết bao khi thấy tấm màn hé mở và bộ mặt sáng như trăng hiện ra. Tôi vội sụp xuống chào, rồi đứng dậy mà rằng:

– Nữ chúa hỡi! Tôi là một khách phương xa mới đến Lơ Ke, mở đầu bằng việc được thấy dung quang của nàng. Ước sao số phận đã dắt tôi đến đây để thỏa lòng ước vọng của kẻ tôi đòi này.

Nói xong, tôi đứng im chờ nàng đáp lại. Nhưng thiếu nữ không đáp mà tỏ vẻ sợ sệt quá chừng khiến tôi không biết cứ đứng đây hay chạy đi cho mau. Rồi

tôi quyết định cứ đứng lại dù cho nguy hiểm đến đâu cũng không sợ. Thế mà hay, vì đột nhiên nàng vén rèm cúi xuống phía ngoài cửa sổ, giọng run run:

– Nửa đêm trở lại, giờ thì trốn đi cho nhanh!

Nói xong nàng vội biến đi, để tôi lại một mình, hết sức ngạc nhiên, mà âu yếm, mà mừng vui. Tôi quên hết mọi nỗi khổ cực, thiếu thốn. Tôi vội trở lại quán trọ gọi anh thợ cạo, đến cắt tóc điểm trang cho tươm tất, rồi đến nhà tắm của kẻ bần cùng, bỏ ít tiền mà tắm rửa, xức dầu thơm; Tôi thấy khoan khoái, nhẹ nhõm như một chiếc lông vũ vậy.

Đến giờ, tôi luồn trong bóng tối tới nơi cửa sổ, thì thấy có một chiếc thang bằng giải lụa thõng sát mặt đất. Dù phải chết thì cũng chỉ mất đi một cuộc đời vô nghĩa không người thân thích. Nghĩ vậy, tôi dùng thang leo lên cửa sổ mà vào. Tôi đi nhanh qua hai căn buồng, đến buồng thứ ba thì thấy người tôi mong đợi nằm dài trên một chiếc giường bằng bạc, nụ cười nở hoa. Ôi, thưa ngài thương nhân quý khách của tôi, thật diệu kỳ sự nghiệp của đấng Hóa công! Ôi đôi mắt, ôi cái miệng. Tôi như người mất trí, không nói nên lời. Nàng nhổm dậy, và bằng một giọng ngọt hơn đường phèn, nàng bảo tôi ngồi xuống cạnh, và hỏi tôi là ai. Tôi kể nàng nghe đời của tôi, từ đầu đến cuối, không thiếu một chi tiết nào.

Thiếu nữ chăm chú lắng tai, có vẻ thực sự xúc động về số phận của tôi. Thấy thế, tôi nói:

– Hỡi nữ chủ của tôi, dù đã khốn khổ đến đâu, tôi cũng không có gì đáng phàn nàn nữa vì nàng đã, thương tôi

Chúng tôi cứ mỗi lúc một âu yếm thân mật với nhau hơn lên. Nàng cho tôi biết tên nàng là Xét Labiba, cung phi của vua Ai Cập. Nàng đang có nỗi khổ tâm vì có bao kẻ tình địch mưu mô hãm hại. Bỗng có tiếng đập cửa thình thình. Labiba cuống cuồng :

– Chỉ có vua mới có quyền đập cửa như thế, nàng nói. Chúng ta bị phản rồi. Chết mất thôi, không gì cứu vãn được.

Tôi định trốn ra bằng chiếc thang ở cửa sổ. Nhưng số phận đã dẫn nhà vua đến từ phía ấy. Tôi chỉ còn cách chui xuống nấp dưới gầm giường, trong lúc cung phi ra mở cửa. Vua vào, có lũ quan thị theo sau. Tôi chưa kịp hiểu rồi sẽ ra sao, thì có đến hai chục bàn tay, đen khủng khiếp, tóm lấy tôi lôi ra, nhấc bổng lên, chạy đến chỗ cửa sổ. Một bọn hoạn đen khác cũng tóm lấy nàng cung phi chạy đến một cửa sổ. Họ quẳng chúng tôi xuống sông Nin. Số mệnh đã định rằng tôi không bị chết chìm, nên tuy có choáng váng, tôi đã từ đáy sông ngoi lên mặt nước, và nhờ đêm tối, bơi tới bờ bên kia. Thoát được một tai nạn lớn, tôi cũng không muốn bỏ đi, trước khi cứu được người mà vì tôi ngu dại, đã mang họa vào thân. Tôi lại hăm hở nhảy xuống sông để cứu nàng. Nhưng mất công vô ích, lực bất tòng tâm. Tôi mệt lử, đành phải ngoi lên để cứu lấy linh hồn. Buồn quá, tôi than vãn về cái chết của nàng cung nữ xinh tươi, lòng tự nhủ rằng mình đang phận hẩm thì tìm đến nàng làm gì. Cái phận hẩm vốn hay lây lan mà.

Chán nản, hối hận, tôi vội và lánh khỏi Lơ Ke và Ai Cập mà về Bátđa, thành phố hòa bình.

Nhờ đức Ala, tôi đến nơi bình yên, nhưng hoàn cảnh thực đáng chán. Tôi hết tiền. Xưa, gia tài là thế,

mà nay chỉ còn đúng một đina giắt lưng. Đến phường hàng Bạc tôi đổi lấy tiền lẻ, sắm một cái mẹt và mua ít mứt kẹo, hoa quả, kiếm tạm đủ ăn.

Buôn vặt thế mà hay! Tôi có giọng tốt, không rao hàng như bọn ở Bátđa, mà hát lên. Một hôm, tôi rao hay hơn ngày thường thì được một vị lão trượng, chủ hiệu của ngôi hàng lớn nhất chợ cho gọi đến. Cụ chọn một quả táo thơm, ngửi đi ngửi lại, chăm chú nhìn tôi rồi mời ngồi cạnh, hỏi han xem tôi là ai, người ta gọi tôi thế nào

– Thưa cụ, xin miễn cho cháu khỏi phải làm tấy lại vết thương lòng đang bắt đầu kín miệng vì chỉ nhắc lại tên của cháu cũng làm cho cháu đau khổ rồi.

Vừa nói tôi vừa thở dài, giọng quá buồn thương nên cụ già thôi không hỏi nữa. Cụ lái câu chuyện, về việc mua bán mứt kẹo. Lúc tôi đi, cụ lấy trong túi mười đina vàng, nhẹ nhàng đặt vào tay tôi và ôm hôn tôi như cha hôn con vậy.

Tôi thầm ca ngợi cụ già đáng kính mà tính tình hào phóng của ông vô cùng quý giá đối với tôi lúc túng thiếu này Biết bao vương tôn giàu có, tôi thường mời hàng, không hề có ai cho tôi lấy một phần trăm số tiền tôi nhận được từ bàn tay nọ mà tôi đã hôn vì lòng kính trọng và biết ơn. Hôm sau tôi lại đến chợ Vừa thấy tôi, cụ gọi lại, lấy ít hương liệu ở cái mẹt và bảo tôi ngồi xuống cạnh. Sau một đôi câu hỏi đáp, cụ khẩn khoản hỏi chuyện tôi. Lần này, không thoái thác được, tôi kể lại hết, tôi là ai, những việc đã xảy ra, không giấu cụ điều gì. Nghe xong, cụ xúc động nói:

— Con hời! Con sẽ tìm thấy ở ta một ông bố còn giàu hơn ông Apđơladit — cầu Chúa được toại nguyện về ông — và thương yêu con chẳng kém gì. Ta không có con, cũng không hy vọng gì về đường con cái, ta nhận con làm con nuôi. Vậy con hãy bình tâm, hãy vui lên! Nếu đức Ala muốn, ở gần ta, con sẽ quên hết mọi nỗi bất hạnh đã qua.

Nói rồi cụ ôm hôn tôi, giữ chặt lấy tôi trong lòng. Cụ bắt tôi phải vứt bỏ cái mẹt mứt kẹo đi. Cụ đóng cửa hiệu, dắt tôi về nhà.

— Đến mai chúng ta sẽ đi Baxra, cũng là thành phố của cha, cụ nói. Cha con ta sẽ sống ở đấy, con ạ!

Hôm sau, chúng tôi lên đường đi Baxra, quê hương tôi. Nhờ đức Ala phù hộ, chúng tôi không gặp trắc trở gì. Những người gặp và quen biết tôi lấy làm hân hoan thấy tôi trở thành con nuôi của một thương gia giàu có như thế.

Còn tôi, không cần nói với ngài rằng, tôi gắng đem hết tâm trí, hiểu biết để làm vui lòng cụ già. Cụ lấy thế làm hài lòng thú vị lắm và thường bảo tôi:

— Abuncaxem! thật đáng xưng tụng cái ngày gặp gỡ của cha con ta ở Bátđa! Quý hóa thay số mệnh đã run rủi cho cha được gặp con trên đường đời. Con rất đáng được cha mến thương, tin cậy, được hưởng tất cả những điều cha đã làm cho con và sẽ làm vì tương lai của con.

Tôi vô cùng cảm kích về tình cảm ấy, cho nên dù tuổi tác chênh lệch, tôi thành tâm yêu quý cụ và đón trước mà làm những việc khiến cụ thêm vui. Ví như tôi không chơi bời với bọn trẻ cùng tuổi để luôn ở bên cụ, biết rằng một việc nhỏ, một cử chỉ không đâu mà trái ý cụ cũng làm cụ buồn phiền.

Sau một năm, theo lệnh của đức Ala, ân nhân của tôi bị một bệnh hiểm nghèo, không một lương y nào chữa nổi. Cụ vội cho gọi tôi đến:

— Abuncaxem con hỡi, cụ nói, cầu phúc cho con! Người đã thường suốt đời không có được một ngày sung sướng, thế mà con đã đem hạnh phúc đến cho cả trong cả một năm. Cho nên trước khi Thần Chia lìa dừng chân trên đường của cha, cha phải trả con món nợ lớn lao đó. Cha cho con biết một điều bí mật nó sẽ làm cho con giàu hơn tất cả các bậc đế vương trên đời. Cha chỉ có cái nhà này với tất cả của cải trong đó. Nếu để lại cho con có thế thôi, cha nghĩ là ít quá. Của cải cha góp nhặt cả đời, đối với một thương gia thì nhiều thật đấy, nhưng vô nghĩa so với cái kho tàng cha chỉ cho con. Cha không rõ nó thuộc về gia đình ta từ bao giờ và bằng cách nào, chỉ biết là lâu lắm rồi. Cụ của con, khi hấp hối đã cho ông con biết. Ông con, mấy ngày trước khi mất lại nói với cha.

Cụ ghé vào tai tôi cho biết vị trí của kho tàng trong khu nhà, còn tôi thì khóc thấy cụ sắp phải lìa trần. Cụ bảo dù tôi ước đoán được số của cải là bao nhiêu, thì sự thực còn lớn hơn nhiều lắm

— Ôi, thế là con sẽ là chủ của tất cả. Con nên rộng tay, không sợ hết của trong cái kho không đáy ấy. Chúc con hạnh phúc. Uaixalam!

Nói xong, cụ lặng lẽ qua đời cầu đức Ala ban phước lành cho cụ.

Vì là người thừa kế duy nhất, nên sau khi an táng chu tất cho cha nuôi, tôi đi xem ngay kho của. Nó làm cho tôi choáng người; cha tôi không quá khoe sự thật của nó. Tôi lập tức dùng nó một cách tốt nhất.

: Những bạn hữu đã chứng kiến lần phá sản trước kia của tôi, lại thấy tôi tiêu pha hoang phí, đều chắc là tôi sẽ khánh kiệt lần thứ hai nữa. Họ kháo nhau: «Dù cái thằng Abuncaxem bán trời không văn tự ấy, có tất cả kho tàng của hết thầy các vua chúa trên thế gian, thì rồi nó cũng đến phung phí hết!» Vì thế, họ hết sức ngạc nhiên, khi thấy gia nghiệp của tôi không hề sút kém, mà hình như mỗi ngày lại cứ một tăng. Họ không tưởng tượng được tại sao tôi phung phí thế mà vẫn cứ giàu; họ càng không hiểu, khi thấy tôi tiêu pha mỗi ngày một quá đáng, và thấy tôi tiếp đãi thật đế vương những khách xa lạ đến Barxa.

Thế là khắp thành phố, đâu đâu cũng nhao nhao lên là tôi được của. Chỉ tiếng đồn ấy đủ kích động lòng tham của của bọn quan lại. Thật vậy, chẳng bao lâu, viên cảnh sát trưởng đến tìm tôi. Sau khi chàng màng một lát, hắn nói «Này! ông Abuncaxem ạ! Mắt tôi nhìn thấy hết và tai tôi nghe thấy hết! Nhưng tôi làm việc quan để mà sống, chứ những người khác họ chỉ sống để làm việc quan. Vì thế cho nên tôi đến không phải để hỏi vặn ông về cách sống quá xa hoa của ông, mà cũng không phải để tra hỏi ông về cái kho của mà ông giữ kín thì mới có lợi cho ông. Tôi đến chỉ cốt nói với ông có thế này thôi: tuy tôi là người biết điều, cái đó cũng là nhờ Chúa Ala cả, chứ tôi cũng không dám tự kiêu. Khốn nỗi, thóc cao gạo kém, mà nhà có con bò thì lại vừa hết sữa! Hiểu ý hắn ta, tôi nói luôn:

– Ông khôn ngoan lắm! Thế nhà ta mỗi ngày phải dùng hết bao nhiêu về gạo nước và sữa cho các cháu?

– Thưa tôn ông! không đến mười đina vàng một ngày

— Nếu thế thì ít quá! Tôi muốn cấp cho ông mỗi ngày một trăm đina! Vậy cứ đầu tháng ông đến đây, thủ quỹ của tôi sẽ phát cho ông ba nghìn đina đem về mà chi dùng.

Hắn sướng quá, muốn hôn tay tôi, nhưng tôi không dám nhận cách thâm tạ ấy, vì tôi không quên rằng tất cả của cải ở đời chỉ là một món nợ do Tạo Hóa cho ta vay thôi. Hắn ra về, còn cầu phúc cho tôi.

Sau hôm tôi tiếp viên cảnh sát trưởng, đến lượt viên pháp quan tỉnh cho gọi tôi lại nhà, và bảo: « Ơ này, chàng trai! Chúa Ala là chủ các kho vàng, và theo luật, thì một phần năm thuộc về Chúa. Vậy chú phải đem một phần năm kho của mà nộp đi, thì chú sẽ được yên thân hưởng thụ bốn phần còn lại.

— Bẩm quan lớn! Tôi không biết rõ lắm là ý quan lớn muốn bảo kẻ tôi đòi này thế nào. Nhưng tôi không cam đoan nộp hầu quan lớn mỗi ngày là một nghìn đina, để ngài ban phát cho kẻ nghèo, với điều kiện là không ai được quấy nhiễu tôi nữa. Viên pháp quan ký cả hai tay và nhận ngay đề nghị của tôi.

Nhưng vài ngày sau, lại thấy một tên lính lệ, theo lệnh quan tổng đốc tỉnh Baxra đến đòi tôi. Khi tôi đến nơi, quan tổng đốc ra vẻ hòa nhã, bảo tôi « Chú có cho là ta lại bất công đến nỗi lấy mất kho báu của chú, nếu chú chỉ chỗ nó cho ta biết không?

— Lạy Chúa Ala! cầu Chúa phù hộ cho ngài sống nghìn năm! Nhưng dù ai lấy kìm nung đỏ xé thịt tôi ra, tôi cũng không chỉ ra cái kho vàng mà tôi có thật! Tuy vậy, tôi bằng lòng nộp cho quan lớn mỗi ngày hai nghìn đina vàng, để ngài phân phát cho những người nghèo túng của ngài.

Thấy món lễ bở đến vậy, quan Tổng đốc không ngần ngừ, nhận ngay đề nghị của tôi, và cho tôi về, còn không hết lời tán tỉnh.

Từ ngày ấy đến nay, tôi vẫn trả đều cho ba ngài quan lớn món tiền đã hứa, và các ngài cũng mặc cho tôi sống hào hoa và phóng túng. Đấy, thưa tôn ông, nguồn gốc tài sản làm ngài ngạc nhiên ngoài ngài ra, chưa ai ngờ được nó trọng đại là ngần nào,

Khi Caxem nói xong, giáo chủ lại càng muốn mắt thấy cái kho báu kỳ dị kia, cho nên ngài nói: «Này ông Abuncaxem hào phóng, liệu quả thật ở đời lại có kho của mà cách phung phí của ông cũng không làm cho nó nay mai đến phải cạn kiệt ư? Thề có chúa Ala! Tôi không thể tin được! Nếu thế này không phải là quấy quả quá, tôi xin ông cho tôi được xem cái kho ly kỳ ấy. Tôi thề rất độc với ông là không đời nào tôi lạm dụng lòng tin của ông, và thế nào tôi cũng báo đáp được thâm ân ấy.»

Thấy giáo chủ nói thế, Abuncaxem biến sắc, nét mặt đổi hẳn đi. Anh rầu rầu đáp.

— Tôi rất lấy làm phiền lòng, vì chỉ có thể chiều ý hiếu kỳ của ngài với những điều kiện cực kỳ khó chịu, nhưng tôi lại không đành lòng để ngài rời khỏi nhà này, mà còn có sở thích chưa thỏa mãn, hoặc nguyện vọng chưa toại tâm. Vậy tôi phải bịt mắt ngài, và dắt ngài đi, không khí giới, đầu trần, còn tôi thì cầm gươm, sẵn sàng sử dụng, nếu thấy ngài có ý phạm lệ tục tân chủ. Tuy giữ gìn như thế, mà tôi vẫn cho là làm một việc rất dại dột, và không nên chiều ý ngài thì hơn. Vậy ngài có sẵn lòng nhận những điều kiện ấy không?

— Tôi sẵn sàng theo ông đi, và nhận những điều kiện ấy, với hàng nghìn điều kiện tương tự. Tôi xin thề trước đấng tạo ra trời đất rằng ông sẽ không hối hận, về việc thề tất lòng hiếu dị của tôi! Vả lại, tôi rất vừa lòng về sự cẩn trọng của ông, và không đời nào tôi lại oán thán ông vì lẽ đó.

Thế là Abuncaxem buộc khăn bịt mắt giáo chủ, và cầm tay ngài dắt xuống một cái thang bí mật, vào trong một khu vườn rất rộng. Trong vườn, lối đi giao nhau chi chít. Sau khi đi quanh quẩn nhiều lần, họ mới đến một cái hầm sâu và rộng: cửa hầm có một tảng đá sát mặt đất đóng kín. Trong hầm, trước hết là một hành lang dài và dốc đi vào một phòng nghe có tiếng vang vang. Bấy giờ Caxem mới cởi khăn bịt mắt cho giáo chủ. Ngài choáng mắt, vì căn phòng sáng rực rỡ do hào quang của những lưu ngọc đính xung quanh tường và trên trần. Giữa phòng, một bể cạn bằng ngọc trắng, tròn một trăm bộ, chứa đầy những vàng thoi và các thứ châu báu mà trí tưởng tượng nhất ở đời có thể mơ thấy được. Xung quanh bể, là mười hai cột bằng vàng, đỡ không biết bao nhiêu là tượng ngọc đủ mười hai màu khác nhau, những cột ấy chẳng khác gì những bông hoa nở trên một mảnh đất ly kỳ.

Caxem dắt giáo chủ đến thành bể và nói:

— Ngài xem đống địna và châu bảo đủ hình đủ kiểu này. Ấy đấy! Nó mới vơi đi độ chừng hai đốt ngón tay, vậy mà bề sâu của cái bể này, không biết thế nào mà lường! Nhưng nào chỉ có đây thôi đâu!

Chàng đưa giáo chủ sang phòng thứ hai: ngọc dát quanh tường cũng lấp lánh như phòng đầu. Ở giữa

phòng, cũng lại một bể đầy ngọc, thứ thì đã chuốt rồi, thứ thì mới đưa chưa chuốt: xung quanh bể, thì um tùm những cây giống như cái cây mà chàng đã biếu nhà vua. Trên vòm, có dòng chữ này chạy dài: « Chủ kho này đừng sợ nó cạn: không thể nào dùng cho hết được đâu! Nên sống cho thật sung sướng và kết nạp bạn bè, vì đời người chỉ có một lần; nó đã qua rồi, thì không trở lại nữa; và đời ai không có bạn thì không phải là đời! ».

Sau đó, Caxem còn đưa khách đi xem nhiều phòng khác nữa; không phòng nào kém hai phòng đầu, Cuối cùng thấy khách xem mãi những của báu đã mệt, chủ nhà bèn bịt mắt khách đưa ra khỏi hầm.

Lúc đã về tới lâu đài rồi, giáo chủ An Rasít nói với Caxem:

– Chủ nhân ơi! xem những của cải mà mắt tôi đã thấy, với con bé gảy đàn và hai tiểu đồng đáng yêu mà ông đã cho tôi, thì ông không những là người giàu có nhất thiên hạ mà ông còn là người sung sướng nhất đời nữa. Chắc là hậu cung của ông có những cô gái đẹp nhất phương Đông, và những thiếu nữ xinh nhất trên các hải đảo!

Nhưng chàng thanh niên lại buồn bã nói:

– Vâng, thưa ngài, dĩ nhiên là trong nhà tôi có rất nhiều nô tỳ cực kỳ đẹp. Nhưng ngài tính tôi yêu họ làm sao cho được, vì lúc nào tôi cũng nhớ tới người bạc mệnh kia, con người thùy mị, đáng yêu đã vì tôi mà bị ném xuống sông Nin. Chao ôi! chẳng thà gia tài tôi chỉ là mấy đồng kẽm giắt trên khăn như người phu khuân vác ở Baxrơ này, mà tôi có được nàng Labiba, ái phi của quốc vương Ai cập, thì tôi còn sung sướng hơn là sống không có nàng, với tất cả kho tàng kia với hậu cung hiện tại của tôi!»

Giáo chủ rất tán thưởng mối tình chung thủy của chàng thanh niên, và cũng kiếm lời khuyên giải trước khi chia tay.

Khi về tới Bátđa, ngài lập tức truyền lệnh tha cho Jafa. Trong số những tặng vật của Abuncaxem, ngài đem hai thanh niên cho lại viên tể tướng, người con gái gẩy đàn và cái cây bằng ngọc với con công thì biếu hoàng hậu, ngài chỉ giữ riêng có cái cốc ngọc. Sau đó ngài cử Jafa đệ sắc phong cho Abuncaxem tước vương ở Baxra và mời chàng đến Bátđa chơi.

Khi Caxem đến kinh đô, chàng được giáo chủ tiếp đón rất long trọng. Thật may trong đám nữ ca của nhà vua, Caxem lại nhận ra được Labiba. Nguyên khi bị ném xuống sông Nin, nàng trôi theo dòng nước thì được một người thuyền chài cứu vớt và đem bán cho một lái buôn nô lệ. Người lái buôn giấu nàng ở một chỗ rất lâu, rồi mới đem sang Bátđa bán vào cung giáo chủ.

Dĩ nhiên là giáo chủ An Rasit lập tức gả nàng cho Abuncaxem. Vợ chồng đoàn tụ, đem nhau về sống cuộc đời phong lưu phú quý ở Baxra cho đến tận lúc đầu bạc răng long.

Saradát kể xong câu truyện, nói:

– Truyện tuy ly kỳ, tâu Bệ hạ, nhưng vẫn chưa bằng « Truyện rắc rối về một người con ngoại tình đáng yêu ».

Vua Saria cau mày hỏi

– Saradát, nàng muốn nói đến kẻ ngoại tình nào?

Cô con gái vị Tể tướng đáp:

— Đến kể mà thần thiếp sắp kể đức vua nghe về cuộc đời sóng gió ấy mà.

Và Saradát kể:

Chuyện rắc rối về một người con ngoại tình đáng yêu

Người ta kể rằng ở một thành phố Ả rập nọ có ba người bạn thân chuyên làm nghề đoán dòng họ.

Cả ba đều gan dạ ranh mãnh. Họ có thể làm cho một anh keo xỉn, tiêu hết túi tiền mà không biết. Họ hay tụ họp tại một căn buồng thuê của một quán trọ hẻo lánh. Ở đấy họ có thể bàn định thoải mái, không làm phiền đến ai, về một trò đùa, một vố chơi cho khách thành phố để mua vui với nhau cho qua ngày.

Phải nói ngay là thường họ không có ác ý, cử chỉ lại tao nhã, vẻ mặt bảnh bao. Bởi họ gắn với nhau như anh em nên tiền kiếm được, ít hay nhiều, họ chia đều, dùng một nửa mua thức ăn, một nửa mua hatsit, tối say sưa với nhau sau một ngày toại ý. Đèn nến sáng trưng, họ say một cách lịch sự, không hề xảy ra cãi cọ, xô xát bao giờ. Trái lại, vì hatsit chỉ làm tăng phẩm chất tốt đẹp cùng chí thông minh của họ thôi. Những lúc ấy, họ tìm ra lắm kế lạ, ai nghe được cũng lấy làm khoái trá.

Một hôm, hatsit bốc men lên đầu làm nảy ra ở họ một ý hết sức táo bạo. Sáng tinh mơ, bàn bạc đâu vào đấy xong, họ kéo nhau đến trước vườn ngự uyển, và trái với thói thường, họ cãi nhau, chửi nhau om xòm. Mắt trợn tròn, dáng điệu hung hăng, họ dọa đánh nhau, giết nhau.

Nhà vua lúc ấy đang dạo chơi trong vườn, nghe tiếng kêu la, tiếng huyên náo, bèn ra lệnh cho bắt mấy kẻ làm ồn. Lập tức bọn nội thần, hoạn quan chạy ra tóm cổ vừa đánh, vừa lôi họ vào trước nhà vua.

Trong lúc dạo chơi buổi sớm ngài bị những tiếng kêu thét quấy rầy bèn cả giận quát lên:

– Bọn vô lại này, chúng mày là ai. Sao dám đến tận dưới chân tường cung điện nhà vua chúng bay, mà cãi cọ nhau vô liêm sỉ thế?

– Tâu Bệ hạ, chúng thần mỗi người một nghề nhưng toàn là những tay cừ khôi cả. Chúng thần cãi cọ nhau chính vì thế, xin Bệ hạ tha tội. Mỗi chúng thần đều là bậc thầy về nghề nghiệp của mình, nên ai cũng cho là mình hơn hai người kia. Tiếng bấc tiếng chì, dần dần chúng thần nổi nóng mà đâm ra chửi rủa nhau. Quên mất sự hiện diện đức vua của mình, chúng thần đã tuôn vào mặt nhau những lời lẽ thô bỉ. Đúng là no mất ngon, giận mất khôn. Vì nóng giận mà con người có giáo dục mất hết ý thức về nhân cách. Thật đáng xấu hổ cho chúng thần. Chúng thần không đáng được xử nhẹ tội trước đức vua.

Vua phán hỏi:

– Thế chúng bay làm nghề gì?

Anh thứ nhất sụp lạy hôn lấy đất rồi ngẩng đầu nói

– Tâu Chúa công, thần làm nghề xem đá quí, và thường người ta dễ công nhận thần là nhà bác học lỗi lạc nhất về cái khoa xem ngọc đá này.

Nhà vua lấy làm ngạc nhiên lắm:

– Lạy chúa! ngươi cứ liếc ngang liếc dọc, trông du côn hơn là bác học. Lần đầu tiên ta được thấy cả khoa học và yêu thuật tập hợp trong cùng một con người. Dù sao, ít nhất ngươi cũng nói ta hay thế nào là khoa xem ngọc đá.

– Đó là khoa học về nguồn gốc và dòng giống ngọc thạch, vừa nhìn đã biết thực hư, nhìn và sờ mà phân loại được chúng.

Nhà vua reo lên:

– Giỏi thật! Ta sẽ có cách thử tài.

Ngài quay về phía anh nhai hatsít thứ hai:

– Còn ngươi! ngươi làm nghề gì?

Anh này cũng sụp lạy mà nói:

– Tâu đức vua muôn đời! thần làm nghề xem tướng ngựa. Mọi người đều cho thần là người Ả rập hiểu biết thông thạo nhất về nguồn gốc và dòng giống ngựa. Thoạt nhìn là biết, không bao giờ nhầm, ngựa thuộc bộ lạc Anađet hay Mutây hay Bơni Khalét, hay Đaphia, hay Jabansama. Có thể đoán không sai, ngựa đã được nuôi trên cao nguyên NơJét hay giữa đồng cỏ Nơfu, ngựa thuộc giống Aju hay Jơđrân hay Sâyfi, hay Ximri, hay En Krút. Thần có thể biết đích xác đến từng tấc, từng gang, quãng đường ngựa đã qua trong một thời gian, hoặc chạy nước kiệu, hoặc bước thong thả, hoặc phi thật nhanh. Biết cặn kẽ bệnh

chưa phát lộ, bệnh sắp mắc phải của ngựa, biết được bố mẹ, ông bà, tổ tiên năm đời đã chết vì bệnh gì. Có thể chữa những bệnh được coi là không thể chữa được và khiến một chú ngựa đang hấp hối đứng dậy được ngay. Tâu đức vua muôn đời, đấy mới là một phần điều thần có thể làm được, không dám kể hết, sợ mang tiếng khoe khoang.

Nói rồi, anh ta cúi mặt, nghiêng mình trước nhà vua. Ngài nghe xong, phán bảo:

— Lạy chúa! Vừa là một nhà bác học, vừa là một tên bả gà, kỳ lạ quá! Nhưng ta sẽ có cách thẩm tra môn khoa học của hắn.

Rồi ngài hỏi tiếp anh nhai hatsít thứ ba.

Anh ta là người ranh mãnh nhất trong bọn họ.

— Tâu đức vua muôn đời, anh ta nói, nghề của thần, chắc chắn là cao quý nhất, và cũng khó khăn nhất vì nếu bạn của thần, hai nhà bác học ấy xem được tướng cho ngọc, cho ngựa, thì thần xem tướng được cho người. Bạn thần là những nhà bác học lừng danh mà thần là vành hoa trên đầu họ. Tâu chúa công, thần có thể biết nguồn gốc thật của đồng loại, không phải nguồn gốc gián tiếp mà trực tiếp, thứ nguồn gốc người mẹ không biết chắc chắn, người cha lại càng không biết gì. Thần chỉ cần trông thấy người nghe giọng nói là nói được ngay anh ta là con thật hay con ngoại tình, cũng biết như thế về bố, mẹ cùng tất cả những người khác trong gia đình anh ta. Nhờ có môn khoa học mà đức Ban Phát chia cho, thần đã làm cho biết bao công hầu khanh tướng tỉnh ngộ về dòng họ, dùng những chứng cớ xác thực cho thấy bà mẹ của các ngài đã lang chạ khi thì với một anh chăn

lạc đà, hoặc chăn lừa, khi thì với một anh đầu bếp hoặc một quan thị vờ, khi thì với một tên mọi đen hoặc một tên nô lệ mạt hạng, hay đại khái là như thế. Nếu là một phụ nữ, thần cũng đoán được, qua tấm mạng che mặt, dòng họ, chủng tộc cho đến cả nghề nghiệp của bố mẹ chị ta. Tâu đức vua muôn đời, đấy chỉ là một phần những điều thần biết. Khoa xem tướng người rộng lắm. Chỉ để kể các ngành của nó, thần phải ở đây làm nhọc mắt nhà vua, suốt cả một ngày. Như thế thì, tâu Chúa công, Người thấy rõ là môn khoa học của thần đáng trọng hơn nhiều lắm cái môn của hai ông bạn thần đây. Trên mặt đất này, chỉ có thần am hiểu, trước đấy không một ai biết môn học ấy. Nhưng khoa học nào cũng do đức Ala ban cho, hiểu biết nào cũng là vay mượn ở lòng quảng đại của Người. Tốt nhất vẫn là đức kiêm nhường.

Nói rồi, anh ta cúi mặt lui về đứng cùng hai anh kia thành một hàng trước mặt nhà vua.

Nhà Vua ngạc nhiên lắm, nghĩ : « Lạy chúa ! Ghê gớm thật. Nếu tên thứ ba nói đúng thì hắn quả là nhà bác học kỳ lạ nhất của thời đại này và của mọi thời đại. Ta giữ cả ba lại trong cung, chờ dịp thử thách kiến thức lạ lùng của họ. Nếu chúng nói láo, ta sẽ cho đóng cọc vào người.

Vua truyền bảo viên Tể tướng :

– Giữ họ lại. Cho mỗi người một phòng trong cung, mỗi ngày một người một suất bánh, một suất thịt, còn nước thì tùy thích.

Lệnh được thi hành ngay. Ba người nhìn nhau như nói với nhau bằng mắt :

– Hào phóng kiểu lạ! Chúng mình chưa từng bao giờ nghe nói đến một ông vua đại lượng mà chi li như lão này. Nhưng mà, lạy đức Ala, nghề xem tướng của chúng ta không phải vô dụng. Vội vã hay không thì thời gian của chúng ta vẫn cứ đến.

Về phần nhà vua, dịp mong đợi đã đến. Một ông vua láng giềng gửi tặng nhiều thứ hiếm hoi trong số có một viên ngọc đẹp lạ thường, trắng, trong, nước ngọc tinh khiết hơn mắt gà trống. Vua nghĩ tới anh xem tướng ngọc, đưa viên ngọc bảo xem xét và nói xem sao. Anh ta đáp ngay:

– Chẳng cần xem tất cả các mặt, hoặc nhìn xuyên qua, hoặc nhìn bằng ánh phản chiếu, cũng chẳng cần cầm nó lên, chẳng cần nhìn nó nữa. Muốn biết nó có giá và đẹp thế nào, thần chỉ cần dùng ngón út bàn tay trái sờ vào, nhắm mắt cũng biết hết.

Vua còn ngạc nhiên hơn lúc gặp lần đầu, tự nhủ: « Đây là lúc biết được thực tài của hắn. » Vua trao viên ngọc. Anh ta nhắm mắt lấy ngón tay út chạm vào. Bỗng y lùi lại, vẫy tay như bị cắn hay bị đốt mà nói:

– Tâu chúa công! Ngọc này không có giá trị gì hết, vì không phải giống ngọc tinh khiết, lại còn có một con sâu trong ruột!

Vua nghe thế, máu điên sặc lên mũi. Ngài quát:

– Đồ con lợn! Nước ngọc trong suốt, óng ánh thế kia, lại là tặng phẩm của một vì vua, mà mi dám nói thế à?

Ngài gọi viên quan hành hình:

– Đóng cọc xuyên suốt người thằng nói láo khốn nạn này cho ta!

Viên quan. Một người khổng lồ, tóm lấy nhà xem tướng, nhấc lên như nhấc một con chim và sắp lấy cọc nhọn xuyên qua người thì vị Tể tướng, một ông già khôn ngoan, dè dặt, biết điều, vội can:

– Tâu đức vua muôn đời, hẳn là con người đã nói quá lên về sự hiểu biết của hắn, mà cái gì thái quá cũng đáng kết tội. Nhưng có thể điều hắn nói không hoàn toàn vô căn cứ, và như thế tội chết của hắn chưa thật thỏa đáng trước đức Chúa tể của hoàn vũ. Tâu Chúa công, đời một con người bất kể là ai, cũng đáng quý hơn viên ngọc quý nhất và nặng cân hơn trên cán cân của Đức Cầm Cân. Nên hoãn việc hành hình cho đến khi có chứng cớ rạch ròi. Mà chỉ có thể có chứng cớ bằng cách bổ đôi viên ngọc. Nếu có con sâu trong ấy thì y nói đúng. Nếu viên ngọc không có gì, không có rạn nứt bên trong thì quan ngục hình cứ việc gia hình thật nghiêm khắc.

Vua lấy làm phải, cho bổ đôi viên ngọc. Và ngài cùng mọi người có mặt sững sờ thấy có một con sâu trắng từ trong viên ngọc bò ra. Gặp không khí, sâu bốc cháy, thành khói bay đi không để lại dấu vết gì.

Khi bớt kinh ngạc, vua bèn hỏi:

– Bằng cách gì người thấy được con sâu trong lòng hòn ngọc mà chúng ta không một ai có thể thấy được?

Anh ta khiêm tốn đáp:

– Đầu ngón tay út của thần có một con mắt tinh tường, và ngón tay cũng rất nhạy cảm với cái nóng lạnh của ngọc.

Vua truyền tha cho anh ta, và dặn lại viên quan:

– Hôm nay, tặng cho anh ta gấp đôi suất bánh và thịt, còn nước thì tha hồ.

Đó là về phần anh xem tướng ngọc.

Còn về anh xem tướng ngựa, thì thế này:

Ít lâu, sau câu chuyện viên ngọc có sâu, nhà vua được một tù trưởng hùng cường, chư hầu ở giữa xứ Arabi, tiến dâng một con ngựa hồng nâu đẹp lắm. Vua rất ưng, suốt mấy ngày liền, luôn xuống chuồng ngựa ngắm nghía. Vua không quên là trong cung có anh xem tướng ngựa. Vua truyền gọi đến và bảo:

– Trước đây không lâu, ngươi có nói là biết xem ngựa. Thế ngươi có sẵn sàng chứng tỏ ngươi biết về nguồn gốc và dòng giống ngựa nữa không?

– Tâu đức vua muôn đời! đã hẳn là thần xin vâng lệnh.

– Ta là chúa tể của muôn vật, muôn loài, nắm toàn quyền sinh sát. Ta thề nếu có sai, có lầm, có lẫn trong lời nói của ngươi, ~~thì ta sẽ bắt lầm, có lẫn trong lời nói của ngươi,~~ thì ta sẽ bắt ngươi phải chết một cách thảm khốc nhất đấy nghe chưa.

– Thần xin tuân chịu.

Vua sai dắt ngựa quý đến.

Anh ta chỉ liếc nhìn qua, một lần thôi, rồi cau mặt mỉm cười mà tâu:

– Thần đã thấy và đã biết hết.

– Thấy gì, biết gì vậy?

– Tâu đức vua muôn đời, thần thấy rằng quả thật con ngựa này đẹp hiếm có và thuộc một nòi cực tốt. Các đường nét của ngựa cân đối, dáng đi hào hùng, tràn đầy sinh lực, cử động lý tưởng, vai ngựa thanh

tú, cổ tuyệt mỹ, yên cao, chân thép, đuôi uốn cong, bờm dày quét đất. Còn cái đầu thì có tất cả đặc điểm của đầu ngựa xứ Ả rập. Đầu to, nơ phía trên, tai cách xa mắt, hai mắt cách xa nhau, đẹp như mắt linh dương. Quanh mắt không có lông, da đen bóng mịn màng. Phía dưới mặt ngựa như thắt lại cho đến đầu môi, gần thành như một mũi nhọn. Môi dưới rộng hơn môi trên, tai to, dải, thanh tú như tai sơn dương. Sắc hồng nâu lại là sắc đẹp nhất. Tóm lại đây là con vật rực rỡ mười phân vẹn mười chắc chắn nó sẽ là con ngựa đứng đầu trên trái đất, không thể tìm được một con thứ hai như nó, nếu nó không có một khuyết tật mà mắt thần vừa khám phá ra, tâu bệ hạ.

Chỉ lơ đãng nhìn một cái mà miêu tả đúng quá, anh xem tướng ngựa đã khiến nhà vua sửng sốt. Nhưng nghe nói đến khuyết tật của con vật yêu quý, nhà vua không chịu nổi. Mắt nảy lửa, ngực thắt lại, vua quát, giọng run lên :

— Tên lừa bịp đáng nguyền rủa kia ! mi dám nói đến khuyết tật ở một con vật kỳ diệu thế kia, con giống cuối cùng của dòng ngựa Arabi cao quý ?

Anh ta bình tĩnh đáp ;

— Đức Vua đã bị xúc động vì lời nói của kẻ nô lệ này thì nó sẽ không dám nói thêm nữa.

Vua vẫn quát :

— Mi phải nói nữa đi !

— Thần chỉ dám nói nếu đức vua cho phép được nói tự do.

— Được ! cứ nói ! Không được giấu ta điều gì.

— Tâu Bệ hạ! Con ngựa này là ngựa nòi, thuộc một dòng ngựa thuần khiết, nhưng chỉ có bố nó thuộc dòng này thôi, còn mẹ nó, thần không dám nói.

Nhà vua mặt rúm lại, thét:

— Mẹ nó thế nào? nói ngay!

— Lạy đức Ala! mẹ con ngựa tuyệt mỹ này thuộc một giống súc vật khác hẳn. Nó không phải là một con ngựa cái mà là một con trâu biển nái.

Nhà vua nghe thế, giận ứ tràn hông, nghẹn lời một lúc mới thét lên:

— Đồ chó má! mi thật đáng chết, không nên để mi sống.

Ngài vẫy viên quan hành hình:

— Đóng cọc xuyên qua lỗ trôn hắn cho ta.

Viên quan khổng lồ nhấc bổng y lên đặt trôn vào mũi nhọn cây cọc chuẩn bị buông tay cho cả sức nặng người hắn ấn xuống, rồi dùng mũi khoan phía trên mà xoáy vào.

Vị tể tướng, con người của Công lý lập tức xin vua cho hoãn lại.

— Tâu Chúa công, ông nói, tên xem tướng này quả là vụng dại, kém suy đoán nên mới dám bảo ngựa là con của một con trâu biển nái. Muốn cho y thấy tội, xin cho gọi tên giám mã của viên tù trưởng Ả Rập đã dẫn ngựa tới đây, hỏi anh ta cái túi đựng tờ khai sinh của ngựa để biết về nguồn gốc con vật. Ngựa nào thuộc dòng cao quý cũng đều đeo ở cổ một cái túi con như một cái ống, có danh chức và nguồn gốc của nó.

Vua chuẩn y lời tâu, cho gọi viên giám mã đến.

Anh này lấy trong người ra một cái túi bằng da khảm ngọc dâng lên. Vua mở lấy ra một mảnh giấy da có dấu ấn của tất cả những vị tù trưởng nơi con ngựa sinh ra cùng những lời chứng nhận của những ai đã chứng kiến cuộc giao phối ngựa trâu.

Rốt cuộc tấm giấy da cho biết con ngựa tơ dâng vua có bố là một con ngựa giống thuộc dòng máu tinh khiết của loài ngựa Xêglajêdrân và có mẹ là một con trâu biển nái. Ngựa giống một hôm dong chơi trên bãi biển, gặp trâu nái thì hí lên khoái chá mà nhảy nó đến ba lần. Trâu bị bọn kỵ mã bắt nuôi và đến ngày đến tháng nó đẻ ra con ngựa tơ màu hồng nâu này. Nó cho con bú, giữa nơi bộ lạc. Tờ giấy da đã ghi như thế đấy.

Nghe chính vị Tể tướng đọc tờ chứng chỉ có đóng dấu hẳn hoi, có tên các tù trưởng cùng người làm chứng, nhà vua thấy bối rối về sự việc dị kỳ, đồng thời ngạc nhiên về cái môn đoán định chính xác của tên xem tướng ngựa. Ngài bảo viên quan giữ cọc:

– Thôi, thả hắn xuống khỏi tấm ván của mũi khoan.

Ngài hỏi y:

– Sao chỉ nhìn qua mà ngươi biết được về nòi giống, nguồn gốc, phẩm chất và sự sinh nở của con ngựa tơ? Ngươi nói đúng và lạy đức Ala, lời ngươi được chứng minh không gì chối cãi được. Ngươi thấy được những dấu hiệu gì về khuyết tật của con vật xinh đẹp?

– Tâu Chúa công, dễ thôi. Thần nhìn móng chân nó. Xin đức vua nhìn thử coi.

– Vua nhìn và thấy móng nó chĩa hai, dày, dài như móng trâu chứ không liền, nhẹ và tròn như móng ngựa. Ngài thốt lên:

– Lạy Chúa! Người là toàn năng!

Rồi ngài dặn bọn quan hầu:

– Hôm nay tăng gấp đôi suất thịt và suất bánh của anh ta, còn nước thì tùy thích.

Đó là về phần anh xem tướng ngựa. Còn về phần anh xem tướng người thì có khác.

Nhà vua được chứng kiến hai chuyện lạ lùng, nghĩ: « Lạy Chúa! Hẳn là tên vô lại thứ ba còn khiếp hơn nữa. Ai biết được hắn sẽ khám phá ra những gì. »

Lập tức Ngài cho đòi đến, phán:

– Ngươi còn nhớ những điều ngươi nói trước mặt ta về khoa xem tướng người. Ngươi có thể biết được nguồn gốc trực tiếp của đàn ông, điều mà mẹ đứa trẻ biết ít nhiều còn cha thì mù tịt. Ngươi cũng còn nhớ đã nói như thế về nguồn gốc của phụ nữ. Ta muốn biết ngươi còn dám nói như thế nữa và chứng minh trước mặt ta không?

Anh xem tướng người, anh chàng nhai hatsit thứ ba đáp:

– Tâu đức vua muôn đời! thần đã nói thế và vẫn tiếp tục nói thế.

Nhà vua rời ngai vàng, bảo anh ta đi theo, và trái với thông tục, dẫn vào hậu cung sau khi đã truyền lệnh cho hoạn quan bảo với cung nữ phải đeo mạng che mặt vào

— Hai người vào trong phòng ái phi của vua lúc bấy giờ. Vua bảo:

— Bây giờ, cúi lạy nữ chủ của ngươi, rồi nhìn mà nói ta hay những điều ngươi biết.

Anh ta nhìn qua, chỉ nhìn nhanh một lần thôi mà rằng:

— Tâu đức vua, thần đã xem xét xong:

— Vậy thì theo ta, vua nói

Vua đi trước, anh ta theo sau, mãi cho đến điện Cần chính. Ở đây, vua cho mọi người rút lui, chỉ để lại vị Tể tướng rồi hỏi anh ta sẽ thấy được những gì.

— Tâu Chúa công, anh ta đáp, thần thấy một thiếu nữ duyên dáng, hấp dẫn, thanh lịch, tươi mát, khiêm nhường. Thật là toàn thiện toàn mỹ. Không thể đòi hỏi gì thêm vì bà có một điều làm vui tấm lòng, làm đẹp con mắt. Nhìn từ phía nào cũng thấy bà thật cân đối, hài hòa. Căn cứ ở vẻ bề ngoài, ở sự thông minh trong đôi mắt linh lợi, biết bên trong bà có đủ các phẩm chất cao quý. Đấy là những điều thần đã thấy ở người thiếu nữ tối cao đó.

Nhưng vua phán:

— Không phải thế đâu, anh thầy tướng ơi, ngươi phải nói về nguồn gốc dòng dõi của nữ chủ ngươi kia! Ái phi đáng kính của ta.

Anh xem tướng bỗng làm ra vẻ thận trọng, kín đáo:

— Đấy là một điều tế nhị, thần không biết có nên nói hay không!

— Lạy chúa, ta gọi ngươi đến là để nghe nói. Biết gì, cứ nói, và nên thận trọng đồ khốn kiếp!

Anh ta vẫn bình tĩnh:

– Trong tất cả những con người mà đấng Ala tạo nên, bà ta sẽ là bậc hoàn hảo nhất nếu như không có một khiếm khuyết nguyên thủy làm mờ đi vẻ tuyệt mỹ của bà.

Nghe nói đến khiếm khuyết, nhà vua cau mày rồi điên tiết rút thanh gươm cong nhảy bổ vào anh thầy tướng, chực chém đầu.

– Đồ chó má, đồ con chó! Hẳn mi sắp bảo ái phi ta là con cháu một con trâu biển nào, hoặc có một con sâu trong mắt hay ở chỗ nào khác trong người. Ôi, đồ con hoang nghìn lần kia, cho mi một lưỡi gươm cho xong đời!

Và ngài chắc chắn sẽ làm thế, nếu vị tể tướng khôn ngoan và thận trọng không cản tay ngài lại:

– Tâu chúa công, chưa thật rõ về tội trạng của y thì chưa nên giết.

Vua hỏi anh xem tướng đã bị vua đánh ngã, đang nằm dưới đầu gối vua:

– Nào, nói đi. Ngươi thấy ái phi ta có lỗi gì?

Vẫn giọng bình tĩnh, anh ta đáp:

– Tâu đức vua muôn đời, nữ chủ của thần, ái phi đáng kính của bệ hạ, là một mỹ lệ và hoàn hảo, nhưng bà mẹ trước đây là một vũ nữ, một người đàn bà tự do ở bộ tộc du mục Gadia, con gái một người làm đĩ!

Vua giận quá, nghẹn lời, một lúc mới nói với viên Tể tướng:

– Khanh đi tìm ngay ông bố của ái phi ta, hiện là quản gia trong cung, và dẫn đến đây.

Vua vẫn giữ anh xem tướng dưới đầu gối mình. Khi viên quản gia đến, vua phán:

– Ông thấy cây cọc này chứ? Nếu không muốn ngồi trên đầu nhọn của nó thì nói ngay cho ta biết, con gái ông, ái phi của ta, đã sinh ra từ một bà mẹ như thế nào?

– Tâu vị chủ tối cao của thần, thần xin nói lên sự thật, vì chỉ có thế mới mong thoát chết. Tâu bệ hạ, thời trẻ thần sống đời tự do nơi sa mạc. Khi có một đoàn thương gia đi qua, trả lộ phí cho bộ lạc của thần, thì thần đi hộ tống họ. Một lần, một đoàn của thần hạ trại gần khu giếng của bà Zôbêđa – mong đức Ala phù hộ cho bà – thì có một nhóm phụ nữ của bộ lạc du mục Gadia đi qua. Ở bộ lạc này có tục con gái đến tuổi dạy thì, thì tự hiến thân cho đàn ông sa mạc. Họ lang thang từ bộ lạc này qua bộ lạc khác, từ trại này qua trại khác đem nghệ thuật làm dáng và yêu đương làm đẹp lòng những chàng kỵ mã trẻ trung. Nhóm phụ nữ này ở với đoàn chúng thần vài ngày thì ra đi, tìm nam giới ở bộ lạc khác. Sau khi bọn họ đi khuất, thần thấy ủ rũ dưới một bóng cây một cô gái khoảng năm tuổi mà có lẽ bà mẹ, một phụ nữ Gadia, đánh lạc hoặc bỏ lại gần khu giếng của bà Zêbêđa. Con bé, nước da nâu như chà là chín, kháu khỉnh xinh xắn quá chừng nên thần nhận nuôi ngay. Con bé sợ sệt như một con hươu non lần đầu vào rừng. Tuy vậy, thần vẫn dỗ được, đưa về cho vợ. Vợ thần nuôi dưỡng như chính con mình đẻ ra. Con bé càng lớn càng xinh, đến tuổi trưởng thành thì không một cô gái sa mạc nào, dù mỹ miều đến đâu có thể sánh nổi. Còn thần, tâu chúa công, thần thấy đắm say nàng. Và vì không muốn bậy bạ, thần cưới làm vợ

dù dòng dõi nàng thấp kém. Và nhờ hồng ân, nàng sinh ra đứa con gái được Bệ hạ đoái tới, chọn làm ái phi. Đấy là sự thật về mẹ đứa con gái của thần. Thần xin lấy đức Sứ giả Môhamát – Cầu chúc Ngài bình an – mà thề rằng thần không thêm không bớt một mảy may.

Vua nghe lời thú nhận chân tình, thấy lòng như cắt được một mối lo âu cấu xé, một nỗi buồn phiền đớn đau. Vì ngài vẫn tưởng ái phi là con gái một mụ dĩ người Gadia, nhưng nghe chuyện thì ngược hẳn lại, vì dù là gái Gadia, bà mẹ ái phi, trước khi lấy viên quản gia trong cung, vẫn là gái đồng trinh.

Và ngài nghĩ đến từ anh xem tướng mà ngạc nhiên. Ngài hỏi:

– Hỡi vị bác học, làm thế nào mà ngươi biết được ái phi của ta là người Gadia, con gái vũ nữ, người vũ nữ con một mụ đĩ?

Anh xem tướng, kẻ nhai hatsít đáp:

– Có gì đâu! Trước hết là do cái nghề của thần nó cho phép khám phá ra điều ấy. Thứ đến là sự hiểu biết về giống người Gadia. Phụ nữ Gadia, ai cũng có lông mày rậm giao nhau, mắt ả rậm đen láy như bà phi.

Nhà vua hài lòng, và để cho anh xem tướng thấy rõ sự hài lòng đó, ngài bảo bọn quan hầu:

– Hôm nay, nhà bác học đặc biệt này được gấp đôi xuất thịt và suất bánh, còn nước uống thì tùy ý.

Đấy là về phần anh xem tướng người. Nhưng chưa hết.

Quả thế, Nhà vua, suốt đêm hôm sau, nghĩ về ba chàng nọ, về sự uyên thâm sâu sắc của khoa xem dòng

giống, tự bảo: « Lạy chúa! nghe anh xem tướng người nói về ái phi của ta, hẳn phải thừa nhận y là người hiểu biết nhất nước. Mà ta, vua đây, dòng dõi chân chính của biết bao vì vua, ta cũng muốn biết hắn sẽ nói gì về nguồn gốc của ta ». Ngài liền cho đòi anh ta đến, phán:

– Hỡi vị cha của khoa học kia! ta không có lý gì không tin lời nhà ngươi. Giờ, ta muốn ngươi nói ta nghe về nguồn gốc cùng dòng dõi đế vương của ta.

– Tâu đức vua muôn đời! anh ta nói, nhưng Bệ hạ phải hứa an toàn cho thần. Tục ngữ có câu: « Đức vua nổi giận, thì cổ mi nguy; thà trốn ngay đi, chịu xử vắng mặt. » Thần nhát lắm, có phải tội xuyên cọc thì cũng xin được xử vắng mặt thôi.

Nhà vua bèn nói:

– Ta lấy đầu ta bảo đảm an toàn cho ngươi. Dù ngươi nói gì, ta cũng tha tội trước cho.

Vua quẳng cho anh ta chiếc khăn tay bảo mệnh. Anh ta bèn nhặt chiếc khăn và nói:

– Tâu đức vua muôn đời, xin cho mọi người ra hết, chỉ Bệ hạ với thần ở lại đây.

– Sao vậy?

– Vì Đức Ala Quyền – Lực – Tối – Cao còn được gọi là Đức Che Giấu. Điều gì lộ ra mà có hại thì Người lấy tấm màn bí mật che giấu đi.

Nhà vua truyền lệnh cho mọi người lui, kể cả viên tể tướng.

Còn lại một mình với nhà vua, anh xem tướng tiến đến ghé sát tai vua nói:

– Tâu đức vua muôn đời! Người chỉ là một đứa con hoang và thuộc loại hạ cấp!

Nghe mấy lời khủng khiếp, táo tợn không ngờ ấy, nhà vua vàng mặt, tay chân rã rời, như không nghe không thấy gì, như người say mà không uống, và sùi bọt mép, lảo đảo, và tự để ngồi bệt xuống sàn, và cứ ngồi như thế rất lâu khiến anh xem tướng không rõ nữa nhà vua đã chết thật hay chết vờ hay vẫn sống. Nhưng rồi cuối cùng nhà vua tỉnh lại, đứng lên và bình tĩnh nói với anh xem tướng:

– Nếu lời ngươi nói được chứng thực là đúng và ta có chứng cớ chắc chắn để không hoài nghi gì nữa, thì ta xin lấy Chân Lý của Đấng đã đặt ta lên đầu lên cổ lũ tôi tớ của Người mà thề rằng ta sẽ từ bỏ chiếc ngai vàng không còn xứng với ta và trao tất cả vương quyền cho ngươi vì không ai có thể xứng đáng với quyền ấy bằng ngươi. Nhưng nếu ngươi bẻm mép nói láo, ta sẽ bóp cổ chết tươi!

Anh ta đáp:

– Thần xin lĩnh ý, không sao cả

Tức thì, vua đứng dậy tuốt kiếm, nhằm phòng thái hậu, bước vào và nói:

– Tôi xin lấy Đức đã tách trời khỏi nước, mà thề: Tôi hỏi mà bà không nói thật, tôi sẽ dùng kiếm này băm nhỏ bà ra.

Vua vung kiếm, mắt nảy lửa, bọt mép sùi ra. Thái hậu vừa sợ vừa uất vì thứ ngôn ngữ ít bình thường này:

– Lạy Chúa! Bà nói. Hãy bình tĩnh nào! Con muốn biết điều gì, cứ hỏi. Có thế nào mẹ sẽ trả lời thế ấy!

– Xin bà cho biết ngay, không úp mở tôi có phải là con Vua cha không, có thuộc dòng dõi Vương giả của tổ tiên không? Chỉ có bà mới rõ điều đó

– Vậy thì, không cần úp mở, mẹ cho hay, con đích thực là con một tên đầu bếp. Nếu con muốn biết, thì chuyện là thế này:

Nhà vua mà cho đến bây giờ con vẫn tưởng là cha con, lấy mẹ và ở chung với mẹ, theo lệ thường. Nhưng đức Ala không cho vua khả năng có con. Mẹ không sinh nở được để thỏa lòng vua và có người nối ngôi cho dòng họ. Vua buồn lắm, biếng ăn biếng ngủ, sức khỏe hao mòn. Thái hậu giục vua lấy vợ thứ hai. Người vợ này cũng không sinh con. Thái hậu lại khuyên lấy người thứ ba. Thế này thì mẹ cứ tụt dần mãi đến thứ bậc cuối cùng mất mà tình cảnh đối với nhà vua cũng chẳng tiến gì được hơn. Mẹ quyết định cứu vãn lấy địa vị mình, cũng là cứu vãn ngôi báu. Mẹ chỉ còn chờ cơ hội để thực hiện ý định tốt đẹp đó.

Một hôm nhà vua – vốn dĩ ít ăn mà gầy rộc đi – thèm món gà nhồi mới ra lệnh cho viên đầu bếp làm món này Y đến bắt gà nuôi trong những chiếc lồng dưới cửa sổ trong cung. Quan sát kỹ, mẹ thấy hắn trẻ khỏe, vai vuông vắn, người cao lớn, thật vừa ý trong việc mẹ trù liệu. Nghiêng xuống cửa sổ, mẹ ra hiệu cho hắn lên, theo cửa bí mật. Mẹ tiếp hắn trong buồng. Chuyện xảy ra nhanh chóng thôi, vì khi xong việc, mẹ đâm hắn một nhát dao găm vào ngực. Hắn ngã ngửa, chết

ngay. Mẹ cho bọn nữ tỳ trung thành kín đáo đem chôn trong một cái hố đào sẵn trong vườn. Hôm đó, vua không được ăn gà nhồi, và nổi trận lôi đình không hiểu tên đầu bếp biến đâu. Nhưng, từng ngày, từng ngày, chín tháng sau mẹ sinh con, khỏe mạnh và cứ mạnh khỏe mãi. Nhà vua mừng lắm, ăn thấy ngon sức khỏe phục hồi. Ngài ban phát quà cáp và ân huệ cho triều thần và mọi người trong cung, mở hội ăn mừng cho dân chúng suốt bốn chục ngày đêm liên tiếp. Sự thật về chuyện sinh đẻ, dòng giống, nguồn gốc của con là như thế đấy. Mẹ lấy đức Sứ Giả – cầu chúc Ngài bình an – mà thề rằng mẹ chỉ nói điều mẹ biết.

Nghe xong, vua đứng dậy, khóc mà bước ra khỏi buồng thái hậu. Ngài vào điện Cần chính, ngồi xuống sàn, trước mặt anh xem tướng thứ ba, không nói không rằng, nước mắt lã chã theo kẽ những sợi râu dài mà chảy. Một lúc lâu, Ngài mới ngửng đầu hỏi anh xem tướng:

– Lạy Chúa Ala, ngươi nói đúng. Nhưng hãy cho ta hay vì sao ngươi lại khám phá ra ta là một đứa con hoang ti tiện ?

– Tâu bệ hạ ! Khi mỗi đứa trong bọn thần đã tỏ được tài năng khiến bệ hạ hết sức đẹp lòng, bệ hạ ra lệnh thưởng cho gấp đôi suất thịt và bánh, còn nước thì tùy thích. Do sự hào phóng một cách ti tiện, do ngay tính chất của sự rộng rãi ấy, thần đoán ngay rằng bệ hạ chỉ có thể là con của một tên đầu bếp, hậu duệ của một tên đầu bếp, huyết thống của một tên đầu bếp. Những vì vua, con các đấng vương giả không có thói quen lấy thịt thà hoặc những vật tương tự thưởng công cho tài đức, mà thưởng bằng những

tặng vật huy hoàng, những chiếc áo bào, những của cải vô giá kia. Thần khó có thể nghĩ khác về nguồn gốc hoang dại hèn hạ của bệ hạ. Khám phá ấy có gì đáng kể!

Nhà vua bảo anh ta bỏ áo ra, rồi cởi áo bào, mũ miện của mình tự tay khoác cho anh ta, đặt anh lên ngai vàng, cúi đầu sát đất nguyện làm một kẻ chư hầu trước đấng phong quân. Liền đó, ngài gọi vị tể tướng, các quan lớn nhỏ trong triều đến để họ nhận anh là vua chính thức. Vua mới cho mời hai bạn, hai chàng xem tướng, hai kẻ nhai hatsít, phong cho một người làm Hữu vệ, một người làm Tả vệ tướng quân, vẫn giữ lại vị Tể tướng cũ vì ông này biết tôn trọng công lý.

Đấy là chuyện ba chàng xem tướng.

Còn chuyện vị vua cũ, thì chỉ mới bắt đầu.

Kể đến đây, thấy trời hửng sáng, Saradát kín đáo ngừng lại. Cô em, cô Đòniadat bé bỏng mà cứ mỗi ngày qua, mỗi đêm qua, lại xinh đẹp hơn, lại béo tốt hơn, lại sáng ý hơn, lại chăm chú hơn, lại yên lặng hơn. Đòniadat đang co ro trên tấm thảm bông nhỏm dậy mà rằng:

– Chị ơi! Lời chị sao mà êm ái dịu dàng, sao mà vui tươi ngon ngọt làm vậy!

Saradát mỉ cười, ôm lấy cô, nói:

– Đúng đấy! Nhưng chuyện đã thấm vào đâu so với chuyện chị sẽ kể đêm mai, nếu như đức vua chúng mình còn cho phép

Vua Saria phán :

– Ôi Saradát ! mai nàng sẽ có thể kể tiếp câu chuyện ly kỳ mới chỉ bắt đầu này. Nếu nàng không mệt thì nàng kể ngay đi, vì ta nóng lòng muốn biết cái gì xảy đến cho vị vua cũ, ông vua con hoang ấy. Cầu đức Ala nguyền rủa những mụ đàn bà ghê tởm. Ta phải thú nhận rằng thái hậu, mẹ ông vua này, ngủ với tên đầu bếp là có ý định tốt, không phải để thỏa lòng dục. Xin Chúa hãy thương lấy bà. Còn con mụ khốn nạn phóng đãng, con chó má đã hư đốn với tên mọi Matxút, thì không phải vì muốn giữ ngai vàng cho con cháu ta. Mong đức Ala đừng thương hại hắn.

Vua Saria nói thế rồi nhăn mày ghê gớm, mắt trắng ra, nhìn nghiêng nói thêm :

– Còn nàng Saria hỡi ! Ta bắt đầu nghĩ rằng có lẽ nàng không giống cái bọn vô liêm sỉ mà ta đã cho chặt đầu.

Saradát nghiêng mình trước nhà vua dữ tợn :

– Cầu đức Ala để Bệ hạ sống lâu, và cho thiếp được sống đến ngày mai để kể hầu Người chuyện xảy đến cho vị con hoang đáng yêu nọ.

Nói xong, nàng lặng im.

Nhưng đến đêm 831,

Cô Đôniadat bé nhỏ nói với chị :

– Lạy chúa ! Nếu chị không buồn ngủ, xin chị kể cho biết chuyện ông vua cũ, con hoang của tên đầu bếp. ra sao

– Vì lòng tôn kính đức vua đại lượng của chị em mình, chị xin sẵn sàng.

Và nàng kể :

Sau khi đã nhường ngai vàng và quyền uy cho anh chàng xem tướng thứ ba, vua cũ khoác bộ áo giáo sĩ hành hương, rồi không trù trừ về nghi thức vĩnh biệt mà ông cho là không cần thiết, và cũng chẳng đem theo gì, ông lên đường đi Ai Cập, định sống ở đấy một mình cho khuây khỏa mà nghĩ về thân phận. Sau một cuộc hành trình mệt nhọc, hiểm nguy ông đến được Lơ Ke huy hoàng, thành phố mênh mông, khác xa những tỉnh thành của nước ông, một thành phố mà chỉ đi quanh cũng mất ba ngày rưỡi. Ông thấy quả là một trong bốn kỳ quan cùng với cầu sông Sanja, đèn pha An Ixcanđaria và ngôi đền Đamát. Nhà thơ ca ngợi vẻ đẹp của Thủ đô và xứ sở ấy quả không ngoa khi viết :

« Ôi Ai cập có bụi bay như hạt vàng, có sông trong như nguồn ân huệ, có dân chúng vui tươi khoan khoái. Kẻ nào biết chinh phục ngươi, thì ngươi thuộc về họ. »

Đi và nhìn và ngắm không chán, vua làm anh giáo sĩ nghèo thế mà sướng vì được ngắm nghía tha hồ, đi đứng tự do, dừng chân tùy ý trút bỏ được mối ưu phiền cùng gánh nặng của quyền chí thượng.

– Đáng khen thay đức Ala Ban Phát, ông nghĩ. Người quyền lực thì nặng gánh và lo âu, kẻ nghèo nàn thì vô tư và lòng nhẹ nhõm, và như thế lại hóa hay. Chúa quả đáng xưng tụng.

Ông bước đi với những ý nghĩ tươi tắn như thế và đến ngay trước cung điện của vua Ai Cập là Mátmút. Ông dừng chân dưới cửa sổ hoàng cung, chống trên chiếc gậy giáo sĩ mà suy ngẫm về cuộc sống của vị vua

trong lâu đài đồ sộ với những công việc, những lo lắng buồn phiền triền miên, không kể đến trách nhiệm trước Đấng Tối Cao, người theo dõi và phán xét hành động của các vua chúa. Trong thâm tâm, ông hài lòng nhờ có chuyện nguồn gốc bị lộ mà thoát được cuộc đời nặng nhọc và phiền toái, đổi nó lấy một cuộc sống tự do giữa đất trời, tất cả tài sản hoa lợi chỉ có chiếc áo lót trong, chiếc áo len khoác ngoài và một cây gậy. Ông cảm thấy có một sự thanh thản nó làm rượi mát tâm hồn mình thanh thản, mà quên đi những nỗi xúc động đã qua.

Vừa hay, vua Mátmút đi săn về. Thấy giáo sĩ đứng chống gậy, mắt xa xăm mơ mộng không nhìn cảnh chung quanh, nhà vua để ý đến vẻ quý phái, lịch sự, vô tư của giáo sĩ.

– Lạy chúa! Ngài nghĩ, đây là vị giáo sĩ đầu tiên không chìa tay, khi có người quyền quý đi qua. Chuyện ông ta hẳn phải kỳ lạ!

Ngài sai một vị quan hầu đến mời vào cung hỏi chuyện. Giáo sĩ không thể từ chối. Và đấy là bước ngoặt thứ hai trong đời ông.

Nghỉ một lát đỡ mệt, vua mời giáo sĩ đến, tiếp đãi ân cần, hỏi han niềm nở.

– Chào vị giáo sĩ đáng kính của đức Ala! Nhìn bề ngoài, ông phải là con một vị quý tộc A rập xứ Hetja hay Yêmen!

– Chỉ đức Ala là tôn quý, tâu Chúa Công, còn tôi, tôi là người nghèo, một kẻ hành khất!

– Không sao! Nhưng vì đâu ông đến xứ này, vì sao có mặt trước cung điện của ta? Chuyện chắc phải ly kỳ. Cầu đức Ala che chở cho ông, hãy kể ta nghe, đừng giấu điều gì.

Giáo sĩ để rơi một giọt lệ, tim như thắt lại.

– Tôi sẽ không giấu điều gì về chuyện của tôi. Đó là một kỷ niệm đắng cay mà êm ái. Nhưng xin không nói trước đông người.

Vua Mátmút, từ ngai vàng đi xuống, dắt tay ông sang một biệt cung, đóng cửa lại.

– Bây giờ thì không sợ gì nữa. Giáo sĩ nói đi!

Vua cũ ngồi trên tấm thảm, trước mặt vua Mátmút, kể lại tất ca sự việc đã qua từ đầu chí cuối, vì sao phải từ bỏ ngai vàng, cải trang thành giáo sĩ, ra đi cho quên nỗi khổ đau. Nhưng chẳng cần nhắc lại làm gì.

Nghe xong chuyện giáo sĩ giả, vua Mátmút nhảy ôm lấy ông hôn lấy hôn để.

-- Con người ta, ngài nói, chìm hay nổi, sang hay hèn đều là do những sắc luật của Đấng Khôn Ngoan và Quyền Lực, Người thật vinh quang! Thực ra, hỡi chú em của ta, chuyện của chú ý nghĩa lớn lắm và bài học cũng lớn lắm. Cảm ơn chú đã cho ta nghe, đã khiến ta hiểu. Đau khổ là ngọn lửa tôi luyện con người và thời gian chữa lành con mắt bẩm sinh đen tối! Bây giờ chú đã Nhân lên, và vì khiêm tốn trước Chúa, chú vẻ vang hơn nhiều những bậc đế vương có hàng nghìn năm thống trị, thì ta có thể tỏ bày một nguyện vọng, nguyện vọng lớn lao nhất, được không?

– Tâu đức Vua cao cả, được lắm chứ!

– Vậy thì ta rất muốn được là bạn chí thiết của chú.

Nhà vua lại ôm hôn vua cũ đã trở thành giáo sĩ.

-- Chú em! cuộc đời của hai ta, từ nay sẽ tuyệt diệu. Chúng mình cũng ra đi, cùng trở về, đêm đến cải trang

đạo các phố phường, những cuộc dạo chơi bổ ích tinh thần. Trong cung điện này, mọi vật đều thuộc một nửa về chú. Xin đừng từ chối. Từ chối là một hình thức của biển lận.

Vua – giáo sĩ tỏ ý vui lòng, vua Mátmút nói thêm:

– Hỡi người em và bạn của ta, bây giờ đến lượt chú cần hiểu rằng ta cũng có chuyện, chuyện lạ lắm. Ta kể ngay để chú hiểu được từ buổi đầu tình bạn, ta là ai, và đã là ai.

Vua Mamút, tập trung ký ức kể cho vua giáo sĩ nghe.

I – CHUYỆN CON KHI NON

Anh bắt đầu cuộc đời giống như chú kết thúc nó. Chú bắt đầu làm vua, sau khoác áo giáo sĩ. Anh thoạt đầu là giáo sĩ, giáo sĩ nghèo nhất, sau làm vua, ngồi trên ngai vàng vương quốc Ai Cập.

Bố anh làm nghề tưới đường, nghèo lắm. Ngày ngày, ông cõng một bao da dê đầy nước, gập đôi người mà tưới mặt trước các cửa hiệu và nhà riêng, với món tiền công ít ỏi. Đến tuổi làm được việc anh giúp bố, đeo vừa sức – thực ra là nặng – một bao da trên lưng. Khi bố qua đời được Chúa thương, tất cả gia tài, của cải anh được hưởng, là cái bao da dê tưới đường to tướng. Để kiếm sống, anh buộc phải theo nghề cha, cái nghề được bọn thương gia và những kẻ gác cổng nhà quan giàu có ưa chuộng.

Nhưng mà, chú ơi, lưng con sao vững bằng lưng cha. Bao da nặng quá, anh bỏ nghề tưới đường mệt nhọc, để xương khỏi gẫy, lưng khỏi còng. Tiền bạc, thái ấp, anh chẳng có hơi hướng gì những thứ đó nên phải làm giáo sĩ hành khất đến các sân giáo đường hoặc nơi công cộng, ngửa tay xin bố thí. Tối đến, ăn qua loa vài miếng kiếm được ban ngày thì nằm dài nơi cổng nhà thờ khu phố, tự an ủi cùng với bọn khốn khổ như anh: «Nếu đức Ala muốn ngày mai sẽ khá hơn hôm nay». Anh cũng không quên rằng sông có khúc, người có lúc, muốn hay không vận mình sẽ đến. Điều quan trọng là đừng lơ là. Vì thế anh luôn luôn ngóng nó, như con chó chăm chăm nhìn mồi.

Trong lúc chờ đợi, anh vẫn sống kiếp người nghèo bần cùng, trơ trụi, không biết vui thú là gì. Cho nên một lần đến xin ăn trước cửa nhà một vị hào phú có đám cưới, bất ngờ được năm đồng bạc! anh định tâm ăn một bữa và chơi một thứ gì cho thỏa thuê. Cầm chắc năm đồng hạnh phúc trong tay, anh chạy đến khu chợ chính, mắt nhìn, mũi ngửi khắp nơi xem nên tiêu thế nào.

Bỗng nghe trong chợ những tiếng cười huyên náo. Một đám đông, mặt mũi rạng rỡ, mồm há to, quây lấy một người dắt một con khỉ đỏ đít. Con vật đi xiêu, đi vẹo, nháy mắt, nhăn mặt rõ ràng muốn mua vui cho đám người xúm xít chung quanh để kiếm củ lạc, hạt đậu mà ăn. Còn anh, trông thấy nó, anh nghĩ: «Mát mút à, biết đâu số phận mi lại không được buộc vào cổ con vật này. Giờ mi có những năm đồng bạc, nếu chỉ dùng để chè chén, thì chỉ được một, hai, cùng lắm là ba lần. Hỏi chủ nó mà mua lấy, bắt nó làm trò kiếm kế sinh nhai có hơn là cứ phải ăn mày nơi cửa Chúa?»

Nghĩ rồi, nhân lúc đám người tản đi, anh lại gần lão chủ, dạm hỏi:

– Ông bán cho tôi con khỉ với cả sợi giây, ba đồng được không?

– Tôi đã mua nó đúng mười đồng đấy! lão đáp. Nhưng anh mua thì tôi bán cho tám đồng.

– Bốn đồng vậy.

– Bẩy đồng.

– Bốn đồng rưỡi.

– Thôi năm đồng. Tiếng cuối cùng. Lạy đấng Sứ giả!

– Chúc tụng Người và cầu cho Người bình an.

– Thôi được! Năm đồng đây.

Anh mở bàn tay có năm đồng bạc nằm trong lòng chắc chắn hơn cả trong một chiếc giỏ mây con, đưa tất cả số vốn anh có đổi lấy con khỉ và cầm đầu giây dắt nó đi.

Lúc đó anh mới biết là mình không có nhà, không có chỗ náu cho khỉ. Không thể đưa nó đến sân giáo đường mình đến ngủ ngoài trời. Lão gác cổng sẽ đuổi mà chửi anh thậm tệ cùng với con khỉ? Anh bèn vào một ngôi nhà đổ nát chỉ còn trơ lại ba bức tường mà nghỉ đêm với con vật. Anh bắt đầu thấy đói cào ruột, lại thêm nỗi thèm khát không thỏa mãn và từ đây không sao được ăn ngon thỏa thích ở chợ, vì có bao nhiêu tiền đã mua khỉ hết rồi. Đã bối rối cùng cực, lại còn phải lo nuôi chú bạn, cái cần câu cơm sắp tới. Anh bắt đầu hối hận về chuyện mua bán vừa qua, thì con khỉ bỗng rùng mình, cử động thật kỳ dị. Cũng

lúc, chưa kịp hiểu ra sao thì một thiếu niên đẹp như trăng rằm hiện ra tại chỗ con vật xấu xí mông bóng loáng bỗng dưng biến mất. Trong đời, anh chưa từng thấy một ai đẹp đẽ, duyên dáng và thanh lịch như chú thiếu niên. Chú đứng, xinh tươi, và nói với anh, giọng ngọt như đường:

– Anh Mátmút à, anh mua em mất năm đồng bạc, tất cả vốn liếng tài sản của anh, và lúc này đây anh không biết làm thế nào để anh và em có cái ăn.

– Lạy Chúa, em nói đúng đấy, chú bé ạ. Nhưng sao lại thế này? Em là ai? Ở đâu đến, và em muốn gì?

Chú cười:

– Anh Mátmút, xin đừng hỏi, mà hãy cầm đồng đina vàng này đi mua cái gì để chúng mình cùng ăn. Đúng như anh nghĩ, số phận anh đã buộc vào cổ em. Em đem của cải và hạnh phúc đến cho anh đây!

Chú nói thêm:

– Nhưng anh Mátmút hỡi, anh hãy đi mua cái gì ăn đã, nhanh lên, chúng ta đói lắm rồi. Nghe chú ta bảo, anh làm ngay. Chẳng mấy chốc, hai người được cùng ăn một bữa thịnh soạn, ngon vào bậc nhất kể từ khi anh ra đời. Đêm đã khuya, hai người nằm cạnh nhau ngủ. Nghĩ chú bé mảnh khảnh hơn mình, anh cởi chiếc áo khoác bằng len lạc đà đắp cho. Chú nằm sát vào anh mà ngủ, tưởng chừng suốt đời chỉ có ngủ. Anh không dám cựa, không muốn chú phải sợ hoặc lầm tưởng anh có ý này nọ mà hiện nguyên hình một con khỉ to lớn. Tiếp xúc với da thịt êm ái của thân hình chú bé, so với cái túi da dê đã dùng làm gối từ thuở trong nôi, anh thấy quả có khác nhau. Rồi anh

cũng ngủ, cứ nghĩ rằng mình ngủ cạnh số phận của mình. Anh chúc tụng đấng Ban Ơn đã ban cho anh số phận dưới một hình thức đẹp đẽ và hấp dẫn đến thế.

Sáng hôm sau, chú ta dậy sớm hơn, đánh thức anh, bảo:

– Anh Mátmút ơi! sau cái đêm mệt nhọc này, đã đến lúc anh đi thuê lấy một tòa lâu đài đẹp nhất của thành phố mua lấy bàn ghế và những tấm thảm mà anh xét đấy là đắt nhất, quý nhất trong khu chợ. Đừng sợ thiếu tiền.

Anh thực hiện ngay. Khi hai người đến ở tòa nhà mới, tòa nhà đẹp nhất Lơ Ke, mua mất mười túi, mỗi túi một nghìn đina vàng, chú ta nói với anh:

– Anh Mátmút, anh đến bên em, anh ở với em mà áo quần xác xơ nhung nhúc chấy rận thế kia! Anh không thẹn sao? Anh chờ gì mà không đi tắm cho sạch sẽ dễ trông. Về tiền nong, anh giàu có hơn cả những vì vua, về áo quần, anh cứ việc tha hồ mà chọn.

Anh liền đến nhà tắm công cộng, tắm xong, người nhẹ nhõm, thơm tho, đẹp đẽ. Chú ta thấy anh trở về, mặc những quần áo quý giá, khác hẳn lúc trước thì nhìn anh lâu lắm, tỏ ra rất hài lòng về dáng vẻ của anh. Chú nói:

– Anh Mátmút! em rất muốn anh như thế.

Bây giờ anh hãy đến ngồi cạnh em.

Một lúc chú thân mật vỗ vai anh, hỏi:

– Anh nghĩ thế nào về việc lấy một thiếu nữ con vua, đẹp hơn trăng tháng Ramađâu làm vợ?

– Anh nghĩ, lấy công chúa ai mà chẳng muốn!

– Vậy thì anh hãy đem cái gói này đến trước vua Ai Cập mà hỏi công chúa đầu làm vợ. Số anh được như thế. Vua cha thấy anh sẽ biết anh là người chồng tương lai của con gái mình. Nhưng anh chớ quên là chào vua xong, phải dâng ngay cái gói này làm quà.

– Được! Anh nhớ.

Số đã là thế, anh không chần chừ cho một tên nô lệ bê tặng vật theo anh đến cung vua.

Bọn thị vệ và quan hoạn, thấy anh ăn mặc lịch sự, lễ phép hỏi anh muốn gì. Khi anh báo muốn được giáp mặt rồng, được tận tay dâng lễ vật, họ xin ngay cho anh được bệ kiến, và đưa anh đến trước nhà vua. Anh bình tĩnh, như vốn suốt đời là chư thần của các vì vua. Anh kính cẩn, đằm thắm cúi chào. Ngài đáp lại, duyên dáng, độ lượng. Anh lấy cái gói trên tay tên nô lệ dâng vua:

– Tâu đức vua muôn đời! Xin Bệ hạ nhận lấy chút tặng vật này của kẻ hèn mọn, một tặng vật quả không cân xứng với công đức của Bệ hạ.

Ngài ngạc nhiên reo lên: – Được, ta nhận, nhưng ngươi cho biết ngươi muốn gì và ta có thể tặng lại ngươi cái gì. Vì đã là vua thì phải hào hiệp và lịch sự.

Anh đáp ngay:

– Tâu Bệ hạ, trong cung có một viên ngọc ẩn kín, một đóa hoa nhụy còn phong, một thiếu nữ, lòng trinh còn khép, một cô gái thu mình trong những tấm mạng. Đó là cô gái đầu của Bệ hạ. Nguyện ước của thần là được, qua công chúa, trở thành người nhà của Bệ hạ.

Vua hiểu ý, chăm chú nhìn anh:

— Được thôi! Vua đáp.

Và quay về phía vị Tể tướng, vua hỏi:

— Khanh nghĩ thế nào về lời cầu xin của vị quý tộc lưu tú này? Về phần trẫm, trẫm thấy vị ấy xứng đáng lắm. Có nhiều nét trên vẻ mặt ông ta khiến trẫm nghĩ rằng ông ta được số phận dẫn đến đây để làm phò mã.

Vị Tể tướng được hỏi tâu:

— Lời của Bệ hạ là ý của thần. Vị khách kia xứng được làm người thân của Bệ hạ. Nhưng có lẽ ngoài tặng vật này, nên có thêm một bằng chứng khác về quyền lực và tài sản của ông ta.

— Trẫm nên làm gì, ngươi hãy cho ta một lời khuyên.

— Theo ý thần, nên cho ông ta xem viên kim cương đẹp nhất trong kho báu vật và Bệ hạ chỉ cho cưới công chúa, nếu ông ấy đem đến một viên kim cương tương tự làm lễ cầu hôn.

Dù trong lòng rất xúc động, anh vẫn hỏi:

— Nếu thần đem đến một viên kim cương giống viên này về mọi mặt, Bệ hạ có cho thần công chúa không?

— Được thế thì con gái ta sẽ là vợ của Ngài.

Anh xem xét cẩn thận, xoay đủ mọi chiều, nhìn thật kỹ cho nhớ. Xong, anh trả lại nhà vua, cáo biệt và xin được phép trở lại ngày hôm sau.

Vừa về đến cửa, chàng thanh niên hỏi chuyện ngay. Anh tả viên kim cương như đang cầm nó trong tay.

— Việc dễ thôi, y nói; tuy vậy hôm nay đã muộn rồi. Mai em đưa anh mười viên giống hệt viên anh vừa tả.

Quả vậy, sáng hôm sau, y ra vườn một lúc, rồi đem vào mười viên kim cương giống như viên của nhà vua hình trứng chim câu và trong tựa mắt mặt trời.

Anh đem đến dâng vua.

— Muôn tâu chúa công, xin chúa công thứ lỗi cho thần về lễ vật ít ỏi. Thần không thể dâng một viên mà cả hộp mười viên. Bệ hạ có thể chọn mà bỏ đi những viên không ưng ý.

Vua bảo vị Tể tướng mở cái hộp nhỏ tráng men đựng ngọc, ngạc nhiên về vẻ đẹp lóng lánh và vì thấy quả thật có mười viên, viên nào cũng đẹp hệt như viên của mình.

Một lát sau, niềm xúc động dịu đi, vua hướng về phía Tể tướng, không nói gì, chỉ lấy tay làm hiệu muốn hỏi xem nên làm gì. Vị Tể tướng cũng đáp lại bằng một cử động như muốn nói : Phải gả công chúa thôi.

Và thế là lệnh ban ra về hôn lễ của anh. Quan chánh án và những nhân chứng được mời đến. Họ ký vào tờ giao ước kết hôn. Người ta trao cho anh thứ nghi thức thông thường. Vì muốn cho chàng thanh niên đã được tiến cử với vua là người bà con gần của anh, anh đưa tờ hôn ước cho y để đọc thay anh, vì anh không biết đọc biết viết. Y cao giọng đọc từ đầu đến cuối rồi trả lại cho anh mà rằng :

— Hôn ước làm đúng luật lệ, thủ tục. Từ nay anh là chồng hợp pháp của công chúa.

Đoạn, y dẫn anh ra một chỗ vắng, nói :

— Anh Mátmút, mọi việc đều tốt. Bây giờ thì anh phải hứa một điều.

– Lạy Chúa! Còn điều hứa nào lớn hơn là dành cho em cả mạng sống, nó đã thuộc về em rồi đó thôi!

Y cười:

– Anh Mátmút, trước khi em cho phép, anh không được đụng đến nàng. Có đôi việc phải làm xong trước đã.

– Anh xin nghe.

Đêm hợp cẩn, anh vào buồng công chúa. dù rất thèm muốn, anh vẫn ngồi xa, trong một góc mà nhìn nàng. Đêm thứ hai. rồi đêm thứ ba cũng vậy. Theo tục lệ, cứ mỗi sáng Hoàng hậu lại đến hỏi về đêm vừa qua của con gái. Bà nói:

– Ta mong Chúa không có chuyện gì trắc trở và con tỏ được sự trinh bạch của mình.

– Nhưng anh ta đã làm gì con đâu! Vợ anh đáp.

Cho nên, sau đêm thứ ba, sáng ngày Hoàng hậu buồn lắm than:

– Thật tai hại! Sao chồng con cứ hờ hững, nhục mạ chúng ta như vậy? Bà con thân thuộc và bọn nữ tỳ sẽ nghĩ gì? Họ có quyền ngờ vực về một nguyên nhân khó thú nhận, hoặc có uẩn khúc quanh co gì đây?

Lòng dạ rối bời, bà kể lại với đức vua. Vua phán:

– Nếu đêm nay hắn còn như thế, ta sẽ cho đâm vào cổ.

Tin ấy đến tai công chúa. Nàng kể với anh. Anh cho chú thanh niên biết. Y bảo:

– Anh Mátmút! Đã đến lúc rồi đấy. Nhưng còn một điều: khi chỉ có anh với chị, anh bảo chị đưa cho chiếc

xuyến đeo ở cổ tay phải. Anh cầm lấy, đem ngay về cho em. Sau đấy anh được tự do ân ái làm thỏa lòng cả vua và hoàng hậu.

Vừa tối, nằm với nàng, anh hỏi:

— Lạy Chúa! thực tình đêm nay nàng có muốn ta làm cho nàng thích và vui không?

— Quả em có ý muốn như thế!

— Vậy thì nàng hãy trao cho ta chiếc xuyến đeo bên tay phải.

Nàng kêu:

— Đó là một chiếc xuyến – bùa mà nhũ mẫu em đã cho em từ tấm bé. Em rất muốn trao cho chàng, nhưng không biết rồi sẽ xảy đến chuyện gì.

Nói rồi, nàng vẫn tháo ra đưa cho anh. Anh chạy tìm chú thanh niên trao lại ngay.

— Đúng là em muốn chiếc xuyến này, chú thanh niên nói. Giờ thì anh có thể về vào cuộc mây mưa.

Anh vội đến buồng hoa, thực hiện lời hứa làm vui lòng mọi người.

Từ lúc anh đến với người vợ nằm chờ trên giường anh không rõ nữa chuyện gì đã xảy ra với anh. Chỉ biết căn buồng cùng tòa lầu bỗng dưng tan biến như trong giấc mộng. Anh thấy mình nằm ngoài trời nơi căn nhà đổ nát mà anh đã dắt con khỉ mới mua đến. Quần áo sang trọng đâu rồi, lại chiếc áo vải cũ rách mụn vá đủ màu. Và đây chiếc gậy giáo sĩ – hành khất, đây chiếc khăn thủng lỗ chỗ như cái sàng đãi thóc.

Anh chẳng còn hiểu ra sao nữa, tự hỏi:

– Ya Ta Mátmút mi thức hay ngủ, nằm mơ hay đúng chỉ là một tên giáo sĩ ăn xin?

Tỉnh lại hẳn, anh đứng lên, cựa quậy, rùng mình như đã thấy khỉ làm trước đây. nhưng không ăn thua. Anh vẫn là anh, đứa con đáng thương của một người nghèo. Tâm thần bối rối, anh bước lang thang chẳng biết đi đâu, nghĩ tới định mệnh khó hiểu đã tạo nên thế này. Tới một phố vắng, anh thấy một người xứ Mátrép vùng Bác ba, ngồi trên một miếng thảm nhỏ, trước mặt là một chiếc chiếu con đầy những mẩu giấy viết sẵn, với một số đồ dùng bói toán,

Vui về sự gặp gỡ này, anh lại chỗ lão, chào hỏi rồi ngồi quỳ trên đôi chân gấp lại mà nhờ lão xem cho một quẻ. Lão Matrép, mắt sắc như dao chú mục nhìn anh, rồi hỏi:

– Này giáo sĩ có phải ông đã là nạn nhân một định mệnh đáng nguyền rủa, đã bắt ông phải xa vợ?

– Ôi, đúng quá, chính là tôi đấy!

– Khốn khổ! cái con khỉ mà ông mua năm đồng bạc và đột nhiên hóa thành một thiếu niên duyên dáng, xinh đẹp, không phải thuộc giống người đâu. Hắn là một hung thần xấu xa, chỉ lợi dụng ông cho mục đích của hắn. Từ lâu hắn say đắm công chúa đeo một chiếc xuyến – bùa, nên dù có quyền lực, hắn cũng không gần được nàng, hắn dùng ông để lấy chiếc xuyến mà làm chủ thân nàng. Tôi hy vọng sẽ nhanh chóng phá được quyền lực nguy hiểm của tên khốn kiếp vốn là một hung thần hoang dâm nổi loạn chống

lại phép của đức Xôlâymân – cầu cho Người bình an. Nói rồi, lão Matrép lấy một tờ giấy, viết mấy chữ lằng nhằng, đưa cho anh bảo:

– Giáo sĩ ơi, nên tin vào số phận lớn lao của ông lấy lại can đảm đi và tìm đến nơi tôi sắp chỉ cho. Đến đấy ông chờ một đoàn người đi qua; quan sát cho kỹ, thấy ai có vẻ là thủ lĩnh thì đưa tờ giấy này. Người ấy sẽ thỏa mãn những điều ông muốn. Lão chỉ dẫn những điều cần thiết về nơi phải đến, và thêm:

– Còn tiền nong ông phải trả tôi, khi nào ông yên phận sẽ hay.

Anh cầm tờ giấy đến chỗ ông ta chỉ. Đi cả đêm, suốt ngày hôm sau và một phần đêm thứ hai thì đến một cánh đồng vắng chỉ có cỏ dại và con mắt vô hình của đức Ala. Anh ngồi xuống, kiên nhẫn chờ. Bỗng nghe quanh mình như có tiếng bay của một đàn chim đi ăn đêm. Nỗi sợ sệt cô đơn, niềm hãi hùng đêm tối bắt đầu chiếm lấy tâm hồn. Và đột nhiên anh thấy rất nhiều bó đuốc như tự chuyển động về phía mình, chỉ thấy tay cầm đuốc mà không thấy người rồi vô vàn những bó đuốc như thế sắp hàng đôi qua trước mặt anh. Cuối cùng là một vì vua ngồi trên ngai vàng xiêm áo lộng lẫy. Thấy anh, vua nhìn đăm đắm. Anh sợ quá, đầu gối run lên va rập vào nhau. Nhà vua lên tiếng:

– Tờ giấy của ông bạn ta người Matrép Bácba đâu!

Đám rước đã dừng lại. Anh định tâm, tiến lên đưa trình tờ giấy. Vua mở ra, đọc và gọi tên một người anh không trông thấy:

– Atrát đâu, đến đây!

Lập tức một gã liên lạc, nai nịt sẵn sàng, từ trong bóng tối đi ra quỳ xuống. Vua phán:

– Đến Lơ Ke trói cổ tên hung thần điệu ngay đến đây cho ta.

Gã tuân lệnh, biến đi, một lát trở lại với chú thanh niên bị trói. Trông hắn giờ đây đáng sợ, ghê tởm thật khó nhận ra. Vua thét:

– Tên đáng nguyền rủa kia, sao dám móc miếng ăn trong miệng người trần này? Và sao mi lại một miếng ăn ấy?

Y đáp:

– Miếng ăn còn nguyên đấy và chính tôi đã nấu nướng làm nên.

Tên hung thần, một con lợn ngoan cố, ngạo mạn đáp:

– Xuyến đó, tôi đã giữ, không ai lấy lại được.

Nói rồi, hắn há mồm, to như một cái lò, quẳng sâu chiếc xuyến vào.

Thấy thế, vị Dạ Vương, giơ tay, cúi xuống nắm gáy tên hung thần mà quay như người ta quay cái súng cao su của trẻ, rồi quật xuống đất, thét «cho đáng đời!» Hung thần chết tươi. Vua sai móc ruột cái xác không hồn ấy mà lấy chiếc xuyến ra trao lại cho anh. Lệnh được thi hành ngay. Xuyến vừa được trao thì cả đoàn biến mất, mà anh thì lại quần áo sang trọng, ở giữa lâu đài của mình, ngay trong buồng vợ. Nàng đang ngủ say. Anh đeo xuyến vào cổ tay. Nàng tỉnh giấc trông thấy anh, nàng reo lên vui vẻ. Anh coi như không có chuyện gì xảy ra, nằm sát vào nàng. Việc tiếp theo thuộc bí mật của đạo Hồi, chú ạ

Sáng hôm sau, vua cùng hoàng hậu được tin anh đã trở về và đã chung giường với vợ, tỏ ra rất hân hoan. Từ đấy anh cùng mọi người êm ấm sống yên ổn, thuận hòa.

Ít lâu sau, vua băng hà, không có con trai. Anh là chồng cô gái cả nên được nối ngôi. Và anh trở thành như bây giờ. Đức Ala thật là vĩ đại. Chúng ta từ Người mà nên, và lại trở về với Người.

Vua Mátmút đã kể chuyện mình với người bạn mới, vua — giáo sĩ, thấy ông hết sức ngạc nhiên về câu chuyện đặc thù này.

— Chú đừng lấy làm lạ, vua Mátmút nói, vì cái gì đã được định sẵn thì cứ theo đấy mà xuôi dòng. Đức đã tạo nên tất cả, muốn thế nào mà chẳng được? Anh nói hết sự thật về nguồn gốc tầm thường của mình, không sợ giảm giá với chú, chính là để chú được an ủi, đừng nghĩ rằng chú thua kém anh về địa vị, về phẩm chất. Chú có thể yên tâm làm bạn với anh. Anh không bao giờ tự cho mình cái quyền được hãnh diện với chú.

Ngài nói thêm:

— Để cho được bình thường, anh phong cho chú, người anh em cùng nguồn gốc, cùng địa vị, làm Tể tướng. Chú sẽ là cánh tay phải của anh, là người tâm phúc, trong mọi việc anh làm. Không việc gì thi hành trong vương quốc mà không có chú, không được kinh nghiệm của chú chuẩn y cho.

Và tức thì vua Mátmút triệu tập các vị đô đốc, các quan đại thần trong nước để họ nhận vị Tể tướng mới. Vua lấy một chiếc áo đại trào cực đẹp khoác cho ông và trao cho ông giữ chiếc ấn vương triều.

Tề tướng bắt tay vào việc ngay hôm ấy và những ngày sau. Ông thực hiện nhiệm vụ rất công bằng và vô tư đến độ nhiều người từ chốn tận cùng đất nước kéo đến kinh thành nghe ông phán xét, tuân theo lời ông, coi ông là vị quan tòa tối cao trong những vụ tranh chấp. Ông xử khôn ngoan và độ lượng khiến họ hàm ơn. Cả những người bị kết án cũng tán thành.

Những lúc nhàn rỗi, ông đi lại thân tình với nhà vua. Vua không thể xa rời ông được, coi ông là bạn chí thân mỗi lúc có khó khăn.

Một hôm, vua Mátmút thấy tâm trí bải hoải liền đi tìm ông bạn thân :

– Hỡi chú em, Tề tướng của ta, vua nói, hôm nay ta thấy tấm lòng nặng trĩu, trí óc bồi hồi...

Tề tướng, vua Ả Rập cũ, đáp :

– Tâu Bệ hạ! Vui buồn là tự lòng ta, là tự trái tim ta tiết ra. Nhưng nhiều khi ngoại cảnh có thể ảnh hưởng đến tính tình. Hôm nay, Bệ hạ đã thử xem chưa?

– Hỡi vị Tề tướng của ta, ta đã thử. Ta lấy ngọc ra, tay nhón từng viên một: ngọc hồng, ngọc xanh, ngọc vàng, tất cả những viên ngọc đủ sắc, đủ màu, mà nào thấy vui. Tâm hồn vẫn buồn, tim như thắt lại. Ta vào hậu cung, nhìn ngắm khắp lượt phi tần: các cô da trắng, da nâu, da hung, da đồng, da đen, các cô béo, cô gầy. Chẳng một ai làm tiêu được mối sầu. Ta đến các chuồng ngựa, nhìn ngựa đực, ngựa cái, ngựa con, con nào cũng đẹp, nhưng cái đẹp không cất nổi tấm màn làm đen ngoại cảnh trước mặt ta. Bây giờ thì ta đến tìm em, hỡi vị Tề tướng khôn ngoan của ta, để em chỉ cho một phương thuốc, nói cho một lời chữa bệnh.

— Tâu bệ hạ, hay ta đến marixtân, nhà chứa người điên? Nhiều lần chúng ta định cùng đến, mà chưa đi được. Thần nghĩ rằng người điên là người có cách hiểu khác ta. Họ thấy giữa các sự vật có một mối quan hệ mà người không điên không phân biệt được và họ bị quỷ thần ám ảnh. Có thể cuộc viếng thăm này sẽ cất đi nỗi buồn nặng trĩu tâm hồn Bệ hạ khiến lòng dạ nở nang ra.

— Vậy thì, hỡi vị Tể tướng, chúng ta đến marixtân!

Thế là Vua và Tể tướng ra khỏi hoàng cung, không đem theo tùy tùng, đi một mạch đến nhà điên. Họ vào, thăm khắp nơi khắp chốn nhưng hết sức ngạc nhiên chỉ thấy có người giữ khóa và mấy chú canh gác mà chẳng hề có bóng dáng một người điên nào. Vua hỏi người giữ khóa xem người điên ở đâu.

— Lạy Chúa, tâu Bệ hạ! từ lâu không có nữa, nguyên nhân ý hẳn vì con người kém thông minh đi. Dù sao chúng tôi cũng có thể chỉ cho Bệ hạ ba người do mấy ông quan lớn cho dẫn đến từng người một, chưa bao lâu với lệnh không được cho ai biết dù là ông to hay ông nhỏ. Nhưng giấu thế nào được đức vua của chúng ta.

Y nói thêm:

— Chắc họ là những bậc đại thông thái vì lúc nào cũng thấy đọc sách.

Y dẫn vua và Tể tướng đến một cái lầu hẻo lánh, đưa vào rồi kính cẩn lui ra.

Hai vị thấy ba người còn trẻ, bị cột vào tường, một người đọc sách, hai người lắng nghe. Cả ba đều đẹp, đường nét cân đối không có vẻ gì là mất trí hay điên loạn cả. Vua bảo Tể tướng

– Trường hợp ba người trẻ tuổi này có thể kỳ lạ, chuyện họ hẳn phải làm người khác ngạc nhiên.

Vua hỏi họ:

– Các ngươi bị nhốt ở đây, có đúng là vì điên loạn không?

– Tâu Đức vua muôn đời, họ đáp, chúng tôi không điên, không mất trí, thậm chí không ngu cũng chẳng đần. Chuyện chúng tôi ly kỳ lắm.

Vua và Tể tướng bèn ngồi ngay xuống đất, trước mặt ba người bị trói mà rằng:

– Xin kể cho biết, chúng tôi sẵn sàng nghe đây.

II – CHUYỆN NGƯỜI ĐIÊN THỨ NHẤT

Tôi là một thương nhân ở chợ tơ lụa, kế nghiệp cha và ông. Tôi chuyên bán nhiễu Ấn Độ, đủ mọi loại, đủ mọi màu. Giá bao giờ cũng rất đắt. Tôi mua, bán nhiều, lờ lãi lắm, như mọi đại thương gia.

Một hôm tôi đang ở cửa hiệu thì có một bà già đến, chào xong, hỏi mua lụa tốt Ấn độ, tôi lục ở tủ riêng, lấy ra một tấm, giá đắt nhất, đưa cho bà. Bà xem xong, hài lòng lắm, hỏi giá.

– Năm trăm đina vàng! Tôi trả lời.

Bà lấy tiền trong túi, đếm đủ năm trăm đưa tôi và cầm tấm lụa đi. Thế mà, tâu Bệ hạ, giá vốn tấm lụa chỉ là một trăm năm mươi đina thôi! Tôi thầm cảm ơn Chúa.

Hôm sau bà giả lại đến hỏi mua một tấm khác, cũng trả năm trăm đina, cầm hàng về với dáng đi như hôm trước. Hôm sau lại đến, cũng mua lụa, cũng trả tiền ngay. Như vậy, mười lăm hôm liên tiếp, trả tiền sòng phẳng. Ngày thứ mười sáu, bà lại đến lại mua. Khi lấy tiền trả mới hay đã quên túi tiền.

– Chà, quên ở nhà mất rồi, bà than phiền.

– Không sao, tôi đáp, mai bà trả cũng được, mà giả không trả cũng được.

Nhưng bà không chịu cầm về tấm lụa mà bà chưa trả tiền, còn tôi thì cứ nói đi, nói lại.

– Bà cứ cầm về, vì tình hữu hảo và vì cháu mến bà!

Và cứ thế, hai người đôi co về lòng hào hiệp: bà không chịu lấy hàng, tôi chỉ muốn bà cầm đi. Tâu Bệ hạ, được lãi nhiều thế, tôi phải tỏ ra lịch sự và nếu cần, có thể biếu bà một, hai tấm lụa. Cuối cùng bà bảo:

– Cứ thế này thì khó thỏa thuận được. Thôi thì phiền cậu đến nhà tôi mà lấy tiền vậy.

Tôi không muốn trái ý bà, đứng dạy đóng cửa hiệu, rồi đi theo bà. Bà đi trước, tôi theo cách xa mười bước, mãi đến đầu dãy phố có nhà của bà. Bà dừng lại, lấy trong người ra một chiếc khăn quàng, bảo tôi để bà bịt mắt lại. Tôi ngạc nhiên, lễ độ xin bà cho biết tại sao

– Vì dãy phố mà ta sắp đi qua đây – bà nói – có những nhà ngỏ cửa, phòng ngoài có phụ nữ ngồi, mặt không che mạng. Có thể cậu sẽ nhìn thấy một người trong bọn họ, còn con gái hoặc đã có chồng mà đâm ra vương vào vòng tình ái, rắc rối cuộc đời. Vì có nhiều cô đẹp lắm, siêu lòng cả kẻ khổ hạnh mộ đạo không ai bằng. Giả sợ cho sự bình tâm của cậu.

Tôi thấy đây là một lời khuyên răn tốt, nên bằng lòng để bà già bịt mắt. Rồi bà cầm tay tôi, dẫn tới một căn nhà. Bà dùng một chiếc vòng sắt gõ cửa. Lập tức, bên trong có người mở ngay. Vào nhà, bà già cởi khăn cho tôi. Tôi thấy nhà cửa sang lắm, trang hoàng và đồ đạc như trong một cung vua, suốt đời tôi chưa từng bao giờ cũng chưa từng ước mơ đến thế. Bà già bảo tôi đứng chờ. Đối diện là một căn phòng còn đẹp hơn cả hành lang. Bà già đi rồi, tôi nhìn sang. Phía cửa vào có tất cả những tấm lụa tôi đã bán chất đống trong một góc. Một lát sau, có hai thiếu nữ xinh đẹp, mỗi người xách một chiếc xô đầy nước hoa hồng. Các cô đặt xô lên thềm đá hoa trắng, lại chỗ đống lụa, lấy một tấm cắt làm đôi như cắt một miếng bao tải, trở về chiếc xô, xắn tay áo lên tận nách, nhúng lụa vào xô, lau thềm nhà. Lau xong họ lấy tấm lụa khác thấm nước cho khô. Còn bao nhiêu lụa đã mua năm trăm đina vàng một tấm, các cô dùng hết, kỳ cọ cho thềm nhà bóng loáng, trắng như bạc. Hai cô đem trải lên những tấm vóc cực đẹp quá, giá có bán hết cả cửa hiệu của tôi cũng không đủ tiền mua được tấm xấu nhất. Trên vóc lại trải một tấm thảm bằng len dê con thơm, mùi xạ và những chiếc gối nhồi lông đà điểu. Năm chục vuông vóc thêu chỉ vàng được xếp đều quanh tấm thảm. Bày xong, các cô đi ra.

Và này đây, một đoàn thiếu nữ, xếp hàng đôi, tay nắm tay đi vào, mỗi người đến đứng trước một vuông vóc, năm chục vuông, năm chục người. Cuối cùng mười cô gái thần tiên khiêng một chiếc kiệu trên có một cô gái trẻ tuổi da trắng lộng lẫy, mắt đen lay láy. Tôi bất giác nhắm nghiền hai mắt lại. Mở ra, thấy

bà già khi nãy đứng bên xin được dẫn tôi ra mắt cô chủ uể oải nằm trên tấm thảm giữa năm mươi cô. Bị năm mươi lẻ một cặp mắt nhìn, tôi chắc rằng họ muốn mình phải chết đây

Thế nhưng người thiếu nữ vương giả ấy lại mỉm cười, chào tôi và mời ngồi cạnh nàng, trên tấm thảm. Bối rối, tôi vâng lời, ngồi xuống. Nàng nói:

– Hỡi chàng trẻ tuổi, chàng nghĩ gì về em, về nhan sắc của em? Chàng có nghĩ rằng em có thể làm vợ chàng không?

Tôi ngạc nhiên quá sức, đáp:

– Hỡi nữ chúa của tôi! làm sao tôi dám hy vọng để xứng đáng với một ân huệ như thế. Quả thật, tôi nghĩ mình phận mỏng chưa đủ làm một kẻ tôi đòi, hoặc kém hơn nữa cho nàng.

– Không đâu, lạy Chúa! Hỡi chàng trai trẻ, em không dối, lời em thành thực, rõ ràng. Hãy trả lời em cũng thành thực như thế, đừng sợ gì vì em rất yêu chàng.

Tâu Bệ hạ, nàng nói thế, tôi tin là nàng quả có ý muốn lấy tôi, Tôi không thể đoán vì sao có hàng nghìn người trẻ tuổi mà nàng lại chọn tôi, và vì sao nàng biết tôi. Nhưng rồi tôi nghĩ: Điều không thể hiểu có cái lợi là làm cho khỏi bị suy nghĩ dày vò. Vậy đừng tìm hiểu làm gì, mặc sự đời. Tôi bèn đáp:

– Nếu nàng nói không cốt cho các cô đáng kính đây cười tôi, thì nên nhớ câu tục ngữ: « sắt đương đỏ, hãy rèn ngay. » Lòng tôi bừng cháy ham muốn phải xum họp thôi. Xin cho biết tôi phải đem những gì đến để dẫn cưới

Nàng cười.

— Đồ dẫn cưới đã đưa rồi, chàng đừng bận tâm. Em cho đi mời, vì chàng cũng muốn thế, quan chánh sứ và mấy chứng nhân để đôi ta thành vợ thành chồng.

Tâu Bệ hạ, trong chốc lát, chánh án và chứng nhân đến thật, và thế là chúng tôi được pháp luật công nhận vợ chồng. Sau hôn lễ, mọi người ra về rồi, tôi tự hỏi mình thức hay mơ? Hơn nữa nàng sai mấy cô nữ tỳ xinh đẹp sửa soạn buồng tắm mà dẫn tôi đến. Buồng tắm có nước ướp trầm hương. Mấy nữ tỳ kỳ cọ, xoa bóp, xong, tôi thấy người nhẹ nhõm hơn cả chim bay. Họ xức cho tôi những loại nước hoa thơm nhất, thắng cho một bộ y phục cực sang, mời uống các thức giải khát và đủ loại kem lạnh. Tôi uống xong, họ đưa ra khỏi buồng tắm, dẫn về căn buồng êm dịu có cô vợ mới nằm chờ, chỉ trang sức bằng tấm nhan sắc của mình,

Chúng tôi chung sống hai mươi đêm liền, tràn đầy hoan lạc và hạnh phúc. Tôi nhớ mẹ quá, nói với vợ:

— Tôi vắng nhà đã lâu. Mẹ bặt tin, chắc lo nghĩ nhiều. Vả lại, hiệu đóng cửa đã lâu buôn bán gián đoạn. Xin cho được về ít hôm.

— Điều ấy không có gì trở ngại. Em vui lòng để chàng về thăm mẹ cho bà yên tâm. Chàng còn có thể đi về hàng ngày chăm lo công việc nếu chàng thích. Nhưng em muốn chàng đi, về phải có bà già kèm theo,

— Được thôi, không sao cả.

Bà già lấy khăn bịt mắt tôi, dẫn đến chỗ lần đầu tiên bà bịt mắt tôi,

– Tối nay, bà nói, giờ tụng kinh thì đến đây, cậu sẽ thấy tôi ở chỗ này để dẫn cậu về với vợ.

Bà cởi khăn cho tôi mà từ biệt.

Tôi chạy vội về nhà. Mẹ tôi, nước mắt thất vọng đầm đìa, đang khâu áo tang. Thấy tôi, bà chạy vụt đến, mừng rỡ ôm hôn.

– Mẹ, đừng khóc nữa, nín đi, tôi nói. Con vắng nhà là để được hưởng một niềm hạnh phúc không bao giờ dám mơ ước đến.

Tôi kể lại dịp may. Bà cả mừng reo lên:

– Mẹ cầu Chúa giữ lấy con mà che chở cho con.

Con hãy hứa ngày nào cũng về thăm mẹ. Mẹ yêu con, nên cũng cần lòng yêu thương của con lắm.

Tôi hứa ngay, vì vợ đã cho về tự do. Chuyện trò với mẹ rồi, tôi ra cửa hiệu trong khu chợ để mua, để bán. Đến giờ, tôi đến chỗ hẹn để bà già bịt mắt dẫn về lâu đài của vợ.

– Bịt mắt như vậy là tốt – bà nói – vì theo như già biết, phố này có nhiều phụ nữ, còn con gá hoặc đã có chồng, ngồi ở buồng ngoài nhà. Họ chỉ có một ý muốn là chiếm tình yêu của khách vãng lai, như người ta hít thở không khí hoặc uống một hớp nước chảy qua. Lưới giăng như vậy, tâm hồn cậu biết tránh đâu?

Tôi về, vợ tiếp đón hân hoan nồng nhiệt khôn tả. Cứ như thế trong ba tháng ròng. Tôi định hỏi bọn nữ tỳ về lai lịch người vợ, tôi cưới mà không rõ tên là gì, con cái nhà ai?

Một hôm ngồi một mình với một nữ tỳ da đen, tôi gợi hỏi :

— Hỡi cô gái, đen bên ngoài, trắng bên trong, cầu phúc cho cô. Cô biết gì về nữ chủ, cho ta hay. Lời nàng ta sẽ giữ kín.

Cô bé sợ run lên :

— Chuyện nữ chủ đặc biệt lạ lùng, nhưng nói ra thì phải chết không phương cứu chữa. Tôi chỉ có thể nói với ông chủ là cô tôi đã để ý đến ông ở chợ và lấy ông là do yêu ông.

Không thể gợi hỏi được gì hơn. Tôi năn nỉ thì cô dọa mách là tôi muốn cô trở thành bép xép. Cuộc đời của tôi cứ thế trôi qua, thì một buổi trưa, ở cửa hiệu nhìn ra đường phố, tôi thấy một cô gái đeo mạng rõ ràng có ý đi về phía tôi. Đến trước cửa hiệu, chị ta liếc chào duyên dáng mà rằng :

— Ôi ! ông chủ của em, đây là một con gà bằng vàng, nạm kim cương và ngọc quý. Em đã đem bán cho các vị thương gia ở khu chợ này, nhưng chẳng ai mua. Họ là những kẻ ô trọc, không biết thưởng thức. Họ bảo em : của báu này bán không dễ đâu, vì người mua bán đi khó kiếm lãi. Bởi vậy em đem đến đây, biết ngài là người phong nhã ; Ngài trả em bao nhiêu cũng được, tùy lượng của ngài.

— Ta cũng chẳng cần, tôi đáp. Nhưng để cô vui lòng, ta trả đúng một trăm dina, không hơn, không kém.

— Vâng, xin bán hầu ngài. Rẻ quá !

Thực ra tôi chẳng thích mua con gà vàng làm gì, nhưng nghĩ vợ có thể ưng nên mở tủ lấy tiền. Nhưng khi trả, cô ta từ chối:

– Em chẳng dùng tiền làm gì, chỉ xin được hôn một cái lên má ngài. Đấy là điều ước mong duy nhất của em, hỡi ngài trẻ tuổi.

Tôi thầm nghĩ: « Lạy Chúa! một chiếc hôn lên má đổi lấy một vật báu đáng giá hơn nghìn vàng, thật vừa lạ, vừa hời! »

Thế là tôi bằng lòng.

Thiếu nữ đến chỗ tôi vén chiếc mạng nhỏ che mặt hôn lên má tôi – cầu cho cô thấy thích thú – nhưng đồng thời như thèm thuồng da tôi, cô ta cắn sâu vào má tôi những chiếc răng hổ cái, vết cắn bây giờ vẫn còn sẹo đây. Rồi cô ta bỏ đi, cười khoái chá, còn tôi thì lau máu trên mặt, nghĩ: « Trường hợp của mi thật kỳ! Rồi đây mi sẽ thấy tất cả phụ nữ khu chợ sẽ đến hỏi mua. Kẻ một mẩu cái má, kẻ một mẩu cái cằm.., như thế, tốt nhất, là tống cho hết hàng đi, để chỉ còn bán những miếng thịt của bản thân mi.

Tối đến, nửa muốn cười nửa cáu kỉnh, theo thường lệ, tôi đến chỗ bà già chờ tôi ở góc phố, để được bịt mắt về tòa lâu đài vợ. Dọc đường cứ nghe bà lẩm bẩm những lời như đe dọa. « Các bà già thích cáu nhàu – tôi nghĩ — và dùng những ngày tàn tạ mà cằn nhằn tất cả, và nói nhảm. »

Tôi vào, thấy vợ ngồi trong phòng tiếp khách, lông mày nhíu lại, quần áo đỏ thẫm, màu vua chúa dùng mỗi khi nổi giận. Mặt nàng xanh xao, dáng điệu khiêu khích. Thấy thế, tôi lầm rầm cầu Chúa che chở cho. Tôi đến bên vợ. Trái với thói quen, nàng không đứng

dạy vồn vã, mà quay mặt đi. Tôi đưa con gà vàng ra. nói: – Cô chủ của tôi ơi! hãy nhận lấy con gà quý này, quả là đẹp, lại ngộ ngộ, xin tặng nàng làm vui.

Nàng nghe thế, trán xỉn lại, mắt tối đi, tôi chưa kịp tránh thì nàng đã giang tay tát một cái khiến tôi quay như một con cù, xuýt gẫy mất hàm bên trái. Nàng thét:

– Đồ chó! Ngươi mua con gà, sao lại có vết cắn trên má?

Choáng người vì cái tát dữ dội, tôi như muốn xụp xuống, phải gắng gượng lắm mới khỏi ngã xoài ra. Tâu bệ hạ, đấy mới chỉ là màn đầu của tấm thảm kịch. Vợ tôi ra hiệu, tấm màn dạ phía trong mở ra, bà già dẫn bốn nữ nô vào, khiêng thây một cô gái, đầu đã bị chặt, đặt giữa thân người. Tôi nhận ra ngay đầu người thiếu nữ đã đổi con gà vàng lấy một miếng cắn. Tôi ngất đi, lăn quay ra đất, không biết gì nữa.

Tỉnh dậy, đã thấy bị trói trong cái marixtân này Lính gác cho hay tôi bị bệnh điên mà không nói gì thêm.

Đó là câu chuyện về cái gọi là bệnh điên của tôi và việc tôi bị nhốt trong cái nhà điên này. Và Chúa Ala đã đưa đức vua cùng vị Tể tướng khôn ngoan, cẩn trọng đến để giải thoát cho. Xin hai Ngài nghĩ coi tôi nói hợp lẽ hay nói lung tung mà xét xem tôi bị quỷ ám, điên loạn, cuồng si hay chỉ là một người lành.

Vua và Tể tướng – vua – giáo sĩ, con hoang – nghe chuyện, suy nghĩ lung lắm, cúi đầu lúc lâu. Vua ngửng mặt lên trước, nói với bạn:

– Hỡi vị Tể tướng của ta! Ta lấy Chân lý của Đức đã đặt ta lên ngôi vua nước này mà thề rằng không

tìm ra thiếu nữ đã kết hôn với người này thì ta sẽ không nghỉ ngơi, không ăn, không uống gì cả. Vậy ngươi bảo ta phải làm thế nào?

— Tâu đức vua muôn đời, Tể tướng đáp, hãy tạm biệt hai gã bị trói kia, dẫn gã này đi ngang, mà rao khắp phố phường, từ Đông sang Tây, từ phải sang trái cho đến khi tìm ra đầu phố mà bà già quen bịt mắt y chúng ta sẽ bịt mắt y lại. Y đến theo số bước nhớ lại khi đi cùng bà già mà dẫn chúng ta đến trước cửa tòa lâu đài. Đến đấy đức Ala sẽ chỉ cho chúng ta phải làm gì.

— Ngươi nói phải, hỡi vị Tể tướng minh mẫn của ta!

Họ cùng đứng lên, cởi xiềng cho chàng thanh niên và dẫn cùng đi. Mọi sự xảy ra như dự tính của viên Tể tướng. Qua bao nhiêu phố của các phường khác nhau, họ đến đầu phố nọ mà chàng thanh niên nhận ra ngay. Hai mắt bị bịt lại như trước kia, y tính bước mà dừng lại đúng tòa lâu đài, mà thoạt nhìn, nhà vua thất kinh.

— Hỡi vị Tể tướng của ta! Quỷ thật! Lầu này là lầu của một cung phi của cố vương Ai cập, đức vua đã truyền ngai vàng cho ta, vì không có con trai. Bà ở đây với con gái, hẳn là công chúa đã lấy chàng trai trẻ này. Thế là số phận đã định rằng các nàng công chúa phải kết duyên với những chàng trai chẳng ra gì như bọn mình, Tể tướng hỡi! Quyết định của Đấng Ban Phát đều có lý do, nhưng nào chúng ta có biết! Bây giờ thì hãy vào xem câu chuyện sẽ ra sao. Họ dùng cái vòng sắt gõ vào cửa. Cánh cửa rền vang:

— Đúng là tiếng âm vang ấy! chàng thanh niên nói.

Cửa được mở ngay và bọn quan hoạn sửng sốt thấy vua, Tề tướng và người chồng nữ chủ của họ. Một gã chạy như bay vào báo với cô chủ.

Công chúa trang điểm, vào phòng tiếp khách chào nhà vua, chồng của người chị cùng cha khác mẹ, và hôn tay vua. Vua nhận ra nàng, nháy mắt làm hiệu cho Tề tướng.

— Lạy Chúa, vua nói, ta không trách em, vì quá khứ là thuộc về Trời, chúng ta chỉ có hiện tại. Vì vậy ta rất mong em làm lành với chồng, vốn là một chàng trai có nhiều đức tốt. Chàng không oán em và không mong gì được trở lại với những ân huệ của em. Vả lại, ta lấy phẩm giá của cố quân, phụ vương của em, mà thề rằng chồng em không có lỗi gì nặng về tình nghĩa vợ chồng. Vì yếu lòng một chút, chàng đã phải trả giá đắt rồi. Ta mong em đừng khước từ lời ta.

— Điều mong mỏi của Hoàng huynh cũng là mệnh lệnh. Em xin tuân lời.

— Được thế thì ta phong cho chồng em làm nộ thần của ta, và từ nay sẽ là bạn cùng ta chung ăn chung uống. Tối nay ta sẽ cho chàng đến để hai người làm lành với nhau, không có ai quấy rầy. Bây giờ thì em cho ta được dẫn chàng đi vì chúng ta muốn nghe chuyện hai bạn bị giam của chàng. Dĩ nhiên hai người phải thỏa thuận rằng từ nay em để chàng đi lại tự do, không phải bịt mắt, còn chàng sẽ phải hứa không bao giờ, vì bất cứ lẽ gì, để cho một phụ nữ còn son hay đã có chồng, ôm hôn.

— Tâu đức vua đầy hồng phúc, Saradát nói, đấy là đoạn cuối câu chuyện của chàng thanh niên, người đọc sách ở nhà chứa người điên. Còn chuyện người thứ hai, một trong hai người nghe đọc thì thế này:

Vua, tể tướng và viên nội thần mới, đến marixtân thì ngồi xuống đất, trước mặt người trẻ tuổi thứ hai mà rằng:

– Bây giờ, xin đến lượt anh.

Người ấy kể:

III – CHUYỆN NGƯỜI ĐIÊN THỨ HAI

Tâu Đức Vua, chủ của chúng tôi, và ngài Tể tướng chí lý, và anh, bạn bị giam cũ của tôi, chuyện tôi bị giam trong cái nhà điên này, nguyên nhân còn lạ kỳ hơn nữa. Anh bạn tôi bị coi là điên, bị giam giữ, là lỗi tại anh, tại anh ngờ nghệch và tự tiện. Còn tôi thì trái lại, như các vị sẽ nghe. Nhưng xin được nói cho có đầu có đuôi.

Tôi là một nhà buôn, con một vị thương gia, Trước khi bị nhốt tại đây, tôi mở một cửa hiệu trong chợ, bán các loại nữ trang cho phụ nữ giàu sang. Lúc mở hiệu tôi mới mười sáu tuổi. Tôi được tiếng là đạo mạo, thật thà, chín chắn và nghiêm túc trong công việc. Tôi không hề bắt chuyện với khách đàn bà, chỉ nói với họ những lời cần thiết về mua, bán. Vả chăng, tôi làm theo lời Kinh Thánh, không ngước nhìn phụ nữ Hồi. Các thương gia lấy tôi làm kiểu mẫu mà răn dạy các cậu con giai lần đầu đến chợ. Một số bà mẹ đã thương lượng với mẹ tôi về một cuộc hôn nhân tốt lành. Nhưng mẹ tôi chưa nhận lời, còn chờ, ấy cớ tôi còn trẻ, là con một, và mảnh khảnh yếu ớt lắm.

Một hôm, ngồi soát lại sổ hàng thì thấy một cô bé da đen xinh xắn vào, chào tôi lễ phép và hỏi cho biết chắc chắn về tôi rồi lấy từ trong ngực ra một phong thư nhỏ, nhìn quanh cẩn thận và trao cho tôi nói là của cô chủ mình, xong đứng nép sang một bên, chờ tôi trả lời.

Tôi mở phong thư đọc. Đấy là một bài thơ tình, nồng nhiệt ca ngợi tôi. Ở mấy câu thơ cuối có lồng tên người viết tự xưng là người say đắm tôi.

— Tâu chúa công, tôi bực mình lắm coi là một sự xúc phạm nghiêm trọng đến đức hạnh của mình hoặc có thể là âm mưu lôi cuốn tôi vào một chuyện nguy hiểm, rắc rối. Tôi xé bài thơ, quẳng xuống mà dẫm lên. Tôi véo tai con bé, tát cho mấy chiếc nổ đom đóm mắt, rồi đạp lăn ra ngoài cửa. Tôi nhổ vào mặt, cho mọi người gần đấy thấy rõ đừng suy nghĩ gì về phẩm hạnh của tôi. Tôi thét:

— Đồ vô liêm sỉ! Về kể lại tất cả cho con đĩ chủ mi biết!

Láng giềng, mọi người thấy thế, thì thầm ca ngợi. Một người chỉ tôi khuyên can:

— Chúa Ala ban phúc cho chàng trẻ tuổi đức hạnh này. Bố mong con, đến tuổi chàng, sẽ biết từ chối sự mồi chài của bọn quỷ quyệt hư thân lúc nào cũng rình mò bọn trai trẻ khôi ngô.

Thưa các vị, mười sáu tuổi tôi đã làm như thế đó. Thực ra, bây giờ, sáng suốt nghĩ lại, tôi thấy hành vi của mình lúc ấy thật thô bạo, thiếu suy xét, cao ngạo một cách ngu ngốc, tự ái không phải lúc, đạo đức giả, hèn hạ và tàn nhẫn. Sau hành động ngu xuẩn ấy

ít lâu, tôi bực mình quá, nay thấy càng đáng bực mình hơn. Và sợi giây đang buộc vào cổ tôi, tuy do một nguyên nhân khác, tôi vẫn cho là do cái buổi ban đầu điên rồ ấy. Nhưng thôi, không kể lung tung, xin tiếp tục, theo trình tự thời gian cho dễ theo dõi

Vậy thì, thưa các vị, năm tháng trôi qua, tôi đã thành một người lớn. Dù độc thân, tôi đã biết đến đàn bà, và cảm thấy đã thật sự cần thiết phải chọn một cô gái làm vợ. Về việc này, tôi gặp nhiều may mắn như các vị sẽ nghe. Nhưng không nói trước, mà xin kể có thứ tự.

Một buổi trưa, có một thiếu nữ tình tứ tiến về phía cửa hiệu tôi, giữa một bọn năm sáu thị tỳ da trắng. Nàng đeo toàn nữ trang quý giá, móng tay nhuộm đỏ, tóc tết thõng trên vai, đi ỏng ẹo, duyên dáng. Nàng bước vào, theo sau là bọn nô tỳ, chào tôi rồi ngồi xuống.

— Hỡi chàng trẻ tuổi, chàng có nhiều thứ trang sức bằng vàng, bạc, để chọn không ? nàng hỏi.

— Ôi, cô chủ, có nhiều lắm, đủ loại, tôi đáp.

Nàng hỏi vòng chân. Tôi đưa ra những thứ nặng và đẹp nhất. Nàng nhìn hững hờ bảo :

— Chàng đeo thử vào chân cho tôi.

Một nữ tỳ cúi xuống, nhẹ vén chiếc áo lụa mỏng của nàng, lộ ra đôi mắt cá, trắng, mịn, lạ thường. Tôi lấy vòng đeo thử vào. Không một chiếc nào vừa với cái cổ chân xinh xắn hoàn hảo này. Thấy tôi bối rối, nàng mỉm cười :

— Không sao ! Tôi mua cái khác. Nhưng xin được hỏi : Ở nhà, người ta bảo chân tôi như chân voi. Có đúng không ?

Tôi kêu lên :

– Cổ chân có đôi mắt cá của nàng thật là tuyệt. Thấy nó, linh dương cũng đến phát ốm vì ghen tị.

– Thế mà tôi cứ nghĩ trái lại.

Nàng nói thêm :

– Cho tôi xem mấy đôi xuyến.

Đang còn bị huyễn hoặc vì đôi mắt cá yêu quý và đôi bàn chân đắm say, tôi đi lấy mấy chiếc xuyến xinh và nhỏ nhất đem đến.

– Hôm nay tôi mệt quá – nàng nói – chàng đeo thử vào cổ tay giùm.

Lập tức một nữ tỳ vén tay áo chủ lên. Ối giời! một cánh tay như cổ thiên nga, trắng trong và nhẵn nhụi hơn pha lê, rồi cổ tay, bàn tay, ngón tay, trời ơi! như đường phèn, như chà là dim đường. Thật là một nỗi vui tâm hồn, một niềm khoái lạc, khoái lạc tuyệt vời. Tôi cúi xuống, lồng xuyến vào cổ tay kỳ diệu của nàng. Nhưng những chiếc bé nhất, dành cho trẻ em, cũng quá rộng với chiếc cổ tay nhỏ nhắn, trong trẻo. Sợ xuyến chạm làm đau làn da tinh khiết, tôi vội rút ra. Thấy tôi bối rối, nàng lại mỉm cười, hỏi :

– Chàng thấy gì? Tôi cụt tay chăng, hay bàn tay bè ra như chân vịt, hay cánh tay thô như tay hà mã?

– Ô, lạy Chúa! Thưa cô chủ của tôi, nàng có cánh tay tròn trịa, cổ tay xinh xắn như của em bé, ngón tay thon như của tiên nữ.

– Sao? ở nhà nhiều lần người ta cứ nói ngược lại với chàng. Thế ra người ta nói không đúng à? Giờ, chàng cho xem mấy chiếc vòng cổ và thẻ đeo ngực nào.

Không uống mà say, tôi vội đưa ra mấy chiếc vòng và thẻ đẹp và nhẹ nhất. Một nữ tỳ kinh cẩn vén tấm mạng để hở cổ và một phần bộ ngực cô chủ. Giời đất! Cổ trắng đá hoa, ngực lộng màu tuyết. Tôi vội ngảnh mặt, kêu: « Thôi, bỏ mạng xuống, bỏ xuống! »

Nàng hỏi.--Chàng không thử cho tôi à? Nhưng không sao. Tôi sẽ mua thứ khác. Xin hãy cho biết: Tôi xấu xí lắm à? Ngực sồ sề như trâu nái, đen đủi, lông lá sao? Hay gầy như cá ướp, dẹt như bàn bào thợ mộc.

– Lạy Chúa! Thưa nữ chủ! Đâu phải thế! Nàng có duyên thầm, nhan sắc kín đáo lắm.

– Thế mà có những kẻ cứ bảo rằng không gì ghê tởm hơn là hình thù giấu kín của tôi. Thôi được, chàng không bán vòng cổ cho tôi, thì có thể cho tôi mua một chiếc thắt lựng được không?

Tôi cho đem đến thứ thắt lưng bằng chỉ vàng, nhẹ và mềm nhất, và kín đáo đặt dưới chân nàng.

– Không được! Không được đâu, nàng nói. Chàng phải tự tay thắt thử vào lưng tôi xem sao.

Tôi phải nghe theo. Biết rằng cô linh dương ấy nhỏ nhắn, tôi chọn cái nhỏ nhất, hẹp nhất, thắt quanh lưng trên lần áo cùng chiếc mạng của nàng. Chiếc thắt lưng này được đặt làm để dùng cho một công chúa còn bé, thế mà vẫn rộng đối với nàng. Tôi đang lúng túng chưa biết tạ lỗi thế nào thì nàng nói:

-- Chắc hẳn hình thù tôi không ra gì, có hai cái bướu phía trước, hai cái phía sau, bụng quái dị, lưng như lưng lạc đà.

Tôi phân trần không phải thế thì nàng bảo:

– Hỡi chàng trai trẻ! Thế thì lạ thật vì ở nhà người ta thường chê tôi dị dạng như thế. Dù sao, không có chiếc thắt lưng nào vừa với tôi, tôi mong chàng bán cho một đôi hoa tai và một vành đai vàng giữ tóc.

Nói xong nàng vén mạng để lộ khuôn mặt như trăng rằm, đôi mắt Babylon như hai hạt trai, má hồng mẫu đơn, miệng nhỏ, môi thắm, hai hàm răng như đôi hàng ngọc. Tôi xúc động quá, nín thở, không bước nổi mà đi lấy hàng. Nàng cười nụ:

– Tôi hiểu chàng động lòng vì tôi quá xấu. Người ta vẫn nhắc rằng tôi có bộ mặt ghê tởm, rỗ chằng rỗ chịt, mắt phải chộ, mắt trái lác, mũi gồ, mồm thối, răng long, tai cụt, da ghẻ, tóc bù và bao nhiêu điều kinh tởm khó thấy bên trong.

Tôi đáp:

– Nữ chủ của tôi sao lại nói thế? Cầu chúa giữ cho nàng vẻ đẹp trông thấy, vẻ đẹp vô hình. Nàng huy hoàng, trắng như hoa nhài, hoa huệ, thơm như hoa hồng. Hạnh phúc thay kẻ nào được trông thấy nàng, được ngửi hương thơm từ nàng toát ra và được đụng trạm tới nàng.

Tôi nói xong, ngất ngây xúc động.

Thiếu nữ đa tình nhìn tôi, đôi mắt dài long lanh, mà nói:

– Than ôi! Sao cha tôi lại ghét bỏ tôi đến nỗi đã gán cho tôi bao vẻ xấu xí như tôi vừa kể. Chính cha tôi, chứ không phải ai khác đã khiến tôi nghĩ đến

những điều gọi là ghê tởm ở người tôi. Nhưng qua chàng, đức Ala đã chứng minh ngược lại. Bây giờ thì tôi tin cha tôi đừng dối tôi, chẳng qua là do ảo giác mà ông thấy mọi vật xung quanh đều xấu xí. Còn tôi, ông sẵn sàng bỏ đi, bán cho một tên lái buôn nô lệ đốn mạt.

— Cha nàng là ai vậy? hỏi nữ chúa của nhan sắc

— Là lão Trượng An Ixlam đó.

Tôi bồng bột:

— Thế ông cụ có thể để nàng lấy tôi hơn là bán nàng làm nô lệ không?

— Cha tôi là một người chân thực, có lương tâm ông vốn nghĩ con gái mình là một con quỷ dạ xoa, ông không cho lấy một anh trai trẻ như chàng đâu, sợ lương tâm cắn rứt. Nhưng chàng cứ thử hỏi xem Tôi sẽ chỉ cho cách nói.

Người thiếu nữ của tình yêu chân chính, nghĩ một lát, rồi tiếp:

— Thế này nhé: chàng đến hỏi, cha tôi chắc sẽ đáp: — Con ơi! mở mắt ra: con gái ta là một đứa bại liệt, què quặt, gù lưng... Chàng ngắt lời ngay mà rằng: «Cháu thích như thế! Cháu thích như thế!-« cha tôi sẽ tiếp: Là một đứa chột, lác, sứt tai, hôi thối khập khiễng, dị dạng, đái dầm, một đứa... Chàng lại ngắt lời mà rằng: «cháu thích như thế! cháu thích như thế!»

Tâu Bệ hạ, chỉ nghĩ đến việc có thể nói như thế về thiếu nữ của tình yêu, tôi thấy bất bình và cáu kỉnh. Nhưng đó là một thử thách phải trải qua mới có thể cưới được cô linh dương kiều mẫu ấy.

— Gay go quá! hỡi nữ chủ của tôi — tôi nói — Nghe cụ tả nàng như thế, có thể chết đi được. Nhưng đức Ala sẽ cho tôi đủ sức lực và can trường

Tôi hỏi thêm:

— Bao giờ tôi có thể đi gặp cụ?

— Mai, vào giữa buổi sáng. Đúng hẹn đấy!

Nàng đứng lên, cười từ biệt tôi mà về cùng bọn nữ tỳ. Tôi ngồi trong cửa hiệu, để lòng dõi bước chân nàng si mê và nóng đợi ngày mai.

Hôm sau, đến giờ, tôi như bay đến nhà cụ An Ixlam, xin gặp cụ, nói có việc rất cần. Cụ tiếp ngay, đáp lễ trân trọng và mời ngồi. Đấy là một cụ già vẻ đáng kính, râu trắng toát, dáng điệu đường bệ, nhưng trên mặt và trong con mắt, có một vẻ buồn rầu vô vọng, một vẻ đau đớn không phương cứu chữa.

— Đúng rồi.—tôi nghĩ — cụ mắc bệnh ảo giác về vẻ xấu xí! Cầu chúa chữa cho cụ!

Cụ mời lần thứ hai tôi mới ngồi, chào lần nữa, và nhắc lại lần thứ ba lời thỉnh cầu, mỗi lần đều kính cẩn đứng lên. Tỏ bày được sự lễ độ và phép lịch sự rồi, tôi ngồi xuống mép ghế, chờ cụ mở đầu câu chuyện.

Uống nước giải khát xong, sau vài lời về mưa nắng, cụ hỏi tôi đến có việc gì.

— Cháu đến cửa cụ—tôi đáp—về người thiếu nữ sau bức rèm nguyên trinh, về viên ngọc còn giữ giá lành, về bông hoa trong đài khiêm tốn, về tiểu thư cao quý, người trinh nữ lừng danh mà cháu, một kẻ không xứng đáng, ước ao được kết duyên bằng một hôn thú hợp pháp.

Tôi nhận thấy, mặt cụ già tôn quý bỗng xạm lại rồi vàng ra, đầu cúi xuống buồn bã. Chắc hẳn cụ đang chua sót nghĩ về cô con gái. Cụ thong thả ngửng lên, nói với một giọng buồn bã vô biên:

– Cầu đức Ala giữ mãi cho con tuổi thanh xuân và vẻ duyên dáng. Còn con gái lão, sau tấm màn nguyên trinh, thì thật vô vọng, không làm thế nào được đâu hỡi vì...

Tôi ngắt lời cụ đột ngột:

– Cháu thích thế! cháu thích thế.

– Cầu chúa phù hộ cho con! Nhưng con gái lão không hợp với một người trai trẻ đẹp đẽ, đáng yêu lực lưỡng và khỏe mạnh như con. Mẹ nó đẻ non, sau một vụ hỏa hoạn. Con đẹp và cân đối bao nhiêu thì nó xấu và quái dị bấy nhiêu. Con phải được rõ vì sao lão từ chối, nên phải tả hắn cho đúng, không muốn để con hiểu lầm. Chúa vốn trong lòng ta!

Tôi vội kêu:

– Cháu xin lấy nàng với tất cả những khuyết tật ấy. Cháu thích thế, hoàn toàn thích thế!

– Con đừng bắt một người cha, vì muốn giữ phẩm giá bên trong, phải dùng lời lẽ nặng nề, nói về con gái mình. Con cứ nài xin, lão phải nói rằng lấy con gái lão là lấy con quỷ ghê tởm nhất của thời đại. Vì đấy là một kẻ mà chỉ trông thấy...

Sợ phải nghe những điều kinh hãi, tôi vội ngắt lời đã nói lên với một giọng mà tôi đã để hết tâm hồn và mong muốn vào:

– Cháu thích thế, cháu thích thế! cha của chúng con ơi! Hãy tránh cho mình nỗi đau lòng phải nói nặng

về con gái. Vì cha muốn nói gì, muốn miêu tả ghê tởm thế nào, con vẫn tiếp tục được xin cưới nàng. Con có một ý thích đặc biệt về cái ghê tởm của cô con gái cha. Con xin nhắc lại, nàng thế nào, con nhận thế ấy và con thích, thích, thích.

Vị lão trượng nghe thế và hiểu rằng không gì lay chuyển được quyết định và ý muốn của tôi. Cụ vỗ hai tay vào nhau tỏ vẻ ngạc nhiên lạ lùng.

– Thế là trước Chúa và trước chàng – cụ nói – lão thấy lương tâm thanh thoát. Chàng chỉ có thể trách mình về hành động điên rồ này. Mặt khác, thánh dạy, không nên cản trở những điều ham muốn, nên lão bằng lòng.

Tôi sướng quá, hôn tay cụ và xin làm lễ cưới ngay hôm đó. Cụ thở dài đồng ý. Tức thì tờ hôn thú được viết có chứng nhận hợp pháp. Giấy ghi là tôi bằng lòng lấy người vợ với tất cả tật nguyền, những điều xấu xí ghê tởm. Và nếu vì một lẽ nào, tôi muốn ly hôn thì phải đền bù, trả cho vợ hai chục túi tiền, mỗi túi có một nghìn đina vàng. Tất nhiên tôi vui vẻ nhận, kể cả những điều khoản có thể khắc nghiệt hơn nhiều.

Xong hôn thú, bố vợ bảo nên ở lại nhà vợ, đưa vợ tàn tật tới nhà tôi xa xôi rất bất tiện. Tôi y lời và nóng lòng chờ giây phút được làm chủ tấm thân thiếu nữ tình tứ kia.

Tối đến, sau khi đọc kinh, tôi vào buồng hoa, hồi hộp. Đến bên vợ, tôi hé tấm mạng, lấy tâm hồn và con mắt nhìn mặt nàng. Và Chúa ơi, sao quỷ thế này! Cầu Chúa đừng bắt tôi phải chứng kiến.[3] Tôi thấy một con người xấu xí, ghê tởm, xộc xệch, đáng ghét buồn nôn, một con người chỉ có thể bắt gặp trong một cơn

ác mộng ghê ghớm. Con người này còn đáng sợ hơn con người mà thiếu nữ mô tả, một con quỷ, một mụn giẻ rách. Tâu bệ hạ nói đến không thể không tởm lợm đến lăn ra, bất tỉnh dưới chân Người. Tôi bịt mũi, quay mặt, để rơi tấm mạng xuống, rồi tìm một góc thật xa mà ngồi, bởi vì có là đứa ăn nồi thịt cá sấu cũng không dám để tâm hồn cọ xát với da thịt một đứa đã làm xấu mặt Hóa công đến thế.

Ngồi trong góc xó, mặt quay vào tường, tôi cảm thấy mọi nỗi buồn phiền, mọi đều đau xót. Tôi rền rĩ từ đáy sâu tâm hồn, mà nào có quyền nói một lời, phàn nàn một. Tôi tự ý lấy hắn mà. Chính tôi đã ngắt lời ông bố mà kêu « cháu thích thế, cháu thích thế » Tôi tự xỉ vả: « Đấy! cô gái của tình yêu tròn đầy! Ôi, chết đi! chết đi! chết đi! Ôi, đồ ngu si! đồ con bò ngờ nghệch, con lợn nặng nề! Lặng lẽ, tôi cắn ngón tay, tôi véo cánh tay. Một nỗi oán hờn lên men từng giờ từng phút suốt cái đêm số phận ấy. Tôi như bị hành hình trong những ngục tù tàn khốc!

Tảng sáng, tôi bỏ trốn, đến nhà tắm công cộng, tắm cho sạch hơi hướng người vợ đáng kính. Tôi chợp mắt một chút, đoạn trở về cửa hiệu, người choáng váng, không uống mà say.

Bạn bè, người quen biết nhân vật tai to mặt lớn trong phố, từng người, từng cặp, từng tốp đến chúc mừng. Họ vòi tiệc tùng bánh kẹo.

— Lạy Chúa! — họ nói — Chúng tôi nghĩ rằng vợ đẹp đã làm anh mất trí, quên mất bạn bè, cả những ràng buộc sơ đẳng. Nhưng không sao! Chúc anh vui vẻ.

Tâu Bệ hạ, tôi không hiểu họ nhạo báng hay thực bụng khen tôi. Không biết nên xử trí ra sao, tôi phác

một vài cử động, nói đôi ba câu chung chung, vô hại. mũi như ngạt cuồng nộ, mắt muốn tuôn lệ bất bình. Cứ như thế từ sáng đến giờ cầu kinh trưa. Giữa lúc ấy thì trước mặt tôi xuất hiện cô thiếu nữ của tình yêu tròn đầy, cô gái thật, cô gái đã tạo nỗi bất hạnh vừa qua, làm tôi đau khổ. Cô ta tiến về phía tôi, tươi cười giữa đám năm nô tỳ. Cô bước nhẹ nhàng, đung đưa tình tứ, váy áo thướt tha, mềm mại như một cành bần non tơ trong một khoảng vườn hương thơm phức. Cô ta ăn mặc lộng lẫy hơn hôm nọ, dáng đi uyển chuyển quá khiến dân phố, muốn nhìn rõ đứng nép thành hai hàng bên đường cô đi qua. Vẻ ngây thơ như con trẻ, cô ta bước vào cửa hiệu của tôi, chào tôi duyên dáng hết sức, vừa ngồi vừa nói:

– Hỡi ông chủ Etđin của em, mong hôm nay là ngày chúc phúc của chàng. Cầu Chúa gìn giữ cho chàng của cải, hạnh phúc, giúp chàng được vạn sự như ý. Chúc chàng vui, vui!

Tâu Bệ hạ, vừa nhìn thấy cô ta, tôi đã chau mày, thầm nguyền rủa. Khi thấy y táo tợn đùa cợt tôi, khiêu khích tôi thì tôi không chịu được nữa. Thói thô bạo ngày trước, khi tôi còn là con người đức hạnh, trở lại với tôi. Tôi chửi:

– Mi là một cái chảo nhựa thông, cái xoong hắc ín, cái giếng điêu ngoa! Ta đã làm gì mi mà mi đối xử với ta đen tối như thế, ném ta xuống vực sâu không lối thoát? Cầu đức Ala nguyền rủa mi, nguyền rủa cái khoảnh khắc ta gặp mi, bôi tro trát trấu vào mặt mi, hỡi con đĩ kia!

Cô ta vẫn giữ vẻ bình tĩnh, cười, hỏi:

– Thế nào, anh chàng phẻng phẻng kia?

Anh quên tội của anh đối với ta rồi sao, quên lời chửi rủa bài thơ tình của ta, quên cách cư xử tồi tệ với đứa bé gái da đen cầm thơ đến, chửi rủa hắn mà rồi thưởng công cho nó một cái đá, quên lời chửi rủa người nhắn gửi hắn về nói với ta?

Nói xong, cô ta cúi nhặt lấy mạng đứng dậy đi về

Tâu Bệ hạ, tôi hiểu rằng, ác giả ác báo, đấy sự lỗ mãng trước kia thật tai hại, rằng sự dụng ý đạo đức thật đáng ghét, dụng ý mộ đạo là không thể tha được. Tôi liền quỳ xuống chân thiếu nữ, xin nàng tha thứ

– Tôi có tội, tôi có tội, quả là có tội! Tôi nói.

Và tôi nói những hạt mưa trong sa mạc nóng bỏng. Cuối cùng nàng dừng bước, bằng lòng tha thứ cho tôi.

– Lần này ta tha cho Nhưng đừng có tái diễn – nàng nói.

Tôi hôn gấu áo nàng, lấy vạt áo nàng che lên mặt mà rằng:

– Nữ chúa của tôi! xin nàng cứu với, tôi là nô lệ của nàng, chờ nàng giải thoát về chuyện gì, hẳn nàng đã rõ.

Nàng cười:

– Ta đã nghĩ đến. Ta đã buộc vào thì cũng có thể cởi ra.

– Lạy Chúa! thế thì xin nhanh cho.

– Chàng hãy nghe đây. Theo đúng lời ta dặn, có thể ly hôn dễ dàng. Thế này nhé: Chàng hãy đến phía chân thành, tìm lấy mấy gã làm những trò leo dây, múa rối, bán thuốc rong, nhăn mặt làm hề, nhảy múa, đất

khỉ. dắn gấu làm trò, mấy gã thổi sáo, đánh trống thổi kèn. Chàng thuê họ đến ngay lâu đài của vị lão trượng An–Ixlam bố vợ chàng. Chàng sẽ ngồi ở bậc thềm, trà nước với ông cụ. Họ đến chào chàng, chúc tụng mà nói:

– Hỡi người anh em, máu mủ, ruột rà, chúng tớ xin chia vui với anh ngày vui duyên mới. Chúng tớ rất thỏa mãn về việc anh được nhắc lên một địa vị cao quý. anh thấy chúng tớ thì xấu hổ, còn chúng tớ thì hãnh diện được là bà con với anh. Dù anh có quên họ quên hàng, mà đuổi cổ chúng tớ, chúng tớ cũng sẽ chẳng cút nào, vì anh là người thân thích họ hàng mà

Lúc ấy chàng vờ lúng túng vì dính líu bà con với họ, rồi để cho họ bỏ đi, anh cứ vốc hàng nắm bạc hàng nắm đina vàng mà vung vãi cho họ. Thấy thế cụ An Ixlam nhất định sẽ hỏi, thì chàng hổ thẹn, cúi đầu đáp:

– Con phải thú thật với cha thôi, vì họ hàng con đã kéo đến đây. Bố con trước đây là một kẻ dạy khỉ luyện gấu làm trò kiếm ăn. Về sau nhờ lượng đức Bàn Ân, chúng con có được chút ít tài sản nên cũng được các vị thương nhân cùng nghiệp đoàn của họ nể vì

Ông cụ sẽ hỏi:

– Thế ra chú là con cái phường hề, thuộc bọn múa rối leo dây, bọn làm trò khỉ đấy nữ!

Chàng sẽ đáp:

– Không lẽ vì tình yêu và danh dự của con gái cha mà con lại khước từ nguồn gốc, họ hàng mình. Máu không thể khước máu, suối không thể khước nguồn

Chắc chắn ông cụ sẽ bảo chàng:

– Chú trẻ người kia! Thế thì không môn đăng hộ đối rồi. Chú đã giấu ta về dòng dõi. Chú không thể là chồng cô gái con vị lão trưởng An Ixlam, thủ lĩnh tối cao của những vị chánh án, vị thủ lĩnh nắm pháp luật trong tay, một hoàng thân vương mà tổ tiên là bà con với vị truyền đạo của đức Ala! Con gái của vị lão trưởng, dù đức Ban Ân có quên chiếu cố đến cũng không thể rơi vào tay một tên làm trò múa rối

Chàng sẽ nói:

– Nhưng con gái cụ là vợ hợp pháp của tôi, mỗi sợi tóc của cô ta đáng nghìn cuộc sống của người khác. Lạy chúa! tôi chỉ bỏ vợ nếu cụ cho tôi tất cả các vương quốc trên thế gian này.

Nhưng rồi chàng dịu dần và khi cụ nói đến ly hôn chàng ung dung mà gật gù. Rồi trước mặt cụ An Ixlam cùng hai người làm chứng, chàng sẽ đọc ba lần bản ly hôn. Và thoát rồi, chàng trở lại đây tìm ta. Chúa sẽ thu xếp cái cần thu xếp.

Nghe lời thiếu nữ của tình yêu tràn đầy, tôi thấy nở nang lòng dạ, kêu lên:

– Hỡi vị hoàng hậu của thông minh và nhan sắc tôi xin nhất nhất tuân lời.

Tôi để nàng ngồi lại cửa hàng, đến chỗ chân thành, tìm gặp thủ lĩnh phường hội bọn làm nghề múa rối, leo giây, dạy khỉ, luyện gấu, đánh trống, thổi kèn... tiền đình để y giúp. Tôi hứa sẽ trả công rất hậu. Được y nhận lời, tôi đi trước đến nhà cụ An Ixlam. Hai người ngồi trên thềm, trước sân.

Đang cùng cụ vừa đàm đạo, vừa uống nước mát mới khoảng gần một giờ thì bỗng, từ phía cổng lớn đã ngỏ, đoàn họ ào đến : Hàng trước là bốn gã làm trò leo giây, đầu chúc xuống đất, bốn gã làm trò múa rồi đi kiễng trên đầu bàn chân, bốn kẻ làm xiếc đi bằng hai tay. Tiếp đến là một bọn hoa chân múa tay, nhảy nhót, đánh trống, thổi kèn, huyên náo khác thường. Vào sân, họ dàn thành hai hàng đứng hai bên giữa là khỉ và gấu. Bỗng vang lên một tiếng kèn dữ dội, tất cả lặng bặt như có phép thần thông. Tên cầm đầu tiến đến chân thềm và nhân danh bà con họ hàng tôi tụ tập lại đây, y dõng dạc chúc tôi thịnh vượng, sống lâu, nói một thôi như tôi đã dạy y nói.

Rồi sự việc diễn ra đúng như thiếu nữ trù liệu.

Thế rồi, chẳng buồn chào người đã là bố vợ tôi trong một đêm, tôi ba chân bốn cẳng, không quay nhìn lại, chạy về cửa hiệu, thở không ra hơi.

Người thiếu nữ của tình yêu tràn đầy, vẫn ngồi chờ đấy. Nàng chào tôi ngọt ngào, lịch sự khen tôi mà nói :

— Bây giờ đến lượt chúng mình xum họp với nhau, chàng nghĩ thế nào, hỡi vị chủ nhân của em ?

Rồi nàng cho mời viên chánh án cùng chứng nhân đến để làm tờ hôn thư.

Chúng tôi sống với nhau ba mươi đêm ba mươi ngày cho đến một hôm tôi kiệt sức thì nàng bảo : — Chàng phải nghỉ. Ta để chàng nghỉ.

Tôi mệt quá, không nghe gì thêm, lăn quay ra đất như một con lừa không giây.

Tỉnh lại thấy bị xích trong nhà điên này cùng hai bạn là hai chàng thanh niên tôn kính đây. Hỏi người canh gác thì họ đáp:

– Để chú mình được nghỉ, để chú mình được nghỉ.

Giờ thì tâu Đức Vua, tôi nghỉ đủ rồi, người khỏe khoắn lắm. Xin Bệ hạ mở lượng thu xếp cho tôi được sum họp với thiếu nữ của tình yêu tròn đầy. Còn nàng tên gì, làm gì, quả tôi không biết. Chuyện được sắp xếp có đầu có đuôi và tôi đã kể hết.

Vua Mátmút và Tể tướng – vị vua – giáo sĩ cũ – nghe chuyện kể minh bạch, rõ ràng, của người thứ hai thì ngạc nhiên lắm. Vua nói:

– Nghe chuyện xong, dù ngươi có bị giam một cách hợp pháp, ta cũng giải thoát cho. Nhưng ngươi có thể dẫn chúng ta đến lầu của người thiếu nữ không?

– Nhắm mắt, tôi cũng dẫn đến được.

– Vua sai chặt xiềng cho chàng, bảo đi trước dẫn đường để vua, Tể tướng và vị nội thần – người điên thứ nhất – theo sau. Bốn người sắp đi thì người điên thứ ba nói: – Trước khi đi xin các vị hãy nghe chuyện của tôi đã hỏi nó kỳ lạ hơn câu chuyện của hai người bạn tôi kia. Nhưng vua phán:

– Cứ yên tâm, chúng ta sẽ chóng trở lại.

Họ đến trước cổng một tòa lâu đài, mà nhác trông vua đã vội kêu:

– Trời! Quỷ chưa? Các bạn ơi! tòa lâu đài này là nơi ở của công chúa thứ ba, con cố vương đây mà! Số phận thật diệu kỳ, Đáng ngợi ca thay Đấng cho sum họp cái đã chia ly tái tạo cái tan lìa

Vua vào, ba người theo sau. Công chúa được báo ra đón, hôn tay vua, chồng của chị nàng, và chờ lệnh Vua phán.

— Cô em vợ của ta! ta đem theo chồng của cô đây một gã trai tráng khỏe mạnh mà ta phong ngay làm vị nội thần thứ hai của ta. Từ nay, chàng sẽ là bạn cùng ăn cùng uống với ta. Ta đã rõ chuyện, biết sự ngộ nhận giữa hai người. Giờ thì chuyện ấy sẽ không xảy ra nữa, vì anh chàng đã được nghỉ ngơi, vui khỏe rồi!

Nàng đáp:

— Em xin tuân lời vua anh. Chàng đã được nhà vua che chở và bảo lĩnh, lại được biết chàng đã khỏe, em bằng lòng tái hợp với chàng!

— Mong cô được nhiều ân huệ. Cô đã nhấc đi một tảng đá đè nặng trên ngực ta! Chỉ xin em để chàng đi một lát vì chúng ta còn phải nghe một câu chuyện có thể là phi thường.

Vua từ biệt, đi cùng với chàng trai đã thành nội thần thứ hai của vua, cùng Tể tướng và vị nội thần thứ nhất.

Đến Marixtân, họ vừa ngồi xuống trước mặt người trẻ tuổi thứ ba đang chờ canh lửa cháy, vẫn bị xiềng ở cổ. Chàng ta liền kể ngay chuyện mình.

IV – CHUYỆN NGƯỜI ĐIÊN THỨ BA

Tâu Bệ hạ và thưa quan Tể tướng cùng hai vị nội thần, hai người bạn tù cũ, chuyện tôi không giống hai

chuyện vừa được kể. Hai bạn tôi bị các cô nàng quyến rũ, còn tôi thì khác. Và lại các ngài sẽ tự xét đoán lấy

Tôi mồ côi cha mẹ lúc còn bé được mấy người hàng xóm đem về nuôi. Họ cũng nghèo như bố mẹ tôi, nên tôi không được đi học, suốt ngày lang thang ngoài phố, đầu không mũ, chân không giày, chỉ có núc chiếc áo lót màu xanh che thân. Được cái tôi kháu khỉnh. Người qua đường thấy tôi chơi dưới trời nắng chang chang thường dừng bước ngắm nghía. « Chà ! thằng bé đẹp như một mảnh trăng – họ tấm tắc – Cầu đức Ala tránh cho nó những điều không hay ! » Có người còn mua cho bánh đậu, kẹo kéo, thứ kẹo có thể kéo dài như một sợi giây. Họ tát yêu vào má, xoa nhẹ nhúm tóc trên chỏm đầu tôi. Tôi há miệng thật to, nuốt chửng bánh kẹo. Ai thấy cũng ngạc nhiên còn bọn trẻ chơi với tôi thì trố mắt nhìn, thèm thuồng. Và cứ thế cho đến năm tôi mười hai tuổi.

Một hôm, tôi cùng mấy bạn thường ngày đi kiếm tổ chim cắt và tổ quạ trên nóc mấy nhà bỏ hoang, thì bỗng thấy về phía cuối vườn, trong một túp lều lợp bằng cành lá cọ, hình thù bất động của một người, chắc là ma, quỷ – tôi nghĩ – vì nhà hoang hay có chúng này. Tôi dâm hoảng, trườn xuống mà chạy, cho nhanh. Nhưng từ căn lều, bỗng nghe một giọng nói rất dịu dàng : « Chú bé xinh đẹp, sao lại chạy trốn ? Đến đây mà nghe lời hay. Đừng sợ. Ta không phải là ma là quỷ mà là người, một người sống độc thân và mơ mộng. Đến đây, hỡi chú bé, ta sẽ dạy khôn cho « Tôi đang chạy bỗng dừng lại như có một sức mạnh vô hình giữ lấy chân. Tôi trở lui lại căn lều. Giọng nói vẫn tiếp tục : « Đến đây, chú bé xinh đẹp ! đến đây ! » Tôi

bước vào. Hình thù bất động nọ là một cụ già rất xưa; chắc tuổi nhiều vô kể. Nhưng gương mặt vẫn sáng như thái dương.

— Chào chú bé mồ côi đến để hưởng sự dạy dỗ của ta — cụ nói — Ta sẽ là cha, là mẹ của con. Cụ cầm tay tôi nói thêm: Con sẽ là môn đồ của ta, và một ngày kia, sẽ là thầy của những môn đồ khác. Nói rồi cụ hôn tôi, kéo ngồi xuống cạnh và bắt đầu ngay việc dạy bảo. Lời nói ngọt, bài giảng hay, đã chinh phục tôi. Tôi không chơi đùa nữa, bỏ hết bạn bè. Cụ quả là bậc cha mẹ. Tôi kính trọng, mến yêu, hoàn toàn qui phục. Năm năm trôi qua, tôi đã có được một vốn học vấn cao, kiến thức nhiều. Nhưng, tâu chúa công, kiến thức không được gây vào đất tốt, cũng chẳng ích gì. Chỉ một nhát cào cuồng vọng là gọt hết lớp màu mỡ bên trên, để trơ lại lớp khô cằn, không sinh sản.

Chẳng bao lâu, tôi tự nghiệm thấy đúng như thế. Một lần, thầy tôi, vị hiền nhân lão thành ấy, cho tôi đến sân giáo đường quyên giáo. Lúc về tôi gặp một đám quan thị theo hầu một thiếu nữ, mắt xanh trong như chứa cả một vùng trời. Bọn theo hầu dùng mỗi người một chiếc gậy dài gõ lên vai người qua đường để họ tránh sang một bên, dọn lối cho thiếu nữ. Tôi nghe, quanh tôi, người ta kháo nhau: «Công chúa! con gái đức vua! công chúa, con gái đức vua!».

Tâu chúa công! tôi về đến chỗ thầy ở lòng xúc động, dạ rối bời. Thế là tôi đã quên lời thầy dạy, quên năm năm trời học khôn, quên hết phép tắc thoát trần. Thầy nhìn tôi, buồn bã. Tôi rưng rưng nước mắt. Suốt đêm, hai người bên nhau mà không nói với nhau một lời. Sáng dậy, hôn tay thầy xong, theo thường lệ tôi nói:

– Thầy là cha, là mẹ, con xin thầy tha thứ cho tên học trò không xứng đáng này. Nhưng nhất thiết con phải gặp lại công chúa dù chỉ để được nhìn nàng.

– Con hỡi! lòng con đã muốn thì con sẽ gặp. Nhưng con phải nghĩ đến khoảng cách giữa kẻ sống một mình để học khôn với các bậc vương giả trên đời. Hỡi con của cha, của mẹ, đứa con ta yêu dấu, con quên rằng người khôn tránh giao thiệp với phụ nữ, nhất là phụ nữ con cái nhà vương giả sao? Thế ra con đã khước từ sự yên ổn về tâm hồn? Con muốn ta phải chết, để chết mất người cuối cùng biết giữ gìn phép sống độc thân? Con hỡi, không gì giàu có bằng lòng thoát tục, không gì đáng hài lòng bằng sống độc thân.

Thầy nói vậy, nhưng tôi vẫn khẩn khoản:

– Hỡi thầy là cha, là mẹ con, không được nhìn lại công chúa, dù chỉ một lần thì con chết mất.

Thầy tôi vốn yêu người học trò mình, thấy nó buồn chán, bèn hỏi:

– Này con, chỉ nhìn công chúa mà thỏa nguyện được mọi điều ham muốn?

– Đúng thế đấy ạ! Tôi đáp.

Thầy tôi đến cạnh tôi, thở dài, rồi lấy một chất cao xoa lên phía trên mắt và thế là một phần thân thể biến đâu, chỉ còn trông thấy một nửa, một khúc tròn tròn biết cử động.

– Giờ con đến giữa thành phố – thầy nói – và sẽ đạt được sở nguyện.

Tôi vâng lệnh, trong nháy mắt, biến đến một quảng trường. Một đám đông vây lấy tôi, người nào cũng nhìn lấy làm lạ. Từ khắp mọi nơi, người ta đổ đến xem cái vật kỳ lạ, nửa thân người mà cử động nhanh nhẹ khác thường. Tiếng đồn về chuyện lạ, bay khắp thành phố, đến tận nơi cung điện có công chúa ở cùng thái hậu. Cả hai, ham lạ, sai quan hầu đến bắt tôi đem về trước mặt. Tôi bị dẫn đến hậu cung để hai vị được xem mà tôi được nhìn. Xong, họ lại sai đưa trả tôi về chỗ cũ.

Thấy lòng đau khổ tâm trí rối bời hơn, tôi về căn lều tìm thầy. Thầy tôi đang nằm trên một chiếc chiếu, ngực lép lại, mặt vàng như người hấp hối. Tôi mải nghĩ đến chuyện khác nên không chú ý lắm đến sức khỏe của thầy. Thầy hỏi tôi có được thấy công chúa không.

— Thấy rồi ạ — tôi thưa — nhưng thà chẳng thấy cho xong. Từ nay, không được ngồi cạnh nàng, no nê ngắm nghía thì lòng con không bao giờ được yên.

Thầy thở dài :

— Hỡi đệ tử mến yêu! ta rất sợ con sẽ không được bình tĩnh nữa. Những kẻ sống cô đơn và những người quyền thế nào có liên quan gì với nhau cho cam!

— Thầy mà con coi như cha! tôi đáp — Nếu con không được cùng nàng đầu sát đầu, không được nhìn thấy nàng, được sờ vào cái cổ xinh xắn, của nàng thì con sẽ khổ biết chừng nào, đến chết vì thất vọng thôi.

Thày tôi, vì yêu tôi lo cho sự minh mẫn của trí óc, sợ cho sự êm ấm của tâm hồn tôi, khóc thành tiếng mà bảo:

– Con yêu quý, con nhiều sinh lực mà lại quên rằng phụ nữ làm rối lòng, làm bại hoại người ta. Thế thì hãy đi mà thỏa nguyện ước mong. Nhưng hãy cho thày ân huệ cuối cùng: đào hố chôn thày nơi đây, không cần khắc bia tạc đá làm gì. Hãy cúi xuống đây, thày làm phép cho.

Thày tôi lấy một thứ bột phấn đen xoa lên mắt tôi:

– Phấn này làm cho con thành vô hình. Bây giờ thì con có thể đạt được mục đích, không phải sợ hãi gì. Cầu đức Ala phù hộ, tránh cho con những cạm bẫy mà bọn phụ nữ quỷ quái chăng đón khách cô đơn!

Nói xong, thày tôi tắt thở. Tôi chôn vào cái hố đào trong căn lều. Xin chúa hãy thương cụ. Xong việc, tôi chạy như bay đến hoàng cung. Tôi tàng hình, không ai trông thấy, vào thẳng hậu cung, đến buồng công chúa. Nàng đang ngủ trưa trên giường, chỉ mặc một chiếc áo lót mỏng bằng lụa Môtxun. Suốt đời chưa được chứng kiến cảnh như thế bao giờ, tôi thú quá, quên hết, thét lên! Tiếng kêu đánh thức công chúa. Nàng hé mắt, khẽ cựa. Không hiểu sao tôi lại gần, véo nàng một cái. Nàng vội nhảy xuống giường kêu thất thanh. Mọi người chạy đến. Không thấy ai, họ tưởng có ma quỷ. Bà nhũ mẫu, mũi thính, nói:

– Tôi ngửi trên người công chúa thấy có mùi một hung thần.

Bà bèn gọi bọn nô lệ đem phân súc vật vào.

Lát sau một thúng phân được mang đến. Bà cho cuộn hết thảm lại, đổ phân ra đốt. Khói bay mù mịt. Bà lầm rầm những lời khó hiểu, vẽ lên những hình quái gở trong không. Mùi phân xông đầy căn buồng khiến nước mắt tôi chảy ràn rụa. Thấy khó chịu tôi lấy vạt áo lau, quên rằng lau đến đâu, hết phấn đến đấy và da thịt lộ ra. Tôi cũng lại quên không đem cho thật nhiều phấn. Bỗng tôi nghe bà mụ già thét lên ba tiếng, tay cùng chỉ về phía tôi:

– Hung thần kia! Đấy! Đấy!

Bọn quan thị ùa cả vào, tóm lấy tôi, định giết. Tôi thét, dữ tợn:

– Các ngươi đụng đến ta, ta sẽ gọi các hung thần anh em ta đến. Họ sẽ giết sạch, kéo đổ tòa lâu cho chết hết.

Họ sợ, không giết mà chỉ trói lại. Bà nhũ mẫu sai dẫn tôi tới đây xích cổ, đóng đinh vào tường. Tôi được gặp hai ông bạn, bây giờ đã là hai vị quý nội thần của Bệ hạ. Tâu chúa công, chuyện tôi như thế đấy. Tôi dám mong Chúa công và đức Ala cho tôi thoát khỏi đây, muốn đi đâu cũng được miễn là không phải

chỗ đóng đinh này. Và tốt nhất là cho tôi được kết duyên với nàng công chúa mà tôi say mê như điên như cuồng.

Vua Matmút nghe xong, quay nói với Tể tướng.

– Số phận đã dẫn dắt hoàng gia ta như thế đấy. Vì nàng công chúa đây là con gái út của cố vương – hoàng phụ vợ ta. Bây giờ thì việc nên diễn ra như thế nào, cứ cho diễn ra như thế.

Ngài nhìn chàng thanh niên, nói:

– Chuyện của người quả là thú vị. Ngươi không xin cưới công chúa, ta cũng gả vì hài lòng về chuyện ngươi kể.

Lập tức, Ngài cho chặt xiềng.

– Từ nay, ngươi sẽ là vị nội thần thứ ba của ta. Ta sẽ cho tổ chức ngay lễ cưới.

Chàng thanh niên hôn tay đức vua rộng lượng. Mọi người ra khỏi nhà điên đến hoàng cung. Nhân dịp hai vụ dàn hòa trước và hôn lễ hôm nay, nhà vua cho mở đại tiệc với nhiều trò vui chung. Dân chúng trong thành, lớn bé đều tham dự những bữa tiệc tổ chức suốt trong bốn mươi ngày đêm.

Mọi người sống êm đềm trong tình thân ái cho đến lúc mãn chiều xế bóng.

∴

— Tâu đức vua đầy hồng phúc, Saradát nói tiếp, đấy là câu chuyện rắc rối về người con ngoại tình đáng mến, nhà vua trở thành giáo sĩ lang thang, sau là Tể tướng của vua Mátmút, và những câu chuyện đến với ngài và ba chàng thanh niên bị nhốt trong nhà điên. Nhưng đức Ala cộp vĩ đại, khoan hồng và thông thái hơn.

Nâng lại tâu. Nhưng chuyện thú vị còn nhiều. Thiếp sẽ xin kể tiếp.

Hết tập IX

MỤC LỤC

	Trang
1. Truyện chàng Kama và nàng Halima thông thạo *Nguyễn Trác dịch*	5
2. Truyện cái chân cừu *Nguyễn Trác dịch*	43
3. Những chiếc chìa khóa của số phận *Nguyễn Trác dịch*	54
4. Những truyện vui nhẹ nhàng và sự khôn ngoan vui vẻ *Nguyễn Trác dịch*	85
5. Truyện nàng Ngọc Trai *Nguyễn Trác dịch*	139
6. Hai thân thế của vua Mátmút *Tấn Khang dịch*	162
7. Kho vàng không đáy *Tấn Khang và Nguyễn Trác dịch*	173
8. Truyện rắc rối về một người con ngoại tình đáng yêu *Nguyễn Trác dịch*	200

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÝ HẢI CHÂU
Biên tập nội dung:
NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG
Trình bày sách: TRẦN KHOÁT
Trình bày bìa: NGỌC BỘI
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ MỸ

• • •

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM
TẬP IX
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
VÀ TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC
LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

In 30.000 cuốn khổ 13 × 19
Tại xưởng In Bưu điện
Số in 583 Số xuất bản 31/VH
Xong và gửi lưu chiểu
ngày 25 tháng 1 năm 1989

SÁCH HỢP TÁC XUẤT BẢN VỚI NƯỚC NGOÀI (1988 – 1989)

ĐÓN ĐỌC:

PHÁP

- SƠN CA
  Kịch — J. ANUI
- IM LẶNG CỦA BIỂN
  Truyện vừa — VERCO
- RUỒI
  Kịch — J.P.XART'RƠ
- DỊCH HẠCH
  Tiểu thuyết — A.CAMUY

ẤN ĐỘ

- SỬ THI RAMAYANA
  Nhiều tập

ÔXTRÂYLIA

- CÂY NGƯỜI
  Tiểu thuyết — P.OAITƠ
- TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC
  HENRYLOXƠN

NHẬT BẢN

- TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC — R.AKUGATAOA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

T9

Giá: 1500đ.00